

Asia
AP
95
V6
7877
44
1959

福



PH. TĂNG 59

check ARR 6654

Tự Do
XUÂN KỶ HỢI

Asu
AP
95
V6
T877
11
1959

NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA CHÚNG TA

PHẠM - VIỆT - TUYỀN



ÁCH ĐÂY mấy tháng, một kỹ giả người Âu, vừa đi nghiên cứu tại chỗ về hình hình lục địa Trung hoa và miền bắc vĩ tuyến 17 của Việt Nam trở về, trong một lúc vui câu chuyện, thỉnh thoảng đã nói với chúng tôi rằng :

* Các bạn tha thiết với vấn đề thống nhất đất nước của các bạn làm ư ? Tôi có cảm tưởng rằng Bắc Việt đang dần dần biến thành một tỉnh lẻ của Trung cộng ! Và nếu đã vậy các tiếp tục thì đến khi các bạn có thống nhất được đất nước, đồng bào của các bạn ở Bắc Việt cũng chỉ còn lại một phần nhỏ là người Việt Nam *.

Câu nói trên đây của một nhà quan sát quốc tế có chứa đựng một phần nào sự thực. Quả nhiên, từ ngày lập quốc, dân tộc chúng ta dù muốn dù không, vẫn phải mang nặng ở trên đầu một hiểm họa vô cùng ghê gớm, to lớn và nặng nề như tất cả một trái núi không lồ : hiểm họa bị Trung hoa thôn tính. Trải qua các thời kỳ lịch sử, đã nhiều lần đất nước chúng ta bị một thiểu số người Trung hoa có khuynh hướng thực dân coi như là một quận huyện của họ, nhưng thường thường phần đông nhân dân Trung hoa đã không công nhận ý định ngông cuồng ấy và xem đó như một cái làm lớn, một cái làm quai gở. Ngày nay, khuynh hướng thực dân của thiểu số nổi trên án nhíp với chủ trương đế quốc của các đảng cộng sản, lại thừa cơ thời cuộc thế giới và tình thế của nước ta, mặc dù không được sự đồng tình của phần lớn nhân dân Trung hoa, mặc dù gặp sự phản kháng sâu rộng trong toàn thể đồng bào ta, đang rắp tâm biến miền Bắc nước Việt thành một tỉnh lẻ của Trung cộng và mưu toan thôn tính nốt miền Nam thân yêu này.

Đó là vấn đề số một của chúng ta, vấn đề vô cùng nghiêm trọng mà toàn thể nhân dân Việt Nam, dù người Bắc, dù người Trung, dù người Nam, dù vẫn sống ở trên giải đất từ Cà mau tới Ải bắc, dù còn đang trú ngụ ở ngoại quốc, nếu còn trung thành với tổ tiên, nếu biết lo lắng cho các thế hệ hậu lai, thì hết thảy đều phải quan tâm.

Sau vấn đề số một nói trên có tính cách đối ngoại là một vấn đề đối nội : Việt Nam là một nước nhỏ, chậm tiến do một trăm năm ngoại thuộc, lại bị tàn phá về mọi mặt do hàng chục năm chiến tranh. Vấn đề số hai này cũng hết sức quan trọng, nếu không hơn thì hẳn là chẳng kém gì vấn đề số một trên kia.



Đề đối phó với những đe dọa xâm lăng của cộng sản và đề trừ tính công cuộc quật cường trong nội bộ nước nhỏ, chúng ta có những yếu tố tinh thần và vật chất nào ?

Xét về mặt quốc tế, vấn đề chống đối cộng sản cũng như vấn đề quật cường quốc gia của Việt Nam ngày nay liên quan rất nhiều với một trận tự do dân chủ thế giới và với chương trình liên hiệp chung của toàn thể nhân loại. Thực vậy, hoàn cầu càng ngày càng có thể coi như là đang thu nhỏ lại, do những tiến bộ về khoa học và kỹ thuật. Do sự kiện ấy, các nước ở trên thế giới, dù lớn dù nhỏ, không tài nào có thể đứng lẻ loi. Chính vì thế mà nhân dân các nước tiên tiến về mặt cơ khí cũng tự nhận thấy có bổn phận sẵn sàng tới đời sống của nhân dân các nước hậu tiến về mặt kỹ, nhiều khi lại là những nước có một nền văn hóa lâu đời và thâm thúy. Nhân loại là một xã hội duy nhất, ở trong đó không dân tộc nào có thể « ăn mánh », không một quốc gia nào có thể yên trí sống sung sướng riêng lấy một mình mà thôi. Cùng với những quan niệm tiến bộ và rộng rãi đó về sự cường thịnh, về sự tiến hóa, về hạnh phúc và hòa bình, toàn thể nhân loại ngày nay, đều phải bàn khoăn trước một chủ nghĩa sai lầm, đều phải khắc khoải trước những thí nghiệm vô nhân đạo của một thiểu số người, mệnh danh là cộng sản. Phần đông nhân loại, dù sống trong các nước cộng sản như Tiệp, dù sống trong các quốc gia khó tránh khỏi nhiều tai vạ ! Riêng đối với Cộng hòa Việt Nam, sự liên kết với các nước dân chủ bạn, chẳng hạn như khối Minh ước Đông Nam Á, bảo đảm cho chúng ta một phần đối với mối họa Trung cộng ; còn sự viện trợ tinh thần và vật chất của các nước bạn trong Thế giới Tự do là điểm tựa của chúng ta trong công cuộc quật cường của dân tộc.



Nhưng, đề tồn tại trước những đe dọa ở bên ngoài tới, đề vượt qua những khó khăn do các thời kỳ quá vắng lưu lại mà quật cường, ta không thể chỉ nhờ và ở sự viện trợ hoặc liên kết với các nước bạn mà cũng không thể chỉ trông chờ ở ngẫu nhiên hoặc ở thiên mệnh tùy theo quan niệm, mặc dù, từ năm 1954 đến nay, vận mạng của nước ta một phần lớn đã nhờ ở các may mắn của thời cuộc quốc nội và quốc tế. Cách ngôn cổ câu : « Hỷ tự giúp mình, rồi trời sẽ giúp cho ». Chúng ta phải tìm mọi cách đề tự cứu khỏi những hiểm nguy và tự tạo cho mình những điều kiện để sống còn cùng tiến bộ.

Về những nỗ lực tự cứu và tự tạo, trước đây chúng ta đã làm được những gì ? Và, hiện nay, chúng ta cần phải đặc biệt cố gắng ở những điểm nào ? Trong phạm vi bài này, có lẽ chỉ có thể nêu lên một vài điểm quan yếu hơn mà thôi.

Về những thành tích đã thu lượm được trong năm vừa qua, các văn kiện của Chính Phủ đã làm tổng kết. Ở đây, thiết nghĩ chỉ nên nhận định thêm rằng : những kết quả ấy dù sao cũng hãy còn chưa mỹ mãn, một phần là bởi tại các công cuộc lớn lao không tài nào thành tựu được trong một thời gian quá ngắn. Tuy nhiên chúng ta cũng có thể lạc quan ít nhiều vì nhận thấy rằng : trong năm qua, chính phủ đã dám can đảm nhìn vào các khó khăn và nhiều khi cũng đã thẳng thắn tuyên bố những khó khăn đó ra cho toàn thể đồng bào được biết, chứ không còn nhất thiết muốn tuyên truyền hoa mỹ như trước nữa. Về phía nhân dân, trong năm qua, dân chúng cũng đã nhận ra rằng : không thể ỷ lại vào chính quyền, phải tự mình tìm lấy lối thoát và, khi có thể được, thì hợp tác với chính quyền để giải quyết các vấn đề khó khăn phức tạp chung.



Nhật Báo TỰ DO

**TRÂN TRỌNG CHÚC QUÍ VỊ ĐỘC GIẢ
THÂN MẾN MỘT NĂM MỚI HẠNH
PHÚC VÀ THẮNG LỢI.**

Điều đáng quan tâm là có một ít căn bệnh làm giảm thiện chí của nhà nước và làm nhụt thành tâm của nhân dân, nên chỉ nhiều lúc các cố gắng chưa mang lại được những kết quả mong muốn. Những căn bệnh ấy là gì? Đại khái, người ta nhận thấy ba khuyết điểm chính sau đây: 1) Những người lãnh đạo, có lẽ một phần vì sốt sắng, có lẽ một phần vì hoài nghi trước năng lực của người khác, có lẽ phần nào vì e ngại sự gian ngoan của đối phương cộng sản, có lẽ phần nào vì chưa quen với nghệ thuật cầm quyền, mà nhiều khi đã bao biện, đã ôm đồm nhiều công việc quá. Do đấy, những người lãnh đạo rất mệt, mà công việc cũng khó có thể tiến triển mau lẹ và vững vàng.

2) Những người nắm một phần quyền bính hoặc thế lực ở trong tay, có khi vì kiêng nể những gì vượt ra ngoài thẩm quyền của mình, nhưng thường thường vì quá sợ sự thưởng phạt của thượng cấp, hoặc e ngại sự kêu ca của dân chúng, mà lắm lúc không dám nhận lấy phần trách nhiệm của mình. Do đó mà mọi gánh nặng đều muốn trút cả lên vai một số các nhà lãnh đạo, trảm tội lại đổ xuống đầu dân chúng hết! Do đó mà có lỗi lầm việc tắc trách cho qua ngày đoạn tháng, do đó mà có tội sông quá ư giả tạo chỉ cốt « dối trên lừa dưới » để cầu lợi riêng cho bản thân hoặc gia đình của một số người.

3) Theo quan niệm Đông phương, chức việc nhà nước lẽ ra phải là kiểu mẫu, là mực thước, mà còn có người sống như thế. Trách nào chẳng có một số đồng dân chúng sống và làm việc với tinh thần tàm bợ hoặc với tâm lý cầu may. Ấy là chưa nói đến một căn bệnh chung của phần đông dân ta: do hàng ngàn năm lệ thuộc Trung hoa, nhất là do hàng trăm năm lệ thuộc Pháp trong thời kỳ gần đây, trình độ nhân dân ta hãy còn kém mả mạp. Ý thức công dân chưa được trưởng thành và phát triển nhiều lắm, thành ra người dân thường ít có sáng kiến trong việc xử dụng các quyền lợi nhân bản và dân chủ, cũng như trong việc chu toàn các bổn phận đối với quốc gia và xã hội.

Ngoài ba khuyết điểm chung nói trên cũng còn rất nhiều vụng về, thiếu sót, sai lầm riêng cản trở đã tiến bộ của toàn thể. Đặc biệt có một hạng người, được tạo tác do các hoàn cảnh ngoại thuộc và rối loạn trước đây, có thể len lỏi vào khắp nơi và chỉ phải hết thảy mọi công cuộc: đó là hạng đầu cơ, trục lợi, xu thời... Tâm lý xu thời đề đầu cơ trục lợi vô cùng nguy hiểm: những người xu thời thường làm ra bộ hang hái nhiệt thành một cách ghê gớm. Và những hành động « bảo hoàng hơn chính hoàng đế » từ xưa tới nay thường đi lại không những cho « dân trăm họ » mà còn cho chính « nhà vua » nữa. Chết một cái là ở nước nhà hiện nay, đề đòi lại với khuynh hướng giả tạo này, khuynh hướng hoạt động chính chưa được lớn mạnh là bao vì nhiều khả năng còn thờ ơ lãnh đạm, chưa chịu ra sức khuấy hoạt động. Thành ra, nhiều khi, nhân dân khổ, nhà nước thiệt, mà chỉ có hạng xu thời đề đầu cơ trục lợi là thành công. Nhưng những thành công tạm bợ ấy có nghĩa lý gì, nếu đại cuộc bị thất bại?

Với thiện chí sẵn có của các giới hữu quyền, với thành tâm sẵn có của các tầng lớp nhân dân, nếu chúng ta cương quyết sửa chữa lại những căn bệnh nói trên, thì đại cuộc nhất định sẽ thành công và vang và lâu bền.

Về phương diện chính trị, đồng thời với công cuộc tiêu diệt những âm mưu dồn nhập của cộng sản, chúng ta cần phải cương quyết tiến lên con đường dân chủ tự do. Về phương diện kinh tế, đồng thời với việc xử dụng công minh viện trợ của các nước bạn, cần phải kiên nhẫn đi dần tới một nền kinh tế tự túc. Về phương diện xã hội, đồng thời với việc chấn chỉnh lại các đời phong bại tục, cần phải cải tiến xã hội từ đó thị tới thôn quê bằng cách điều hòa quyền lợi của các giới chủ và thợ. Về phương diện văn hóa, đồng thời với sự mở rộng nhân giới để đón nhận lấy những tinh hoa của năm châu, cần phải phát huy một nền văn hóa dân tộc có bản sắc đặc biệt.

Trong tất cả các công cuộc nói trên, vô cùng cần thiết cho sự quật cường quốc gia, nhà nước cũng như nhân dân đều có một phần trách nhiệm. Trách nhiệm của nhà nước chính là ở chỗ ấn định các đường lối chung, phúc họa các kế hoạch đại qui mô và dài hạn, thực hiện những phần liên quan trực tiếp đến ích lợi công cộng hoặc quá rộng lớn khó khăn mà tư nhân nhất đản chưa thể làm nổi tất cả. Nhưng nhà nước nên dành đặc biệt cho tư nhân những lãnh vực mà tư nhân có thể hoạt động được: tình trạng chung chỉ có thể tiến bộ nếu có nhiều sáng kiến, nhiều nỗ lực của tư nhân trong hết thảy các ngành hoạt động. Và, như đã nói ở trên, thế giới ngày nay hầu như đã thu nhỏ lại, một quốc gia nào bất cứ, dù lớn mạnh đến đâu cũng không thể nào có thể sống còn và tiến bộ lẻ loi được; nên chỉ, chúng ta cần phải lưu tâm tới mọi mối tương quan với các nước Đông Nam Á nói riêng và với hết thảy các nước bạn trong khối đồng minh Dân chủ Tự Do nói chung. Điểm cốt yếu là cần phải điều hòa một cách hợp tình và hợp lý quyền lợi của nước nhà với quyền lợi của người các nước khác muốn tới cư ngụ hoạt động tại nước ta.

Đề kết luận, chúng ta có thể nói rằng: bước đường tương lai dân tộc đã vạch sẵn, chúng ta chỉ cần phải thường xuyên cố gắng để tiến tới mà thôi. Mục tiêu của chúng ta là đối phó với các đe dọa của cộng sản để kịp thời củng cố miền Nam hầu mai ngày có thể mưu đồ sự thống nhất đất nước. Người xưa đã có nói: « Hãy cho tôi một điểm tựa, tôi sẽ nâng cả trái đất lên ». Trong các công cuộc chung của nước nhà ngày nay, chúng ta đã có một điểm tựa là sự đồng tình và năng đỡ của các nước bạn, chúng ta chỉ cần phải bồi đắp thêm lòng tin tưởng ở chính nghĩa, là lòng tin nhiệm giữa nhà nước và các tầng lớp nhân dân. Niềm tin tưởng đó sẽ mỗi ngày một thêm nồng nhiệt, lòng tin nhiệm cần thiết đó sẽ mỗi ngày một lớn mạnh hơn, nếu toàn thể chúng ta nhất nhất noi theo các tiêu chuẩn đã được qui định ở trong Hiến Pháp, mặc dù hiện pháp của chúng ta hiện thời chưa hoàn hảo tuyệt đối.

Đầu xuân năm mới, nếu chúng tôi được phép chúc toàn thể bạn đọc thân mến, thì chúng tôi xin chúc rằng: Sang năm mới, ước gì mọi người, từ những bậc quyền uy như các vị « thiên tử » ngày xưa cho tới toàn thể nhân dân chúng ta, hết thảy sẽ cố gắng noi theo hiến pháp. Được như thế, nhiều phép lạ phi thường sẽ xảy ra trên đất nước này, chẳng khác gì như khi chúng ta có « chiếc đũa thần » hoặc có « quyền sách ước ». Vì hiến pháp chính là « quyền sách ước » nhiệm mầu sẽ cho chúng ta « chiếc đũa thần » vạn năng vậy.

P. V. T.





Y thế là hết cái năm "con chó" !

Trong mười hai tháng vừa qua đã xảy ra biết bao chuyện "đồng loại" trên trường quốc-tế cũng như trong quốc-nội. Nhưng nhắc lại những chuyện đó để làm một bản "kết toán niên độ" đâu có phải việc của cái tháng "nói phẩm" giữ mực "nói hay đừng" !

Kiểm điểm việc "chó má" phải có cái giọng nghiêm chỉnh, đường hoàng của những cây bút đại luận, kiêu "lập trường quan điểm" thì "thiên hạ chó" mới giật mình cúp đuôi. Chữ với cái giọng "nửa nạc nửa mỡ" của Hiếu-Chân tôi và các bạn của mực này thì đến chó nó cũng chẳng sợ.

Vậy chuyện năm chó chúng ta hãy bỏ qua để cùng nhau nói "chuyện con lợn". Vì năm nay là năm Hợi, năm con lợn. Đã bao năm nay, chúng ta thường nghe thấy ở miệng những người tin dị-đoan phát ra lời sấm mà họ bảo là của cụ Trang-Trình — nghĩ cũng khờ cho cụ Trang này quá. — Sấm rằng : "chó vầy đuôi mừng thánh chúa, lợn ăn no ngủ ngày" ý nói năm Tuất thì có thánh-chúa ra đời, sang năm Hợi thì dân chúng no đủ, thái bình, tha hồ phê bưng ngủ yên như lợn. Nhưng cứ mỗi một giáp, 12 năm lại có năm Chó trở lại rồi tiếp đến năm Lợn. Vậy thì thánh-chúa ra đời vào năm chó nào ? Và thế nào là thánh-chúa ?

Thật bí hiểm và lơ mơ như sấm ?

Năm Hợi là năm con lợn — tiếng miền Nam kêu là heo. Lợn là một giống vật nuôi trong nhà. Nhưng theo các nhà khoa học thì giống "lợn nhà" bây giờ chính ra chỉ là biến giống của loài lợn rừng mà thôi. Thế nghĩa là cò thời chỉ có một giống lợn sống tự-do ở trong rừng, lấy rừng cây dất mà tự tìm lấy cái ăn. Sau này loài người bắt sống được một số lợn rừng đó, mang về nuôi. Vì được thanh nhàn, quen ăn sẵn cho nên nhanh nhẹn dần dần mất, bụng sẽ xuống, má hóp hóp, mắt nhỏ lại, chân ngắn đi, loài lợn đã biến thành một con vật sẵn sàng để cho người ta muốn giết thịt lúc nào cũng được. Vì vậy cái kiếp con lợn có thể tượng trưng cho kiếp con người vì thích sống ỷ lại an nhàn mà quên mất sự tự-do. Chữ Hán con lợn gọi là thi hoặc chur. Theo nghĩa nguyên thủy thì thi là lợn nái, lợn sẽ; còn chur là lợn bột, lợn nuôi để ăn thịt. Sau này người ta dùng thông thường chữ chur thay cho chữ thi. Trong hình thù con lợn có những đặc điểm là : thân thể mập mạp, đầu to, mắt bé, mõm dài, mũi nhô ra và cong lên, chân ngắn gùn, bụng xệ sát đất. Tính lợn ưa nằm chỗ tối tăm ẩm thấp, nhơ bẩn. Còn về cách ăn thì lợn ăn gì cũng được cả : thịt, cỏ, bèo, cám, ngô, khoai; cái gì đưa vào mõm nó, nó cũng ngốn hết trơn. Vì thế ta có thành ngữ "ngốn như lợn" để chỉ người ăn tục, ăn bẩn...

Trong thành ngữ Trung Hoa cũng có danh từ thi tâm nghĩa là bụng dạ con lợn, để chỉ những kẻ tham lam không biết no, biết chán. Bạo người nào có thi tâm tức là coi người đó tham lam vô-sĩ như con lợn. Trong Tả Truyện có câu : "thực hữu thi tâm, tham lam vô yếm" nghĩa là thực có bụng dạ con lợn, tham lam không chán.

Đời người vô-lẽ, người Tàu gọi là "thi giao thú súc". Trong thiên Tận Tâm, sách Mạnh Tử có nói : "Thực nhi phát ái, thi giao chi dã ; ái nhi bất kính, thú súc chi dã" nghĩa là nuôi nấng mà không yêu tức như nuôi lợn ; yêu mà không kính tức như nuôi cầm thú để chơi vậy. Câu này nói về cái phép xử thế giữa người với người. Đối với người bằng hàng mà không có lòng yêu, lòng

NÓI HAY ĐỪNG

CÔ VỌNG NGÔN CHI...

Kính người ta còn gọi là thi giao thú súc hưởng hồ những kẻ dãi cha mẹ cũng không trọn đạo chứ đừng nói đến ái, kính những hạng đó không bằng con lợn vậy.

Trong văn chương Âu Tây cũng có nhà văn hào Đức Schopenhauer đã ví những bậc quý phát trường giả như những con lợn mà Lỗ Tấn dịch là hào thì nghĩa là những con lợn siêu-việt. Trong khi ví như thế Schopenhauer quả không có ác-ý. Trong một chuyện ti-dụ mà ông gọi Parerga und Paralipom na, Schopenhauer kể chuyện một đàn lợn nhân tiết đông giá lạnh nghĩ luôn đến cách đứng sát lại gần nhau cho ấm. Nhưng khốn thay ! đứng sát nhau quá, lòng nhọn đâm vào nhau, đau đớn vô cùng : chúng bèn lại tản ra. Nhưng đứng xa nhau quá, lại khờ vì lạnh. Bèn lại mon men sát vào nhau, thì lại đau. Giữa hai cái khổ gần nhau quá và xa nhau quá đó, sau chúng mới nghĩ ra rằng cần phải có cái cơ ngăn cách vừa phải để cho hơi ấm có thể truyền sang nhau mà không làm đau cho nhau.

Con người ta trong đời cũng thế. Sống chung đụng trong một xã-hội, con người đối với nhau tất cũng phải có chừng mực, có cự ly. Chừng mực đó là lẽ nhượng, là phong cách của các bậc thượng lưu. Kẻ quý phái, thượng lưu biết lẽ-nhượng cũng giống như những con lợn thông minh biết đứng vào giữa cái khoảng quá gần và quá xa vậy. Trong đời những kẻ quá lạnh nhạt hoặc quá xuống xả là những kẻ không biết lẽ nhượng ! Thấy chỗ quyền quý, có thể lực thì lấn xả vào, có biết đâu đến lúc rất mệt, phỏng da mới biết thân thì đã muộn. Xử sự như thế thật là "ngu hơn lợn vậy."

Do đó người Anh có câu "keep your distance" nghĩa là : hãy giữ đúng chừng mực để cảnh cáo con người trong phép xã giao xử thế.

Tuy nhiên sự phân biệt "hào thì" và "dã thì" chỉ có trong các đẳng-cấp quyền quý của mọi xã-hội, Tây phương cũng như Đông phương. Chẳng thế mà Không Tử đã phát nói : "Lễ bất há thử nhân, hình bất thượng đại-phu". Trong bất cứ xã hội nào sống dưới bất cứ chế độ nào, đại chúng nhân dân tựu trung vẫn bị coi là loài lợn rừng : phải lấy nanh nhọn cắn dất mà ăn, phải dăm mư dãi nắng, phải tranh đấu với mọi gian khổ mà sống. Cho nên kẻ thức nhân chen chúc như lợn rừng, đối với nài không cần phải lẽ nhượng cho lắm, vì nóng lạnh thiết thân cũng phải chung chịu.

Sang năm Lợn, Hiếu Chân tôi — cũng trong đàn lợn rừng — rất mong cho bấy ta được nhón nanh dãi da, đủ sức chịu được nóng, lạnh để giữ được Tự Do. Chữ nếu được sống no ấm, thừa thãi mà phải mất Tự Do, sẵn sàng làm giống lợn nuôi cho người ta mổ thịt thì xin đừng.

Chúc thế rồi, Hiếu Chân xin cùng các bạn tán róc sang chuyện khác.

Nói láo mà chơi, nghe láo chơi !

Chúng mình hãy bắt chước Vương ngư Dương không phải là nghe chuyện ma quỷ, mà là nói chuyện lý số.

Năm lợn, nếu đoán số cho những tuổi cầm tinh con lợn, e rằng các vị thần cốt tử, lộc cốt tử và các nhà báo chuyên đăng mục tử vì hàng ngày sẽ hiệp nhau lại mà bóp chết tại mình. Đã thế, Hiếu-Chân tôi xin đoán số cho... Liên-Hiệp-Quốc vậy.

Liên Hiệp Quốc là một tổ chức quốc tế trong đó có cả Dân chủ lẫn Cộng sản, cả Mỹ lẫn Nga. Nếu nói hay, cả hai khối cùng há dạ; mà nếu đoán quẻ xấu thì cả hai cũng đều mừng. Vì Nga tưởng ta nói Mỹ, Mỹ tưởng ta nói Nga : Chả là cả hai bên vẫn thường đồ cho nhau cái tội thao túng Liên Hiệp Quốc mà lị !

Vậy thì, đây là lá số của Liên Hiệp Quốc trong năm Lợn :

Liên Hiệp Quốc sinh hồi 8 giờ sáng ngày 24 tháng 10 năm 1945 dương lịch, tnh sang âm lịch là ngày 19 tháng 9 năm Ất Dậu giờ Thìn.

Số này Mệnh có các sao Tham Lang, Vũ khúc Ngô Tuần. Như vậy, số vất và lúc đầu nhưng sau may ra thì... khá.

Tuần đóng ở Mệnh, Triệt chiếu, ngũ kỵ thành thử cứ lao đao, nói chẳng ai nghe. Năm rồi, hết việc Trung Đông đến Bắc Phi. Rồi gần đây lại việc Đài Loan, Thái Lan, Miên, Lào và Việt Cộng mà Liên Hiệp Quốc cứ như bà già, le ta chán ngược chân xuôi, nói chẳng ăn thua đâu vào đâu cả. Ấy vậy mà nó vẫn sống, cơ chừng dai dẳng đề.

Đến cung Tài có Tiểu Hao, Đại Hao và Phá Quân. Số này chứng tỏ phát tiền tiền vô ích, không thể làm giàu được. Tuy có đáng phong lưu nhưng là "phong lưu mượn".

Cung Tử Tức có nhiều sao tốt như Phúc Đức, Tử Vi và Thiên Phủ cho nên con cái đầy đàn, đủ cả mấy màu da trắng, vàng, đen. Đứa con thứ 72 vừa sinh, da đen mang tên là Ghana chắc chắn nuôi được nhưng phải cái chậm lớn. Tuy vậy cung này cũng lắm hung tinh như Thái Tuế, Phục Binh, Không Kiếp, thành thử hay cãi nhau có khi đánh lộn đến đỏ máu mà bàn bạc thì cứ gay go là "phủ quyết" liền.

Về cung Thê thiếp khá. Có sao Thiên Phủ lại có cả Tả phù, Hữu Bật, số này chứng tỏ Liên Hiệp Quốc sẽ có thêm nhiều vợ (vì luật gia đình không áp dụng trên bình diện siêu quốc gia) : ngoài mấy vợ đã có sẵn như khối Đông Âu, khối Bắc Đại Tây Dương, khối Đông Nam Á, khối Bagdad, sang năm nay có lẽ còn có thêm mấy cuộc tình duyên bán chính thức, giề nhân ngãi non vợ chồng như khối Ả-Rập, khối Bắc Phi và khối liên minh Á Châu.

Dựa vào cung số của Liên - Hiệp - Quốc, chúng ta có thể đoán đại khái về cung số của mấy nước như sau :

Tây phương (gồm Tây Âu và Hoa Kỳ) thuộc Tuất, mệnh có Hồng Loan, Đào Hoa, nên gặp nhiều cuộc tình duyên tươi đẹp nhưng lại có Phục Binh nên khó tránh được nạn chiến tranh gián-điệp.

Đông phương (gồm Nga, Trung Hoa lục địa và các nước Đông Âu) mệnh có sao Thái Tuế tỏ ra còn phải tốn nhiều nước bọt. Lại có Đại Hao, Tiểu Hao, tất không tránh khỏi hao tài, sát phạt và nhất là hai sao Bạch Hổ và Quả Tú, ắt có tang chết.

Còn mấy nước phía Nam như Ấn Độ, Phi luật Tân, Diến Điện, Việt Nam, Cam Bốt và Lào v.v... mệnh có Phúc Đức, Thiên Lương và Hóa Lộc, số này có quý nhân viện trợ, hay gặp may nhưng lại có sao Thiên Diêu nếu không vững cung phúc đức tất sẽ bị cái họa... ở tù.

Ấy, đại khái cái biết của Hiếu Chân tôi về khoa Tử Vi chỉ có vậy. Những lời tiên đoán này nếu may ra mà trật thì xin các bạn và các đồng nghiệp bực phê trên toàn thể giới hiểu cho rằng : "vì trong năm địa cầu vật lý học, người ta phóng lên trời nhiều vì sao giả mạo quá, thành thử mờ cả mắt thánh chứ đừng nói đến người thường. Vậy có sự sai trật cũng là lý đương nhiên vậy."

Nay đoán,

HIẾU CHÂN

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Hệ CHẢ CÁ THĂNG-LONG

20 Phan thanh Giản (Đakao) — SAIGON

Mở cửa hàng đầu năm mùng 10 tháng Giêng
Kỷ Hợi tức là 17-2-1959

TẤT CẢ MỌI NGƯỜI VIỆT NAM HAY ĐỌC VÀ PHỔ BIẾN :

VĂN - HÓA Á - CHÂU

Nguyệt-san bằng tiếng Việt

Là những cơ quan nghiên cứu và phổ biến tinh thần Nhân bản truyền thống, xây dựng văn hóa dân tộc và nhân loại. Gồm toàn những bài nghị luận và khảo cứu có giá trị của các nhà văn và học giả Việt Nam và Ngoại quốc.

Tòa soạn ở Ty Trại sự : 201, Đường Lê văn Duyệt Saigon — Điện thoại : Saigon 637

ASIAN CULTURE

Tam cá nguyệt-san bằng Anh, Pháp văn



HAI ngày lật đật vất vả, và tốn tiền taxi không biết là mấy ngàn quan tôi mới kiếm ra anh Phan Sĩ Cơ tại một căn phòng chật hẹp trên thượng tầng thứ sáu một tòa nhà cũ kỹ trong một đường hẻm khúc khuỷu gần cột Bastille. Ấy là có người dẫn đường đưa tôi tới, giả thử có vẽ họa đồ thật thì tôi đi một mình cũng khó lòng mà kiếm ra được.

Chẳng ngần ngại gì, và chẳng cần khách sáo tôi nói ngay cái ý định của tôi: trước hết tới Balé là đi kiếm anh để hỏi thăm đời sống chính trị Việt kiều tại Balé.

— Anh có thể ở lại Balé chừng bao lâu?

Phan Sĩ Cơ hỏi tôi như vậy.

— Không quá 1 tuần.

— Xi, một tuần thì làm được cái trò gì!

— Tôi muốn ở chừng vài tháng anh ạ, nhưng khôn nài tới tiền không cho phép. Anh tính mua đồng quan trên thị trường từ do một đồng bạc Việt Nam sáu quan tiền Pháp, mà anh tính kiếm tiền ở Saigon lúc này đâu có dễ...

Anh cắt ngang:

— Hiểu rồi, khổ lắm, nói mãi! Nhưng anh muốn biết bộ mặt thật của chính giới Việt kiều ở Balé thì khoảng thời gian 7 ngày chỉ cho anh thấy được cái vỏ mà thôi. Tôi chỉ có thể đưa anh đi lướt qua như người đi coi hát rồi trở về. Những cái hay hay, và cái thực cuộc đời cái của đảo kép là ở Hậu trường và ở nhà riêng của họ...

— Thôi trăm sự nhờ "Thờ địa" vậy, "Ngài" có giúp "kẻ hạ thần này" tới mức tối đa là được rồi.

Buổi chiều hôm ấy hai chúng tôi tới một tiệm giặt ủi ở gần nhà anh Cơ, ngay tại một đường kế cận Công Trường Bastille. Một người đàn bà Pháp đã đứng tuổi, chạc bốn chục đồ lên, tươi cười đưa cặp sơ mi cho Cơ và nói bằng tiếng Việt, một giọng hoàn toàn Việt mà Việt Hà Nội:

— Đây, lần này hẳn ông bằng lòng nhé, bận trước tôi đi vắng, con bé cháu nó để lần thành thử chậm mất vài ngày.

Thấy sự kính ngạc của tôi, và Cơ đã dự đoán trước, anh bắm tay tôi, vội vả trả tiền và lời tuột ra khỏi cửa hàng không để cho tôi nói nửa lời. Đi khuất vào một góc phố. Cơ bảo tôi: "Đây là chị Nguyễn Mạnh Hà đây, tiệm ủi ấy là của anh ta. Không may khi anh ta lên cửa hàng chỉ có vợ và con gái lên trông nom mà thôi. Anh ta còn mãi chạy theo chính trị."

Cơ còn hứa sẽ cho tôi xem xưởng giặt ủi vào bậc lớn ở Balé của vợ chồng Bác sĩ Phạm Huy Cơ ở đường Lafayette. Không bỏ lỡ cơ hội tôi hỏi luôn:

— Tôi tưởng các chính khách làm gì chứ ông nào cũng mở tiệm giặt ủi xuất lộ sao?

— Chính trị chỉ ở cái lưới thôi, còn cái dạ dày phải thực tế chứ. Và nghề mở tiệm giặt quần áo là nghề người mình thành thạo nhất. Mỗi một tiệm ấy là một cơ sở kinh tế của một chính khách đấy, cả chính khách quá lứa lẫn một số chính khách đương thời nữa. Ăn không ngồi rồi, hay sống bằng tiền lợi tức, cổ phần trong các công ty lớn, ở đây chỉ có vài tay đầu sỏ như Trần Hữu, Nguyễn Văn Tâm, Bầy Viễn, mà thôi.

— Tôi tưởng như Phạm Huy Cơ thì mở phòng thăm bệnh cũng kiếm lắm chứ.

— Cái anh chàng đó làm cái gì người thấy hơi tiền là xong. Phòng thăm bệnh cũng có, tiệm giặt ủi cũng có, chung phần với ông Phạm quang Anh mở bệnh viện cũng có. Ngoài giả bà vợ lại vẫn thường liên lạc với trong nước để buôn bán chợ đen chợ đỏ ghê gớm lắm, khét tiếng năm châu đấy.

Một buổi chiều không biết Phan Sĩ Cơ kiếm đâu ra hai tấm thẻ vào ăn cơm ở Foyer Universitaire, một quán cơm sinh viên ở gần phía sông Seine. Anh cúi cái thẻ kèm cái vé ăn vào tay tôi. Tôi nhìn thấy tấm ảnh không phải ảnh mình, lấy làm ngạc nhiên. Bạn tôi hiểu ý tôi vội nói:

— Không sợ, tôi quen và ở đây chúng nó nhẩy dù như thế là thường. Anh trông "mít" lủ lượt kia cứ mỗi tháng "mít" vào ăn ở đây thì ít ra hai ba tháng nhẩy dù. (1)

Cơm chiều xong chúng tôi về đường Saint Michel mà sinh viên thường gọi là Boul' Miché. Anh bạn đã đi di cho tôi đây là "đại bản doanh" của sinh viên. Sau khi đi rảo một vòng mấy con đường chính: Đường Saint Germain, đến Công trường Cluny.

Vào xóm La-tinh tôi có cảm giác rằng ở Balé có lẽ Việt kiều đông lắm và chiếm tới chừng 1 phần 20 hoặc 1 phần 30 dân số. Đi ra khỏi xóm La Tinh cảm giác xoay ngược hẳn lại, tôi tưởng tượng rằng ở Balé có lẽ chỉ có độ hai ba chục người Việt Nam mà thôi.

Trời càng khuya càng lạnh, Cơ dẫn tôi vào quán cà phê Dupont và giảng cho tôi hiểu đây là nơi

TÂN TÂY DU KÝ

HOÀNG-THANH-LONG

Victoire ở Versailles cách Balé hơn 60 cây số. Bọn họ có tờ Giòng Máu Việt. Nếu có thì giờ tôi đưa anh đi xem lâu đài và Công viên Versailles đẹp vô kể nhất là tiếng "Đền thờ Ái Tình".

— Thế Bầy Viễn có vào bọn với nhóm nào không?

— Bầy Viễn thì với bọn nào anh ta cũng phất phơ, nhưng chặt chẽ với bọn Casino hơn cả.

— Còn cả bọn Casino nữa sao? Bọn đó làm gì.

— Anh ngốc thật, nghĩa là hẳn tụ tập vài tay thích đánh bạc chuyên môn đi xòong ở Enghein les Bains hay ở Deauville. Có một lần tôi gặp hẳn ở xòong Casino Deauville.

— Thế ra anh cũng ăn chơi dữ nhỉ.

— Mình có "cóc" tiền đâu, thỉnh thoảng cũng quá giang xe một vài thằng quen xuống đó xem tụi họ làm trò. Mà tụi Bầy Viễn nó đánh ở Sa lông bên trong, dành riêng cho tụi tư bản ăn thua lớn, còn mình đánh vài trăm quan một tiếng thì đứng ở bên công cộng của đại chúng bên ngoài.

Hôm đó có thắng nó mấy mình: tụi Bầy Viễn chơi ở bên trong, mình mới lên dòm xem. Cảnh mỗi "cha" có một "ông" bồi mồi lỗ diện thật sang đứng một, tay luôn luôn cầm tấm khăn bông trắng ướp nước hoa Chanel, lơ có "cha" nào thua một tiếng lớn toát mồ hôi là các "ông bồi" nâng khăn lau mặt tức thì. Vít-ky, sâm banh đã có các "dầm" hầu non đưa tận miệng. Lỡ chấy tới thua hết cũng còn sót 10-15 ngàn quan. Trờ qua bên Bar tha hồ gái đẹp mà nhẩy nhót cho tới sáng. Mấy "cha" cũng đâu có thêm nhẩy. Mấy cha đã thuê phòng ngoài phố, muốn gì thì gì đều có tuổi.

— Còn về chính trị họ hoạt động ra sao? có hăng không và họ muốn gì?

Câu chuyện đang vui thì chúng tôi đã về đến cửa tòa nhà mà anh Phan sĩ Cơ ở thượng lầu. Anh bảo tôi:

— Thôi, đêm nay anh ngủ lại đây với tôi, tôi kể nốt cho mà nghe. Khoan hãy lên phòng, ta rẽ qua tiệm ăn bên cạnh cột Bastille, có món súp hành về khuya ngon lắm.

Leo lên phòng, tôi chẳng thấy buồn ngủ mặc dầu đã một giờ sáng. Tôi gạn hỏi Phan sĩ Cơ về anh nói nốt cho tôi nghe. Sau khi nhóm đèn còn đun nước để pha trà, và rút ở ngăn kéo ra một gói thuốc vương vãn khác mọi gói thuốc lá thường, Anh bảo tôi:

— Anh coi gói thuốc này kỳ quá sao. Phải, đây là gói thuốc Bỉ đàn em vừa ở Bruxelles về, nó cho tôi gói thuốc này và một bánh sô-cô-la. Thuốc của Bỉ họ gói 25 điếu 1 bao thành thử trông nó vương vãn.

— Thuốc Bỉ và sô-cô-la Bỉ tôi cũng không thú bằng chuyện các nhóm đối lập.

— Được, thông thả pha trà rồi tôi kể tiếp. Pha trà xong, chúng tôi cùng châm thuốc, bẻ sô-cô-la ăn anh Phan sĩ Cơ gật gù kể:

— Bọn Tâm, Hữu, Viễn biết mình hơi thời rồi họ không dám đứng đầu một nhóm nào rõ rệt nên mưu toan mượn tiếng Nguyễn Tôn Hoàn và vài người thân Mỹ. Hồi họ họ tưởng thời vận đã đến họ thuê Hoàn lập Phong Trào Bảo Quốc, bầu Hoàn làm Thủ lãnh rồi hùn tiền nhau được 7 triệu rủ đưa cho Hoàn hoạt động. Hoàn bảo hết, tụi họ lại sùu ra vài triệu nữa, đến nay không chet thêm được Hoàn lời đi. Chẳng những Trần Văn Hữu và Bầy Viễn lỗ to mà cả mấy cha định theo đóm ăn tàn cũng mất mấy triệu mà không há họng được.

Ngoại trừ mỗi nhóm làm 1 tờ "báo" thì họ chẳng hoạt động gì được thêm. Thỉnh thoảng có Phạm Huy Cơ tuyên bố dọa về nước, mấy anh phóng viên Tây dối tin lại đăng âm lên. Năm lần bảy lượt vẫn thấy họ ý ra ở đây.

Giả thử chính phủ chơi đồn thâu cây, gọi về cho mỗi anh một chức có lẽ phe đối lập tan tã tức khắc, còn trật khác ra độ vài ba anh "thủ tướng" không về được vì không có đủ chức.

Ấm trà đã cạn, gói thuốc 25 điếu cũng còn vòn vẹn 1 điếu, bánh sô-cô-la tan mất lúc nào, đồng hồ báo thức bỗng reo vang, kim chỉ 5 giờ sáng.

Balé tiết Đại Hàn, Mậu Tuất

HOÀNG-THANH-LONG

(1) Mít: ám cuối của chữ Annamite tiếng của bọn Pháp thuộc địa dùng để chỉ Việt kiều.

(2) Thưa Ngài Thủ Tướng.

(3) Anh qua đây từ hồi nào? Anh muốn gì ở đây? Họ ngành nào? Sau này về Việt Nam anh muốn làm cái gì?

hẹn hò của giai nhân tài tử xóm La tinh. Quả đúng vậy: cứ đôi một, hay một bọn trai là kèm một bọn gái đủ mọi màu da: trắng, vàng, đen, cả màu luôm nhuộm không vàng mà cũng chẳng phải đen. Lắm cặp rất tương phản: một ông "cột nhà cháy" ngồi kề má cùng một cô da trắng như ngà, tóc vàng hồng như áng mây chiều. Thỉnh thoảng cũng có một vài chàng "Mít" dẫn vô một cô dăm non xinh xẻo như chim vành khuyên.

Tại kế góc bar vài ba cậu mít non khác, tóc mai dài chấm lỗ tai, đang hí hoáy ra công lắc mấy bàn bi điện. Phan sĩ Cơ bảo tôi:

— Họ đánh "Tin" đấy, họ ham lắm, có bữa tới 12 giờ khuya họ vẫn chơi, không biết mỗi tối họ bỏ vào đó bao nhiêu tiền vì mỗi bàn là 20 quan chỉ chơi được chừng hai hay ba phút.

— Tại sao lại gọi là đánh tin?

— Tại vì khi nào rung bàn mạnh quá chữ Tiel sáng lên thế là máy không chạy nữa phải bỏ vào 20 quan khác.

— Thế được thì họ được ăn bánh uống nước không mất tiền chứ?

— Nào có, được thì được chơi thêm một vài bàn, thế thôi. Anh lại gần mà xem, cũng khó được lắm.

11 giờ khuya, họ vẫn tiếp tục đánh "tin". Chúng tôi kéo nhau ra về. Tôi giờ tay toanvay taxi, thì Phan Sĩ Cơ gạt lại:

— Khoan đã, chịu khó đi bộ một chút, tôi dẫn đi qua đường Ecoles Polytechniques, tôi sẽ chỉ cho anh những quán cơm Việt tại đó. Bây giờ thì họ đóng cửa.

Thỉnh thoảng một vài nhà còn đèn sáng đang thu xếp dọn dẹp. Anh chỉ cho tôi nào là tiệm ăn của ông Hồ quang Hoài cựu thủ Hiến Nam Việt, nào là tiệm Hà Đông, tiệm Quảng Bình, tiệm Sông Hương, tiệm nào cũng có dính líu không ít vào một nhân vật chính trị.

Qua đường Descartes anh chỉ cho tôi tiệm Tứ Hải của bà vợ thi sĩ Xuân Việt nay bán đồ thực phẩm Việt Nam và trước kia là một tiệm phở nổi tiếng. Phở Tứ-Hải thì ai mà quên được. Kế gần đó Tiệm Namđinh hay là quán cơm chú Tý của Việt Cộng, hay đúng hơn nữa là một tay cán bộ Cộng sản đứng chủ nhân.



Tôi hỏi Phan sĩ Cơ rằng: "Còn các chính khách đối lập? Họ không ở khu này thì làm sao đến thăm để biết hoạt động của họ được? Họ có lui tới khu La-tinh không?"

— Chà các ông bự ấy đâu có thêm đêm sia đến lao động và sinh-viên. Họ làm Chính trị quý phái kia chứ. Các ông ấy ở những Biệt thự lớn vùng ngoại châu thành hay ở mái gần rừng Boulogne. Muốn ra mắt các ông ấy khó lắm. Khó chẳng kém hồi các ông ấy còn tại chức.

Anh muốn biết gì tôi kể cho anh nghe thôi và ngày mai tôi sẽ dẫn anh lướt qua xem những tòa nhà đồ sộ của họ ở. Chính tôi đã có một vài lần gặp Ngài Xuân hay Ngài Hữu. Họ vẫn ưa mình xưng hô là Monsieur le Président (2) chứ "thưa ẹ" thì họ có vẻ không bằng lòng. Họ hỏi han mình vào bằng một giọng hách dịch:

— Vous êtes ici depuis quand? Qu'est ce que vous faites ici? Quelle branche d'étude vous suivez? Que voulez vous faire plus tard au Việt Nam? (3) Đại khái như vậy, anh cứ nghe tôi nhắc lại cũng đủ.

— Còn bọn Ngài Tâm Hình Vỹ...

— Bên này họ cũng nằm bè bầy mỗi trong bọn đối lập. Tâm Hình Vỹ đi một cánh với tụi cựu sĩ quan Versailles, chúng tôi gọi là "tụi Versailles". Đồi khi họ thường tụ tập ở nhà Vỹ ở Place de la

T HƯƠNG-ĐẠI-DUNG người đất Lạc, mê thích mẫu đơn. Nghe nói ở Tào Châu có giống mẫu đơn nổi tiếng nhất giải Tề Lỗ định bụng tìm đến. May gặp dịp có việc đến Tào Châu bèn tìm đến ở nhờ trong

một khu vườn của một nhà quan tri sĩ. Lúc đó mẫu đơn tháng hai, mẫu đơn chưa nở bông. Thường thì trong vườn, chủ mục ngắm từng cái nụ mới nhú mầm, mong cho chóng nở hoa. Trong lúc cảm hoài, làm ra bài thơ mẫu đơn gồm tám câu. Chẳng bao lâu hoa dần dần hé nở nhưng tiền lưng đã cạn phải lấy áo mặc Tết đem cầm rồi cứ nán ná quên về.

Ngày kia, trời mới rạng đông đã vội vã ra xem hoa. Đến nơi thấy một cô gái cùng một bà già đã ở đây rồi. Ngờ là con cháu nhà quý tộc, bèn vội lẩn về cho nhanh. Một lát đến ghé xem; vẫn còn thấy. Lại tàng dung bước đi để tránh mặt. Liếc nhìn thấy cô gái đẹp tuyệt, áo quần kiểu dáng trong cung. Trong lúc mắt hoa trí loạn bỗng nảy ra ý nghĩ cho là người tiên. Trên đời há có được gái đẹp như thế ru. Bèn vội vã quay lại tìm. Thoán thoát qua hòn núi giả, bỗng gặp bà già. Cô gái vừa hay ngồi xuống phiến đá. Trông nhau cả sợ. Bà già vội đứng chân, lấy thân che cô gái, miệng mắng rằng:

— Anh đồ cuồng nộ định làm gì?

Thường sinh vội quỳ dài mà rằng:

— Nương-từ tất là thần-nữ.

Bà già lại mắng:

— Chỉ nói vậy! Tội anh đáng trời đem đến cho quan lộc đoan tri.

Sinh sợ quá. Cô gái tủm tỉm cười, nói rằng:

— Bảo đi đi!

Hai người bèn qua hòn núi giả mà đi. Sinh ra về không buồn cất bước. Bụng nghĩ cô gái về tất mách phụ huynh mình tránh sao khỏi bị xỉ nhục. Nếp mình nằm trong phòng vắng, tự hỏi là đã quá liều lĩnh. Nghĩ lại cho rằng nữ lang không có sắc giận, may ra nàng không để ý đến mà bỏ qua chẳng. Thoát hồi, thoát sợ, thao thức thao thức rồi nằm bệnh.

Sáng sau đã quá giờ thỉn mà không thấy người đến bắt đề hồi tội bụng mới tam yên.

Nhưng nhớ lại giảng diệu và tiếng nói của người đẹp, lòng lo sợ chuyển thành tưởng nhớ. Như thế trong ba tháng. Thân hình tiêu tụy, muốn chết. Đốt được thêu đêm. Canh khuya, thắp ở đã ngủ say bỗng thấy bà già bưng chén tiến vào nói:

— Có Cát Cấn nhà tôi tự tay chế lấy thang thuốc độc này gửi anh. Anh uống ngay đi.

Sinh nghe cả sợ. Ngơ ngẩn giây lâu nói:

— Kể hèn này cùng nương - từ vốn không thù oán mà sao đến nỗi bắt nhau chết? Đã vì vang bóng của nương-từ mà tương-từ đến thành bệnh, chẳng bằng uống thuốc mà chết đi cho rồi.

Bèn đón lấy mà uống. Bà già cười rồi cầm chén ra đi. Sinh cảm thấy vị thuốc thơm mà mát, lành như không phải thuốc độc. Thoát thôi, thấy phở tang thư thái, đầu óc sáng tỏ, rồi như say mà ngã thiếp đi. Đến lúc tỉnh dậy, ánh nắng chan hòa qua song. Cượng dậy, bệnh như đã mất hẳn. Lòng cheng tự là tiên. Lại khổ nỗi không biết nhờ cậy ai mà gửi gắm nỗi lòng. Phảng phất nhớ lại chỗ nàng đứng, nàng ngồi rồi kính cần vái mà thăm cầu khẩn. Ngày kia, vừa ra đi, bỗng thấy trong lùm cây to ràng to một mỹ-nhân. Thấy chung quanh không có ai, mừng rỡ sợ xuống lạy. Nàng vội chạy đến nâng dậy. Lại bỗng nghĩ thấy toàn thân nàng toát ra một thứ hương thơm rất lạ. Liền vịn vào cánh tay ngọc mà đứng dậy. Thấy da thịt mịn màng khác thường khiến cho gân cốt bủn rủn. Đang muốn ngỏ lời bỗng thấy bà già đến. Nàng vội bảo Sinh náu hình sau hòn giả sơn rồi chỉ tay về phía nam dặn rằng:

— Đưa tôi anh cứ lấy thang mà sang qua tường, thấy căn nhà nào bốn mặt có cửa sổ đỏ chính là chỗ ở của em.

Đến rồi rào bước. Sinh đứng tần ngần, hồn phách bay đầu mất, không biết đi về phía nào. Đến đêm, vắt thang đến bên tường phía nam thấy bên kia tường đã có một chiếc thang dề sẵn. Hớn hờ trèo xuống, quả thấy cửa sổ đỏ. Trong nhà nghe chỉ chất có tiếng đánh cờ. Bèn lưỡng lự không dám tiến, đành lại vượt tường quay gót.

Được một lát lại sang. Tiếng quân cờ càng rộn rập. Rón rén đến nhìn xem. Thì ra nữ lang đang đánh cờ cùng một mỹ-nhân khác, mặc quần áo lụa nỏn. Bà già cũng ngồi đó. Lại có thêm một nữ-tỳ đứng hầu. Thấy thế, lại chần chừ. Đi đi lại lại ba lần, chẳng mấy lúc đã qua canh ba. Sinh cứ nằm phục trên thang chờ đợi.

Bỗng nghe bà già đi ra la lớn:

— Hừ cái thang này ai đem đặt vào đây thế?

Rồi gọi nữ-tỳ ra khiêng đi chỗ khác. Sinh ở bên này lộp ngộp trèo lên mặt tường trông sang. Muốn xuống lại không có bậc nào bám vào mà xuống. Bèn hậm hực mà về. Đêm sau, lại tới, thấy chằng lại bắc sẵn như đêm trước. May thấy vắng

Liều Trai Chí Dị

CÁT - CÂN

bóng người. Bèn vào. Thì ra người đẹp đang ngồi trên giường, dăm chiêu có chiều nghĩ ngợi. Thấy Sinh giạt mình đứng dậy, khép nép dường như thẹn thùng. Sinh ái mà rằng:

— Nghĩ mình bạc phước, những sợ không có phận đến gần người tiên. Ngờ đâu lại có đêm nay.

Nói đoạn ôm chầm nàng vào lòng. Vóc ngọc thon thon vừa một vòng tay. Hơi thở thơm nức như hương lan. Nàng khẽ đẩy ra miễn cưỡng chống cự, nói:

— Làm gì mà vội thế?

Sinh đáp:

— Việc tốt thường hay gặp nhiều trắc trở, chậm trễ sợ ma quỷ ghét ghen.

Nói chưa dứt lời, đã vắng vắng nghe có tiếng người. Nàng vội nói:

— Con em Ngọc Bản nó lại đến rồi! Anh hãy mau mau chui xuống gầm giường.



Sinh hấp tấp lẩn theo. Chốc lát, một nàng đi vào cười mà rằng:

— Tương bại trận hôm nay có còn dám nói đến chuyện tái chiến nữa chăng? Em đã cho pha trà, dăm phiên chị tới chơi vui suốt đêm nay.

Cô gái vội từ chối, lấy cớ khó ở. Ngọc Bản cố mời, cô gái cứ ngồi lì không chịu đi.

Ngọc Bản nói:

— Cái dáng bệng ợt thế này, chắc là chị ả đang đầu thai ở trong nhà rồi còn gì.

Nói đoạn lôi bừa đi, cả hai cùng ra khỏi nhà. Sinh bèn lồm cồm bò ra. Hận muốn chết. Lật gói chiếu lên tìm xem có vật gì lấy làm kỷ niệm. Nhưng trong phòng tĩnh không có hộp đựng đồ trang sức đâu cả. Duy chỉ thấy ở đầu giường có cái gậy như ý bằng thủy tinh để giải lưng, một đầu có bịt khăn màu tía, sức nức hương thơm. Vội thu vào bọc, vượt tường mà về. Để trong tay áo mà hương thơm ngưng đọng nên càng thiết tha trân trọng. Tuy nhiên nghĩ đến cái khổ phải chui gầm giường, rồi lại sợ phải tội nếu bị bắt quả tang vào nhà gái nên đành ôm nỗi nhớ mong mà không dám bèn mang đến lần nữa. Bụng lại nghĩ cứ giữ cái gậy như ý tất nàng phải đến tìm. Cách một đêm, quả nhiên nàng đến. Cười mà rằng:

— Thiếp nghĩ chàng là bậc quân tử, không ngờ hóa ra quân trộm cướp

Sinh đáp:

— Đứng thế đấy! Sở dĩ có điều không quân tử là vì muốn mong được cái như ý (1) đó mà thôi.

Nói đoạn ôm nàng vào lòng, cởi bỏ hộ đai quần; da ngọc lộ lộ, hơi ấm ngát hương. Trong lúc ôm

Nguyên tác của BỒ TÙNG LINH

NGUYỄN-HOẠT dịch

áp, thấy từ hơi thở cho đến da thịt không chỗ nào là không sức nức hương thơm. Bèn hỏi:

— Kể hèn này vẫn cho nàng là người tiên. Đến bây giờ lại tin rằng không phải là nói càn. May được nàng đoái thương chắc là đã sẵn mối duyên từ ba kiếp. Tuy nhiên chỉ sợ lại như tiên nữ Đỗ Lan Hương đành dang duyên trần rút cục lại trở về tiên cảnh thì chỉ thêm mối hận chia ly mà thôi.

Nàng cười mà rằng:

— Anh sợ thế hơi quá. Chẳng qua em cũng chỉ như Thiếu Nữ lìa hôn ngẫu nhiên tình động mà mê trai chứ có gì đâu. Vì vậy việc này cần phải giữ kín, kẻo e những tiếng thị-phi, khôn phần hắc bạch. Lúc đó thì anh không mọc được cánh mà em cũng chẳng cười được gió mà trốn đi, cái họa chia lìa còn đau xót hơn cái khổ không được thấy mặt.

Sinh cho là phải. Nhưng vẫn nghi là tiên, vẫn hỏi tên họ.

Nàng nói:

— Đã cho là tiên thì người tiên hà tất phải có tên họ cho người ta gọi.

Lại hỏi bà già là ai. Đáp:

— Đó là mẹ họ Tang (2). Lúc bé thiếp được bà che chở cho nên không dám coi bà vào hàng kẻ ăn người ở.

Đứng lên ra đi, nàng nói:

— Chỗ ở của em lắm tai mắt không thể gặp nhau lâu được. Rình lúc lên đi được em sẽ lại đến.

Lúc từ biệt nàng đòi gậy như ý:

— Vật đó không phải của em mà là của Ngọc Bản tặng.

Sinh hỏi Ngọc Bản là ai. Đáp:

— Là em con nhà chú.

Nhận gậy như ý rồi bèn đi. Người đẹp đi không gãi chân đều nhấm hương thơm kỳ dị. Từ đó cứ cách hai ba đêm lại đến một lần. Sinh mê lắm, không còn nghĩ đến về. Song le tiền lưng hết nhẵn. Định bán nốt con ngựa.

Nàng biết chuyện nói:

— Anh vì em mà đến nỗi nhẵn túi, bán áo, tình thật không đành tâm. Nay có con ngựa thay chân lại bán nốt, thân ngoài ngàn dặm rồi lấy gì mà về? Thiếp còn ít của riêng có thể giúp anh đề tiêu dùng.

Sinh từ chối mà rằng:

— Rất cảm tấm tình tốt của em, em đó xin ghi tâm khắc cốt, khó nói chuyện báo đền. Nhưng đến điều tham lam hèn mọn đề hao tổn tiền tài của em, sao cho đáng mặt làm người.

Nàng cố nài ép:

— Nếu thế em cho anh vay vậy.

Nói rồi nắm tay Sinh lôi đi. Đến một gốc dâu, chỉ vào một hòn đá bảo chàng vịn ra. Sinh nghe theo. Lại rút trâm cài đầu vạch xuống đất mấy chữ thập rồi bảo Sinh đào lên. Sinh lại làm theo. Thấy một cái miệng chính nhà ra. Nàng thò vào chính mồm ra chừng năm mười lạng bạc trắng. Sinh nắm tay nàng lại bảo thôi.

Không nghe. Lại đào thêm hơn mười chỗ nữa. Sinh cố từ chối, sau chỉ nhận một nửa, còn đầu lại lấp lại như cũ. Một đêm, nàng bảo Sinh rằng:

— Căn đây đã nghe phong thanh có điều tiếng, cái thế đời ta không lâu dài như thế này được. Không thể không mưu tính.

Sinh sợ quá hỏi:

— Biết làm thế nào bây giờ? Tiều sinh vốn tính hết sức giữ gìn mà nay vì nàng như gái góa thất tiết, không còn biết tự chủ được nữa. Vay nhất nhất xin theo lời nàng dạy bảo, dù cho sấm sét búa rìu cũng cam lòng.

Nàng bèn tính chuyện rủ nhau đi trốn, bảo Sinh hãy cứ về quê trước đi, hẹn gặp nhau ở đất Lạc. Sinh sắp sửa hành trang, lúc ra đi nghĩ bụng hãy cứ về rồi đến đón nàng sau. Vừa tới nhà đã thấy xe nàng đỗ trước cửa còn nàng lên ngồi trên nhà cho gia nhân vào làm lễ ra mắt. Bỏn bên hàng xóm lấy làm lạ kéo nhau đến mừng, nhưng không ai biết rằng tay đôi đã rủ nhau đi trốn. Sinh trong lòng vẫn lo lắng nhưng nàng vẫn thản nhiên. Bảo Sinh rằng:

(Xem tiếp trang 48)

(1) Câu này có hai nghĩa: nói thẳng là muốn lấy cái gậy như ý, một đồ dùng có hình ngón tay, có cán dài gắn lưng; nói bóng là muốn được toại nguyện cùng Cát Cấn.

(2) Người ta hay trồng mẫu đơn dưới gốc dâu. Nguyên văn "Tang mỵ-mỵ" nghĩa là bà già họ Tang; cũng có nghĩa là cây dâu.

NGHỀ VIẾT THƯ TÌNH

NGUYỄN-HOẠT

Chiếc thuyền lơ lửng bên sông
Biết đem tâm sự ngỏ cùng ai hay.
Chắc chi thiên hạ đời nay
Mà đem văn tự làm rầy chiêm bao



Ồi đọc đi đọc lại đến mười lượt bốn câu thơ này viết bằng những nét chữ rất bay bướm trên một tờ giấy đánh máy mỏng tang. Quái lạ! Cái thằng cha Giốc này đã thành dờ người thực rồi sao? Tôi tốn công lặn-lội hàng ngàn cây số lên tận đất Ban Mê Thuật rừng xanh núi đỏ với mục đích rủ hân về thủ-đô viết báo soạn sách. Ấy thế mà hân cứ lơ đi chỉ ư ào cho qua chuyện, rồi rủ tôi vào rừng tìm phong lan. Lúc chia tay, tôi ân cần nhắc lại cái ý định khiến tôi lên tìm hân, hân cười tùm tụp:

— Được chú cứ về. Anh sẽ có thư nói rõ về việc đó.

Tôi về chờ đợi suốt một tuần. Rồi nhận được vèn vèn có bốn câu thơ trên mà người ta bảo là của cụ Nguyễn Trãi làm ra, nhưng Giốc đã đổi hai chữ "non nước" ra hai chữ "văn tự" ở câu thứ tư. Ước thật!

Chắc chi thiên hạ đời nay

Mà đem văn tự làm rầy chiêm bao!

Hừ! Thì ra cái anh chàng này đã mượn bốn câu thơ của Ưc Trai tiên sinh để ngụ ý. Cái ý đó là cái ý muốn từ chối lời đề nghị của tôi. Nhưng tôi với hân là bạn đồng học, là bạn tâm giao, hà-cớ hân lại phải ngụ ý một cách đong đưa như vậy? Vì thế tôi nhất định không chịu: tôi lại phải tìm lên miền Cao Nguyên lần nữa, gặp mặt Giốc cho kỳ được. Và buộc anh ta phải nói ra cho hết lời cái tâm sự của anh.

*

Ngồi trên xe ca tôi băn khoăn nghĩ ngợi mãi về thái-độ của Giốc. Tôi hồi tưởng lại những ngày hai chúng tôi còn cắp sách đi học ở trường huyện Duyên Hà, tỉnh Thái. Hồi đó tôi mới lên chín, học lớp ba; còn anh đã mười ba học lớp nhì năm thứ hai. Tôi mồ côi cha, được ông bác ruột nuôi, mà bác tôi làm lục sự tại ngay huyện đường nên từ nhà tôi đến trường chỉ vài chục thước. Còn anh Giốc nhà nghèo cũng sống trong cảnh mẹ góa con côi, nhà ở xa trường hàng chục cây số.

Thoạt đầu chúng tôi quen nhau trong những ván đánh đáo lỗ: tôi chơi đáo lỗ đã nổi tiếng là tài. Thế mà tôi vẫn phải thua anh ta. Sau này cùng thông cam nhau trong cảnh mồ-côi mồ-cút nên hai chúng tôi trở nên đôi bạn nối khố.

Và chúng tôi thỏa thuận với nhau rằng hễ đám đáo lỗ nào có anh thì tôi thôi; hoặc đã có tôi thì anh cũng đứng ngoài để mách nước.

Sở dĩ như vậy là vì trước đó, chúng tôi còn chơi "vợ chồng"; mà trong đám nào đã có hai chúng tôi liên hiệp trong cái thể thức "vợ chồng" thì mọi đứa trẻ gọi là chấy tui. Sau này, vì bị chúng đồng thanh cấm tôi với Giốc "vợ chồng" cho nên chúng tôi mới phải thỏa hiệp ngầm với nhau như vậy. Nhưng dù chỉ được một người chơi, chúng tôi bao giờ cũng vẫn được. Được bao nhiêu chúng tôi chia đôi. Nhờ cái tài nghệ "đáo lỗ" hai chúng tôi cũng không đến nỗi bần hàn quá trong cái cảnh đi học không một đồng chích dính tui.

Ngoài số tiền làm vốn cho mỗi đứa, hàng ngày chúng tôi còn cả tiền mua xôi, mua mận ăn trong những giờ ra chơi.

Thành thử trong suốt hai năm giòng những đứa con nhà giàu đã đua nhau cung phụng cho hai chúng tôi đủ thứ của cải trò đáo lỗ.

Không những giỏi nghề đánh đáo, Giốc còn giỏi cả trong việc học nữa. Thời ấy, người ta còn bắt học chữ Nho cả ở bậc tiểu học: những nét sỏ, nét móc, bộ thủy, bộ hỏa làm cho tôi chán ngán như lạc vào mê-hồn trận. Mỗi tuần cứ đến ngày thứ năm tôi lo ngay ngáy. Thấy thế anh Giốc viết hộ tôi rồi dạy tôi học. Chữ Nho anh viết, đến ông bác tôi là một nhà thêm nho cũng phải khen. Về môn quốc văn thì không ai ăn đứt Giốc: những bài luận anh làm đã được thầy trưởng giáo lấy làm bài mẫu cho học trò lớp nhất.

Còn nhớ hồi đó cứ mỗi tháng khi thấy tóc mọc dài trùm tai là tôi lại lo: bà xu một cái đầu húi. Anh Giốc vì thương mẹ phải chạy chợ vất vả tới ngày mà không đủ ăn nên không dám xin, còn tôi mỗi lần xin tiền bác gái tôi để cắt tóc thì y như là một tội nhân bị hỏi cung.

Bác gái tôi hỏi lục vấn hàng giờ, dờ mọi thói hư tật xấu của tôi ra-xỉ và rồi mới cho ba xu cắt tóc. Ấy thế mà sau này nhờ ở cái tài nghệ của chúng tôi, nhờ ở sự liên hiệp chặt chẽ của chúng tôi về môn đáo lỗ nên chúng tôi tự-túc được trong việc cắt tóc.

Tết năm ấy, tôi lên mười mà Giốc cũng sắp mười bốn tuổi; sang năm nữa là anh đi thi bằng Xéc-ti-phí-ca (1)

Gần Tết chúng tôi ngao ngán nhìn những bạn con nhà giàu mặc áo mới, đi giày mới, nghênh ngang vác những bức tranh Tàu rực rỡ màu sắc. Những củ thủy-tiên, trang trọng trong những chiếc bát sứ, những bánh pháo có vẽ hình bầy tiên-nữ uyển-chuyển như nhẩy múa, cả tất những thứ đó đối với chúng tôi chỉ là những thứ gì cao quý, xa lạ khiến cho lòng chúng tôi thêm nao-nức.

(1) Bằng Tú nghiệp tiểu-học thời Pháp thuộc.



Thế rồi, sau cái buổi đọc chúc từ mừng thầy ngày tất niên, Giốc rủ tôi ra một góc sân cúi vào tay tôi nắm hào mới trắng tinh. Tôi cảm động đến ứa nước mắt.

Năm sau, Giốc đi thi đậu ưu hạng. Tiếng tăm anh vang cả huyện. Thầy trưởng giáo ngợi khen anh trước mặt tất cả trường, hoan hỉ cho rằng anh đã làm vẻ vang cho trường huyện Duyên Hà. Tôi cũng cảm thấy hân diện được là bạn thân nhất của anh. Nhưng chia tay nhau trong buổi học cuối cùng năm đó, tôi nghẹn ngào không nói ra lời, chỉ ứa nước mắt khóc.

Rồi anh lên trường tỉnh học tiếp ở ban trung học. Còn tôi, một năm sau, vì bác tôi dời đi tỉnh khác, tôi cũng đành vác khăn gói về quê ở với mẹ. Từ đó chúng tôi bắt vô âm tín. Cho đến ngày di-cư vào Nam tôi mới lại có dịp gặp anh. Mãi chúng tôi mới nhận được nhau. Hồi ra mới biết, sau này anh đỗ bằng Cao Đẳng tiểu học rồi, vì nhà nghèo mẹ yếu phải quay về học nghề thầy lang, cái nghề cũ của cha. Được cái anh chịu khó nghiên cứu và bốc thuốc cũng mát tay nên đường sinh sống không đến nỗi quần bách lăm. Lúc mẹ qua đời, anh đã có vợ và hai con. Hồi tàn cư anh chuyên trị bệnh sốt rét ngả nước nên có nhiều kinh nghiệm về khoa đó.

Tái ngộ ở miền Nam, chúng tôi nói lại tình bạn xưa, đi lại chơi với nhau rất thân. Do đó tôi nhận thấy anh rất giàu kinh nghiệm về việc đời và học lực của anh về Hán văn cũng như về quốc-văn đáng làm bực thầy tôi. Hồi đầu anh mở cửa hàng trong Gia Định, tôi năng đến thăm anh để học hỏi. Có lần tôi khuyên anh nên bỏ nghề lang thuốc để ralam nghề văn, anh cười đáp rằng:

— Làm thầy lang, tôi theo vương - đạo: cho nên khó có thể bốc thuốc giết người được. Chữ còn nghề văn của các anh bây giờ nếu không dùng bá đạo thì khó sống lắm. Văn - chương mà xu-phụ bá đạo thì còn đi hại gặp mấy nghề bốc thuốc của bọn lang vườn.

Một năm sau, anh Giốc mang cả gia đình lên Ban Mê Thuật. Anh vẫn làm nghề kê đơn bốc thuốc nhưng anh lại mua được một khu đất để trồng thử mấy thứ được thảo mà anh bảo là có thể trồng lấy được ở khí hậu miền cao nguyên.

Xe vừa đỗ bến, tôi xách cặp đến thăm nhà Giốc. Trông thấy tôi mặt mũi, quần áo đồ những bụi anh gọi con lấy nước cho tôi rửa mặt và mỉm cười hỏi:

— Lại lên làm gì thế? Ở Saigon nóng lắm hả? Hay vẫn còn muốn rủ rê nhau làm nghề văn chương?

Tôi lăm lăm không đáp. Rửa mặt thay quần áo xong, lúc ngồi vào uống trà tôi mới hát hăm hời:

— Anh gửi cho tôi bốn câu thơ bí hiểm như sấm thế để làm gì? Anh định nói gì sao không nói thẳng mà lại phải mượn lời Nguyễn Trãi?

Giốc vẫn cười, thủng thủng nói:

— Thông minh như chú sao không hiểu, hà tất phải bức nhau nhiều quá.

Tôi nghiêm giọng:

— Hồi xưa anh là người có văn-tài mà lại tỏ ra rất ham mê văn thơ. Đến nay thấy anh là người có học rộng, kiến thức nhiều nên tôi mới muốn nói với anh giúp tôi một tay trong cái công cuộc này, Vừa là để sinh sống, vừa là để truyền bá tư tưởng. Vậy thiết tưởng anh cũng không nên có những lời lẽ quá phóng phiếm đối với cái việc văn chương.

Giốc không cười nữa. Anh uống hớp trà rồi nhìn tôi đáp:

— Nếu muốn sinh sống, sao không quay sang nghề bốc thuốc như tôi hoặc trồng trà như bao người khác? Tôi sẵn sách thuốc mà chú cũng thừa sức để đọc chữ Hán. Còn cách thức cần thuốc sao cho khỏi lầm, khỏi hó chủ cứ ở đây tôi bảo đảm ba bữa là sành rồi. Đến như điều dùng văn chương để phổ biến tư tưởng thì...

Đến đây anh lại cười. Tôi nóng ruột hỏi:

— Thì sao?

— Thì, đúng như Lão Tử đã dạy: "Đạo khả đạo phi thường đạo dã" (2) đó chú ạ!

Tôi cau mặt:

— Xin anh hãy xếp những tư tưởng Lão Trang vào tủ kính. Hoặc đưa về Viện Bảo Tàng Saigon mà cất cho kỹ. Lúc này đâu có phải lúc đem cái "thanh tịnh vô vi" ra mà dạy đời được.

Chậm rãi Giốc nói:

— Tôi có dạy ai đâu! Tôi thực hành cho riêng tôi đó mà thôi. Vì chú cứ văn mãi nên tôi mới nói ra.

Tôi không dám miệt thị văn - chương thực ra

(2) Cái đạo mà đã dùng lời nói ra được thì không phải là đạo.

— BÁC SỸ —

DƯƠNG-QUANG-CẢNH

2 Cao Thắng SAIGON

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

tôi sợ nó. Trong mấy chục năm trời nay mỗi khi có ai nhắc đến cái vắn tài của tôi, tôi lại cảm thấy sự hồi hận dâng lên lương tâm. Trước đây, những tưởng chúng ta không còn cơ hội nào gặp mặt nhau nữa, tôi đã quyết định dấu kín nỗi lòng cho đến lúc chết, không ngỏ ra cho ai biết. Bây giờ nhân có câu chuyện này tôi mới nói rõ cho chú hay : *tôi đã mang nặng tôi sát nhân vì pân-chương*. Không phải vì vô tình mà là cố ý.

Tôi mở to mắt nhìn Giốc, chờ anh kể nốt chuyện. Không may lúc đó, một ông già bạn quần áo nâu đi xe đạp đến đón anh đi xem mạch cho một con bệnh. Giốc dặn tôi :

— Chú cứ ở nhà chơi với nhà tôi và các cháu, xem sách hoặc nghỉ ngơi. Đến tối, uống rượu tôi sẽ nói nốt chuyện.

Dần xong, anh vác xe đạp ra đi. Xế chiều trở về, Giốc lễ mễ đeo sau xe hàng chục khóm lan đủ loại. Tối hôm ấy, cơm rượu xong, anh vác chiếc ghế bồng dẫn tôi ra góc vườn. Ánh trăng mềm dịu như tơ nỏn, tỏa vào màn sương bạc, lãng động trên lá cành, mơn trớn mấy luống rau thơm dưới chân chúng tôi. Bằng một giọng trầm trầm, chậm chạp, Giốc kể cho tôi nghe câu chuyện mà anh bảo là đã dấu kín trong tâm-tư từ hơn hai mươi năm nay. Thoạt đầu anh hỏi :

— Chú còn nhớ lại những năm chúng mình cùng học ở trường huyện Duyên Hà không ?

— Nhớ lắm !

— Chắc chú cũng thừa biết rằng hồi đó nhà tôi nghèo lắm. Ấy thế mà, thỉnh thoảng tôi vẫn cố nặn giúp đỡ cha mẹ tôi, chắc chú còn nhớ vì sao !

Tôi gật đầu đáp :

— Vì cái tài nghề đánh đáo lố.

Giốc mỉm cười :

— Tài đó chỉ giúp một phần nào cho chúng mình ăn quả. Và cùng lắm là để cho chúng mình có tiền tiêu mỗi khi có dịp hội hè, tết nhất cho bằng chúng bạn. Trong suốt một năm học lớp nhì năm thứ hai và nửa năm học lớp nhất tôi đã có cách xoay tiền bằng một nghề khác mà chú không biết : đó là nghề viết thư tình...

Tôi còn đang ngạc nhiên, Giốc đã hỏi :

— Chú có nhớ cái năm chú học lớp ba, tôi học lớp nhì, ở trường mình có cái gì lạ không ?

Tôi bó-ngó chưa kịp nghĩ ra, anh nói :

— Ở lớp nhất có một nữ sinh, con gái quan huyện tên là cô Xuân Trang, chú nhớ không ?

Chợt nhớ lại, tôi đáp :

— Phải rồi ! Có mỗi một mình cô ta là học trò con gái. Tuy sức học mới lớp nhì mà vẫn được học ở lớp nhất, ngồi một mình ở bàn đầu và được thầy trưởng-giáo đích thân trông nom dạy dỗ vì cô ta là con quan huyện.

— Ấy đấy ! Bao nhiêu chuyện éo le đều do cô ấy mà ra cả.

— Anh em cô ấy ?

— Nào có em ! Nếu em thì có gì lạ. Chú có nhớ thằng Quế chứ ? Thằng Quế con ông chánh Sầm ở Tú Tòng ấy mà ! Thằng cha người to lớn, đẹp trai, miệng cười rất tình và lúc nào cũng mặc chiếc quần là trắng bong với chiếc áo the thâm mùa hè, áo đoạn lót lụa xanh mùa đông. Năm ấy nó cùng học một lớp với tôi. Tuy có em người nhưng Quế học kém lắm, thường bị xếp bét lớp và luôn luôn bị thầy giáo xỉ vả. Thấy thế tôi cũng thương nhưng lại nghĩ bụng nó con nhà giàu, bỏ nó có hàng trăm mẫu tư điền mà lại dục khoét của dân khét tiếng thì tôi gì mà thương ! Vì thế, tôi xoay ra làm tiền. Tôi giả làm bài hộ nó, cứ mỗi bài toán một xu bài luận hai xu, còn luận Pháp văn thì ba xu. Cái nghề " giả bài " như thế làm cho tôi kiếm được mỗi tháng một vài đồng. Thấy con học ngày một khá, ông Chánh Tú Tòng không hẹp gì mà không thưởng cho con mỗi tháng vài đồng ; tiền đó lại sang tay tôi. Từ khi có cô Xuân Trang, tôi thấy Quế càng diện hơn : quần lúc nào cũng là đứng nếp và đôi giày ta đã nhường chỗ cho đôi giày tây cụt cổ bóng loáng. Những giờ ra chơi tôi nhận thấy Quế không đánh đáo nữa mà chỉ lượn đi lượn lại chỗ hành lang có Xuân Trang đứng. Thấy vậy một hôm tôi nảy ra ý kiến xui Quế tỏ tình với Xuân Trang. Quế, nét mặt thần thờ, ngập ngừng nói :

— Nhưng cô ta con quan mà lại học ngay lớp thầy trưởng-giáo thì mình làm thế nào được !

Tôi nói huých vào :

— Con quan kệ nó chứ ! Cứ cái vẻ đẹp trai như anh mà lại thêm những lời lẽ bay bướm thơ mộng thì đến con Trời cũng phải chết. Còn như việc nó ngồi gần thầy giáo thì cần quái gì ? Không cần sất được anh cứ viết thư : thế nào cũng ăn chết.

Lúc đó có lẽ Quế đã si mê lắm rồi nên khi nghe tôi nói, vẻ mừng rỡ ra mặt. Hân năn nỉ với tôi xin giúp hộ cho bu tới bán Tết, bận lắm. Tuy từ chối

— Ấy là tôi mách nước cho anh thế thôi ! Chú còn anh yêu người ta thì chính anh phải viết lấy thư chứ. Và lại hồi này tớ còn bận làm vàng mã hộ cho bu tới bán Tết, bận lắm. Tuy từ chối

thế nhưng rồi tôi cũng làm cho Quế phải nhờ đến tôi viết thư hộ cho hân : đề hân gửi cho Xuân Trang. Quế dúi cho tôi một đồng bạc. Tôi về nhà tra cứu thơ phú, sách vở viết hộ cho Quế một lá thư dài bốn trang, trong đó có thơ Kiều, thơ Lamartine, cả đến những điển tích trích trong *Tinh Sử* và hàng đoạn dài văn dịch trong cuốn " *Lời xưng tội của đứa con thế kỷ* " của Alfred de Musset.

Quế trân trọng chép lại. Rồi một ngày kia hân đã tìm được cách trao thư vào tay Xuân Trang.

Một cô gái con quan tuổi mới mười sáu, ăn sung, mặc sướng, thế xác phây phây mà tinh thần lại ướt đầm những tư tưởng lãng mạn của chuyện tình " *Tiểu thuyết thứ năm* " và " *Tiểu thuyết thứ bảy* " thử hỏi tránh sao khỏi được sự sa ngã trước cái vẻ đẹp dễ phớp pháp của một thằng trai có nụ cười tình mà lại viết ra được những lời văn thắm thía, bay bướm ? Vì thế bức thư của tôi chỉ như cái ngòi pháo làm nổ bùng cái tình lưu luyến thâm kín của Quế và Xuân Trang. Cái ngày mà Quế tay run run đưa cho tôi xem bức thư trả lời của người yêu cũng là ngày mà tôi tin chắc rằng cái nghề viết thư tình của tôi có cơ phát tài. Tôi cũng lại cảm thấy mãn nguyện, kiêu hãnh. Vì lần đầu đem văn chương ra thí-nghiệm, tôi đã trông thấy nó có hiệu quả. Cái hiệu quả đó không những là năm hào mỗi bức thư từ bức thứ hai trở đi, mà còn là sự được trông thấy một cô gái con quan, bị chinh phục bởi lời văn của chính mình.



Cái cô gái ăn mặc sang trọng, răng trắng như ngà, mình vàng vóc ngọc, khi đi, khi về có lính hầu đưa đón, bầm báo uy nghi, cô gái ấy đã bị văn chương của tôi thu phục được đó ! Như thế không hãnh diện sao được ? Tuy thỏa mãn trong tình thần nhưng tôi cũng không quên lấy tiền trước mỗi khi viết hộ cho Quế bức thư trả lời. Thư đi lại càng nhiều, tôi càng kiếm được. Ngoài ra, Quế lại còn cung phụng cho tôi rất nhiều thứ. Kỳ giỗ chạp đình đám nào Quế cũng mang cho tôi một miếng phần thịt bò thui gói trong lá chuối. Tôi còn nhớ nhà Quế có vườn mận quả rất ngon : tôi giả hân mang cho tôi mỗi ngày một quả. Vì thế nên hồi đó chúng mình được ăn mận kỳ nó. Tôi nói dối chú là tôi mua nhưng kỳ thực là của Quế.

Công việc làm ăn của tôi cứ theo cái đà tiến của tình yêu đôi lứa đó mà tiến-phát theo. Ấp Tết năm ấy bỗng xảy ra một việc khá quan trọng trong cuộc tình-duyên của Quế. Gần ngày Tết Niên, Quế tìm tôi bàn khoán đưa cho xem bức thư của Xuân Trang vắn vắn có mấy hàng chữ như sau :

Anh Quế yêu kính của em.

Đến mùng một Tết này cậu mợ em sẽ lên tỉnh trong hai ngày để lễ Tết quan trên. Nhà vắng cả nên em mời anh vào chơi với em trong tư thất. Em sẽ chờ anh từ hai giờ chiều. Anh cứ vào thẳng đường ngay : em đã nhờ đứa con gái bác Cai Cờ đón anh vào.

Em thấp hươg để chờ anh ! Đừng quên anh nhé, người thi sĩ của em !

XUÂN TRANG

Quế bán-khoản hỏi tôi nên nhận lời hay không ? Và nếu nhận lời thì làm thế nào vì hân rất sợ phải nói chuyện tay đôi với cô gái con quan huyện. Không phải là lần này hân mới gần đàn bà. Hân thú thực với tôi rằng hân đã từng trên ghẹo những

gái quê ở mùa cho nhà hân. Nhưng lần này nếu phải giáp mặt một trang " *thiên-kim-tiểu-thư* " có học mà lại con quan, hân sẽ xử trí ra sao, ăn nói như thế nào ? Trong thâm tâm, tôi cũng cảm thấy đáng lo cho hân thật. Một thằng đàn độn, ngay ở trong lớp với thầy với bạn mà nói một câu cũng ấp úng không gãy góc thì thử hỏi tán gái làm sao được. Tuy nhiên tôi vẫn cười, mạnh bạo khuyến khích Quế :

— Thế là may cho anh lắm rồi ! Đúng ngày Tết lại được tình nhân ước hẹn, đáng lẽ anh phải mừng chứ sao lại lo ? Còn nên xử trí như thế nào tôi đã có cách.

Tôi nói lửng lơ thế rồi thôi. Chiều hôm ấy, Quế tìm đến nhà tôi biếu mẹ tôi đôi gà và dúi cho tôi một đồng tiêu Tết.

Ngồi chơi một lúc lâu khi ra về, hân mới thử thì hỏi tôi xem làm cách nào vì hân đã nhất quyết nhận lời.

Tôi nhìn đáng mặt bần thần của Quế rồi mỉm cười đáp :

— Cái cách xử trí hay hơn hết là anh cứ im-lìm đừng nói gì cả. Như thế năng sẽ phục anh là người thâm trầm.

Quế ngạc nhiên hỏi :

— Chết ! người ta mời mình vào để nói chuyện mà sao anh lại bảo là đừng nói. Thế ngộ người ta hỏi mình thì sao ?

— Phải ! nhất định đừng nói. Có hỏi điều gì thì anh chỉ ừ ăo cho qua đi. Anh cứ giữ đúng như thế cho tôi : năng sẽ cảm-phục và mê anh hơn. Quế ra về, vẻ mặt chưa hết lo ngại.

Hân về rồi tôi tự - vấn lương tâm mới thoáng nhận thấy mình đã làm một việc tội lỗi. Trong những bức thư gửi cho Xuân Trang trong năm qua, tôi đã nấp dưới tên họ và hình ảnh của Quế để bộc lộ hết cả nỗi lòng của một kẻ si tình. Có những lần tôi nặn óc làm ra những câu thơ lảm ly như giọng thơ Cao Bá Nha trong khúc hát *Tự Tình* :

Chờ em chờ đến bao giờ

Quạ kêu khe suối trắng mờ đầu non

Hoặc thắm thía gọi cảm như hai câu :

Sông dài cạn nửa dòng thơ

Thuyền không mây lá đôi đôi bờ tương-tư.

Những câu thơ đó lồng vào những lời văn tình tứ, dĩ dỏm đã quyến rũ được một cô gái con quan, trong trắng từ tâm hồn đến thể xác. Và như thế chỉ để... làm tiền. Và để thỏa-mãn cái óc tính nghịch của mình.

Đúng ngày mùng một Tết, tôi lần-la đến trước nhà bác Cai Cờ trong huyện để xem Quế làm ăn ra sao vì quả tình tôi cũng lo cho Quế lắm. Lo cho Quế mà lo cả cho tôi, vì Quế mà bị lộ chân-tướng thì không những tôi hết cách kiếm ăn mà còn có thể bị liên-lụy, nếu việc vỡ lở. Chừng ba giờ chiều tôi lên phòng bên, nơi tư thất quan huyện. Thì gặp Quế cũng vừa vào. Xuân Trang tự tay rót nước mời Quế rồi cười nói những gì tôi không rõ, chỉ nhận thấy vẻ mặt nàng rạng rỡ.

Quế trái lại cứ thu hai tay trong vạt chiếc áo đoạn lót lụa xanh, dáng điệu ngưng ngệu trông đến tức cười. Tôi không thấy anh nói gì, thỉnh thoảng lấp bắp mấy tiếng. Ngồi một lúc lâu lắm rồi tôi thấy hân đứng dậy theo Xuân Trang đến ngắm từng bức tranh, từng bức hoành phi, câu đối rồi gặt cái đầu. Ở ngoài tôi mừng thầm hân đã đóng kịch đúng như lời nhà đạo diễn. Bỗng nhiên Xuân Trang bước vào phòng ngủ vẫy Quế vào. Tôi giật mình đánh thót, bụng nao nao, hai thái dương bùng bùng như bốc lửa. Chết bỏ mẹ ! Không ngờ hậu quả của Văn chương mình lại đến thế này ư ? Nhưng may thay, Quế nhìn trước nhìn sau rồi lưỡng lự đứng dừng lại. Thoắt chốc, Xuân Trang trở ra, trong tay bế một đứa trẻ chừng ngót một năm, bụ bẫm trong bộ quần áo lụa màu hoa đào. Nàng cười, tiếng trong như pha lê, hỏi Quế :

— Anh trông xem em nó có bị không ? Để anh biết nó mấy tháng !

Vừa nói nàng vừa chìa thẳng bé ra đặt vào lòng Quế. Quế dơ tay ra bế thì vừa vặn, Xuân Trang đặt hai tay vào lòng bàn tay hân rồi liếc hân cười rất tình. Bỗng thoáng thấy bóng người, Quế lúng túng như muốn trốn.

Rồi không biết thần hồn nát thần tính ra sao, tay run run trao trả đứa bé, miệng lấp bắp :

— Cậu trông... trông đẹp lắm ă ! Thôi xin phép... phép cô, cháu... cháu đi về, không nhớ ai biết thì... thì chết.

Xuân Trang thất vọng ra mặt, dương tráo mắt nhìn Quế như nhìn một quái vật. Còn Quế hấp tấp nhìn ra cửa sau, rón rén chuồn mất. Tôi cũng lên ra về, nghĩ mà thương hại thay cho Xuân Trang. Và cho cả Quế. Tôi cảm thấy sần sác cái tính cách vô nghĩ và xấu xa của việc tôi đã làm.

Sau mấy ngày Tết, tôi thấy Xuân Trang đi học nét mặt vương buồn còn Quế thì thờ thờ như thằng mất hồn. Từ đó không thấy Quế nhờ tôi viết thư ; mà cũng không thấy cho tôi xem thư của Xuân Trang.

(Xem tiếp trang 49)

ANH HÙNG DẠM VỢ

Truyện Lao Động Thi Đua 1958 của CÔ THẦN

«...Về nhiệm vụ chính trị trung tâm hiện nay ở miền Bắc, Hội Nghị nhất trí nhận định rằng trong mấy năm sắp tới, nhiệm vụ trung tâm là cải tạo xã hội chủ nghĩa để tạo điều kiện thuận lợi căn bản cho việc đẩy mạnh công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà...»

(Trích Nghị Quyết của Hội Nghị Trung Ương Đảng Lao Động lần thứ 14, Hà Nội, tháng 11-1958).

THEO chương trình đã định, Trần Trí Tinh được ban tổ chức dành cho vinh dự đứng ra giới thiệu chiến-sỹ thi-dua của xí nghiệp mình ngay sau khi dứt phần nghi lễ. Người xí ủy khoan thai tiến ra hội trường giữa

tràng pháo tay ròn rã.

Quang cảnh hội nghị lần này cũng vẫn giữ vẻ trang nghiêm như thường lệ, nhưng sao phút này anh thấy ngột trong cổ họng. Hơn là dành cho một cá nhân, vinh quang này sẽ là vinh quang của Chi Đoàn, của Xí Nghiệp của cả giai cấp công nhân lao động. Anh biết rằng lúc này không thể cầu khẩn thần thánh nào phù hộ độ trì để cho người chiến-sỹ thi đua mà anh sắp giới thiệu trước hội nghị sẽ được tuyệt đại đa số bình bầu làm * Anh-Hùng-Lao-Động-1958 *. Điều đó, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-Nin, chỉ có thể tương đương ở sự chứng giám của Đảng. Ngược mắt nhìn lên ba bức hình lớn treo ngay trên đầu chủ-tịch đoàn của hội nghị anh thấy phừng phập mắt hiền từ của Lê-Nin vĩ đại, của Hồ Chủ-Tịch và của Mao Chủ-Tịch quý mến đang khuyến khích đang thúc giục người xí ủy hãy phấn khởi bước lên. Giọng nói của Trần-Trí-Tinh thật là cảm động và thành khẩn.

Diễn văn của Trần-Trí-Tinh

Thưa Chủ tịch Đoàn

Thưa Đồng chí Chủ-tịch

Thưa Đồng chí Bí-thư

Thưa các đồng chí

Nhân Hội-Nghị Liên-Hoan Chiến-sĩ Thi-dua và Lao-Động Xuất-sắc thanh-niên các Công-trường và Xí-nghiệp Hà-nội, tôi xin giới thiệu với các đồng-chí: đồng chí Hoàng-văn-Mạnh, Chiến-Sĩ Ngành Đồ Thùng, đoàn viên Thanh-niên Lao-Động Công ty Vệ-sinh Hà-Nội của Đảng ta.

Thưa các đồng chí

Bốn mươi năm về trước, bố anh Hoàng-văn-Mạnh

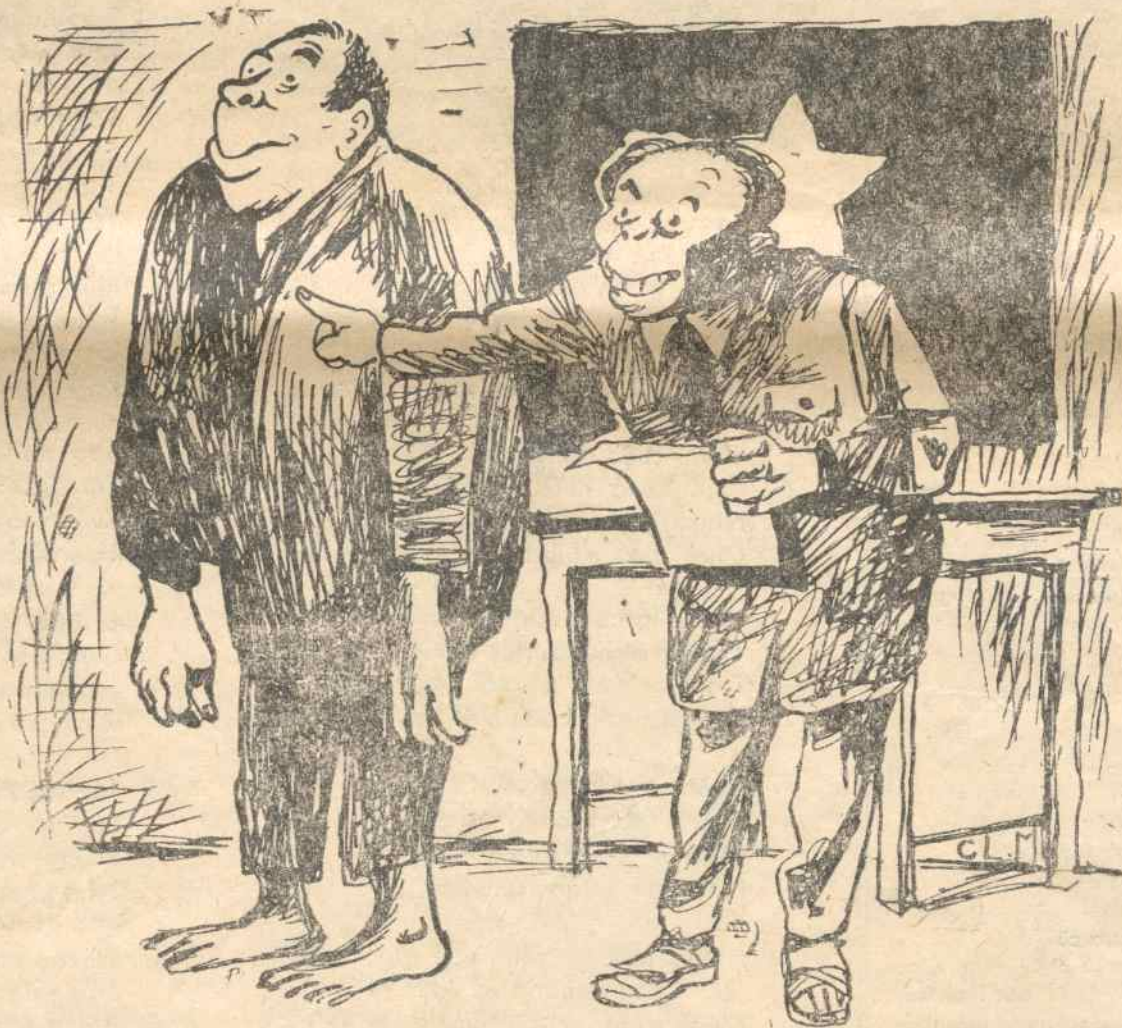
trốn bọn đế quốc bắt «linh chào mào» đưa sang Pháp, đã bỏ làng chạy lên Hà-Nội. Sau mấy năm trời lao đao vất vả, bị dồn vào thế cùng, ông cụ (lúc ấy còn là một thanh niên) đã phải đi làm nghề đồ thùng. Đời người phu đồ thùng hồi ấy chỉ những cơ cực nhọc nhằn. Miếng cơm manh áo thiếu thốn đã đành, ra đường gặp người làng còn phải tránh mặt. Ai có hỏi làm gì? chỉ giám nói tránh là làm «ở sở lực lộ». Nhiều nhà cũng khinh khi họ hàng họ, mỗi khi bắt buộc phải nói với thì một điều «mày», hai điều «nó».

Gần bốn mươi năm qua, năm 1955, cũng như bố, anh Mạnh cũng làm nghề đồ thùng. Vẫn những đường hẻm ấy, những hố xí ấy, vẫn những thùng phân đầy phè ấy, những xe bò chứa thùng quét hắc ín ấy, nhưng cuộc đời của Mạnh, cuộc đời người công nhân Công ty vệ sinh thành phố đã biến đổi hẳn.

Thực tình, trước đây anh Mạnh thường tâm sự với tôi rằng anh muốn học, muốn làm một nghề gì «cho nó bay nhảy», nghề gì có «cơ khí» một tí cho nó phù hợp với tiến bộ của chủ nghĩa xã hội

Sau ngày kỷ niệm một năm thủ đô giải phóng, lúc ấy mới mười bảy tuổi đầu anh có xin cơ quan để bắt cho đi học làm công nhân lái xe lửa. Được sự ủy nhiệm của cơ quan, tôi có nhờ một anh cán bộ đã từng hoạt động bí mật tại làng anh Mạnh nói chuyện với anh để giải thích cho anh: «Làm công tác đồ thùng cũng là phục vụ nhân dân, cũng là để nuôi sống thân mình». Đạo đó, tuy chăm chỉ công tác nhưng Mạnh vẫn lấy làm thẹn với nghề của mình. Anh đội chiếc mũ nhà binh, mỗi khi ra đường là kéo xup mũ xuống cho khỏi ai trông thấy mặt. Và nếu có người nào hỏi làm nghề gì Mạnh cũng chưa dám nói thẳng là «Đồ thùng».

Nhưng rồi ngày này qua tháng khác, Mạnh được cùng anh chị em trong xí nghiệp học tập về lao động, về phục vụ... dần dần «cũng sáng ra»: Xí nghiệp là của Đảng, các cán bộ cư xử rất ân cần



và thân mật. Tổ chức Công đoàn, rồi tổ chức Thanh niên thành lập, giúp đỡ đù đắt, và hàng phố đối với người đồ thùng cũng ngày một có thái độ tốt hơn. Đến lúc ấy Mạnh đã thủ thi với tôi: «Công tác của mình rất cần thiết cho thành phố cho nhân dân. Em nhận thấy làm tròn công tác này cũng thật vinh dự». Từ bấy đến nay hơn một năm trời, đêm nào cũng như đêm nào, mùa đông mưa rét cũng như mùa hè nóng bức, đồng chí Mạnh đã kéo chiếc xe đồ thùng đi khắp các phố Hàng Bông, Hàng Bội, Hàng Cháo, phố Bích Cầu, phố Văn Miếu... Hàng nghìn nhà xí cũng như hàng trăm mặt phố đã được đồng chí Mạnh hăng hái đồ thùng, thay thùng quét dọn tinh tươm, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Xã Hội.

Nhân dân mến chuộng Mạnh, những bà mẹ cán bộ âu yếm gọi Mạnh là con. Vào dịp thi đua lấy thành tích chào mừng Đoàn Thanh niên Lao-động toàn quốc 1957 đồng chí Mạnh cùng một số anh em đi nhặt thùng. Đồng chí Mạnh đã là người độc nhất xung phong lợi xuống những cái hồ nước phân lều bều thối ỉnh để mò thùng lên. Đồng chí

tuyên bố: «— Mỗi cái thùng giá hàng vạn đồng, chúng ta lấy lại được những cái thùng chìm dưới hồ phân là đã làm lợi cho Đảng, lợi cho xí nghiệp không phải là ít».

Những ngày lễ lớn, người đồ về Hà-Nội đông như kiến, công tác đồ thùng càng thêm gay go nhưng đồng chí Mạnh đều có mặt. Chúng tôi đã từng thấy nhiều hôm vừa ở mít tinh, hội nghị ra, gặp xe vệ sinh thể là đồng chícott phút do nhẩy phốc lên xe đi đồ thùng. Những khâu hiệu mà đồng chí vừa hô vang trong cuộc mít-tinh đã biến thành sự thật lao động.

Đạo Hà-Nội có bệnh dịch cúm, xí nghiệp vệ sinh thiếu người, những thùng phân hàng phố cứ đầy ắp, thối ngạt, đồng chí Mạnh đã xung phong đi công tác cả ngày lẫn đêm: đồ, gánh, quét, rửa, đẩy xe... Những lúc ấy giữ cho phố phường được sạch sẽ, đồng chí Mạnh càng thấy công việc của mình là đáng quý đáng mến, càng nhận rõ lao động là vinh quang.

Thưa các đồng chí

Hắn các đồng chí còn nhớ hồi tháng Bảy trong năm, đề Mai-Lâm bị vỡ, Đảng ta mở công trường hàn để cứu lụt, đồng chí Mạnh cũng cùng một số anh em đi làm công tác đồ thùng tại công trường. Người đồ, nhà xí dựng tạm mà thùng thì thiếu, đồng chí Mạnh và các bạn phải làm cật lực. Ngày thì quét dọn, rửa với, tối thì thay thùng đồ thùng, đêm khuya lại gánh phân cho xe chuyển đi. Đảng đảng mười sáu ngày đêm như thế, không khi sỏi nổi của công trường như cuốn đồng chí đi. Đồng chí sung sướng thấy trong việc hàn con đề to lớn này không những có công lao của các kỹ thuật gia Trung-Quốc vĩ đại mà còn có công lao của những anh chị em đồ thùng trong Đoàn Thanh Niên Lao Động Việt-Nam.

Sang đầu năm nay đồng chí Mạnh được lên cấp, chuyển sang bộ phận đi kiểm tra trong thành phố thi hành công tác giữ gìn phân cho Đảng. Đồng

chí có nhiệm vụ ngăn ngừa một số người xưa nay sống bằng cách lấy trộm phân của thành phố do xí nghiệp quản lý. Công tác này có nhiều khó khăn mới nhiều người không hiểu thường cãi lại, thậm chí sùng sộ gây xung đột với đồng chí. Lại có người giờ thủ đoạn mua chuộc, mặc cả chia tiền. Nhưng bao giờ đồng chí Mạnh cũng giữ vững lập trường: «— Phân này là của Đảng, của xí-nghiệp, của nhân dân, tôi phải giữ».

Thưa các đồng chí

Đến nay, tình đã hơn ba năm đồng chí Mạnh làm công tác đồ thùng. Đồng chí đã nhận được hàng chục giấy khen và phần thưởng. Đây nhà mới ở khu lao động sắp khởi công nay mai, đồng chí sẽ được chia một gian. Đồng chí lại đã được cùng với anh chị em đón tiếp đồng chí Lê Duẩn, ủy viên Bộ Chính trị thay mặt Trung ương Đảng tới thăm xí nghiệp trong dịp Tết vừa qua. Tất cả những điều đó đã cho đồng chí Mạnh thấy rõ biết bao nhiêu đổi thay đã đến trong đời sống một người

đồ thùng dưới chế độ tươi đẹp của ta. Tôi xin phép được nhắc lại trước Hội nghị lời phát biểu của đồng chí Mạnh khi đồng chí nhân danh đại biểu của toàn thể anh chị em ngành đồ thùng hạ quyết tâm trong dịp Tết vừa qua trước sự chứng kiến của đồng chí Lê Duẩn:

«— Bấy giờ, chúng tôi không còn thối mả gì nữa với công tác đồ thùng. Khó khăn thì còn nhiều, nhưng với sự đù đắt của Trung-ương Đảng và Chính phủ đứng đầu là Hồ Chủ-Tịch thế nào trong công tác đồ thùng anh chị em chúng tôi cũng khắc phục được».

Thưa các đồng chí

Đã được bầu là Lao Động xuất sắc 1956 rồi Chiến sĩ thi đua 1957, với cái tuổi 21 và niềm phấn khởi lao động, đồng chí Mạnh xứng đáng được bầu là Anh-Hùng-Lao-động-1958. Chấp thuận lời đề nghị thành khẩn của chúng tôi là các đồng chí đã treo một gương sáng thi đua sẽ còn sáng mãi dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê.

Thưa các đồng chí

Trước khi hết lời, tôi xin các đồng chí cùng

TỰ DO XUÂN KỲ HỘI 1959

164 hơ to khẩu hiệu.

Cả nghìn cánh tay vung lên giữa những tràng sấm sét bật ra từ cả nghìn lá phôi đáp lại những tiếng hô của Trần-Trí-Tĩnh. MÀ ba từng đợt dội lên làm ba bức ảnh lãnh tụ cũng rung rung trên tường như muốn hưởng ứng.

Giấc mộng bình thường của chiến sĩ Mạnh

Thái vừa sôi bát cơm thứ sáu và tiếp sẵn mấy miếng thức ăn vào một bên để đưa cho Mạnh thì bà mẹ Tĩnh lại gấp miếng đậu rán bỏ vào và âu yếm nói :

— Ăn đi con, đậu rán ăn nóng mới ngon.

— Con cảm ơn mẹ.

Câu cảm ơn ấy Mạnh nói không biết bao nhiêu lần kể từ đầu bữa ăn. Trong bát anh còn nguyên hai miếng lạp nhục Mông-Cổ và cả một nút dưa chua mà cô Thái vừa gấp sẵn. Trần-Trí-Tĩnh bực mình vì sự vồn vã quá đáng của mẹ bên cạnh thiết :

— Bà cứ để anh ấy tự nhiên. Anh em nhà cả, làm như thế thì ai mà ăn được.

Người xí ủy cầm chai rượu bia Ngũ Dương rót nốt vào cốc của mình và nghĩ thầm :

— Cho thằng này ăn phí cả đi. Một bữa bằng mười bữa mà rồi chẳng biết nó « có sáng ra » tí mẹ nào không ?

Tiệc thì tiếc thật, nhưng đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn. Đảng nào thì Mạnh cũng là tác phẩm của anh. Từ thằng bé con dính phân từ đầu đến chân, anh đã làm cho Mạnh trở thành một « lao động xuất sắc » rồi thành « Chiến-sĩ Thi-dưa » của xí nghiệp, và mai đây trở thành « Anh hùng Lao động » của toàn quốc, nấc thang cuối cùng trên đài vinh quang. Và lao động là sáng tạo, thế mà anh đã sáng tạo ra Anh hùng Lao động.

Các đồng chí ở Trung ương tất sẽ không quên thành tích ấy của Trần-Trí-Tĩnh. Anh tin rằng sau kỳ tuyên dương Anh-hùng lao-dộng 1958, anh sẽ được rời khỏi chức vụ ủy viên của Đảng tại cái xí nghiệp vệ sinh bẩn tiện này để được cử vào ban giám đốc một công trường lớn nào đó. Chỉ ở công trường, một công trường xây dựng hệ thống thủy nông chẳng hạn, chỉ huy hàng vạn dân công, anh mới có đủ đất để tung hoành dặt dờn gây tin nhiệm với Đảng.

Đồng chí Trần-Danh-Tuyên đã chẳng hứa hẹn với anh như vậy sao ?

Tuy thế mà hôm nay anh lại cảm thấy triền vọng tươi đẹp ấy bị đe dọa rõ rệt. Sau buổi hội nghị liên hoan, anh mới nhận ra rằng đứng trước đông đảo quần chúng thì Mạnh của anh có vẻ mờ quá. Mà đến hôm nay qua bữa cơm tối này, gà nòi của anh tỏ ra không có một đức tính nào khác là chỉ biết cắm cổ vào công việc như một con bò suốt ngày đi quanh cái cần kéo mật. Không phải là anh không biết rằng Mạnh cần phải có một chút thông minh, nhất là cần có cái miệng biết ăn biết nói một cách tự động trong những hoàn cảnh thông thường. Chính vì biết như thế nên anh đã phải tổ chức bữa ăn hôm nay để cho Mạnh được tập dượt cho thành thạo trước khi làm quen với cấp lãnh đạo. Cũng chính vì thế mà anh cần dặn mẹ, dặn vợ và cô em gái, nhất là cô em gái, phải nói chuyện với Mạnh, phải nâng đỡ khuyến khích Mạnh.

Nhưng cái con Thái ranh con kia sao mà nó xỏ lá thế. Người ta đã ngược ngạo vì không quen xã giao mà nó còn cứ trêu ghẹo mãi làm cho nuốt miếng cơm cũng không trôi. Cái thói ấy anh ghét lắm. Ngày trước, khi mới về thủ đô, nó làm gì có cái lối dứ dờn ấy. Đúng là từ ngày vào trường Trưng-Vương nó mới học được cái tác phong tiểu tư-sân lạc-hậu ấy. Phải rồi, ba năm chung đụng với

bọn con gái thành thị, mới học đến lớp 7 mà đã mất hẳn giai-cấp-tính để học đòi làm trí thức tiểu tư sản. Đã thế thỉnh thoảng nó còn nháy mắt với anh một cái để tỏ ra rằng nó đã đoán biết được cái dụng tâm của anh.

Trần-Trí-Tĩnh nghiêng răng rửa thầm :

— Thế mà cũng là đoàn viên Thanh niên Lao-Động, cũng Học Sinh Cương Mưu, không biết xấu hổ ! Rồi tao nói chuyện với bí thư hiệu đoàn cho mày.

Người xí ủy có biết đầu cho cái nỗi lòng của người công nhân tốt số ấy.

Mẫu hồng mà cấp chỉ huy đã tô lên chế độ, hương thơm của chủ nghĩa xã hội mà đảng ướp vào thùng phân đã làm cho Mạnh say sưa đến độ dẫn cả người suốt mấy ngày hôm nay. Từ thuở bé Mạnh có bao giờ dám nghĩ rằng mình sẽ được như ngày hôm nay. Cuộc đời của chính mình, việc mình nổi nghiệp đồ thùng của bố, nếu anh Tĩnh không kể ra trong buổi hội nghị liên hoan, chắc hẳn Mạnh sẽ chẳng bao giờ biết đến. Mạnh tiếc rằng không biết bố mình hiện ở đâu, để đoàn thể mời về đây mà hưởng. Nhưng Mạnh đã có « mẹ » mới. U của anh Tĩnh là « mẹ » của Mạnh. Đến ngày hôm qua có ai âu yếm gọi Mạnh là « con », ngọt ngào xưng là « mẹ » với Mạnh đâu ! Lại còn chị Thái nữa. Chị đối đãi với Mạnh tốt quá, chị săn sóc tới Mạnh nhiều quá. Chị sôi cơm cho Mạnh. Chị rót nước cho Mạnh. Chị cười với Mạnh cả bằng miệng cười tươi, cả bằng lời nói như hát, cả bằng cặp mắt sáng long lanh. Đến bây giờ anh mới nhận ra thế nào là một người thanh nữ của giai cấp, thế nào là người học sinh của học đường xã hội chủ nghĩa. Nếu biết làm thế nào để khóc được thì anh khóc liền lúc này.

Ngay từ khi được Tĩnh dẫn vào nhà, Mạnh cảm thấy ngay rằng đây sẽ là nhà mình. Anh tin chắc anh sẽ được sống mãi dưới mái nhà ấm cúng này giữa những người cùng gần bó bởi tình yêu của hàng ngũ vô sản. Anh dựa mắt nhìn từng người, từ « mẹ » đến anh Tĩnh, chị Tĩnh, các con anh Tĩnh rồi đến chị Thái, với một cảm tình rất rào mà không biết làm sao để nên lời.

Đồng hồ bên trụ sở rộn rã đồ bày tiếng làm Mạnh bật người lên như một cái lò xo. Bên ngoài trời đã tối mịt. Ra đến cửa, chị Thái còn hỏi thêm :

— Anh Mạnh không đem áo bông đi à ? Tháng ba bà già chết rét cơ mà...

Cuộc rút lui có kế hoạch của Trần-Trí-Tĩnh

Thật hiếm có ngày mà Trần-Trí-Tĩnh về đúng giờ như chiều hôm nay. Anh muốn kịp đón vợ để tìm một chỗ vắng cùng thảo luận kế hoạch mà anh vừa phác họa. Chiếc xe đạp hình như nặng hơn mọi ngày, lại thêm cơn gió ngược chiều làm anh phải gò lưng xuống. Chưa được một cây số mà anh đã thấy mạch máu đập mạnh ở hai thái dương. Lúc này anh mới thật cảm thấy mình yếu đi nhiều sau gần ba năm hòa bình, mặc dầu anh đã lên cân từ bốn mươi tám đến năm mươi tư. Anh nghĩ thầm : « Có lẽ mình nên đi không khí thật. Chỉ có cách là tránh khỏi Hà Nội ít lâu ». Cái ý nghĩ phải tránh khỏi Hà Nội ấy làm anh cảm thấy chưa sót trong lòng. Quả là làm phúc phải tội ! Tâm lý quần chúng anh thuộc như cháo mà có ngờ đâu cơ sự nó lại dồn anh đến nước phải tháo chạy. Càng nghĩ anh càng cảm giận thằng Mạnh. Từ một tuần nay khi mà nó bày tỏ ước vọng điên cuồng của nó với anh, sao mà anh thấy cái mặt nó trở nên đáng ghét đến thế. Anh giờ bàn tay vuốt mạnh từ trán xuống đến cằm để xoa đuổi đi cái hình dáng thô bỉ của Mạnh đang lớn vồn hiện ra.

Thề chất của Mạnh quả là thề chất lý tưởng

của một anh hùng lao động dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhưng thề chất ấy chắc hẳn không có một đứa con gái nào như con Thái nhà anh, đã nhiễm nặng nọc độc của tư tưởng lãng mạn tiểu tư sản mà lại có thể chấp nhận được. Điều ấy anh biết rõ lắm vì tám năm trước chính anh đã chẳng đánh bật được thằng « Tý Kinh-kông » nhờ về mặt trí thức và ngôn dân bằng-giờ hào hoa để chiếm được trái tim chị cán bộ tiếp liệu xinh đẹp nhất Vũ Nhại là vợ anh ngày nay đó sao !

Kìa, vợ anh ở kia, còn đang đứng đợi anh ở công kho của Mậu dịch Quốc doanh. Anh ghé xe vào sát hè.

Người vợ nhẹ nhàng ngồi ghé vào khung sắt phía sau, một tay quàng vào bụng chồng.

— Em đợi có lâu không ?

— Cũng vừa ra, vì em phải trông cho họ đo hơn nghìn thước vải xanh Trung Quốc cho giao Tổng cục Xe lửa đến lấy.

— Ta đi đâu nói chuyện bây giờ ?

Ngẫm nghĩ một giây, người vợ nói :

— Ra cửa Viện Bảo Tàng. Chỗ ấy vắng.

Cửa Viện Bảo Tàng vắng thật. Dưới gốc cây đa già chỉ có đám đứa trẻ chơi chơi kiến. Dừng xe cẩn thận, anh cúi xuống thổi sạch cát trên bọc xi-măng rồi ngồi xuống, hai tay ôm lấy đầu. Người vợ ngồi xuống bên, giờ túi vải hoa lên :

— Đồ anh biết trong này có cái gì ? Cho sờ !

Ngang đầu lên nhìn qua, anh đáp :

— Chiu !

Người vợ có vẻ không bằng lòng :

— Thì cứ sờ thử xem.

Chiều ý vợ, anh nắn qua loa và trả lời bậy :

— Bao thuốc lá Đại Tiền Môn.

— Không phải nhớ. Thử người xem !

— À, thơm nhỉ. Ở đâu thế ?

Người vợ rút trong túi vải ra một bánh xà phòng đựng trong hộp giấy đưa lên mũi hít và nói :

— Bạch Lê-Đàm Hương chính hiệu Trung Quốc đây. Mậu dịch bán hai nghìn rưỡi. Thơm chẳng kém gì xà phòng Cà-đom. Em đòi cái phiếu mua hai thước láng đen cho con Lan bên cửa hàng. Điện không !

— Điện lắm ! Nhưng mà này, anh có kế hoạch mới. Hôm nay Hải Phòng có công văn đề nghị trên này cử một cán bộ có kinh nghiệm xuống để điều chỉnh lại xí nghiệp vệ sinh dưới ấy. Triển vọng cũng khá : Phó Giám đốc ít lâu rồi Giám đốc. Hay là anh xin đi, một công đôi ba việc.

Người vợ làm bộ cong cớn :

— Đi ! Việc gì phải đi ! Thế anh phải trốn thằng Mạnh à ?

— Không... không phải trốn... nhưng... đi thì hơn. Anh đã nghĩ kỹ rồi. Chứ không thì em bảo còn có cách nào ?

— Thân danh anh là ủy viên của Đảng trong xí nghiệp mà anh không trị nổi một thằng công nhân quen đến nỗi phải đi trốn à. Nó láo thì tìm cách đưa mẹ nó đi nơi khác chứ chịu thua nó sao. Mặt mũi người ngợm như con dười uoi mà cũng đòi lấy con Thái. Thật là đứa mồi lại cứ...

Đào mắt nhìn quanh, anh nắm tay vợ :

— Chết ! Em nói khẽ chứ. Để anh kể hết đã nào. Hôm nay nó lại nhắc anh, xin đưa vấn đề ra phiên họp Đoàn kỷ này để cho nó được phép tìm hiểu con Thái. Anh lại phải giải thích khéo với nó, nói là để đến sau ngày 1-5 để cho nó chính thức được tuyên bố là anh hùng lao động rồi hãy hay. Xem ra nó nôm nong lắm.

— Ai bảo anh đội mui nó lên. Ồi dào, chiến sĩ với chả anh hùng !

— Mà hình như nó kể chuyện ấy với thằng Cự rồi.

(Xem tiếp trang 43)

MUỐN THƯỜNG XUÂN NĂM KỶ HỢI VÀ MUỐN BIẾT :

- 1) Những cuộc tình duyên vô cùng éo le,
- 2) Những nỗi oan-khiên của người dân lành trong lúc thay đổi thời thế
- 3) Một cuộc vượt ngục vô tiền khoáng hậu
- 4) Kho vàng bí mật ở trên hải đảo.
- 5) Bọn cướp Rừng-Xanh ở Ý-Đại-Lợi

- 6) Một cuộc trả thù vô cùng kinh khủng
- 7) Những người cạy thần cạy thế để hại người khác đã phải đền tội một cách ghê-gớm đến tới bậc nào.
- 8) Tình mẫu tử quá nặng có thể đưa người đàn bà nóng nổi tới những tội ác thế nào.
- 9) Một hạt máu rơi đã gây tai-họa to lớn đến tận mức nào... vân vân...

Nên mua ngay :

KÍCH TÔN SƠN BÁ TƯỚC

(LE COMTE DE MONTE - CRISTO)

MỘT TÁC PHẨM CỦA ALEXANDRE DUMAS DO VƯƠNG HOÀI AN DỊCH

5 ĐỒNG MỘT TẬP

BÁN KHẮP MỌI NƠI

Ở XA MUỐN LIÊN LẠC XIN GỬI THƯ VỀ : NHÀ XUẤT BẢN LAN ĐÌNH 114A ĐAI LỘ NGUYỄN HUỆ SAIGON

NĂM MỚI, BÓI CẦU DUYÊN

Văn trào phúng
của **THẤT NGÔN** dị-Nhân

HÔNG-TY HỆ-TÚC

NHÂN dịp Tân Xuân, Thất Ngôn-Dị-Nhân, xin hiến các bạn, bản Hông-Ty-Hệ-Túc này, để bói xem hạnh phúc, con tim của mình, trong năm tới.

Đây không phải là lá Số Tử

Vì đây là lá số Duyên-Tiền-Định, nên chỉ nói đến sự liên quan hạnh phúc của đôi lứa mà thôi. Ai muốn gọi là Duyên-Tiền-Định cũng được, hay Hông-Ty-Hệ-Túc tùy ý, và muốn cho nó có cái tên nên thơ nữa thì gọi đó là "Xích-Thăng-Buộc-Cảng" hay là "To-vàng kết - tổ Uyên Ương" càng hay.

Các bạn muốn biết Hạnh - Phúc, con Tim của mình về mai hậu, xin theo cách thức sau đây: lấy bìa thật cứng, cắt thành 12 miếng, mỗi miếng vẽ hình một con thú, như trong số Tử Vi hàng ngày trên các báo Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Xong đâu đấy, bỏ 12 miếng bìa đó vào trong một cái tủ kín, rộng miệng, rồi nhắm mắt lại, khấn ông Tơ Hồng bà Nguyệt Lão, rút lấy một lá thẻ (tức là miếng bìa con đó) để xem duyên số của mình (gặp hình con thú nào, thì lại giở theo sự chỉ dẫn dưới đây):

TÝ

NAM MẠNG: Bạn sẽ gặp được một nội tướng có tài cán như kiểu chuột cắn thóc, xuất ngày: sáng điêm tâm vài bát-phở, ít đĩa xôi nếp xù, mười đĩa bánh cuốn và mấy trăm gram nho, táo Hồng-Kông, mới lại nem chua, chả rán, khoai phải dùng đến cơm nữa, nên việc gia-chánh khỏi cần bàn đến.

NỮ MẠNG: Bạn sẽ gặp được một lang quân có tài gặm nhấm, răng vát móng lũa, rất nhọn, tính nết hết như chuột, thập thò lỗ cống mà thôi.

SỬU

NAM MẠNG: Nội tướng của bạn sẽ là một con trâu già, cổ kéo cày để trả nợ cho bạn, khi bạn vùng tay, vùng tiền trong cảnh "Trường-già học làm sang", hoặc "Giải Trí" đấy.

NỮ MẠNG: Lang-quân của bạn rất vui vẻ, há hê được thanh toán các hóa-đơn của các Hãng Nouveautés mà bạn đã Commande, hoặc đi vay nợ với "Ser-ty" để lấy tiền trang trải các kinh phí, đi Cáp, đi Đalat, đi Nha Trang đôi gió.

DẦN

NAM MẠNG: Nội tướng của bạn sẽ là một con hổ cái, cũng đừng sợ, nếu là Sư-tử cái thì lại là một việc khác - vì hổ dữ cũng không bao giờ ăn thịt chồng, thịt con đâu nhớ.

NỮ MẠNG: Được lấy le với xóm, làng, vì được kết duyên với một trượng phu có đặc tài, võ-lợn và ăn sống, nuốt tươi.

MƏO

NAM MẠNG (Bắt chuột không hay)

NỮ MẠNG (Lại hay là bẹp)

THÌN

NAM MẠNG: Con số được sánh đối với những nàng tiên có khiếu về "Yêu-chị-Vũ", uyên chuyên như một con Rồng-Lộn.

NỮ MẠNG: Có Phu tướng chưa có thực tài như Tô-Tần, Trương-Nghị nhưng thủ vai Thi-Sỹ Hoài-Vân khá đẹp, để đưa con gái ông Bác Sĩ nào đó lên đến chín tầng mây cũng được. Có tài đóng kịch

TÝ

NAM MẠNG: Gặp được người, răng trắng như ngọc, nhưng răng lại có nọc Hồ-Mang.

NỮ MẠNG: Gặp được người cười tươi như hoa, nhưng hoa kia lại là mầm con Hồ-Lửa.



NGỌ

NAM MẠNG: Mả đề vào Hàm Rồng nên sẽ gặp một nội tướng, lông lên như ngựa suốt ngày. 4 vó cứng như sắt.

NỮ MẠNG: Số đào hoa, nên sẽ gặp được "Jockey" (Nài) thượng hạng, sở trường về ngón "Đá-Hậu".

MÙI

NAM MẠNG, NỮ MẠNG: Xin miễn bàn về con 35 này.

THÂN

NAM MẠNG, NỮ MẠNG: Nữ cùng Nam, có bạn trăm năm thuộc về phái họ Hậu (Hậu là Khi, Khi là Thân)

DẬU

NAM MẠNG, NỮ MẠNG: Đầu râu, tóc bạc chưa đeo kính. Còn vẫn lầm lũi chuyện sợ gà (xin Hiếu ngẫm, thôi, miễn chú thích)

TUẤT

NAM MẠNG: Gặp được người, hợp với câu: Dầu dử mất họ, chó dử mất láng giềng.

NỮ MẠNG: Gặp được người, cho cân đối với câu trên:

Có-đều mới có, có-bần như chó mới giàu.

HỢI

NAM MẠNG, NỮ MẠNG: Vợ cũng như chồng có vẻ bệ vệ như ông Bang-Bạnh và đồ sộ như 1 Búp Bê đầy đủ hạnh phúc; cặp uyên ương đẹp nhất trong 12 cung số.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

MẮT MÙ CÒN TRỊ ĐƯỢC



Nhà chuyên khoa MẮT và ĐÀU ÓC danh tiếng, đã được BỘ Y-TẾ QUỐC-GIA và N.Đ. VIỆT-Y SỸ TOÀN QUỐC chứng nhận. Hàng năm đã cứu được nhiều bệnh nguy hiểm khó khăn, mà phân đông khoa Âu-Mỹ cùng các nơi khác không trị được, có nhiều tài liệu chứng minh.

CÁC LOẠI: MẮT CƯỜM, MẮT HỘT, MẮT CAM, MẮT TOÉT, LÔNG CAM, VẦY CÁ, MỘNG THỊ, MÀNG, MÁY, CHẦY NƯỚC MẮT, MẮT NHỨC, MẮT LÒI CAO, MẮT THỤT VỎ, ĐÔNG TỬ LỚN RA HOẶC HẸP LẠI, MẮT NGÓ 1 THÀNH 2, 3, NGÓ NGAY THÀNH CONG, GẦN NHƯ XA RA, NGÓ VẬT NÀM NHƯ ĐÔNG, LOẠN THỊ, TÀ THỊ, THIÊN THỊ, NGƯỖNG THỊ, PHÚ THỊ, TRỰC THỊ, VIÊN THỊ, CẬN THỊ nặng bớt số kiếng, nhẹ hết hẳn, MẮT MỜ LẦN LẦN, MẮT YẾU, MẮT LÉ, MẮT CÓ HÌNH VẬT LỚN VỒN, MẮT CÓ ÁNH SÁNG, XỆT RA, MẮT BỊ THƯƠNG chưa hề trông, MẮT VỊ BỆNH NHỨC MẮT, NHỨC ĐÀU cùng BAN TRÁI hoặc PHONG TÍNH LÂM MÙ v.v...

Các chứng NHỨC ĐÀU ÓC: ĐÀU MÀNG ÓC, ĐÀU ĐÀU ĐÔNG, NHỨC NỬA BÊN, NHỨC ĐÌNH XOÁY NGỌ, NHỨC HAI THÁI DƯƠNG, NHỨC SAU ÓC, NHỨC CÁ ĐÀU, NHỨC ĐÀU XÂY XÂM, NHỨC ĐÀU ĐÀU CÙNG MÌNH, NHỨC ĐÀU ƠI MÙA, NHỨC ĐÀU NHƯ KIẾN BÒ, NHỨC ĐÀU TAI KÈU, NHỨC ĐÀU Ở TRẦN XƯƠNG MẮT, NHỨC XƯƠNG MÌ MẮT, NHỨC ĐÀU KHI HỌC NHIỀU, NHỨC ĐÀU KHI NÓNG, KHI MỆT, KHI LẠNH, NHỨC ĐÀU MẮT NỒI CỤC, NHỨC ĐÀU KHÔNG CỤC CỤA ĐƯỢC v.v...

TRỊ TUYỆT BỊNH: DI TINH, MỘNG TINH, HOẠT TINH, TIẾT TINH, THOẠT TINH, NƯỚC TIÊU ĐƯƠNG, BẠCH ĐÁI HẠ, XÍCH ĐÁI, HUỖNH ĐÁI, THANH ĐÁI, HẮC ĐÁI, KINH NGUYỆT TRỜI SỤT BẤT THƯỜNG, 2 3, THÁNG MỚI HÀNH KINH, CHÂN TAY RA MỒ HÔI MẮT NGỦ và CHỨNG TÓC BẠC SÓM.

CÁCH TRỊ: chỉ uống thuốc trong, bệnh nào thuốc ấy không phải mổ xẻ đau đớn, 7 ngày hoặc 15 ngày mới đều một lần, mỗi ngày chỉ uống hết chừng 20 đồng bạc thuốc. LỜI DẶN: những MẮT ĐÁ MỜ HƯ, LÉP TRONG hoặc MỀM QUÁ, XIN đừng lại, ở xa phải tới khám bệnh một lần đầu tiên, sau mượn người đi lấy thuốc hoặc gửi thư mua thuốc rất tiện.

ĐÔNG Y - SĨ NGUYỄN-GIA-THƯ-ỢC

219 Sư Vạn-Hạnh (Ngã ba Vườn Lài gần chùa Ấn Quang) Cholon
Đồng bào nào gặp tin này xin cắt ký, thấy người nào có những bệnh trên đây, xin làm phúc chỉ cho làm nghĩa.

HỢP TÁC XÃ CÔNG NGHỆ DỆT



Thành lập ngày 8 tháng 8 năm 1955

SẢN XUẤT: Các thứ hàng Tơ, Lụa, Lĩnh xuyên Việt Nam.

NHẬP CẢNG: Nguyên liệu và dụng cụ về ngành dệt.

VĂN PHÒNG: 59, đường Trương công Định - SAIGON

CUNG CHÚC TÂN NIÊN

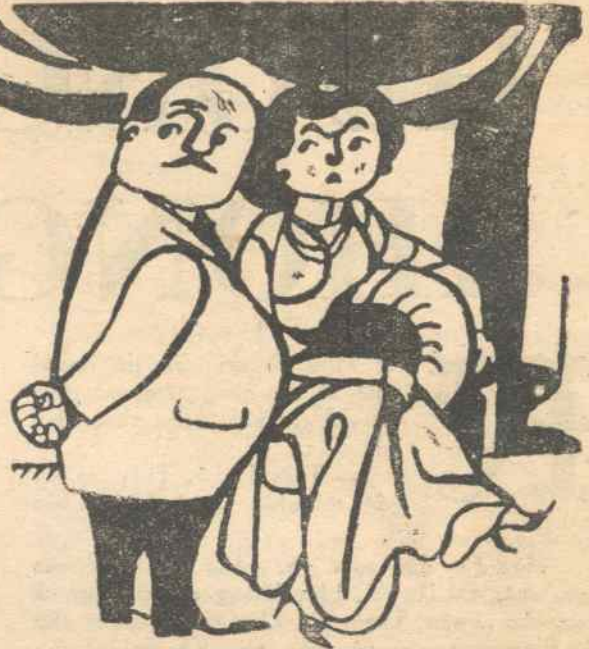


NHÀ CÓ PHÚC

« Con hơn cha, nhà có phúc »

Tục ngữ.

của VI-HUYỀN-ĐẮC



CẢNH SUẤT I

Đây là nhà Cụ Thừa-Phong.

Nhà lối cổ, bên ngoài là cửa hàng, bên trong đề ở. Tường trong cùng, phía tay trái, có cầu thang lên gác; phía tay phải, có cửa ớn thông vào nhà trong.

Trên tường, có hoành-phí, câu đối, sọt tường, có tủ chè, rồi tới cái sập gụ. Giữa nhà có một chiếc bàn tròn và bốn ghế mây.

Kéo màn lên, sân-khấu không có người. Bỗng, ở phía cửa hàng có tiếng vọng vào.

TIẾNG VỌNG. — Chị Cà ơi! Con đem tiền ra, trả tiền xe, đi con.

— Thôi, tôi có đây rồi.

— Lạy Bác ạ!

— Bác đã lên chơi!

— Có thêm ngót mười năm rồi, anh em mới lại gặp mặt nhau.

Cụ Thừa vào trước, cụ Phúc-Lợi đi theo sau, tay cầm ô, tay xách một chiếc va-li con.

CỤ THỪA, vừa đi, vừa nói. — Mời Bác vào trong này...

Cụ Thừa đỡ ô và va-li ở tay cụ Phúc-Lợi đặt lên ghế mây. Cụ Thừa Bà cũng vừa đi vào.

CỤ BÀ. — Bác lên chơi, thật là quý-hóa quá!

CỤ ÔNG. — Bà nó có biết không? Tôi, vừa ló-xó đi qua ga Hàng-Cỏ, thì bắt gặp Bác đương gọi xe, để về thăm anh Nghè, tôi mới kéo Bác về đây đây chứ!

CỤ PHÚC-LỢI. — Tôi cũng đã định, ở chơi đây với anh nó vài hôm, rồi sang bên Bác, để thăm hai Bác, không ngờ, hai Bác lại cũng ở đây rồi... ấy may mà gặp Bác trai, chứ không có thì lỡ hết cả...

CỤ ÔNG. — Thừa Bác, từ khi tôi về hưu, vợ chồng tôi vẫn ở trên quê, bên Bác kia đây chứ, mãi đến năm ngoái, cháu cả được bỏ về đây, vợ chồng cháu cứ nhất định mời chúng tôi sang đây...

CỤ BÀ. — Chà, thừa Bác, hai vợ chồng cháu cả nó cứ năn-nỉ, bắt chúng tôi sang đây cho bằng được, vì nó nói, chúng tôi sang đây, ở với vợ chồng nó và các cháu, cho vui-vầy, như trẻ ấm-bụi...

CỤ ÔNG. — Kề ra, ở bên quê thì rộng-rãi, mát-mẽ hơn, mà, về tuổi già, ai chẳng ưa cái thú điền-viên, nhưng, biết làm thế nào, sự sum-hạp lại được cái vui khác, có phải không, thừa Bác?

CỤ PHÚC-LỢI. — Về cái phần đông con, nhiều cháu, thì hai Bác hơn tôi nhiều, tôi trông đi, trông lại, chỉ có độc-trọi, mỗi một mình anh nó, thôi!

CỤ BÀ. — Cái đó là tại Bác, Bác không chịu tìm lấy một người bạn chân gối, đây chứ... mà có lẽ bây giờ cũng chưa là muộn đâu!

CỤ PHÚC-LỢI. — Không, thừa hai Bác, ngay khi còn trẻ, tôi cũng chẳng nghĩ tới việc ấy, nữa là bây giờ. Mà tôi xem ý anh nó cũng không ưng cho tôi có vợ nọ, con kia... thôi thế cũng xong!

CỤ ÔNG. — Bác đối-xử với con như vậy là hết lòng...

CỤ BÀ. — Mà như thế, anh Nghè lại càng hiếu-kính Bác thêm lên... Lại có tiếng ở ngoài vọng vào.

TIẾNG-VỌNG. — Cậu đã về!... Cậu ạ, có Bác Phúc-Lợi mới lên chơi với Thầy, Đề đây.

— À thế à?

Cậu Cà vào.

CẬU CÀ. — Lạy Bác ạ, thừa Bác mới lên ạ?

CỤ PHÚC-LỢI. — Ở kia anh Cà, phải, Bác mới lên. Anh đi làm về đây hả?

CẬU CÀ. — Thừa Bác vâng. Con làm từ trưa đến năm giờ. Thừa Thầy, các cháu đi học chưa đưa nào về kia ạ?

CỤ ÔNG. — Chưa đâu con ạ. Ừ, dĩ nhiên, nó về, mà nhà cửa, lại yên-tĩnh như thế này sao? (quay nói với Cụ Phúc-Lợi) Thừa Bác, cái lũ tướng cướp ấy, chúng nó ghê lắm, kia đấy. Chúng nó ở nhà lúc nào, là nhà cứ "lộn thiên-tào" lên, lúc ấy!

CẬU CÀ. — Thừa, các cháu nó quấy ông bà cháu, suốt ngày! Chắc, Bác không thể nào đỡ-chùng được đâu ạ; thừa Bác, cả ba anh em chúng con được, vừa trai, vừa gái, vừa-vừa chẵn một tá, đấy ạ!

CỤ BÀ. — Ấy, thừa, nhà cả nó được năm cháu, ba trai, hai gái; nhà Hai được sáu cháu trai, còn nhà Ba, chỉ có một mụn gái, thôi ạ.

CỤ ÔNG. — Chúng nó cứ sần sần bằng nhau và đã đi học được cả rồi. Lát nữa, chúng về, rồi Bác xem, nó cứ như ong vỡ tổ, ấy thôi!

CỤ BÀ. — Thừa Bác, các cháu quấy, nghịch, là chỉ tại ông cháu nuông chiều các cháu quá. Người ta thường nói: "cháu hư tại bà". nhưng, ở nhà chúng tôi, thì "cháu hư tại ông", kia đấy ạ. (Cụ cười, cụ ông và cụ Phúc-Lợi cũng cười theo).

CẬU CÀ. — Thừa, hể chúng cháu kiếm được chiếc roi mây nào, lạy y như ông cháu đem giấu biệt đi.

CỤ ÔNG. — Bác ạ không biết tại sao, tôi không thể nào chịu nổi, khi nghe thấy những lời rúc-lắc, hay thấy trẻ nhỏ bị đánh-dập... Một hai khi, phải dùng đến roi-vọt, hể tôi nghe chúng khóc kêu: "con đau lắm rồi" là tôi thấy mềm cả lòng!

CỤ BÀ. — Ấy, thừa Bác, chỉ vì thế mà các cháu lũng-hung quá! (cụ quay về phía cậu Cà) anh cả này, để cũng quên khuấy đi mất, mãi nói chuyện hầu Bác, không pha nước Bác sơi, anh đi pha chè hộ Đề đi, con!... (cụ quay về phía cụ Phúc-Lợi) xin đề Bác ngồi chơi với ông cháu ạ, chúng tôi xin phép Bác, chúng tôi ra ngoài hàng ạ.

Cụ nói xong, liền đi ra.

Cậu Cà vội vàng đi lấy khay chè đặt ở sập, rồi cậu vào nhà trong lấy nước sôi ra. Cậu kéo ghế sát vào bên sập, để pha chè.

CẬU CÀ. — Xin mời Bác sơi nước, mời Thầy sơi nước.

CỤ ÔNG. — Nào, xin mời Bác, chè đầu xuân, cháu Cà nó mua từ hồi Tết, kia đấy ạ.

CỤ PHÚC-LỢI. — Nắng chén. — Thảo nào hương ngát thế! (cụ nói với ra ngoài cửa hàng) xin mời Bác gái vào sơi nước.

CẬU CÀ, vội đỡ lời. — Thừa, chắc Đề cháu đương dở bán hàng, để cháu đưa ra, ạ.

Cậu đề một chén nước chè lên đĩa dầm và bưng ra ngoài hàng. Rồi, cậu trở vào.

Ở ngoài có tiếng Cụ Bà vọng vào.

CỤ BÀ (tiếng vọng). — Chúng tôi đương dở tay, xin mời Bác cứ sơi nước với ông cháu, để mặc chúng tôi ạ.

CỤ PHÚC-LỢI. — Chè có vị như cơm... uống rồi, nó cứ nhận-nhận ở cổ; không trách, người ta bảo: "hữu phúc sinh trung châu" có khác. Ở chỗ đông chũa, nước mặn của chúng tôi, cho đầu tiên hân-hoai, cũng khó lòng mà chuốc được những thứ ngon, vật lạ, này...

CỤ ÔNG. — Đã thế, Bác còn đợi gì mà không lên trên này với anh Nghè? Bác có "đời đồn" lên đây, thì anh em mình mới năng đi lại với nhau được, chứ; mấy năm nay, kẻ góc bề, người chân trời, làm sao mà luôn-luôn gặp mặt nhau được, thừa Bác?

CỤ PHÚC-LỢI. — Ấy, thừa Bác, anh nó cũng cứ biên thư về mời tôi lên, nhưng, quả tình, việc nhà còn bận quá, nào vườn, nào ruộng, rồi nhà cửa, không có người đủ tin cần mà giao phó.

CẬU CÀ. — Thừa vâng, xin mời Bác lên đây với anh Nghè; con nghe bây giờ, ở đất Hà-thành này, anh Nghè nhà, vào hạng nhất mực cao-sang kia đấy ạ! Thừa, con có một người bạn làm thư-ký đánh máy ở ngay phòng giấy của anh Nghè. Con lại nghe, chị Nghè là một Bác-sĩ chuyên-môn về phụ-khoa.

CỤ ÔNG. — Thiệt là một nhà vinh-quang, hiển-dat! Con là tiến-sĩ khoa-học, đầu là bác-sĩ y-khoa, thế rồi, ở chốn quê nhà, bác lại có cả một gia-tư phú-hậu vào bậc nhất!... Thì ra, ở đời này, có bao nhiêu điều người ta ước-vọng, Bác đều có cả rồi, còn gì!

CỤ PHÚC-LỢI. — Bác cứ quá lời khen lớn, làm tôi càng thêm thẹn... Bác cũng đã rõ, ngày bé, nhà nghèo, nào tôi có được đi học, đi hành gì đâu!... không nói tới chữ Nho, chữ Tây, ngay cả cái chữ quốc-ngữ, tôi cũng chẳng biết một chữ bẻ què làm đôi... Như thế, thì tôi còn có tài-cán gì để dạy con đâu? Đó, chẳng qua là ở phúc-ấm mà anh nó được đổ-đạt hơn người.

CẬU CÀ. — Thừa Bác, anh Nghè, hiện nay, vừa dạy học ở trường đại-học, vừa làm cố-vấn cho bao nhiêu sở công, sở tư, về kỹ-thuật; chị Nghè lại có một phòng khám-bệnh rất đắt khách. Thừa Bác, thừa Thầy, các bà, các cô, không còn ngại, khi được một nữ-bác-sĩ trông nom cho, bởi vậy, phòng khám-bệnh của chị Nghè, ngày nào cũng đông nghịt những bệnh-nhân, là bệnh-nhân.

CỤ ÔNG. — Bác có nghe rõ lời cháu Cà chưa? Con Bác với đầu Bác còn thiếu gì tiền, mà Bác còn cứ phân-vân, luyến-tiếc mãi ruộng với vườn, ở nơi quê-nhà,

CỤ PHÚC-LỢI. — Vâng, thừa Bác, cứ ngoài mặt mà xét, thì về tuổi già, tôi được như vậy, là sung-sướng nhất đời rồi, còn gì nữa, nhưng mà, Bác ơi, thật tình, tôi cũng chưa rõ, con tôi với đầu tôi, sẽ đối xử với tôi ra sao, nên tôi phân-vân lắm! Bác tính khi hai vợ chồng nó ở Pháp về, và nó đem đứa cháu nhỏ xuống thăm tôi, ở dưới quê, nó chỉ ở nhà, được có hai ngày, rồi lại bằng bề nhau đi ngay... Anh nó lấy vợ ở bên Pháp, nào tôi cũng có được biết một tý gì đâu... Ông bà thân-gia của tôi, đều sinh-cơ, lập-nghiệp ở Pháp, anh chị nó biết nhau, rồi làm phép cưới, ở bên ấy. Tuy nó có biên thư về xin phép tôi, nhưng, tôi xem chừng, đó cũng chỉ là chiếu-lệ, làm phép, chứ tôi, có được có một tý ý-kiến gì đâu...

CỤ ÔNG. — Bác ơi! Thời thì, thời nào, kỳ-cương ấy. Và lại, con hơn cha là nhà có phúc, Bác chả nên nghĩ xa, nghĩ xôi ra quá làm chi!... Với hạng cao-dãng nhân-vật ấy, Bác cứ yên tâm rằng, con Bác, là con hiền, mà đầu Bác, là đầu thảo!

CỤ PHÚC-LỢI. — Tôi cũng mong được như lời Bác chúc-tụng cho tôi, nhưng, tôi xin thú thật với Bác, từ lúc bước chân vào đây, tôi thấy rất thêm cái cảnh sum-hạp, vui-vầy của gia-đình Bác...

Bỗng, ở ngoài cửa hàng lại có tiếng của Mợ Cà, gọi với vào:

TIẾNG VỌNG. — Cậu ơi! Cậu ra Đề gọi.

CẬU CÀ. — ...Thừa, Đề gọi con ạ?

Cậu đứng lên, đi ra.

CỤ ÔNG. — Bác ạ, nói cho cùng, tất cả, chẳng qua là số-phận, Bác xem, nhà chúng tôi, vốn dĩ là dòng-dòng nho-gia; đời nọ, đời kia, kế-tiếp, không đời nào, không có các bậc cao-quan, hiền-

(Xem tiếp trang 36.)

HƯƠNG NGÁT KHÔNG GIAN

HÀ - CHÂU

KHỉ Hữu về tới cửa thì người đàn bà bên hàng xóm, mà cũng là chủ căn nhà Hữu thuê, đơn giản nói:

— Thầy Hai à, Thầy có thư đó, tôi nhận hộ và bỏ trên bàn của thầy.

Hữu gật đầu cảm ơn, phân vân bước vào trong nhà. Đã lâu rồi, Hữu không còn viết thư và mong thư ai nữa. Trước kia, Hữu viết và mong thư của Phương, người yêu của anh. Khi ấy hai anh chị còn xa nhau, kẻ trong Nam người ngoài Bắc. Hữu vào Saigon ngay từ đầu cuộc di cư, trong khi gia đình Phương còn hoang mang, lưỡng lự chưa rút khỏi được nên đi hay ở...

Lúc phân kỳ đôi tình nhân ước hẹn sẽ viết cho nhau những lá thư thực dài. Rồi xa nhau, nhớ nhau họ thường nhận được của nhau những bức thư tâm tình dài đến bốn năm trang giấy.

Hữu thường ngồi viết cho Phương vào lúc sớm tối. Giờ ấy mọi bận rộn hàng ngày qua rồi, Hữu thành thời trở về với đời sống tình cảm của mình. Anh ngồi trước bàn, bật sáng ngọn đèn lên, ánh đèn được che bằng khăn giấy màu xanh chỉ vừa chiếu sáng trên trang giấy trắng Hữu đặt trên mặt bàn, còn thì tỏa ra chung quanh một làn sáng dịu dịu, mơ hồ. Hữu ngồi chìm trong làn ánh sáng ấy, hình dung lại bóng dáng của người yêu, đến đôi mắt to đen láy của Phương với nụ cười, giọng nói của nàng. Rồi Hữu cầm bút viết, có khi thức tới đêm khuya. Hôm sau, Hữu thân hành mang lá thư đến nhà Bru điện. Thư gửi đi rồi, Hữu thấp thỏm chờ, và khi nhận được thư Phương anh vội vã bóc ra đọc một cách say mê sung sướng.

Bây giờ không ai mong thư ai nữa, vì hai người đã ở gần nhau. Gia đình Phương nấn ná đến thời hạn cuối cùng đã đáp xe lửa xuống Hải Phòng, đi chuyển tàu cuối vào Nam. Từ đó thì giờ đáng lẽ ngồi viết cho Phương thì Hữu đạp xe xuống thăm nàng.

Không đợi thư nên Hữu phân vân không biết là của ai. Anh tự hỏi:

— Thư ai đây nhỉ? Ai mà viết thư cho mình!

Phong thư được đặt ngay gần trên bàn. Người hàng xóm cần thận còn chặn thêm một vật cứng lên trên. Hữu tới cầm lấy phong thư, lật xem tên người gửi. Anh bỗng hồi hộp lắm lắm:

— Ô, thư của Nguyệt!

Hữu có vẻ ngạc nhiên về việc Nguyệt viết thư cho mình. Hình ảnh của Nguyệt bỗng hiện rõ trong óc Hữu. Anh chưa quên hẳn người bạn gái đó, người bạn gái có tính tình hồn nhiên, vui vẻ, lâu nay không gặp. Thư Nguyệt có vẻ dài. Hữu sẽ vội mấp phong bì lột tập thư ra, thấy chữ viết đặc tám trang giấy mỏng. Anh thầm nghĩ:

— Chẳng hiểu có chuyện gì mà thư dài đến thế này?

Một ý nghĩ thoáng qua làm Hữu bối rối, nhưng cũng làm anh vui thích. Tính tự hào của người thanh niên sui anh nghĩ rằng: Có lẽ Nguyệt trách gì mình, vì đã lâu Hữu không tới thăm nàng. Nhưng sao Nguyệt viết dài đến thế? Hay nàng đề cập tới tình cảm của nàng ra? Tự nhiên Hữu mỉm cười bằng khuôn. Anh với tay bật ngọn đèn.

— Thì hãy cứ đọc xem sao?

Thư Nguyệt viết:

GIA ĐÌNH ngày...

Anh Hữu,

"Lâu lắm rồi anh Hữu nhỉ, để có đến ngót nửa năm nay chúng ta không gặp nhau. Tôi hiểu rõ vì lý do nào anh bỏ mất cái lệ sang chơi gia đình tôi vào buổi chiều thứ năm mỗi tuần. Còn tôi, tôi cũng có lý riêng để không gặp anh nữa. Sự liên lạc giữa chúng ta chưa phải là cắt đứt vì hôm nay tôi còn viết thư cho anh đây — lá thư đầu tiên và cũng là cuối cùng tôi gửi cho anh đây, anh Hữu ạ. Vì thế thư có hơi dài. Chắc lúc nhận được thư của tôi, anh ngạc nhiên lắm và sẽ băn khoăn tự hỏi: Không biết có truyện gì đây? Chẳng có truyện gì quan hệ lắm đâu anh Hữu ạ. Nếu có quan hệ thì chỉ riêng về phần tôi thôi. Vài hôm nữa tôi sẽ từ giã mọi người, là bỏ những lệ thuộc vật chất để đi tu. Bà Bê-trên Đông... đã chấp nhận lời xin của tôi rồi. Tôi đã đi chào hết mọi người trong thân quyến, và viết thư cho các bạn hữu

quen thuộc, trong số đó có cả anh. Tôi không quên anh, và muốn viết cho anh dài hơn mọi người vì anh đã hiểu đây là lần cuối trong đời tôi còn có thể viết cho anh được...

Hữu sùng sốt đặt lá thư xuống. Anh thực không ngờ khi đọc tới những dòng chữ này. Có lẽ nào Nguyệt lại đi tu! Hữu tự hỏi như thế và anh bỗng hình dung thấy nụ cười của Nguyệt. Nụ cười ấy trước đây ví như một đóa hoa tươi, từng làm cho lòng Hữu lâng lâng trong niềm vui êm dịu, nay chẳng hiểu vì hoàn cảnh éo le nào, lý do quan trọng nào đã kìm tươi đi và thúc đẩy Nguyệt đến ý định rũ bỏ bụi trần để ẩn mình vào chốn viện-tu như thế?



Ý nghĩ Nguyệt đặt nhằm tình cảm ở nơi mình lại lớn vồn trong óc Hữu. Anh lặng người đi khi nghĩ rằng có lẽ vì thế, vì mối tình không đạt mà Nguyệt đã đâm ra thất vọng. Hữu vội xua đuổi ngay ý nghĩ ấy, như sợ phải hứng chịu một trách nhiệm. Anh tìm có tự bào chữa:

— Không, chắc không phải vì thế mà Nguyệt đi tu. Từ trước tới giờ Nguyệt chưa có thái độ nào tỏ ra đã yêu mình.

Nhưng Hữu vẫn chưa thể yên lòng được. Anh băn khoăn đọc tiếp:

"Viết cho anh chẳng những là để gĩa từ một người bạn, mà cũng còn muốn gĩa bày với anh một đời điều. Trước khi dâng mình vào nhà Chúa, tôi không muốn còn vương vấn điều gì. Cái gì của trần gian tôi trả lại cho trần gian. Tôi dọn lòng cho thanh sạch để bước vào đời sống tu hành, nên những điều tôi viết cho anh đều hết sức thành thực.

Anh Hữu nhỉ, chúng ta quen nhau thực cũng là điều kỳ ngộ. Tình cờ nếu không có cuộc di cư lịch sử vừa qua, chắc trường hợp quen biết giữa anh và tôi chẳng bao giờ có. Tôi còn nhớ hồi gia đình tôi mới đặt chân lên đất Saigon, chưa sẵn nhà ở đã phải đến trú tạm tại nhà cậu Ba tôi. Một tối anh đến chơi nhà cậu tôi, vì anh là cháu của mẹ Ba. Từ trước tôi vẫn nghe nhắc đến anh trong gia đình cậu tôi. Đại khái tôi được biết rằng anh cũng mới di cư vào Saigon, anh gọi mẹ Ba bằng dì ruột, và thuê nhà ở một mình gần đây đây. Các em con cậu mẹ tôi có vẻ mến anh lắm, và thường khoe với tôi:

— Anh Hữu, anh ấy ngoan lắm chị ạ. Tôi

chẳng hiểu anh « ngoan » như thế nào, nhưng hôm anh đến chơi tôi mới biết. Trông anh có vẻ hiền lành. (Đó là ý kiến của thầy mẹ tôi) và hơi rụt rụt (theo nhận xét của các em tôi). Có lẽ khi mới chợt vào, thấy đông người lạ anh còn bối ngỡ thì lại bị những tia mắt soi mói tình nghịch của chúng tôi nhìn anh mà anh đâm ra lúng túng. Rồi anh ngồi xuống chẳng nói được câu gì. Đương vui chuyện mọi người cũng chẳng ai để ý đến anh nữa. Thấy anh cứ ngồi ỳ ra, kìm hoạt bát quá, tôi đã đứng dậy rót nước mời anh. Anh đỡ lấy tách nước mà hai tay đỡ rờ, làm tôi thấy ái ngại. Tôi liền hỏi chuyện anh và chúng ta quen nhau từ đó..."

Hữu nhớ lại buổi gặp gỡ đầu tiên với Nguyệt. Hôm ấy Hữu có lúng túng thực. Mọi khi ra chơi nhà Di, đã quen với khung cảnh thân mật giữa các em, anh thân nhiên vui cười và cũng không kém mồm miệng tán róc. Từ ngày vào Nam, Hữu không có thân quyến nào ngoài gia đình của bà Di. Thường cứ tối đến, cơm xong, anh lại thủng thẳng tới chơi, góp vui với lũ em tinh nghịch và nghe chuyện ông chú vui tính. Vừa gần nhà lại không cần cầu nể, Hữu quen mặc bộ đồ ngủ cho mát. Hôm gặp Nguyệt anh cũng ăn mặc như thế, và khi thấy mọi người chú mục nhìn mình, Hữu mới thấy ngượng. Gia đình Nguyệt rất nhiều con, phần đông là con gái. Vì có cảm tưởng không tề chỉnh trước một số thiếu nữ chưa từng quen biết, Hữu đâm mất

về tự nhiên, Nguyệt đã cứu vãn tình thế giữa lúc Hữu ngượng ngập ngồi yên một chỗ. Nàng tách khỏi các em nàng, bưng nước tới mời Hữu. Anh ngược mắt nhìn Nguyệt, thầm cảm ơn, và nhận thấy Nguyệt không đẹp lắm, nhưng nụ cười của nàng thật dễ dãi, cởi mở. Nụ cười bao dung hầu như khuyến khích Hữu lấy lại được tự chủ. Về niềm nở với những lời gọi chuyện khéo léo của nàng quả đã làm Hữu hết ngượng. Anh ngồi nói chuyện với Nguyệt và nấn ná chơi tới khuya.

Cuốn phim diễn từ đoạn đầu thoáng hiện trong óc Hữu khiến anh mỉm cười nhớ lại dáng điệu của mình, rồi đọc tiếp:

"Quen anh, như bao người bạn trai khác, nhưng đặc biệt do từ cái vẻ vụng về của anh mà tôi đã để ý đến anh nhiều hơn. Thoáng biết anh, tôi hiểu ngay rằng anh là người thâm trầm, đứng đắn, không hơi hợt như nhiều người khác. Có lẽ chính vì không thể hơi hợt được mà bề ngoài anh có vẻ kìm mọi người. Anh bị chìm đi vì anh đứng đắn quá, thâm trầm quá. Tự nhiên, không hiểu tại sao, tôi muốn chú ý đến anh như cô em gái muốn cạnh chừng người anh hiền lành."

Sau hôm ấy, đến một tuần lễ không thấy anh ra chơi, mẹ Ba nóng ruột ngờ anh bị đau, sai một em tới thăm. Mẹ không quên bảo đem cho anh hộp sữa, để nhớ có phải anh mệt thì pha cho anh uống. Em Thu tranh lấy phần ấy. Em chu đáo đem theo cả phích nước nóng và vì có phích nước nên em rủ tôi cùng đi để nhờ cầm hộ hộp sữa.

Trời đã xầm tối; tôi nhận lời đi với Thu. Thấy tôi đến anh lại ngờ ngàng lúng túng như hôm

TỰ DO XUÂN KỶ HỢI 1959

nào. Có lẽ anh ngưng vì chỗ ở bề bộn, hay vì anh cảm động? Tôi không biết nữa. Riêng tôi, thấy vẻ sống đơn độc của anh mà tôi ái ngại, ánh đèn ở chỗ bàn viết của anh xanh lét, rờn rờn trên mặt anh làm tôi có cảm tưởng như anh đau thật. Nhưng anh không đau. Anh trả lời em Thu là vì mắc bận mà anh không tới chơi được.

Thu chỉ phích nước với hộp sữa, cười mà bắt đèn anh, đòi anh phải đưa chúng tôi về. Dọc đường anh cho biết anh bận vào những công tác giúp đỡ đồng bào di-cư. Hồi ấy phong trào di-cư đang rầm rộ, anh có chân trong một hội-đoàn cứu trợ Công-giáo nên có tham-gia công việc tiếp-tế cho một số trại tạm trú. Nghe nói, tôi càng cảm mến anh hơn. Những việc làm hy-sinh cho tình-thương bác-ái hợp với lý-tưởng của tôi lắm. Tôi nghĩ muốn giúp anh trong công việc ấy, và sau này thường cùng anh đi thăm các trại.

Sự giao tiếp giữa anh và tôi, bề ngoài càng ngày càng có vẻ thân thiết. Điều ấy đã làm cho nhiều người nghĩ sai về tình cảm của chúng ta. Hình như cả thầy mẹ tôi, cả cậu mợ Ba, cùng các người quen biết đều lầm. Tôi biết có sự hiểu lầm ấy qua những lời bông đùa với ý muốn tác thành. Nhưng tôi với anh, chúng ta đều biết rõ lòng mình, đều thân nhiên trước những lời bông đùa ấy.

Chúng ta không thể nào nói đến chuyện yêu nhau được, vì anh đã yêu Phương còn tôi thì đã có sẵn định hướng. Anh yêu Phương bằng tình yêu duy nhất, với ý định kết hiệp thành vợ chồng. Hôm tưởng anh ốm đến thăm với em Thu, tôi đã biết rõ mối tình ấy. Khi chúng tôi vào thì anh đang viết thư cho Phương. Phong thư của Phương với tấm hình của chị còn đặt ở trên bàn. Người không thẳng thắn đã giấu với ngay đi đấy. Nhưng anh không có cái cử chỉ hèn kém ấy, phải không anh Hữu. Tôi tin như thế vì khi Thu nhắc tên hình xem, tôi mở hỏi:

— Hình ai đây anh?

Anh không ngần ngại trả lời:

— Hình chị Phương đây Thu à!

— Chị Phương nào nhỉ. Chị ấy là ai thế anh?

Thì anh cười đáp:

— Chị Phương sẽ là chị của Thu, vì khi nào anh cưới chị ấy thì Thu sẽ là em của chị!

Thu chăm chú nhìn tấm hình nói:

— Thế à, thích nhỉ! Trông chị ấy xinh đấy chứ. Bây giờ chị ấy ở đâu anh? Sao anh chưa cho ai hay chuyện này.

— Chị ấy còn ở Hànội, chưa vào. Nhưng chắc cũng không lâu. Chẳng ấy anh sẽ thừa với mợ em sau.

— Chắc anh đang viết thư cho chị ấy phải không?

—Ừ anh đang viết cho chị. Mỗi tuần anh viết cho chị ấy hai lần.

Thu cười trêu anh:

— Những hai lần kia! Có dài không anh?

Anh cũng cười đáp:

— Dài chứ. Vì không có điều gì mà anh không cho chị ấy hay.

« Qua câu chuyện ấy tôi hiểu ngay một chân tình giữa anh với Phương. Một chân tình hẳn phải có những rung cảm mãnh liệt, với ý muốn xây dựng lâu dài. Tình yêu chân chính bao giờ cũng hướng về một mục đích, phải không anh, mà mục đích ấy là để đạt tới hạnh phúc của đời mình.

Còn tôi, nếu tôi đối với anh có vẻ "đặc biệt" hơn các bạn hữu khác chỉ là vì anh hiền lành, trầm mặc và đĩnh đạc, có thể tin cậy được để coi anh là người bạn thân, hay như một người anh trai vậy thôi.

« Ở đời không gì tha thiết cho lòng mình bằng tình yêu. Nhưng tình yêu của tôi không theo hướng của tình cảm. Nếu chỉ kể về tình cảm thì có thể tôi yêu được anh đấy, anh Hữu à! Trái tim tôi không phải là vật vô tri sắt đá mà bảo rằng nó không biết rung cảm đâu. Song từ lâu rồi, tôi vẫn có ý định dâng mình cho Chúa. Tình yêu của tôi cũng hướng về Chúa. Ngày còn học trường Thánh Mẫu Hànội, được gần gũi các vị nữ tu, thấy đời sống thánh thiện với phương châm: Mến Chúa yêu người của họ, tôi rất cảm động và muốn được nơi gương ấy. Xu-hướng hướng-thượng và tinh-thần bác-ái ngày càng nảy nở, chiếm hữu tâm hồn tôi. Cho nên thứ rung cảm của lòng tôi nếu có, là thứ rung cảm của tình thương yêu rộng rãi không vị-kỳ vì không hướng vào vật-dịch vật-chất nào.

« Tuy nhiên lòng tôi cũng trải qua một vài phen thử thách. Hôm gặp anh ở Hội chợ triển lãm Hồ Nai, chắc anh còn nhớ, chúng ta đã cùng nhau dạo chơi phía rừng cây. Trước cảnh thiên nhiên lòng chúng ta đều mở rộng. Anh thổ lộ cho tôi nghe về cuộc đời đơn độc của anh, quãng đời thiếu vắng bóng từ mẫu vì những cố gắng của anh trên đường đời. Rồi anh bàn khoăn về hạnh phúc, tự hỏi không biết những ước muốn vật chất lẫn tinh thần của anh có đạt được sau bao nhiêu

phấn đấu. Hay hạnh phúc sẽ chỉ là điều hư ảo đối với anh.

« Nghe anh tâm sự, lòng tôi bỗng thấy sức động nhẹ nhàng. Trời ở đây cao rộng quá. Không khí khoáng đạt, và núi rừng thực bao la. Con đường đất đỏ do những bàn tay di-cư mở lối, hun hút ẩn sâu vào rừng cây lúc ấy thanh vắng lạ. Giọng anh nói lên âm thầm và thủ thỉ mà sao âm hưởng vang động lạ lùng trong lòng tôi. Tôi cảm thấy mến anh nhiều hơn và nghe rõ trái tim đập rộn ràng trong ngực. Một đôi chim gáy từ ven rừng bay ra đáp xuống đường, gù-gù đi bên nhau. Tự nhiên tôi e lệ ngại ngùng thấy đương cùng anh dạo gót giữa cảnh thanh vắng như một đôi trai gái.

« Tôi cúi nhặt hòn sỏi, ném cho đôi chim bay đi, rồi ngồi xuống một thân cây người ta chặt ngã bên vệ đường, lấy cổ môi chân muốn ngồi nghỉ. Anh hỏi tôi có mệt không. Tôi gật đầu, và còn dọa anh thêm:

— Nguyệt thấy vắng vất trong người như muốn lên cơn sốt.

« Tôi nói thế vì ý muốn quay về. Không ngờ anh tưởng thật, nắm lấy tay tôi xem nhiệt độ thế nào. Vô tình có lẽ anh không nhận thấy lúc ấy tay tôi hơi run. Tôi biết cử chỉ ân cần của anh qua cái nắm tay không hữu ý ấy. Anh tỏ vẻ săn sóc tôi y như anh đối với em Thu hôm đi chơi qua một nhíp cầu bắc ngang giòng suối trên quãng đường vào trại Lạc an. Đứng trên cầu, Thu thấy một con ba ba nhỏ bằng đồng hào vẩn, trên lưng điểm những chấm tròn đỏ đương chao mình theo giòng nước, thích quá muốn bắt, anh không ngần ngại lội ngay xuống, cố tìm cách vớt cho được con vật xinh đẹp ấy cho Thu...

Hữu ngừng đọc ngồi lặng đi một lát. Anh nhìn vào ánh đèn xanh dịu dịu nhớ lại đoạn phim này. Hôm ấy Hữu đi Hội chợ Hồ-Nai vì không muốn ngồi buồn ở nhà. Một bức thư của Phương vừa tới ý lo ngại, e gia đình nàng không kịp vào Nam vì thời hạn sắp hết mà vẫn còn chưa quyết định. Có lẽ giòng sông Bến Hải chia đôi đất nước cũng sẽ chia rẽ mối tình của hai người.

Hữu tới hội chợ, muốn hòa mình vào sự phấn đấu của người di-cư cho khuây bớt nỗi băn khoăn về Phương thì anh gặp Nguyệt. Hai người đi xem các gian hàng, rồi vui chân đi tuốt vào rừng. Trước cảnh thiên nhiên lồng lộng, đi bên cạnh Nguyệt, Hữu lại nhớ đến Phương và lại băn khoăn về hạnh phúc của mình. Anh nói lên sự băn khoăn ấy, giải bày những xu hướng vật chất, tinh thần và lý tưởng đời mình.

Không ngờ câu chuyện có vẻ tâm sự ấy đã xúc động lòng Nguyệt. Phải, đúng là rừng núi Hồ-nai hôm ấy thanh vắng, cao rộng quá, lòng người phơi phới trong cảnh sắc lồng lộng của thiên nhiên nên đã xúc động dễ dàng...

Thư Nguyệt viết tiếp:

« Sự xúc động gây nên bởi giác quan đó chỉ là một thử thách như trăm ngàn thử thách khác. Khi đứng lên ra về tôi thấy bình tĩnh trở lại và cười bảo anh:

— Thôi Nguyệt hết mệt rồi, ta đi về thôi. Về sớm một chút vì Nguyệt còn muốn vào viếng nhà thờ trước khi về nhà.

« Anh cười có ý bảo tôi ngoan đạo quá. Nhưng bao giờ cũng vậy, gặp sự thử thách nào tôi cũng quỳ lâu trước bàn thờ Chúa, để lấy lại quân bình của nội tâm.

« Ít lâu sau, gia đình tôi dọn sang Gia-định, anh cũng vẫn thường sang chơi vào chiều thứ năm mỗi tuần. Cho đến khi Phương vào anh mới bỏ mất lệ ấy. Thấy anh không qua chơi nữa, tôi đoán biết ngay. Tôi không giận anh mà còn mừng cho anh nữa, tuy rằng về phép xã giao như vậy là anh có hơi kém. Nhưng về khoa này thì xưa nay anh vẫn cứng đầu đi rồi! Còn giận anh thì sao lại giận nhỉ. Phương gần anh, đã thay thế được tất cả, bù khuyết được mọi thiếu sót của anh. Tình bạn của tôi không còn cần thiết cho anh trong lúc này nữa. Nếu Phương hiểu nhầm chắc còn phiền hà hơn.

Đó cũng chính là lý do tôi không gặp anh nữa, tuy rằng những lúc vui chuyện trong gia đình chúng tôi vẫn còn nhắc đến tên anh.

« Anh Hữu; viết cho anh hôm nay nhắc lại với anh những kỷ niệm đã qua, tôi có vẻ như muốn thanh toán với anh, tuy là giữa chúng ta chẳng có gì để mà thanh toán. Tôi chỉ muốn giải bày với anh điều này: Sự đi tu có vẻ như đột ngột của tôi có thể làm cho những ý nghĩ nóng nôi nhầm tưởng tôi bị thất tình. Tôi không muốn chính anh cũng lại có ý tưởng tự phụ là vì anh mà tôi đi tu.

« Không phải thế đâu anh Hữu nhé. Định hướng của tôi, như anh biết, có từ hồi tôi còn ở trường Thánh Mẫu Hànội. Tôi chưa vào Dòng ngay hồi đó vì tôi còn muốn để một thời gian suy xét cho kỹ lưỡng. Căn tự biết mình trước khi quyết định một việc hệ trọng, phải không anh. Mà hạnh phúc của đời ta há chẳng phải là điều quan hệ hay sao. Khi tìm hạnh phúc trong tình yêu đôi bạn hẳn anh đã cân nhắc suy nghĩ kỹ và để một thời gian dự bị cuộc hôn nhân. Tôi cũng vậy. Và tôi đã chọn hạnh phúc trong đời sống tu hành. Tôi muốn được sống trong ơn nghĩa Chúa, trong tình yêu siêu nhiên của Chúa, và trong tình thương yêu rộng rãi của bác ái.

« Vài ngày nữa tôi sẽ vào Dòng, chịu thử nhân đức một thời gian, rồi mới dâng lời khấn. Tôi mong rằng thời gian đó cũng là thời gian anh cùng Phương tiến tới việc trăm năm, để đến ngày khấn của tôi sẽ có cả anh chị tôi dự, thêm lời cầu nguyện cho tôi. Chắc hẳn lời nguyện cầu của anh chị sẽ giúp ích cho tôi nhiều. Nhờ vào những lời cầu xin thân bằng cố hữu mà tôi sẽ vượt khỏi mọi khó khăn, trở ngại, để tiến lên tới đỉnh trọn lành, xứng đáng với tình yêu của Chúa. Làm sao cho tôi có thể mượn lời một vị nữ tu thánh thiện kể xưa để nói rằng: Lòng tôi là một chiếc bình chứa đựng tình yêu tràn đầy, hứng ở mạch nước không ngừng của Tình yêu Thiên-Chúa, nhờ đó quần chúng đồng đạo dù có tới mức uống, bình vẫn chứa chan.

« Phần tôi sẽ không quên cầu nguyện cho anh chị đạt được hạnh-phúc mong muốn, cùng sống bên nhau đến thừa bực đầu.

Thư đã dài, anh cho phép tôi kết thúc ở đây thôi và xin gửi lời chào từ biệt.

Kính thư: NGUYỆT

Bức thư chấm hết ở trang cuối. Hữu đặt tay trên tập thư, ngồi ngửa mình ra sau ghế. Anh băng khuông thấy nụ cười của Nguyệt hiện ra rõ ràng trong óc. Nụ cười không phải chỉ để riêng cho Hữu, mà nở rộng ra, hiển hiện ở nơi nào cần có sự khuyến khích, nâng đỡ. Hữu thấy nụ cười ấy tươi tắn bên đám trẻ mồ côi, dịu dàng gần bên giường bệnh và ưu ái bên những đau thương. Rồi cũng vẫn nụ cười bao dung tươi tắn ấy bỗng biến đổi sang vẻ ngầy ngất — cái ngầy ngất thỏa mãn sau bao nhiêu hy sinh mới đạt được lý tưởng, và được chìm đắm trong nguồn sống siêu nhiên — dần dần mờ nhạt đi nhường chỗ cho đôi mắt của Phương xuất hiện. Đôi mắt đen ánh ngời tình cảm hiện lên như nhìn Hữu, nói lên được với anh không biết bao nhiêu tâm tình. Đôi mắt thâm thâm về dự hiện, mênh mang niềm âu yếm có một mãnh lực kỳ lạ trong lòng Hữu. Hình như đôi mắt ấy nhìn thấu lòng anh, để thông cảm, an ủi, khuyến khích tùy theo trường hợp. Chao, đôi mắt của người mình yêu, của người bạn đường chính đáng. Nó làm cho mình thực vững tâm ở ngày mai, vững tâm trong bốn phận của mình. Đôi mắt ấy đương chờ đợi Hữu. Ở Hữu quên đi là Phương đương đợi mình. Anh gấp lá thư của Nguyệt lại, thận trọng cho vào túi áo, rồi đặt xe đạp xuống nhà người yêu. Quãng đường phải qua bầu như ngăn lại. Tâm trí Hữu lâng lâng một niềm vui nhẹ nhàng, thoải mái.

Anh mỉm cười dẫn mạnh chân trên bãi đạp, mong chóng gặp Phương để nói với nàng một ý định. Ý ấy đã được nhắc đến trong thư của Nguyệt.

Anh sẽ bảo với Phương:

— Em à, chúng mình nên tính chuyện thành hôn sớm sớm đi một chút.

Và anh tưởng tượng thấy đôi mắt của Phương ngược lên nhìn anh. Đôi mắt sẽ không có vẻ ngạc nhiên nhưng chỉ khép một đôi hàng mi để che dấu cảm động.

Anh sẽ nói ngay cho Phương biết lý do:

— Vì anh muốn chúng mình kịp tới dự lễ khấn dòng của một người bạn.

Phương sẽ dịu dàng đáp lại:

— Vâng, em đã sẵn sàng từ lâu rồi.

Cứ tưởng tượng trước như thế mà lòng Hữu thấy càng phơi phới. Xe anh rẽ vào con đường của nhà Phương từ lúc nào, vì mùi hoa dạ hương trong vườn nhà Phương đã thoảng ra ngan ngát.

HÀ-CHÂU

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

VĂN - HOÀN

279, đường Gia Long, 279

SAIGON

Xưởng nhuộm hàng vải, tơ lụa
Bảo đảm chắc chắn không phai màu.
Nhà máy hồ sơ sấy được nhiều tỉa nhiệm
với các hãng dệt.

TẢ TRUYỆN :

N

AM Hi-Công thứ 22, thế-tử nước Tấn là Ngự đang làm con tin ở Tấn, sửa soạn để trốn về nước bảo với Doanh-thị rằng :

— Nàng cùng về với ta chăng ?

Đáp :

— Chẳng là thế-tử nước Tấn mà bị nhục ở Tấn, như vậy về là phải. Còn về phần thiếp-tôi đã được nhà vua sai đến hầu khan lược, cốt là để giữ chân thế-tử, nếu theo về tức là bỏ mệnh vua. Thiếp tôi không dám theo, tuy nhiên cũng không vì thế mà dám tiết lộ.

Ngự bèn trốn về.

Theo chính-văn Tả-truyện

DẪN GIẢI : Nước Tấn giao chiến với nước Tấn, bị thua. Tấn thế-tử là Ngự phải sang ở bên Tấn để làm con tin. Tấn Bá trả lại đất Hà-Đông cho Tấn và gả con gái là nàng Hoài-Doanh cho thế-tử Ngự.

Một thời-gian sau khi thế-tử Ngự trốn về nước, một vị công-tử khác ở nước Tấn là Trùng-Nhĩ, vào hàng chú của Ngự lại trốn sang Tấn để mưu toan nhờ binh-lực của Tấn trở về nước đảo-chính. Tấn-Bá lại đem Hoài-Doanh gả cho Trùng-Nhĩ. (Sau này là Tấn Văn-công).

Lời bàn của Lã-Đông-Lai

Muru bàn với kẻ gặp ở ngoài đường, không bằng muru bàn với người ở hàng xóm.

Muru bàn với người ở hàng xóm không bằng muru bàn với người ở trong gia-đình.

Chẳng phải vì người xa thì ngu mà người gần thì trí đâu.

Chính vì lòng yêu mến nông thì muru tính sơ ; yêu mến thâm thì muru tính kỹ.

Cái lý là như thế mà cũng là cái thế như thế nữa.

Người ở bốn bề chín châu, thốt nhiên gặp gỡ, có thể, hỏi cũng chẳng trả lời, khăn khăn cũng chẳng buồn đáp.

Nhưng vợ con trong nhà thì không thế. Vì cùng tính, nghĩa, đều vui buồn. Trong lòng chẳng có điều gì giấu giếm nên tình cũng chân thật. Ngoài mặt chẳng có điều gì giả dối, nên lời lẽ cũng chân thật.

Lấy tấm lòng thật đối với tấm lòng thật, hẳn khoan tha thiết, sự lợi sự hại thường thường được dãi bày đúng với sự thật.

Sở dĩ được như vậy, chẳng phải cái khôn của vợ con ở trong nhà vượt hơn cái khôn của người ngoài, chính vì khôn mà tính việc sơ thì không bằng ngu mà tính việc kỹ.

Vì thế vợ con trong nhà, nếu tính muru mà trí lý chưa tới, thông minh chưa kịp, thì đành cam chịu chứ chẳng khi nào lại phớt mặc, muốn sao hay vậy, mà nói những lời hời hợt như khách qua đường...

Lại thay, nàng Doanh đối với Ngự, nói đến thân cận, thì sống cùng nhà, mà tính thì lại là người đứng nước lã.

Khi Ngự muốn trốn về nước nàng ta đã chẳng bàn bạc giúp đỡ nên chẳng lại còn bảo nên về để cho thuận ý. Đã chẳng về cùng, cốt thoát riêng thân mình lại còn leo leo rằng không tiết lộ để khỏi bị ngờ vực !

Chủ ý đã định phớt mặc, muốn sao hay vậy, cho nên khi thì hành mới hời hợt.

Sở dĩ người đời phớt mặc chính là muốn nói : « hãy biết thoát được một thân ta ! »

Có biết đâu Cha con như một, vợ chồng như một, đây hai thì đây cũng bị tổn thương.

Tình nghĩa đã chẳng đủ để chu toàn cho Ngự, thì làm sao có đủ mà toàn vẹn được cho thân nàng !

Thành ra Doanh-thị trước vì câu thả phớt mặc mà sau không thoát cái nhục hai lần đem thân gả bán cho người.

Những vị liệt-nữ thời xưa, không may gặp phải cảnh huống không thể lường toàn được thì thường lấy cái chết ra để vẹn nghĩa cả. Việc của thế-tử Ngự ở đây đâu đã đến nỗi là cảnh ngộ khó lường toàn.

Giả sử khi Ngự mưu tính trốn về nước, Doanh-thị đòi luận điệu trên và nói rằng :

Sở dĩ thế-tử phải nán nã ăn nhẩn ở đây cũng chẳng ngoài mục đích cho Tấn, Tấn giao hảo. Nay bỗng nhiên chẳng chịu đựng được vài năm bức dọc bỏ tề-áp ra đi, như vậy tình trạng bang giao của hai nước sẽ ra sao. Vua cha của Thiếp vì bận việc xã tắc không thể tự mình phụng thừa thế-tử được, vì thế phải khiến tiện-thiếp đến để hầu lược khấn. Nếu thế-tử nhất quyết có chí khác, ắt vua cha thiếp chẳng được phụng thừa nữa, tất nhiên thiếp phải bầm trình lại với vua cha.

Nếu Doanh-thị nói được những lời như thế,

BÌNH DỊCH CỎ VĂN

THẾ TỬ NGỰ TRỐN VỀ NƯỚC

của TRẦN-ĐÌNH-KHẢI

hắn Ngự phải sợ nàng sẽ đi tâu lại mà chẳng còn dám nuôi cái mưu vọng trốn chạy. Doanh-thị sẽ nhờ ở thế lực của Tấn-Bá che chở cho Ngự khỏi bị hại. Tấn-Bá cũng thấu cái tình yêu của con mà chẳng tính đến cái sách lược Trùng-Nhĩ làm gì.

Như vậy giữa cha con, chồng vợ, chẳng thể lường toàn được hay sao.

Than ôi ! Nếu Doanh thị biết nỗi được điều đó, tất có thể giúp cha thực hiện được chí nguyện, có thể giải được họa cho chồng, có thể trọn được đạo làm vợ, có thể toàn được tiết cho mình, có thể nối được giòng dõi cho Huệ Công khỏi bị tuyệt, tự, có thể tránh cho Tấn Bá khỏi bị chê là man rợ. Một việc làm mà được bằng chứng ấy lợi, nếu Doanh Thị chỉ nghĩ thêm một chút nữa, lo gì mà chẳng làm được như thế.



Sở dĩ muru tính một công việc bằng một thái độ hững hờ chính là bởi mối tình đối với nhau cũng hững hờ, mà cái nghĩa cũng hững hờ. Đất khô sác thì không thể sinh cây tốt tươi, mây thưa thớt thì không thể mưa rào, chuồng trống vắng thì tiếng không vang dội, vị nhạt nhẽo thì không thể làm món ăn ngon, vì thế chưa từng có thể có nghĩa mông di trước mà lại có mưu sâu ở sau này được.

Cho nên Doanh thị không bày được mưu, phải dẫu chỉ riêng ở lúc Ngự trốn Tấn !

Dịch theo chính văn trong Đông Lai Bắc Ngự.

Lời bàn của Dịch giả !

Ngắm một con chim bay ở lưng trời, những người có những thành kiến, những tư tưởng, những hoài bão khác nhau sẽ có một ý niệm khác nhau.

Người đi săn sẽ nghĩ tới mục cao của chim bay và tâm sủng có thể đi tới.

Nhà thi sỹ sẽ nghĩ đến một vần thơ tả sự khinh khoái của chim bay.

Nhà họa sỹ sẽ nghĩ phải tô màu làm sao cho bức tranh mô tả con chim đang vượt không gian như thế kia, cho linh động cho nổi mầu.

Nhưng một phạm-nhân đang bị giam giữ, nếu ngược mắt lên trời trông thấy chim sẽ thở dài một cách rất nao nức và nghĩ thầm :

Thân mình giá hóa làm chim được

Quyết vượt nghìn trùng hướng cổ-hương...

Vì thế, Lã-tiên-sinh có một cái định-kiến rằng đàn-bà đã lấy hai chồng là đàn bà bỏ đi, nên thấy Hoài Doanh gặp phải trường hợp đó, đã nhìn nàng

bằng con mắt của một ông quan-tòa đang khí tức giận.

Với những ám ảnh của luật tam tông tứ đức, với những thành kiến ca ngợi những liệt nữ trung trinh, khi một người đàn bà vi phạm những luật ấy, thì cảm giác đầu tiên của một người chưa am tường những ước khúc những tâm sự của nàng phải nhìn nàng bằng những tia mắt không thể nói là êm dịu được, đó là một lẽ đương nhiên.

Cũng vì cái lẽ đương nhiên ấy mà Lã Đông Lai tiên sinh đã quá khe khắt với nàng.

Nếu trách nàng Doanh đối với thế-tử Ngự tình quá hững hờ thì sao không trách Ngự rằng Ngự cũng đã đối với Doanh kém phần thâm thiết !

Tôi biết !

Tôi biết rằng khi tôi nói thế các bạn sẽ không thể ngồi điềm nhiên được, sẽ vùng lên chỉ vào mặt tôi mà nói rằng :

— Thế-tử Ngự vì việc nước, nên có thể nhẹ được tình riêng, còn nàng Hoài-Doanh một khi đã xuất-gia thì chỉ có mục là tông-phu mới hợp nghĩa mà thôi.

Thưa, tôi xin dám không trả lời mà chỉ đứng vào trường hợp nàng Doanh.

Nàng sẽ tự nhủ rằng :

— Việc hôn phối của ta với thế-tử, mục tiêu chính không ở chỗ xây dựng một tổ uyên-ương như mọi cặp vợ chồng khác. Ở đây lý do chính trị nặng hơn điều kiện ái tình. Chính vua cha có định ý muốn buộc chân chàng, nên mới gả ta cho chàng. Chàng là người thông minh, không lẽ nào lại không hiểu đến những điều sơ lược ấy.

Vì vậy, chẳng lẽ chàng biết trọng nghĩa cả cố tìm cách để trốn về nước, ta lại không biết trọng nghĩa cả tuân theo đúng ý muốn của cha hay sao ?

Chàng nỡ vì trung thì ta phải nỡ vì hiếu.

Nhiệm vụ của chàng, chàng lo theo đuổi,

Nhiệm vụ của thiếp là nào thiếp lại hững hờ !

Vì nếu thiếp hững hờ thì biết đâu trong lòng chàng vốn đã dành sẵn một mối tình không thâm thiết đối với vợ, sẽ chẳng khinh thường vờ rờ rúng dứa con gái vì ngu mê mà quên nợ nước tình cha. Vì thế mà thiếp không muốn !

Chính cái ý-nghĩ ấy đã khiến nàng Doanh có một thái độ dè dặt Lã-tiên-sinh chế trách là hững hờ lãnh đạm đối với một mối tình cao cả nhất, trong đời một người đàn bà là : Mối tình chồng vợ.

Nhưng chính cũng ở cái thái độ ấy mà ta có thể đoán biết rằng nàng Doanh không những không hờ hững với Ngự mà còn yêu Ngự bằng cả một tâm tình kính phục nữa.

Yêu vì phục, chứ không phải yêu vì mê, vì thế điều sợ nhất trong tâm tư người thiếu phụ lúc ấy là sợ bị người mình yêu, khinh mình.

Nếu không có tình, khi được yêu quý cũng có cầu chi, bị coi khinh cũng có quan chi. Người đó đối với mình chỉ là một người đứng. Mà đã đối với nhau như người đứng thì mọi sự sẽ bất-trương-can, kẻ chi đến khinh và ghét !

Sợ một người nào đó khinh mình tức là còn nuôi một hy vọng sẽ được người đó yêu mình, và như thế chứng tỏ rằng mình cũng đã yêu người đó.

Cho nên càng yêu nhau thì lại càng phải xa nhau để khỏi bị mất cái tình yêu ấp ủ trong lòng nhau, mà vì một sự khinh khi có thể làm cho tan vỡ.

Vì thế nên nàng phải cố gắng thực hiện ý-định của cha bằng cách tự coi mình như một công cụ mà thôi.

Mãi đây Tấn Bá lại gả nàng cho Trùng Nhĩ, lúc đó nàng cũng chỉ lại tự coi như một sợi giây-tơ đem ra dùng để trói chân Trùng-Nhĩ chứ đâu có phải vì hạnh-phúc của nàng mà Tấn Bá lo dựng vợ gả chồng cho nàng !

Có người sẽ thắc mắc rằng : Nếu đã biết lấy việc nước làm quý, lệnh cha làm trọng, sao khi Ngự bỏ trốn lại không đem việc ấy mà tâu Tấn Bá ?

Xin thưa :

Đó là điểm để ta còn trông nàng Doanh ra một người, nếu không, nàng chỉ là một cái « máy hoàn-toàn » vận hành cốt thì cử-động mà thôi.

Không trái lệnh cha là một lẽ, nhưng làm sao trong khi không trái đó vẫn trọn vẹn một phần nào tình cảm của con người.

Ăn ở với nhau, đầu gối tay ấp, dù có vì nghĩa cả mà làm cái việc giả ân tình ấy thì một sớm một chiều, họa chẳng còn chịu được. Nếu đã ở với nhau lâu, con chó con ngựa còn không nỡ cắn đá nhau, huống hồ là người huống hồ là còn sống theo « lối sống kiểu vợ chồng ».

Vì thế : « quên mệnh vua cha thì không dám quên nhưng thi-hành đến cạn tầu ráo máng, đến tận nhẵn thì không đủ sức ! »

Lã tiên sinh chỉ biết trách nàng mà không biết thương nàng, không biết đến tâm trạng vô cùng rối loạn của con người bị vò xé ở trước sự quyết định « bên hiếu bên tình ».

Bên « hiếu » còn nặng thêm nghĩa « quốc gia » nữa vì thế « hiếu thắng ». Nhưng « tình » có phải

(Xem tiếp trang 42)

KHÁM VUI... KHÁM BUỒN

ĐỀ TẶNG CÁC BẠN
TRONG KHÁM,
NGOÀI KHÁM

Ngày 27 tháng 5

Đ OÀN NGƯỜI rầm - rập bước lên thang lầu. Họ vừa đi suốt một hành lang dài dằng-dặc, có lẽ tới ba, bốn trăm thước. Vậy mà chưa hết: ngó lên phía trước, cái hành-lang vẫn còn chạy đi thăm-thẳm, đi tới một chỗ tối như vào miệng hầm xe lửa. Nhưng họ đã được hiệu dừng lại, rẽ sang bên mặt, lên thang lầu. Chân họ rầm-rập bước lên.

Thân cất tiếng:

— Chúng mình đương trời lên khách sạn...

Kim chữa lại:

— Đại - khách-sạn. Chưa bao giờ mình thấy một cái dinh thự lớn như thế này...

Bước chân đi ròn rập, mà cái cầu-thang bằng bê-tông không hề rung chuyển.

Linh chiêm thêm:

— Thì tại mình là quý-khách vào khách sạn mà. Mỗi bước đi là một bước xe, rồi kẻ đưa, người đón, rồi cơm bưng, nước rót tận miệng. Mà này, mỗi phòng khách-sạn lại có cả nước máy và cầu tiêu máy đẩy nhè? Cái khách-sạn này thật là "chiến". Đủ tiện-nghỉ tới tận...

Những lời nói chỉ làm cho mấy bạn khác nhếch mép thôi. Tuy thế, tất cả cũng đương hân-hoan. Một cách-tương đối. Họ vừa được hàng tá công-an-viên mang những khẩu tiêu-liên có họng súng đen ngòm "tiền đưa" họ tới nơi đây, rồi được những chức-sự trong tòa lâu đài này "tiếp đón" rất ân cần, ghi tên, ghi tuổi vào những sổ vàng, lại đỡ luôn cả cho họ những nón mũ, giày-dép, cặp da, tóm lại là những đồ hành-lý nặng nề để cất đi vào tủ, xong rồi lại phát cho họ chiếc nằm và chén ăn. Thật là đưa đón linh-dinh. Từ đây, họ sẽ được tính-dưỡng nghỉ ngơi, để ngày ngày được người com bưng, nước rót. Com đây là com lúc, đựng trong những cái chén xé to tướng, và nước đây là nước trà, đựng trong những cái chậu thau như cái chậu người ta vẫn dùng rửa mặt.

Bạn người vừa được chuyển từ một khám nhỏ tới một khám lớn: khám Chí - Hòa. Vì được đổi chỗ ở, nên họ coi là trong đời lao tù, họ đã có một bước tiến. Kim ngân giọng sẽ hát "Rủ nhau đi Tòa, Rủ nhau đi Tòa", nhái bài ca "Rủ nhau đi bầu", hồi đó thường vang lên trong các máy thanh thanh. Từ hôm nay, họ thuộc thăm - quyền Tòa án Quân sự, và nghĩ rằng cuộc đời đã đặc biệt hơn.

Những người lạc-quan nhất, cố tin tưởng rằng đây là một cuộc thay đổi khách sạn thật sự. Còn những người khác, lúc đầu có thể đã buồn vì bước sa-cơ, nhưng lúc này đã dịu lòng và ăn-nhẫn, coi đời là một cuộc phiêu-lưu phải có đủ mùi vị mới đáng sống, và họ đã trở nên những triết-gia thật sự.

Lên hết cầu thang, họ ra một hành lang ở phía trong, rộng rãi và sáng-sủa.

Đôi người sững-sốt vì thấy hiện ra toàn bộ tòa lâu đài Bát-giác, rộng lớn nguy-nga, toàn những chấn-song là chấn-song. Rồi họ tới phòng đã định sẵn cho họ. Đứng có những tiếng rú lên vì sung-sướng, rồi mấy người vọt cả chén bát chạy tới để hỏi han nhau riu rít. Đây là bạn tù gặp lại bạn tù: đời ở đâu cũng có những niềm vui, chỉ cần tìm ra là thấy...

Mọi người đề bọc đồ của mình xuống. Họ đã tới một nơi trú-ngự nhất-dịnh. Rất thật-tế, — vì đã quá quen với cảnh ngộ — họ lo sắp-dặt chỗ ngủ, lo kiểm lại những quần áo và đồ-dùng còn sót lại của mình... Mấy phút sau, có những anh ngồi nói chuyện tít-tít, và cũng có những anh quay ra đánh một giấc ngủ ngon lành...

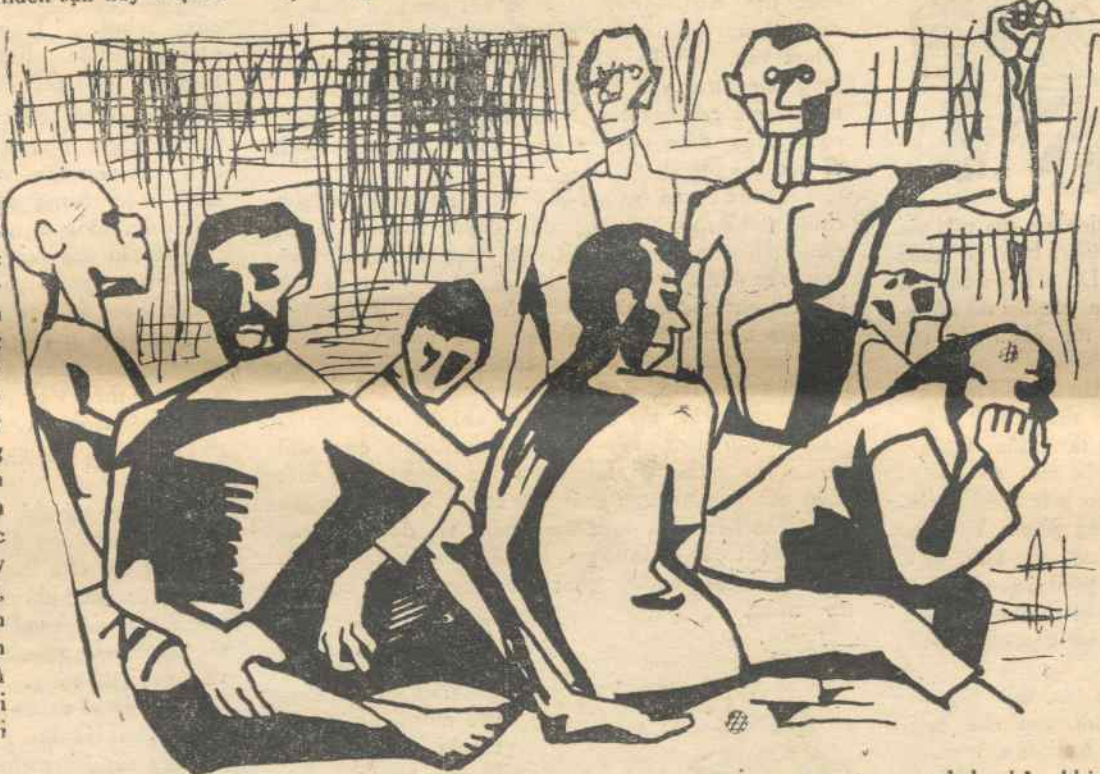
Ngày 28 tháng 5

T HỊNH lui cui xếp lại những vật dụng và quần áo, là tất cả tài sản của mình, để trong bọc đồ. Bọc đồ là một vuông vải, được khâu lại sơ sài, lớn

vừa bằng cái gối. Mấy cái áo, mấy cái quần đùi, mấy mảnh giấy vụn, mấy cái que dờ bàn, mấy cái vỏ bao thuốc lá, mấy sợi giây, một miếng vải nhỏ. Tài sản chỉ có thế, nhưng hôm nay, anh thấy quý nó, trừu mến nó vô cùng. Xem anh xếp đặt chậm rãi mấy món đồ, người ta mới cảm thấy một vài trạng thái sống của con người.

Bút-ký của **TRẦN-VIỆT-SƠN**

Con người chỉ cần có chừng đó để sống. Cái mà người ta gọi là đời sống tối thiểu, phải đến đây tìm mới thấy. Thịnh quý những vật-dụng này, hơn cả cái mô-by-lét, cái máy thanh-thanh, cái tủ sách và tủ-áo của anh khi trước. Là vì anh đã từng sống những phút lạ lùng nhất, trên mình còn dính một cái áo sơ-mi và một cái quần, sống hàng tháng như thế. Thịnh thường kể câu chuyện anh khóc con dân. Trong đời tù, anh đã từng sống ở một căn phòng hoang lạnh, trong toàn lá mục, chỉ thông ra ngoài bằng cái lỗ đưa cơm. Mọi tiếng động đều vang bật: anh hoàn toàn cách biệt với cuộc đời và với mọi sự sống.



Mỗi ngày, mỗi hạnh-phúc duy-nhất trên đời, là được nghe người gác nói lên một tiếng, và được nghe thấy tiếng róc-rách của một người đương rửa mặt. Chỉ có thế thôi, cho đến một ngày anh trông thấy một con dân trong phòng: anh đã tìm ra một người bạn. Anh say sưa với con dân, bỏ xuống mà theo dõi từng bước đi của nó, và miệng như muốn kêu lên để gọi bạn mới. Sung sướng được hai hôm thì con dân đi đâu mất. Sau một giấc ngủ dậy, Thịnh nhớn-nhác tìm khắp phòng, nhưng không thấy dân nữa: con người từng khinh-thường gian-nguy hôm ấy đã rõ một giọt nước mắt, khóc một mối tình chớm nở — tình người tình dân.

Thân, vốn hay trêu chọc, kêu lên:

— Trời ơi, coi Thịnh nó giữ báu vật kia. Vừa nói, vừa giơ tay quơ mấy cái vỏ thuốc lá.

Thịnh tức giận giục lại:

Có những lúc mà ý-nghĩa cuộc đời chỉ trong mấy vỏ bao thuốc lá. Là vì đã có những lúc tâm hồn Thịnh đã bị cô-lập hoàn-toàn cho đến nỗi chỉ còn mấy cái vỏ bao thuốc để thông cảm với ngoài đời. Anh đã từng ngồi ngăm từng nét chữ, từng cái chấm trên những chữ I để so sánh với nhau...

Đối với những người ở đây, một miếng giấy lộn, một cái que để cắn ra thành tăm, một cục sà-bông, một cái bàn chải hay một nùi vải quần lại để chùi răng, một cái lưỡi dao cạo, một mẫu bút chì, đã trở nên thân-thiết và cần ích vô-cùng.

Đến "nhà mới", cuộc đời đã đỡ khổ. Bên ngoài có thể gửi vào giấy bút, sách vở, và nhiều thứ khác nữa, nên giá trị của mảnh giấy lộn, của que tăm, đã bớt đi. Nhưng chúng vẫn còn một giá trị "lịch-sử" trong lòng những người đi tìm hiểu cuộc sống này.

Ở góc kia, Quới đương lui húi sắp - đặt cho cuộc sống có đủ tiện - nghỉ "tối-tân". Với tất cả

những vật liệu mà anh góp nhặt được, anh đương bố-trí chỗ ở của anh, thu trong phạm vi một chiếc chiếu và một mảnh tường. Anh lấy miếng giấy, phết cháo lên, luồn sợi giây gai ra phía sau, rồi dán tất cả lên tường, để lờ ra một cái trống-lọng. Đến mai, chỗ đó khô lại, anh đã được một cái mắc áo, — lại được luôn cả một chỗ mắc màn. Với một cái vỏ bao thuốc lá, phết cháo một bên rồi dán lên tường, anh có được một thứ ống dẫn-dị nhất và rẻ tiền nhất để đựng những cái lật vật, mẫu bút chì, cái bàn chải răng, mấy cái tăm. Nửa cái dừa tre, đem chẻ ra một chút ở phía đầu, cặp lấy một nửa cái mảnh lưới dao, xi được trên mặt một cái bàn giấy nào đó, thế là anh có được một cái bàn cạo, dù bên dưới sên những "râu cùng rìa, nó chia là chia ra mép", như anh thường hát, mỗi khi sờ tay lên cằm mà thấy rậm rậm.

Phải có qua những cảnh ấy, mới thấy "nhu cầu là mẹ đẻ ra những-phát minh". Quang vốn ưa cái môn quốc-hồn, quốc-túy thuốc lá, đã rất khoái trá khi xin được một lọ dầu Nhị-thiên-Đường đã hết dầu. Anh ngồi một buổi, mài cho thủng đáy lọ dầu ra. Thế là anh được cái điều hút thuốc: mỗi khi ngậm lấy cổ lọ, nhét đầu thuốc vào đáy lọ, anh vô cùng khoái và hân-hiện. Nhưng anh chợt hứng khi nghe thấy câu chuyện của các tay đệ-tử của ngài tiên nâu, bị bắt vì tội hút thuốc và hiện ở một khu gần khu tù chánh trị này, họ đã luôn luôn được hút thuốc dăng hoàng với những cái bàn-đĩa thật - sự: cái dẹt đầu lạc làm bằng ống bơ, cái tàu làm bằng cái lọ Pê-ni-xi-lin mài thủng đáy, và cái xe là một cái ống cao su nhỏ.

Ngày 17 tháng Sáu

H A ! Bành quá ta. Bữa này có người được gặp vợ !

Thân reo lên khi thấy Kim, từ nửa giờ nay, chằm chằm rất cần thận, và cạo râu cũng rất cần thận. Nét mặt tươi-tinh hẳn lên. Là vì lát nữa đây, đến giờ "tiếp-tế", người ta gọi nôm na là "nuôi", thế nào anh lại chẳng được hân-huân với những người mà lúc này, anh cảm thấy yêu nhất, thương nhất, tức là vợ con và những người trong thân quyến.

Một nhà tâm-lý nào đó, từng nói: "Phải có xa nhau, mới thấy gần nhau". Nói thế chưa đúng: Phải có ở tù, mới rõ ràng tình-nghĩa gia-đình là một bản-năng vô cùng mạnh-mẽ và bất-diệt. Và mới hiểu rõ rằng cõi lòng bao-la như biển cả. Những người mẹ trút hết tình thương vào một đứa con, tưởng sẽ phải chia mỗi tình thương ấy ra làm nhiều

mảnh nhỏ, khi có nhiều đứa con khác... Nhưng không, tình thương cứ rộng lớn thêm mãi, thêm mãi, và tất cả những đứa con đều được hưởng riêng một mối tình vô-giới-hạn. Thì cũng như những chàng trai kia, lòng mang nặng một tâm-tư, tưởng đã trút được tình thương gia-đình để theo đuổi một mối tình vi-dại, trong những năm kháng-chiến, trong những lần tên mũi đạn, trong những ngày gian lao lưu-lạc, trong những khi cất bước ra đi để đến xứ người trú-ngự, thế mà trong một giờ phút nhất-dịnh nào đó, đều cảm thấy tình thương gia-đình của mình cũng vô-giới-hạn.

Kim cười khà khà đáp lại:

— Thế để chú mình thì không? Hôm nọ, chú mình thờ dài chỉ vậy? và ngắm ai vậy?

Cái hôm nọ ấy, mọi người ăn cơm xong, được một lúc thỏa thuê chơi đùa. Nhưng Kim vẫn ngồi ủ-rủ. Có ai mà hiểu được tâm hồn anh chàng thế nào. Nhớ vợ? nhớ con? hay buồn vì thất thế? vì nỗi bề đầu biến đổi? Thân và mấy bạn ngồi nghịch ngợm ngăm Kim một lúc, rồi phá lên cười, cười sặc sụa, nhất định rằng Kim đã nhớ vợ và chọc cho đến lúc anh chàng vừa phải khóc, vừa phải tức, và cũng vừa phải phá ra mà cười nữa.

Nhưng chỉ lát sau, khi mọi việc đã êm, phòng đã lên đèn, Thân đứng nhìn ra ngoài ngắm chiều buông xuống một cảnh khô khan, không một bóng cây hay một tà áo. Toàn những chấn song ! Con người ngộ-nghịch lúc ấy mới thấm buồn. Lúc ấy anh không buồn nói chuyện với ai hết. Rồi anh vào lấy sách đọc, dựa lưng vào tường. Đọc sách gì mà cả giờ không thấy giờ trang? Kim lặng thinh quan sát, rồi tới bất thần nắm lấy sách của Thân, rồi cười phá lên:

— A ! đây mới là cậu Thân nhớ vợ này. Cậu

(Xem tiếp trang 41)



T. Đến. Cái oi bức miền Nam không cho chúng ta cảm thấy cái xuân lạnh lạnh nhưng ấm ấm của miền Trung hay Bắc. Không có cảnh đào, yêu đào, mỏng manh, đắm ướt những sương mai. Mà

Xuân vẫn có. Một cái gì khó tả, rạo rực vấn vương trong lòng ta. Yêu đương từ lòng ta trào ra cỏ cây, vũ trụ, làm dịu mát khí nóng của trời đất. Lòng ta mệnh mang vô biên muốn cảm thông với tất cả : ta nghĩ đến thân bằng cố hữu, ta tưởng đến quốc gia, nhân loại, ta thương người sống, ta nhớ người chết.

Ta muốn dùng có những ranh giới, biên thù trong cõi lòng. Chính vì vậy mà ngày tết người Việt-Nam chúng ta cho nó một ý nghĩa đặc biệt, thiêng liêng không một lễ nghi nào có thể thay thế được : người ta đình chỉ mọi công việc, dành ra nhiều ngày để mà thăm hỏi người sống (tết nhau) kính viếng người chết (táo thanh). Ngày Tết có một ý nghĩa LIÊN ĐỐI rất cao cả. Loài người không phải là những cá nhân lẻ tẻ, cô lập, rời rạc, loài người là một THUẦN NHẤT LIÊN TỤC bao hàm cả dĩ vãng, hiện tại và tương lai, nghĩa là qua cả chiều dài và chiều rộng của không gian và thời gian.

Mỗi một con người là một khúc trong cái thân cây cao vút là cây nhân loại. Tiền bối cũng như hậu sinh đều là nối liền vào chúng ta, đều là một phần chúng ta. Tiền nhân là cái TA ngày hôm qua, còn hậu sinh là cái TA ngày mai. Hôm qua, hôm nay, và ngày mai chỉ là ba lúc sống của một cuộc sống triền miên, liên tục là cuộc sống loài người.

Gặp lúc khí xuân đầm ấm, yêu đương, chúng ta thử khơi lại cái dòng sống thâm thiết đó hay nói cách khác chúng ta thử tìm hiểu mối liên hệ giữa



người sống và người chết qua lịch sử của một vài dân tộc ta tự ý chọn làm đại biểu. Đối với thời thượng cổ, chúng tôi chọn dân Do Thái ; đối với những thời kỳ sau, chúng tôi chọn các tín đồ công giáo ; và đối với thời ta chúng tôi chọn dân tộc Việt Nam.

Trong số các dân tộc cổ sơ, dân Do Thái để lại cho chúng ta những trang sử thâm thiết cảm động hơn cả. Do Thái có Ya-Vê là Chúa. Chính Ya-Vê đích thân hiện đến huấn luyện một số chiến sĩ để sai phái đi dạy dỗ trăm họ cho biết phải thờ kính Ya-Vê, yêu mến Ya-Vê, vâng phục Ya-Vê. Nhưng khôn nổi dân Do-Thái lại hay vô tâm, quá dễ tẻ bạc, khiến Ya-Vê nhiều khi phải buồn phiền, nhưng vì trời khế ước long trọng với tổ phụ của họ, cho nên Ya-vê không nỡ ruồng bỏ cái dân mà Ya-vê gọi là dân tộc bạc.

Lần hồi, người Do Thái thâm cảm điều ấy và nhận ra rằng họ mắc nợ rất lớn đối với cha ông của họ. Họ mà chưa bị Ya-Vê hủy hoại đi một phần lớn là do âm đức của cha ông họ khiến cho Ya-vê phải nể vì. Chính vì vậy mà người Do-Thái có một tâm lòng sùng bái tổ tiên một cách đặc biệt.

Họ tin vào quyền lực của người chết. Bởi thế mà mỗi khi họ cần xin điều gì với ya-vê, thì không bao giờ họ vin vào công đức của họ mà đều vin vào công đức của Cha ông. Mỗi lần cất tiếng cầu kinh là một lần họ lên tiếng liên kết với những thế hệ đã đi qua, tìm nấp sau bóng của những bậc tiền bối. Họ xin Ya-Vê thương họ vì công nghiệp của các tổ phụ họ, nhất là về công nghiệp của Abraham, Giacôb, Isaac, Maisen, David... Họ coi là một danh giá việc họ được thuộc về một dòng máu với tiên tổ của họ và họ nỗ lực để giữ cho dòng máu đó được tinh truyền trong người họ, và trong con cháu của họ.

Thừa tiếp được của dân Do Thái cái vốn cũ, dân Công giáo buổi sơ khai cũng có một tâm lòng thờ kính tổ tiên lạ lùng. Trong 300 năm bị bách hại, người Công giáo Rôma đã phải sống lần lút nơi tha ma nghĩa địa. Hơn thế, để lần trốn con mắt của triều đình, họ còn phải đào những hầm hố len lỏi qua khắp lòng đất Rôma. Hiện nay, tại Rôma còn tồn tại gần một chục hầm như vậy ; có hầm đường đi lối lại ngoắt ngoéo dài mấy cây số. Đặc biệt là các hầm ấy vừa là nơi ẩn náu của người sống, vừa là nơi chôn cất người chết. Ngày nay, len lỏi qua những lối đi dưới các hầm mộ đó, người ta thấy dọc suốt trên lưng chừng các vách tường đều là mồ chôn cất người chết, lắm khi còn mang rõ cả tánh danh người chết với những câu khấn khoản xin người sống cầu cho linh hồn người quá cố được chóng siêu thoát. Người công giáo Rôma đã sống giữa những mồ mà như vậy trong gần ba thế kỷ. Chính dưới những hầm mộ mà lưng chừng các vách tường toàn là mồ mà ấy, người công giáo Rôma đã quần tụ nhau, nghe giảng, thuyết, học hành, ăn uống, làm

THƯ ĐẶT LẠI VẤN ĐỀ

THỜ KÍNH TỔ TIÊN

của THANH-LÃNG

lặng, nhất cầu kính, dâng lễ thâu đêm tối ngày.

Ngày nay len lỏi vào những đường hầm ẩm ướt, rón lạnh, chật chội, bóng tối nhiều hơn ánh sáng ấy, khách thập phương còn nhìn lại được những buồng hộp, những sập ăn, những bàn thờ lẫn lộn bên những nấm xương tàn. Thay vì cảm thấy dợn người, ghê sợ, người ta, ngược lại, cảm thấy đầm ấm trong lòng : đây là vết tích của một nếp sống thâm thiết của những thế hệ đã qua trong đó người sống và chết gặp gỡ nhau, thông đồng cảm xúc trong một tình yêu và tin tưởng chung. Người chết là niềm tin cậy của kẻ sống và người sống là hình ảnh linh hoạt, ý nghĩa của kẻ chết.

Dần dần những cơn bách hại chấm hết. Giáo hội công giáo bỏ đời sống hầm mộ, tha ma, nghĩa địa để ra ánh sáng. Những lâu đài nguy nga đã được cất dựng lên khắp đó đây : nào đền thờ cao ngất trời, nào đài kỷ niệm chiếm cả một phố, nào lâu đài tráng lệ nằm choán cả đồi núi cỏ cây, đâu đâu cũng nổi lên những cây Thánh giá, được coi là dấu hiệu công giáo. Nhưng nếp sống của người công giáo vẫn không thay đổi. Đã cùng nhau trải qua những ngày đau đớn, tối tăm, người công giáo muốn cho người chết của họ cũng được chia sự đầm ấm và ánh sáng của cuộc đời mới. Nhiều lễ nghi hết sức linh đình đã được thành lập để kính phở tưởng niệm người chết. Thực vậy, sau khi đã theo rồi con người từ lúc lọt lòng mẹ bước vào cuộc đời, giáo hội còn theo rồi họ tới mồ cao mà dài. Nghi lễ tống táng của người công giáo thực nói lên được tất cả lòng sùng kính tổ tiên của họ.

Được tin có người qua đời, linh mục cho giặt chuông nhà thờ rồi cùng dân chúng tới nhà hiếu, cầu kính cho người chết, và cùng tang gia rước linh cửu đến nhà thờ đặt lên đài cao, thấp nền và kết hoa chung quanh. Tại đây linh mục và dân chúng lại hợp nhau đồng ca những bài kinh sốt sắng. Linh cửu được rảy nước thánh và xông hương sáu lần. Sau đó linh mục lại cùng dân chúng theo người chết lên tới nghĩa địa ; chính linh mục lấy nước thánh làm phép huyết và khi linh cửu đặt xuống rồi linh mục lại cùng dân chúng tha thiết khấn cầu cho người chết và xông hương sáu lần nữa. Sau hết linh mục làm phép và đặt lên mồ người chết cây thánh giá rồi đây sẽ là người bạn duy nhất của người chết giữa cảnh trời bao la tởm tởng.



Không phải chỉ có thế. Tâm lòng yêu mến kính trọng người chết còn khiến người sống muốn người chết vẫn "cầm trại" bên họ. Tại Việt Nam, nghĩa địa thường cất ở những nơi heo lánh, xa làng mạc, bất đắc dĩ mới phải đặt chân tới. Đối với người công giáo, nhất là công giáo tây

phương, nơi an nghỉ của người chết thường quanh quất bên người sống. Ở các vùng quê, bao giờ ngôi nhà thờ xứ cũng là nằm ở giữa một nghĩa địa.

Còn ở những thành phố lớn, nghĩa địa thường là một khu đất rộng mênh mông, thường xây cất rất mực công phu mỹ thuật, có cây cỏ thụ cao ngất trời, rù bóng quanh năm, cúi xuống như ve vuốt. Vào một nghĩa địa bên Âu Châu, nhất là những nghĩa địa lớn như ở Roma hay Paris, không ai ngờ đây là một nghĩa địa mà tưởng đây là một thành phố, một khu triển lãm quốc tế.

Tất cả đều rực rỡ, một thứ rực rỡ trang nghiêm, yên lặng. Các mồ xây toàn đá hoa hay cẩm thạch.

Bên mồ nào cũng có những ngọn điện hay những cây bạch lập cháy quanh năm, ánh sáng ẩn hiện qua những cành lá của những bồn hoa nghiêng rù bên mồ. Nghĩa địa không một lúc nào vắng người, thường khi khách thập phương đến hành hương rất đông, không bao giờ có tiếng huyền ảo. Hình như ai cũng nín hơi sợ làm xáo động giấc ngủ êm đềm, dịu hiu của những con người đang nằm đó.

Có những người quì hàng giờ dưới bóng những cây thánh giá, có những người ngồi gục đầu lên những nấm mồ, có những người đứng như tượng, một tay khoanh trước ngực, một tay ôm mặt đắm

chiều nhìn lên những tượng kỷ niệm đặt bên các mồ, có khi là một em bé ngây thơ, có khi là một thanh niên xuân trẻ, có khi là một thiếu nữ nở nường, có khi là một cụ già má giãn tóc bạc... Tất cả xã hội đều có mặt tại đó. Vào đây người ta thấy rằng chết không phải là hết : một sự thông đồng giữa các thế hệ đang được hiện thực, một cuộc ĐỐI THOẠI thâm thiết, nồng nàn, giữa các thế kỷ đang được diễn ra không phải qua lời nói mà qua một sự cảm thông toàn diện giữa con người với con người.

Những câu đề trên mồ bao giờ cũng là tiếng nói của người chết xin người qua đường cầu khẩn cho mình. Và trong lúc dừng lại, sốt sắng nguyện một kính, tưởng nhớ người chết, thì, đồng thời, người sống lại hồi tưởng về cuộc đời của mình và thầm gửi lại người chết tâm sự nào ruột của mình. Ngoài những cuộc hành hương tư riêng ấy, hàng năm cứ đến mồng hai tháng một, người ta lại tổ chức những cuộc kính viếng công cộng do linh mục cầm đầu, với sự tham dự của dân chúng. Linh mục mang phẩm phục đưa dân chúng tới nghĩa địa đồng ca những điệu hát u buồn để tưởng nhớ và cầu cho vong linh của tất cả mọi người nằm nghỉ trong nghĩa địa rồi linh mục lại rảy nước thánh, xông hương và chúc lành cho mọi người đã ac giấc ngàn thu.

Người công giáo, đầu đầu trên thế giới đều làm như thế. Vậy phong tục Việt Nam chúng ta đối với người chết, và, qua đây, đối với tổ tiên thế nào ? Ở đây chúng tôi không có ý so sánh để đánh giá hơn kém.

Chúng tôi chỉ có ý ghi nhận rằng dân tộc nào trên thế giới cũng đều có những phong tục tập quán để biểu lộ tấm lòng thánh kính yêu mến tổ tiên. Cái khác biệt chỉ có ở bên ngoài : tình cảm bên trong bao giờ cũng là sự cảm thông đầy kính trọng và yêu đương giữa các thế hệ, giữa người đang sống và người đã sống.

Có lẽ vì nghèo, vì ít đất đai, hay vì đất đai thường khi lấy lỏi, nên người Việt Nam chúng ta ít khi xây cất được những nghĩa địa rộng rãi làm nơi an nghỉ cho tổ tiên. Trăm lạng hơn, kín đáo hơn, thù mị hơn, người Á đông và người Việt Nam đã nghĩ cách khác để bù lại. Muốn gần gũi người chết, muốn cảm thông với người chết mà ít khi có thể lui tới mồ mà được nên người mình đã dùng những biểu tượng để thể hiện sự CỐ MẶT của người chết. Đó là tục mà ta gọi là tục thờ ông bà ông vải.

Gia đình nào cũng dành một nơi xứng đáng nhất trong nhà để dựng một bàn thờ trang sức đơn sơ nhưng kính cẩn, để đặt bài vị của người đã chết. Cậy trang sức thường chỉ là hai bát nhang và hai cây bạch lập, đôi khi mới có đỉnh đồng hay lư hương. Thường ngày người nhà khi qua lại trước bàn thờ phải cung kính, yên lặng, kính vái. Mỗi khi có lễ lạy, giỗ chạp, thời đó là nơi gia đình tụ tập nhau lại thấp nền, đốt hương, cúng cơm rượu, vái lạy hương hồn của người chết.

Đối với những gia đình giàu sang, những dòng họ quý phái, người ta còn xây cất hẳn một đền thờ tổ, nhưng đại khái cách tổ chức cũng tương tự như vậy, nghĩa là để biểu lộ lòng tin tưởng rằng người chết vẫn tiếp tục sống dưới một hình thức khác bên những người thân thuộc, họ cũng còn có những nhu cầu như thời sinh, nghĩa là cần được yêu mến, kính trọng, giúp đỡ, phục vụ.

Hơn thế người Việt Nam còn tin rằng người chết vẫn mật thiết theo dõi cuộc sống trong gia đình, cảm thông mọi nỗi vui buồn, sung sướng trước danh giá của con em, đau khổ vì những danh nhỏ tiếng xấu của người trong họ. Đó, người Việt và người Trung Hoa thờ kính tổ tiên là thế.

Từ bao nhiêu lâu, do những sự hiểu lầm, người Tây phương đã cho đó là những dị đoan, những phạm thượng. Người ta đã bắt người tân tông phải phá bàn thờ tổ phải đập vỡ bài vị của người chết.

(Xem tiếp trang 39)



14

IÊN nay, như có người mộ Phật, mộ Phật-giáo, muốn hiểu biết Phật và Phật-giáo. Nếu người ấy đi vào các già-lam, am-tự, quan sát nơi ấy và hỏi thăm các tăng-lữ, xin giải-thích cho mình nghe về Phật và Phật-giáo, như vậy thường khi người ấy chẳng được thỏa chí, có khi đến thất vọng là khác! Việc này không chỉ riêng ở Phật-giáo mà thôi, mà hầu hết ở các tôn-giáo cũng thế.

Khi mình đã đọc biết lịch sử của một đức Giáo-chủ, đã biết những lời lẽ mà đức ấy đã phán truyền, những lời lẽ ấy có chép trong Kinh - điển chánh thống, kể đó, mình vào xem sự tổ chức nơi các tu viện, các đền thờ, nghe giáo điều do các tu sĩ chỉ bảo, tuyên truyền, sau khi ấy, mình thường thấy rằng có sự chênh lệch rất xa giữa pháp-lý của đức Giáo-chủ với nền Tôn-giáo hiện thời, và có sự khác biệt rõ rệt giữa lời dạy dạy Từ Bi, Bình-dẳng của đức Giáo-chủ với lời truyền của hàng Tu - sĩ, Tăng-nhơn hằng có dụng-tâm, tự-y.

Việc này, chính bị hơn đã nhiều phen kinh nghiệm, và hằng ngày vẫn còn nghe thấy luôn luôn. Chính chơn lý mà đức Phật đã dạy một đường, thì về sau người ta lại nói một ngả! Người ta giải thích Chơn lý một cách sai lạc như vậy, có khi vì họ ít học mà nói cho khoa lấp, có khi vì họ đồ theo thầy xưa, theo tục truyền. Nhưng có điều tai hại lớn cho Phật-giáo, nếu họ xuyên tạc Chơn-lý là vì họ thì hành chủ-nghĩa Ngu-dân, dặng để bề hường thọ tứ sự cúng-dường; hoặc nếu họ vì tư-tâm, vì ích-kỷ, sợ mất số bần-đạo, số tín-đồ sẵn có của mình!

Đức Phật Thích ca, sau khi Giác ngộ nơi cây Bồ-đề, tron đời hằng khai hóa trí thức cho người cho chúng sanh, chẳng hề có một mây tư tâm, ích-kỷ, vì lợi riêng cho mình. Ngài thì Pháp, không hề trụ, không hề chấp nhứt, tùy cảnh tùy người mà nói dể độ cho người ta thoát lầm lạc, đắc Trí-tuệ. Cho nên, khi thì ngài dạy lẽ Vô-thường, lúc thì dạy lẽ Thường, có lúc dạy chẳng phải Vô-thường mà cũng chẳng phải Thường. Khi thì ngài nói Khổ, lúc lại nói Lạc, có lúc nói Không Khổ Không Lạc. Với người này, ngài dạy thuyết Vô-ngã; với người kia, ngài truyền thuyết Ngã; có khi ngài giảng lẽ chẳng phải vô-ngã mà cũng chẳng phải Ngã. Với kẻ này, ngài dạy lẽ Bất-tịnh; với kia, ngài dạy lẽ Tịnh, có khi ngài dạy lẽ chẳng phải Bất-tịnh cũng chẳng phải Tịnh.

Còn đa số tu-sĩ ngày nay, đối trước bần-đạo, đối trước tín-đồ, thường vì ngôi Chùa của mình, thường vì tông-phái của mình, hoặc vì muốn củng-cố địa-vị của mình, hay vì muốn cho người-ta chỉ cúng-dường phụng sự một mình mình mà thôi, cho nên họ chẳng nệ xuyên tạc Chơn-lý, phạm lẽ "thuyết háp bất-tịnh". Họ cố chấp rất gay go, cho đến ý-kiến phát biểu lắm khi lộ vẻ sân, vì thấy dường như người-ta chẳng từng phục sở thuyết của họ.

Để biện minh việc xuyên tạc Giáo-lý của Phật để biện minh chủ-nghĩa Ngu-dân, ích-kỷ, tôi xin đưa ra vài ví-dụ dưới đây:

Vừa rồi, trong khi lấy ra một tờ lịch, lịch ấy do một nhà sư xuất bản, tôi có nhìn thấy phía dưới tờ lịch một tư-tướng đại-đề như vậy: Đành rằng năm tội nghịch là nặng, đành rằng tội làm cho Phật đổ máu là nặng, có thể làm cho kẻ phạm tội nơi A-tỳ địa-ngục, nhưng mà tội phản thầy lại còn nặng hơn, không phương cứu hạp!

Ồi! người ta xuyên tạc cho đến nói rằng tội phản thầy nặng hơn Tứ trọng tội, Ngũ nghịch tội! Trong Phật-giáo, từ Tây-Tạng, đến Trung-Hoa, sang Nhứt-bồn, chư tôn không hề cấm người ta đối thầy. Mà khi kẻ đệ tử lách chỗ tối, tầm chỗ sáng, thì bị va cái tội phản thầy! Khi kẻ đệ tử thấy tình độ học Đạo của mình cần phải cải tiến, cần theo hàng minh-chánh, thì lại bị hạng thầy hủ bại quở trách là phản thầy!

Lại như Phật có dạy pháp môn "Niệm Phật vãng sanh" trong các Kinh, như kinh A-Di-Đà, Kinh Vô-lượng-Thọ, kinh Quán Vô-lượng-Thọ, kinh Thủ-lăng-nghiêm v.v... Phật vẫn định ninh bảo rằng: ai thành tâm niệm Phật, ai siêng năng niệm Phật, đầu cho mới bắt đầu niệm hay đã niệm thuần thực lâu năm, thì khi mãn phần sẽ sanh về cõi Phật, làm bạn với các trang Thượng-thiện, có thể ở nơi cõi Cực-lạc ấy mà tu cho đến thành Thánh, thành Phật; còn như ai muốn phát nguyện đến các thế-giới khác mà hóa độ, thì Phật cho thêm oai lực, trí-huệ để ra đi giáo hóa chúng-sanh.

Thế mà vẫn có một số tu-sĩ xuyên tạc rằng: Đành nói niệm Phật là dể. Phải có thầy dể chỉ

PHẬT, nghĩa là nhà Trí-Giác hoàn-toàn

PHẬT-GIÁO

tức là Giáo-pháp về Trí-Giác

của ĐOÀN - TRUNG - CÒN

chỗ bí-yếu cho. Niệm Phật mà không có thầy, chẳng khác chi cất nhà trên bãi cát!

Ồi! họ vẫn cứ ôm ấp chủ-nghĩa Ngu-dân, lũng đoạn Phật-pháp! Trong pháp-môn niệm Phật vãng sanh, hành-giả cốt giữ Tin, Hạnh, Nguyện, thì trong khi sống đời được an-cư lạc-nghiệp, đến lúc lâm chung sẽ vãng sanh cõi Cực-lạc, chiêm ngưỡng Phật Di-Đà. Chỉ tin nơi Phật là đủ, há tin nơi ai sao? Những kẻ hằng nói ra thuyết "Niệm Phật phải có thầy", những kẻ ấy có thể bảo đảm rằng họ sẽ vãng sanh Tịnh-độ hay chẳng? Hay là họ sẽ phiêu bạt trong một cõi vô-dịnh nào, vì tội lũng-đoạn Phật-giáo?

Đó là nói về pháp-môn Niệm Phật; còn về pháp tu học Phật-giáo, cũng vẫn có một số tu-sĩ

chấp tay, lạy Phật, xưng rằng: Nam-mô-phật. Nam mô, nghĩa là qui-y. Tức là họ đã qui-y Phật rồi. Mà trong Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng, ba ngôi ấy bằng nhau, một ngôi cũng kể như ba ngôi. Như vậy, trong khi người ta nguyện Nam-mô Phật (Qui-y Phật), tức nhiên người ta cũng qui-y Pháp, qui-y Tăng rồi. Hà tất phải buộc người ta đỉnh lễ mình mà thọ Tam quy Ngũ giới? Hãy dể cho người ta cảm mến đức - độ mình, đạo-hạnh mình, sau đó người ta sẽ tự-nhiên nương cậy nơi mình, và người ta sẽ đưa quyền-thuộc, bậu bạn tới để tôn mình làm Thầy.

Lại như trong việc truyền Tam quy Ngũ giới, cổ lắm vì tu-sĩ cũng thi-hành phương-thế Ngu-dân. Người ta in sẵn những phái điệp toàn bằng chữ

Hán khắc trên bằng gỗ, mỗi lá phái điệp gói vào một tờ giấy hồng-đơn nhỏ và đẹp. Người ta gói sẵn một lần cả trăm lá phái điệp trước những ngày vía Phật, rồi đến ngày vía, người ta phát cho những kẻ chưa qui-y. Thế là xong! Bồn đạo lãnh phái điệp ấy, đem về dể nơi bàn thờ, hay cất vào tủ tùy ý. Mà người ta chẳng dạy: Qui-y Phật là gì? Qui-y Pháp là gì? Qui-y Tăng là gì? Chẳng sát sanh là thế nào? Chẳng trộm cướp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng say sưa là thế nào?

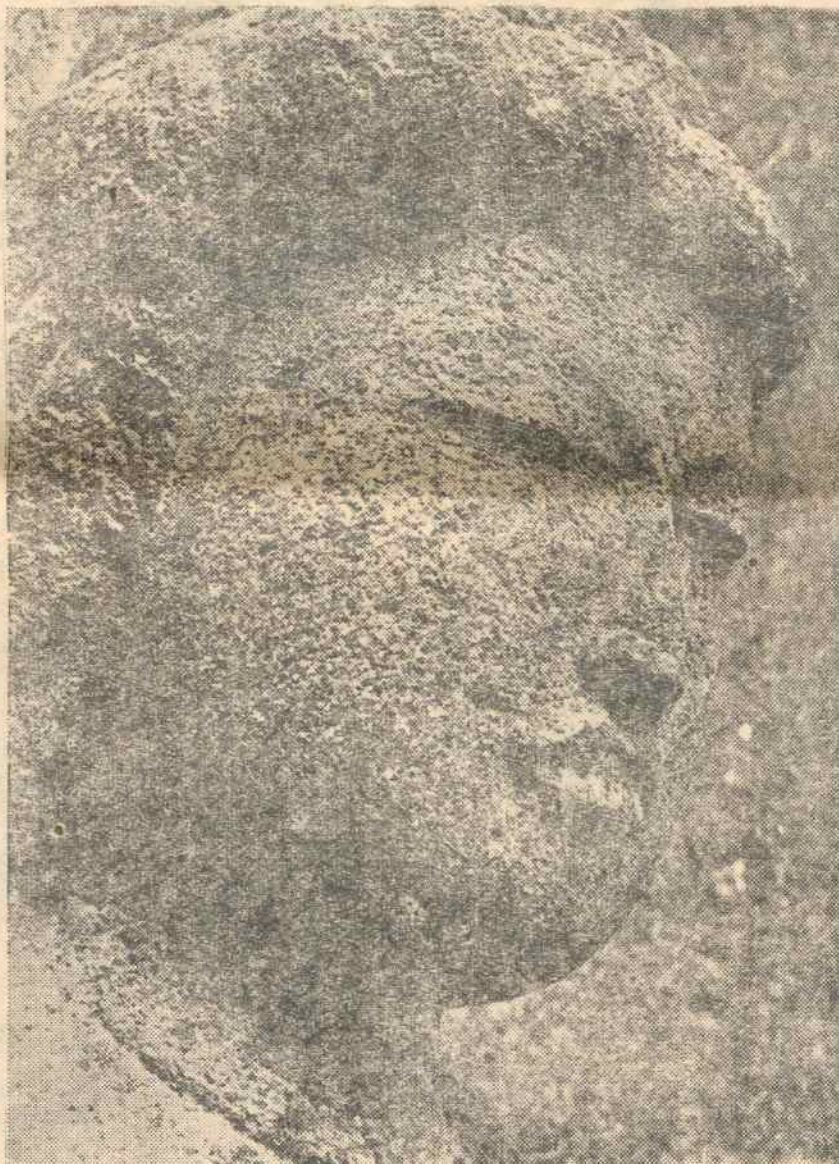
Trông qua những giấy đồ gói phái điệp và xếp lớp trên bàn của vị trụ-trì, kẻ bi-phu có cảm-tưởng rằng ông sắp "lễ-xì", tặng quà cho hằng trăm trẻ em! Ồi! Phật-pháp là tôn-nghiêm, quý-báu, mà sự truyền Pháp lại sơ sài đến thế ư? Trách nào sau khi thọ Tam Quy Ngũ giới, kẻ cờ bạc vẫn cờ bạc, kẻ rượu trà vẫn rượu trà, kẻ đa dâm vẫn đa dâm, kẻ gặt gam vẫn gặt gam, kẻ láo xược vẫn láo xược, kẻ độc hại vẫn độc hại?

Trên đây là vài ví-dụ về cử-chỉ Ngu-dân của một số tu-sĩ ích-kỷ, hẹp lượng, cố chấp. Mong rằng những ai có bệnh, nên sớm tỉnh-ngộ, cùng nhau lo mở mang Phật pháp, nhiều ích quần-sanh! Và lại, bi-phu chẳng phải là kẻ đầu tiên làm văn cảnh-sách này. Trong các Kinh điển, biết bao bài khuyên răn mà chư Phật và chư Tồ đã từng dể lại! Lại trong "Qui nguyên trực chỉ", quyển nhứt, bài số 7 (Bài văn phân rõ tà, chánh để dứt nghi), có nói về hành-vi của bọn thầy tà, mê, quý bạn nên xem qua dạng phân biệt kẻ tà người chánh.

Đời nay, chúng - ta được phước duyên mà học Phật, mà tu Phật, vậy chúng-ta nên ghi nhớ những điều lành mà Phật dạy, thì hành những điều lành ấy, và đem ra mà khuyên bảo những kẻ gần ta.

Chúng ta nên chú trọng Đại-cước, Đại-đạo, chứ không nên câu chấp tiểu tiết chỉ có lợi tạm thời cho mình, mà có hại cho Nền Đạo Chung. Chúng ta nên trông lên Sự Giải-thoát, đức Trí-huệ, Đức Giác-ngộ để mình và mọi người cùng hưởng một cách êm ái, thanh bai. Chúng ta nên hiểu chữ Phật và chữ Phật giáo đúng theo Chánh-nghĩa, chứ chẳng nên hiểu theo tục-truyền:

Phật, Phật-đà, Bụt-đà (Bouddha) là tiếng Phạn, nghĩa là nhà Trí-huệ siêu tuyệt, bậc Giác-ngộ hoàn-toàn, chẳng còn một mây lầm lạc; thấy biết mọi việc trong các cõi thế-giới, từ quá-khứ, hiện-tại, cho tới vị-lai. Ngài đắc cái Trí-Giác hoàn toàn ấy sau 7 lần 7 ngày ngồi Đại-định nơi cây Bồ-đề. Sau khi ấy, ngài đi châu lưu khắp nơi mà giáo hóa chúng-sinh, dể về sau họ cũng sẽ được cái Trí-giác ấy cũng như ngài. Từ bi thay! Cao thượng thay! Cho nên đã là người Phật-tử, đầu xuất-gia hay tại-gia, chúng ta nên dạn-dĩ mà quan niệm rằng: chúng ta là Phật sẽ thành, Thích-Ca là Phật đã thành. Với quan niệm ấy, ta tạm thời thi hành một Độ trong sáu Độ: Bỏ-thì, Trì-giác, Nhẫn-nhục, (Xem tiếp trang 40)



xuyên tạc để giữ phần lợi cho họ. Thường thấy ai bắt đầu thờ Phật, đi chùa lễ bái, thì họ hỏi rằng: Có qui-y với thầy nào chưa? Nếu chưa qui-y thì phải tìm thầy mà qui-y! Nếu tu Phật, học Phật mà chẳng qui-y với thầy, thì chẳng khác nào leo lên cây cao mà bắt cá! Nhứt là đối với những người trưởng-già, dư ăn dư dể, thì hạng tu-sĩ ngoan cố thường hay tìm đủ mánh khéo dặng đầu phục người ta vào hàng đệ-tử mình!

Ồi những kẻ ham làm thầy đó, những kẻ muốn có một số tín-đồ lúc nào cũng xưng họ là "Thầy tuôi", những kẻ ấy chỉ là phường dục lợi mà thôi, Phật-pháp chẳng rõ, Chánh-lý chẳng thông. Có khi vì thấy rõ chỗ trục lợi của họ, mà lắm người xa lánh chùa chiền, đành ở nhà mà lễ bái, niệm Phật, tụng Kinh! Sao họ chẳng dể cho người ta tự-do xét nét, chọn Thiện tri-thức, tầm trang minh-chánh, dặng cho lòng Tin Phật của người ta trở nên kiên-cố, tâm Trí huệ của người ta mau phát-minh? Sao họ ham nhốt người ta vào khuôn-khò chật hẹp quá vậy?

Và lại, trong những kỳ tam ngươn tứ quý, kẻ thiện-nam tín-nữ vào chùa, đứng trước chánh điện,



NHỮNG LỜI CHÚC TỤNG

NGỌC-TOÀN LÊ-NGỌC-TRỤ

Chữ viết đủ lời 1 chân, lệ, triện, thảo, có khi dùng hình con bướm, con rồng.

Ở xứ mình, có một đạo, người Sơn-Đông đi cùng làng khắp xóm, viết những chữ "Phúc", "Lộc", "Thọ", "Phú" ... bằng hình bướm bay, rồng lộn... Hai chữ "Phúc", "Thọ" được họa-sĩ dùng nhiều, chế-biến đủ kiểu để vẽ "hồi văn", "chạy bìa" các tiền bản, liên-chấn bản ghế, khay kỷ... cho thêm mỹ-thuật và ý-nghĩa. Ở Huế, có hai tấm bình-phong bằng danh-mộc càn sứ, sắp một trăm chữ "Phúc", một trăm chữ "Thọ", viết đủ lối chân, lệ, triện, thảo, vẽ đủ kiểu, hình tròn, chữ nhật, hình thuẫn... để tượng-trưng cầu chúc "bá phúc 百福, bá thọ 百壽".

II. — Lời tượng-trưng

Có hai cách :

— tượng-trưng chánh-thức là dùng những hình-vật có ý-nghĩa tượng-trưng rõ-rệt ;

— tượng-trưng giả-tả, tạm gọi như thế, là mượn những hình-vật gì mà tên nó đọc lên nghe mừng-tượng-với tiếng muốn cầu chúc mà tượng-trưng.

I. — Tượng-trưng chánh-thức :

Quốc huy của nước Việt-Nam Cộng-Hòa ngày nay là cây trúc 竹 cũng đọc trước, tượng-trưng tinh-thần người quân-tử, ngay thật, công-bình liêm-khiết, khí-tiết chẳng đổi dời, "tiết trực tâm hư" như cây trúc, cành lá xanh-tươi (quân-tử trước).

Long 龍 (rồng) chỉ sự thanh-vượng, oai-quyền, khi xưa thuộc về của vua ; phụng 鳳, thuộc về "âm", để dùng cho quý-phái đẹp thời phong-kiến : lân 麟, chỉ sự hiền-lành, hòa-bình và cũng tượng-trưng "con quy", vịn theo bài thơ "Lân chỉ 麟趾" trong kinh Thi ; Quy 龜, Hạc 鶴, chỉ sự sống lâu, trường thọ.

Một đỉnh 錠 (thoi) vàng chỉ sự giàu có, nhiều vàng bạc ; cuốn sách 冊, cây bút 筆, sự học-hành, hội-họa.

Cây tùng 松, lá xanh mãi mãi với cảnh đông-thiên, biểu-hiệu sự trường-sanh vĩnh-tồn, hoặc người tượng-phu không đổi tiết (trượng-phu tùng).

Trái đào 桃, biểu-hiệu sự sống lâu, bởi lấy tích bà Tây-vương - Mẫu nói cây bàn-đào 桃蟠 ba ngàn năm mới nở bông, ba ngàn năm mới đâm trái ; ai ăn được trái thì thọ đời đời.

Trái lựu 榴, tượng-trưng cho sự đông con vì nó có nhiều hạt, mà chữ "lựu" là "hột" cũng có nghĩa là "con".

Một quyển sách Tàu chép chuyện tiên có kể một người, sau khi ăn năm chít 芝 thấy trẻ lại ; người đạo-sĩ bảo anh ta rồi sẽ sống lâu bằng con quy, nên năm chít thường chạm trên cái "như ý 如意", tượng-trưng cho sự sống lâu.

Bông thủy-tiên 水仙 chỉ sự thanh-nhân vô-sự và tuổi thọ như ông "Tiên", ấy là "phước thọ hoàn-toàn".

Con "nhện" biểu-hiệu sự "vui", bởi có câu : "tri-thù báo hi" 蜘蛛報喜 là "con nhện (tri-thù) báo tin mừng". (1)

Con "cóc ba chân" chỉ sự "thi đậu" lấy ý-nghĩa con "thiêm-thù" (con cóc) ở tại cung trăng, mà trong cung trăng lại có cây quế, bông quế nở về mùa thu. Mùa thu thuộc xưa, là mùa thi-hội để đỗ "trạng-nguyên".

Con chung 螯斯 loại sâu có cánh như con châu-châu, đẻ ra một lần rất nhiều con, nên tượng-trưng sự đông con, vịn theo bài thơ Thiên

(1) Thuật này của người Trung-Hoa, người Việt, trái lại cho "nhện" là "điềm không hay".

TRONG xã-hội, có một tâm-lý chung là ai cũng muốn được bình-an phú-quý. Thật vậy, suốt đời người, không gì hạnh-phúc bằng được bình-an mạnh khỏe, được sung-sướng may-mắn luôn, được

tiền nhiều của lắm, ruộng cả, nhà to, chức tước, oai-quyền, sống lâu để tận hưởng, và thấy đông con nhiều cháu, hiền đạt với đời.

Dân-tộc ta trong cuộc xã-giao hằng ngày, gặp thì tay bắt mặt mừng, hàn huyên vồn-vã ; xa thì thơ-từ chúc nhau nồng-nhiệt ; "bình-an khương kiện", "vạn sự như ý", "muốn điều may-mắn" ; những khi tiệc-tùng hi-sự, ngày xuân ngày tết, đám cưới tân gia, thăng quan tấn tước, đáo tuế sinh-nhật, thậm chí khi từ-giã cõi đời, trong cảnh bi ai, mỗi mỗi thấy có những câu chúc-ước cầu mong, chứng tỏ một tinh-thần vui sống lạc-quan, có vui sống mới phấn-đầu nỗ-lực, tại thế mong tận hưởng với hy-vọng tràn-trề, mà tạ thế thì vẫn ước được vĩnh-cửu trường-tồn, thiên-thu bất-diệt.

Những điều dùng chúc ước lẫn nhau ấy, cốt cầu được như ý để vui sống và nuôi hy-vọng, còn được cùng không, đó là chuyện khác. Vì vậy mà chúng ta không lấy làm lạ thấy có nhiều lời ước muốn quá nhiều, muốn "phước thọ biên Đông", "sống muôn muôn tuổi".

Chúng tôi lần lượt trình qua các lối biểu-diễn chúc-tụng theo tinh-thần á-đông, phần lớn dựa vào tài-liệu trong quyển "De l'expression des vœux dans l'art populaire chinois" (về lối biểu-diễn những lời chúc ước trong nghệ-thuật bình-dân Trung-Hoa của ông Edouard Chavannes, mong giúp vui bạn đọc vào dịp xuân về.

Có hai lối biểu-diễn lời chúc-ước :

Lối tự-dạng viết trọn chữ trọn câu chúc ước, và lối tượng-trưng, dùng những hình vật tượng-trưng, hoặc những hình vật mà tên nó tương-tợ với tiếng dùng cầu chúc, rồi ráp lại thành một câu chúc.

I. — Lối tự-dạng :

Viết, vẽ, chạm, khắc, thêu lộng trên giấy, lụa, cây, đá, vàng bạc, xương ngà, đồ đồng, đồ sứ, những câu trọn vẹn, như "như ý 如意", "bình an" 平安, "phú-quý" 富貴, "đại-kết" 大吉, "song hi" 喜雙, "tam đa" 三多, "phú quý trường mạng" 富貴長命, "phúc, lộc, thọ, toàn" 福祿壽全, "như nguyệt chi hằng" 如月之恒, "như nhật chi trường" 如日之昇, "phúc như Đông hải" 福如東海, "thọ tĩ Nam-San" 壽比南山, "liên sanh quý tử" 連生貴子, "trạng-nguyên cập đệ" 狀元及第, "nhất lộ thiên thăng" 一路天升, "khai trương hồng phát" 開張鴻發, "ngũ phúc lâm môn" 五福臨門, "khánh lạc thăng bình" 慶樂昇平, "bình an như ý" 平安如意...

Châu-Nam trong Kinh Thi, khen bà Châu-Thái-Tự không có tánh ghen, nên các phi-tần được ở chung nhau từng đoàn từng lũ và sanh con-cái được nhiều như cào-cào :

"cánh con châu-châu kia, nhiều nhưn nhúc ; đáng khen thay con cháu nó có đáng khoan-thai !

"cánh con châu-châu kia, bay rào-rào ; đáng khen thay con cháu nó từng đoàn từng lũ ;

"cánh con châu-châu kia, dày chi-chít ; đáng khen thay con cháu nó được vui vầy !

Con chim bồ-câu (cưu-cáp 鵲) chạm trên đầu gậy tượng-trưng sự sống lâu, lấy theo điển-tích : "Đời Hậu Hán, người nào tuổi 70, được vua ban cho gậy ngọc, đầu gậy có chạm chim bồ câu ; loài bồ câu ăn-uống không bao giờ nghẹn, sở-dĩ cho gậy có chạm chim bồ-câu là mong cho người ấy ăn-uống không mắc-nghẹn".

Cây mai 梅 với chim hạc 鶴, tượng-trưng sự thanh-nhân ăn-dật :

"Nghêu-ngao vui thú yên-hà
Mai là bạn cũ, hạc là người quen".

Cái "như ý" 如意, như tên của nó, chỉ sự ước-mong "như ý-nguyện". Cái như-ý dùng tượng-trưng đây bằng ngọc, bằng ngà... dài cỡ một thước tào (0m32), chuôi phần nhiều làm hình nấm "chi

芝" và hình "mây". Nó không phải cái như-ý, chuôi hình chữ "tâm", 心 của nhà Thiền thường cầm, trên có chép chữ, để phòng khi quên sót, hoặc để nhắc-nhớ việc làm...

2. — Tượng-trưng giả-tả :

Theo lối này, ai muốn dùng vật chi cũng được miễn tên nó mừng-tượng-với tên vật tượng-trưng sự tốt lành. Người mình chưng hoa-quả vào dịp Tết thì dùng trái đu-đu để ước sự "giàu có, đầy đủ luôn" ; chùm trái sung, sự "sung-túc thanh-vượng" ; trái thơm, mong được "tiếng tốt danh thơm" (phương-danh 芳名) ; bông mai, cầu được "nhiều may-mắn luôn" ; bông huệ, được "trí-tuệ thông-minh" ; cây quýt hoặc cây cách để được "đại-kết" (cát) 大吉 ; Chung cây "phước dư" 福裕 để cầu được "phước đầy đủ", cây vạn thọ 萬壽 (muôn tuổi), cây thiên tuế 千歲 (ngàn tuổi), cây vạn niên tùng 萬年松 (muôn năm, cây đào tiên (sống lâu), chẳng những đã được đẹp mắt vui tươi trong ba ngày xuân mà còn đầy ý-nghĩa chúc-tụng ?

Người Trung-Hoa cũng dùng lối "chơi chữ" như thế để tượng-trưng sự chúc-ước.

Con voi dùng chỉ diêm lạnh, bởi voi tên chữ là tượng 象, lối phát-âm hơi giống âm tiếng "tượng 祥" là "tốt lành, phước".

Cái sanh 笙, loại kèn xưa có 13 hoặc 16 ống, chỉ sự "sanh-sản" vì đồng-âm với tiếng "sanh 生" là "sanh-sản", mà cũng chỉ sự "thăng lên" vì tiếng "thăng 升, 昇, 發", giọng Tàu phát-âm là "seng".

Đỉnh 錠 lại đồng-âm với tiếng định 定, bởi giọng Trung-Hoa đều phát-âm hai tiếng ấy là "tinh", nên dùng "một đỉnh vàng" để chỉ ý "nhất định 一定".

Cái "bình 瓶" thì đồng-âm với tiếng bình 平 là "bằng" cũng như cái "yên" 瓶 ngựa (cũng đọc an 鞍) là đồng-âm với tiếng "yên" hoặc "an 安" là "yên-tĩnh", hai vật ấy hợp lại ngụ-ý sẽ được "bình-yên 平安".

Con mèo tượng-trưng sự sống lâu, bởi con mèo, chữ Hán là miêu 貓, giọng Tàu phát-âm là "máo", hơi giống âm tiếng "mạo 邁" là "ông già chín mươi tuổi".

(Xem tiếp trang 44)

M

ĂM 1925, tại Sài-gòn, có phong trào "xây ghế", "xây bàn", sau đổi qua "cầu cơ" thỉnh tiên và cầu người khuất mặt xuống bút dạy việc vị-lai.

Ban đầu, một nhóm thi hữu họp nhau mỗi tối để mời "chiếc ghế", "chiếc bàn", "lên", cùng nhau đàm luận thế sự.

Bài thơ sau đây, nhóm xây ghế đêm 26 tháng bảy d.l. 1925 mà được. Ghế gỗ tên xưng là Cao Quỳnh T..., sanh tiền làm cai tổng, là thân sinh ông Cao Quỳnh C... (chức sắc lớn đạo Cao Đài quá vãng từ lâu, nay còn tạc hình thờ trên Thánh-Thất Tây-Ninh).

Ông Cao Quỳnh T... vốn là một thi nhân thuở cựu trào.

Khi ghế lên, gỗ được câu nào, là ông C... động lòng khóc sùi sụt, khách bằng quan cũng ngậm ngùi theo.

Tôi nay hậu sanh, nhơn có công chịu khó chép đề dành từ 1925, gặp buổi đầu niên, xin kính gởi vào tập "Xuân Kỷ-Hội" Tự-Do, để đánh dấu một thời-gian và một nhơn tâm đã qua.

Bài thơ ấy như vậy :

Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa nên ước dựng mười.
Tông mền lời khuyên bền mộ chép,
Tình thương câu dặn gắng tâm đời.
Bên màn đời lúc trêu hồn phách,
Cõi thọ nhiều phen động thành thời.
Xót nỗi vợ hiền còn lụy cùm,
Gặp nhau nhơn-nhữ một đôi lời.

(26-7-1925) CAO QUỲNH T...

Tiếp qua đêm 30 tháng 7, cũng nhóm thi hữu ấy, nhờ xây ghế được bài thơ như sau :

Nội mình tâm-sự tỏ cùng ai ?
Mạng bạc còn xuân ưỡn sắc tài.
Những ngơ trao duyên vào ngọc-các,
Nào dè phũ phàng xuống tuyền-đài.
Dưỡng-sinh cam lỗi tình sông núi,
Tơ-tóc thôi rồi nghĩa trúc-mai.
Dồn-dập tương-tư oán một gánh,
Nỗi mình tâm-sự tỏ cùng ai ?

Được bài thơ, các thi hữu hỏi tác giả là ai, thì gởi tên : "Đoàn Ngọc Quế, sanh trường tại Chợ-lớn, con một, chết vì tình, thôi học từ mười lăm tuổi, thác hồi mười tám tuổi".

Nhiều người theo dõi cuộc xây ghế, hầu chuyện với tiên và hồn ma năm 1925.

Về sau, nhiều vị trong nhóm thi-xã trở nên chức-sắc lớn trong đạo Cao-Đài.

☆

Nhờ một bạn hữu, tôi thấy hai bài thơ trên đây và thường nghe chung quanh trâm-trở mồi đó là "thơ ma", do "xây ghế" mà có.

Tôi ước ao được thấy tận mắt mới hả lòng...

Đêm thứ sáu 31 tháng bảy, vừa lãnh lương, anh em rủ nhau ăn cơm nhà hàng "Yeng-Yeng" là một quán cơm tây sang trọng thời ấy. Mãn tiệc, rượu ngà ngà say, có bạn đề xướng đi coi "xây ghế". Còn dịp nào may hơn ?

Cùng đi với tôi là hai ông Nguyễn văn Xuân và Đoàn ngọc Quế.

Xuân, cùng với tôi làm thơ ký tập sự chung một sở, tại Trường Máy, đường Đỗ hữu Vị, nay là trường dạy bách khoa kỹ nghệ đường Huỳnh thúc Kháng. Hai đứa vẫn chưa vợ, và chỗ nào vui là có đến góp mặt, phá đám nhiều hơn giúp ích !

Đoàn ngọc Quế, chúng tôi quen tặng là Đoàn thúc, thì làm thông phán trên phòng nhì, dinh Thượng thơ; nay đã quá vãng.

Tới nơi xuống xe kéo, vào trước hiên một căn phố tệt lổ chợ Thái Bình, xóm này nay đã thay đổi rất nhiều, không còn nhìn ra chỗ cũ. Trước đây phố là một bãi cỏ rậm, lơ thơ vài cây dừa lão, gió đưa lá phát phơ trên nền trời thâm như tóc ma đã duột. Vì vậy, nếu tôi không lầm, phố này có tục danh là "dãy phố hàng dừa".

Vừa đến nơi thì ghế xây đã lâu hoắc. Chúng tôi vội tiếp tay cho ghế mau "lên".

Nói là "ghế" chứ đó là một cái bàn gỗ một trụ ba chân, mặt tròn lổ sáu tác tây bề trục kính, bề cao cũng cỡ ấy. Khách ngồi chung quanh đã có bốn hay năm người, tôi không nhớ rõ. Với ba chúng tôi nữa là rậm đám lắm, những bàn tay đề khít gần giáp chu vi bàn. Cả thầy ngồi chum nhum đầu mặt nhau, chưa đầy mười phút, xây bàn chuyện động, ba cây nhang cắm giữa rung rung như báo tin sắp có chuyện bất thường.

Trong nhà, đồng hồ khoan thai đưa ra chín tiếng.

Ngoài hiên, đèn thì tắt cho cảnh thêm u tịch...

Trời chuyển mưa, trăng lu mờ, khi hiện khi khuất trong những đám mây tối đen, rất phải buổi tiếp chuyện cùng âm hồn. Một trận gió lạnh lạnh tốc mấy ngọn dừa nghe như tiếng quét trên lược

THƠ MA

VƯƠNG-HỒNG-SỂN

gãy rặng ! Chuyển này mây khói đèn che hân vãng trăng... Chúng tôi mường còn suy nghĩ đầu đầu thì bàn chuyện động.

Mấy tiếng đầu gỗ ra là đề xưng tên.

Theo lệ đã sẵn, các thi hữu đã quen tai quen việc, nên không mất thì giờ là bao. Bàn hoặc gỗ từng tiếng một hoặc gỗ một hơi một mạch. Cứ đếm một tiếng là "A", hai tiếng là "B", mười một tiếng là "K", v.v... Bằng quan mỗi lần nghe bàn gỗ thì đếm : đếm số rồi khi bàn dừng lại thì ngoài này có một người ngồi riêng, thủ vai "thư ký", gia công biên số tiếng gỗ, dịch ra từng chữ một, khi đủ bảy chữ, một câu thơ, thì hô lớn đọc rõ câu ấy lại, xin bàn cho biết có quả như vậy chăng. Xong rồi tiếp tục như cũ (1).

Bàn xưng "Đoàn Ngọc Quế tiểu-thơ".

Đến đây, người anh cả chúng tôi là Đoàn-thúc, văn nạn...

Đoàn-thúc hồi chàng hay trong nhóm hôm nay có người nào trùng danh tánh, trùng tự với tiểu-thơ chăng, thì lập tức cái bàn nghiêng nghiêng qua phía Đoàn-thúc ngồi mà gõ một tiếng mạnh "Cộp !". Tôi cũng chưa lấy làm lạ cho lắm. Thoạt anh bạn Nguyễn Văn Xuân công kích cách khác và xin hỏi cái bàn rằng nội bọn có người nào mới lạ chăng thì liền đó, bàn trả lời "Có" và đánh văn gõ thật nhanh tên người lạ chẳng ai khác hơn là "S...đ...n...".

Thật quái, thật lạ !!



Và chẳng trong nhóm, đêm ấy tôi chưa được giới-thiệu, mà tên tôi đủ là một quái gỡ, ngoài hai bạn thân là ông Quế và ông Xuân, thì để gì biết được ! Tôi xin chịu thua, từ chỗ bán tín bán nghi qua chỗ tiêu-xiêu tin tưởng ma quỷ rất gần.

Bàn gỗ khoan-thai yêu-diệu quả là tánh nết một tiểu thơ khuê các. Khi nào không muốn trả lời một câu quá tọc-mạch thì bàn nghiêng-nghiêng qua một bên, nhưng không gõ, ba cây nhang rung-rung như bất bình : thật là đáng diệu một cô gái sanh tiền ắt chuyện chỉ trái ý không đề vào tai.

(1) Cách thế này, nay đã xưa, ít ai dùng. Hiện giờ, bên Thụy-Si và bên Pháp, những nhà chuyên bán đồ chơi pha trò, có bày bán một thứ bàn nhỏ hình quả tim, lớn cỡ đĩa bàn tây, gần giống hình rùa mà đẹp, dưới có dạn tròn cho bàn dễ chạy, gọi "table tournante". Cách dùng rất gọn : trên mặt bàn tròn, trái một tờ giấy lớn có in sẵn hai mươi lăm chữ cái trong một vòng tròn : "A, B, C, D...". Người muốn "xây ghế" ngồi giáp chung quanh bàn tròn, mỗi người nương tay vào miếng gỗ hình quả tim ấy... một chốc lát, nhờ hơi người tiếp qua, miếng gỗ chuyển động lấy nó, và do theo dấu mũi quả tim chỉ chữ nào thì chép chữ đó. Công việc rất mau lẹ và rất hấp dẫn hơn lối xưa. Lại nữa nghe đầu người mình đã nhại kiểu bàn quả tim gỗ, dưới ba góc có chun tròn bằng dạn sắt ba viên tròn, lại bày dưng gỗ lấy trong gỗ quan tài cũ làm quả tim cho thêm nhay !

Lần hồi, trong đêm đó, chúng tôi hỏi về gia đạo của cô và hỏi cô xưa đau bệnh chi mà thác ?

Cô cho bài thơ như sau :

Trời già đành đoạn nợ ba sinh !

Bèo nước xẻ hai một gánh tình.

Mấy bữa nhơn mây lâm chúc quí,

Khuyến ôm mối thăm lại diêm đình !

Thú thật, tôi sanh bình có tánh "sợ ma", nhưng ma như vậy, tôi lại muốn gặp !

Vì trời đã khuya, thêm nhà tôi ở đậu có lẽ không mở cửa cho kẻ về quá giờ, nên buộc lòng tôi phải cáo lui.

Khỏi nói, đêm ấy tôi về ngủ không được...

Sau nghe lại, sau khi chúng tôi ra về, bàn còn làm bài thơ như sau, cũng do cô Đoàn Ngọc Quế "lên", và đây là lời cô trách người bạn năm xưa nay đã có đôi bạn khác :

Người thì ngọc mã với kìm đàn !

Quên kẻ dạ dài nổi thềm mang !

Mình dấn lầy mình, mình lại biết,

Mặc ai chung hưởng phận cao sang !

ĐOÀN NGỌC QUẾ

★

Cũng trong tháng tám năm 1925, ông Phạm Công T..., khi đó còn làm việc Sở Thương-Chánh Saigon, có họa vận bài thơ tự tình của cô Đoàn Ngọc Quế.

Nghe nói lại, bài thơ ông T... bị sửa gán hết, duy chưa câu đầu giữ y như tác giả đã viết.

Bài bát cú ấy như vậy :

Ngân bút hòa thi tú phận ai,

Trời xanh vội lấp nữ-anh-tài.

Tình thâm một gánh còn đương-thế,

Oan nặng ngàn thu xuống dạ-đài.

Đề thâm xuân-đường như ác-xế,

Gieo thương lữ-khách ngóng tin mai.

Hềm vì chưa rõ đầu đuôi thế,

Ngân bút hòa thi tú phận ai.

P. C. T.

Câu ba và bảy trùng một chữ "Thế". Vì lâu quá tôi không nhớ rõ có phải nguyên văn như vậy hay chăng. Nay xin giữ y đề chờ hậu cứu.

★

Đồng thời, ông C. H. S. (nay làm đầu trên Tòa Thánh Tây Ninh), khi ấy còn là một thanh niên xuất thân trường Sư phạm "Sở Cộp", cũng làm việc Sở Thương Chánh Saigon, nức tiếng một thi sĩ tài ba ít ai bì kịp, đàn giỏi thi hay, ông C.H.S. ra cho bàn một bài thơ như vậy, mời họa vận :

Tự thuật,

Sầu dài ngày vẫn dễ chi vui ?

Toan tính thâu đêm ruột rối nùi.

Ngược gió thuyền đầy con sóng dập,

Xuôi dòng nước lớn giạt bèo trôi.

Bước đường danh lợi thêm gay trở,

Ngành lối tang-thương luống ngậm-ngùi.

Lần lữa xuân hè năm tháng lụn,

Thôi thôi đến thế, thế thì thôi !!

C.H.S.

Qua đêm 21 tháng Tám, bàn họa vận lại như vậy :

Chung tình đoạn gánh khó làm vui,

Lần gỡ chưa xong chỉ rối nùi.

Lời hẹn xưa còn vắng nguyệt chứng,

Hương thề nay thả giữa đồng trôi,

Kim rời cái rụng lằng ngao ngán,

Đá nát vàng phai dạ ngậm ngùi.

Một khối tuyền-đài tình khó dứt.

Ráp gương kiếp khác quyết chờ thôi.

ĐOÀN-NGỌC-QUẾ

Trong thơ, có hai chữ "tình" câu phá và câu thúc, thế là trùng tự. Hồi, bàn gỗ ra chữ "permis" làm khách bằng quan ngại lối, —tôi cũng cứ chép y ra đây, chờ nghe dạy.

★

Cũng khi đó, cô Đoàn cho thêm một bài tự tình nữa, như sau :

Duyên gì chưa hiệp vội chia phôi,

Căn vận nghĩ thôi luống sùi sùi.

Tám mần tuy chưa cơn mẩn lạt,

Tình nồng chỉ xiết đôi buồn vui.

Lời nguyện xưa có vắng trăng chiếu,

Câu hẹn nay đành giọt nước trôi.

Đồ lụy tương tư đêm dứt nỗi,

Nỗi niềm ai thấu hỡi ai ôi !

(Tháng 8 năm 1925) ĐOÀN NGỌC QUẾ

(Xem tiếp trang 29)

TRANG 23

TRUYỆN ĐỜI

ĐÁ GÀ, GÀ ĐÁ

TRỰC - NGÔN

BUỔI chiều hôm ấy, sau khi đến chơi nhà một người bạn đồng sự cũng có mẩu mề chơi gà chọi (gà cồ), anh bạn đã chỉ cho Thanh xem một con gà mà anh ta mới mua được mấy bữa nay ở miệt Cao-Lãnh. Trông chú gà tuy mới choai choai mà đã có mề lắm. Cái cổ cao, hai má bành bành, hai ống quyền to và chắc, đôi cựa mới nhá (dao) có vẻ chém mạnh!

Đứng ngắm nghía chú gà mãi không chán mắt, Thanh khâm nham trong bụng, thế nào cũng phải mua bằng được một con gà nòi (giống) như vậy mới thích.

Thanh mê gà chọi từ ngày được chính thức ngập ngạch thư ký hành chánh Quốc Gia. Kể cho đúng ra thì từ nhỏ anh đã thích xem gà chọi rồi. Nhưng phải đợi đến thời kỳ đi làm ăn dàng hoàng, có đồng tiêu đồng đẽ, và nhất là lúc đó mới có mề con người ăn chơi, không ai nói vào đâu được.

Hồi còn ở Hànội, Thanh nuôi được hai con gà giống Đắp Cầu, kịp đến khi đi cư, anh tính mang cả hai con gà vào Nam, nhưng chị Thanh không chịu. Chị gọi hai con gà ấy là hai « của nợ » chỉ ăn bảo hại, chả được tích sự gì! Người ta nuôi gà thì còn được ăn thịt, chứ đằng này chỉ tốn gạo lúa mà thịt chẳng được ăn. Lý luận của vợ Thanh xem ra cũng phải và cũng bởi anh ký Thanh quý hai con gà hơn cả vợ con. Ngoài giờ đi làm, Thanh để thì giờ chăm sóc gà như người mẹ chăm sóc con nhỏ vậy; nào là tỉa lông cổ, sửa cựa, nào bóp rượu thuốc, bóp nghệ. Lắm lúc vợ Thanh phát tức lên. Vì tức mình với chồng, thành ra ác cảm với hai con gà, rồi ác cảm lây cả đến giống gà chọi. Từ ngày Thanh mê chọi gà, vợ Thanh cảm thấy chồng hồ hững với mình thế nào ấy! Chị chỉ mong hai con gà kia ngộ gió lần dùng ra chết thì sướng biết bao! Điều mong ước ấy không những không xảy đến, mà trái lại hai con gà càng ngày càng lớn phây phây ra, trông thật đáng ghét. Chị đang tính, hay là hôm nào nhân lúc anh đi làm vắng, thả quách chúng ra cho con chó lai nhà... hàng xóm nó ngoạm một miếng là đi đứt. Chưa kịp thì hành ý định đó thì đi cư.

Chụp ngay lấy cơ hội, chị bàn với chồng; làm thịt hai con gà rang mặn đem đi ăn trên tàu trên đường vào Nam. Lúc đầu, Thanh không nghe, nhất định mang gà đi cư, nhưng chị cương quyết, bảo chồng chọn lấy hai đường: một là vợ con gia đình, hai là gà chọi, chứ chị không chịu nổi cái cảnh chồng con hồ hững quý gà hơn vợ. Thanh đuối lý, đành nhắm mắt quay đi không nhìn vợ cắt tiết hai con gà giống yêu quý, cho vào nồi rang mặn.

Từ ngày vào Nam, mãi lo ăn lo làm, lo chỗ ở, thành ra ký Thanh chưa có thì giờ nghĩ đến gà chọi. Chị Thanh mừng thầm: thật là may, giá không có cuộc đời này, thì bao giờ anh ấy bỏ được cái giống nợ, chính chị Thanh là người thích nghe hát cải lương mà nay vào đất tổ cải lương, cũng không dám ló cái sở thích ra, sợ chồng lại lấy cớ, trở lại chơi gà chọi.

Nhưng Thanh đã định bụng: để thu xếp chỗ ăn chỗ làm cho yên ổn, tìm chỗ cư ngụ cho nó dàng hoàng, rồi thế nào cũng phải « tậu » mấy chú gà về nuôi mới được.

Dự tính từ lâu, đến nay thì anh quyết định thực hiện. Hình ảnh mấy con gà giống Cao-Lãnh lớn vờn trong đầu óc, sau lúc anh ở nhà người bạn về.

Một sáng chủ nhật, Thanh dậy thật sớm, lấy vé xe đồ chuyển 7 giờ đi Cao-Lãnh. Vợ Thanh hỏi đi đâu, có việc gì mà vội vã vậy, anh đáp ậm ừ rằng « đi thăm một người đồng sự bị đau nặng ». Còn cái chuyện gà, anh giấu kín, không dám động tới, định rằng lúc mua được gà đem về, thì sự đã rồi vợ có phản đối cũng muộn!

Quả nhiên lúc Thanh về, mang theo hai con gà chọi, vợ Thanh trông thấy chỉ còn nước đứng đờ người, há hốc mồm ra, giây lâu mới hỏi:

— Sao bảo đi thăm bạn bị ốm đau, mà bây giờ lại vác « của nợ » về?

Thanh ngập ngừng:

— À, nhân tiện trên đường về, có người họ bán rẻ thì mua chơi, chứ tôi cũng không định bụng;

nếu mình không thích thì nuôi ít lâu ta thịt cũng được cơ mà!

Chị Thanh biết thừa là anh nói vậy cho êm chuyện, nhưng không làm sao được, đành im lặng để chờ cơ hội.

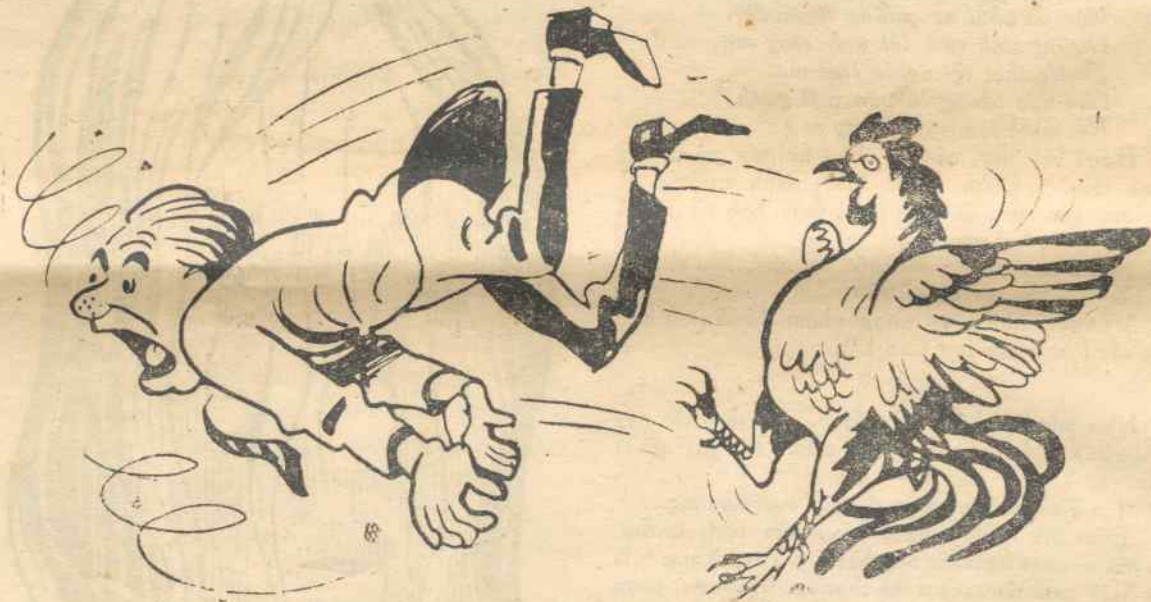
Từ hôm đó, Thanh lại trở lại tập xưa, ngày ngày ngoài hai buổi đi làm, chỉ lúi húi chăm gà.

Và chán cảnh chồng con hồ hững, chỉ chăm gà không chăm người, chị Thanh cũng tìm lại cái thú xưa là... mề cải lương.

Rồi trong những chiều thứ bảy và ngày chủ nhật, Thanh mê mề vác gà chọi đi tập dượt tại các đấu trường ở Gò Vấp, ở Gia Định, thì chị Thanh ở nhà lần la sang nhà hàng xóm nghe Ngàn, một thanh niên ngoài 20 tuổi, đẹp trai, khỏe mạnh, cao những câu vọng cổ rất mùi chẳng kém gì Út Trà Ôn. Ngàn là anh kếp tập sự tại một rạp hát danh tiếng ở Đô Thành.

Mấy câu vọng cổ « Trên Dòng Sông Lệ » sau đây thường làm sồn sồn lòng chị Thanh sau những buổi chiều thứ bảy nghe Ngàn ca hát!

— Sông sâu nước chảy lờ đờ, chiếc thuyền chài gác mái chèo thả trôi trên dòng sông Lệ, thính thoảng ngư phủ lại buông ra giữa khoảng trời khuya tiếng đàn tỳ bà nghe náo nùng ai oán.



— Đêm khuya sao mờ sương lạnh, mưa ngâu tằm tã, gió thu thổi rì rào, tiếng đàn cứ réo rắt khi nhất khi khoan, lúc trầm lúc bổng khiến cho lòng khách chương đài nơi lầu thúy nguyệt phải ngáy ngất say mê.

— Tiếng đàn cứ phảng phất như hững hờ đã gieo nặng vào lòng một thiếu nữ những tiếng tơ đồng như u uẩn vẩn vơ, nở đề cho hồn xuân lai láng, biết bao nhiêu nỗi sầu mơ và hàn gắn chặt tận nơi đáy lòng.

— Tuổi trẻ đầu xanh bỗng bật với ái tình, cho nên đành cần rằng lau giòng lệ già từ lâu thúi nguyệt, phụ phàng chút ƠN SANH, xuôi mái chèo cùng ngư phủ say sưa giấc mộng yêu đương trên chiếc thuyền chài để sống theo tiếng gọi của đời trái tim.

— Miệt mài theo nắng sớm trăng khuya, ngày tháng mênh mông nơi mặt bể chán trời, thế rồi có một hôm sau giờ đánh cá mệt nhọc, chàng mới trở thuyền về nơi bến cũ, hầu có nghỉ an giấc điệp mơ màng.

— Trong khoảnh khắc êm đềm giữa cảnh mùa đông giá lạnh, luồng gió xa đưa, tiếng ai rên than thán thiết nghe làm động một từ tâm nên người thiếu phụ mới giục già thức chồng, mau tỉnh giấc mơ, hầu để giúp kẻ lâm nạn cho thân động toàn thân.



Dựng chiếc xe đạp vào tường, Thanh dắt người bạn ra phía chuồng gà, không biết đây là lần thứ mấy, Thanh giới thiệu đôi gà nòi với bạn bè quen thuộc. Câu mở đầu của anh vẫn như thường lệ:

— Bác xem có chiến không?
Bạn gật gù ra chiều đồng ý:
— Khá lắm, đúng là « đầu công, mình cối, cánh vô trai ».

— Nhưng còn đôi cẳng thế nào? Cẳng ba hàng vậy đấy bác ạ!

— Ồ, thế thì tuyệt, đó là giống « quý kẻ » đấy!

— Đầu công, mình cối, cánh vô trai, Chân ba hàng vậy chẳng thua ai! « kia mà! »

Bác cho tôi xem hàng vậy của nó chút nào!

Vừa nói ông bạn vừa ôm con gà vào lòng, cầm ống chân gà vạch ra, chỉ cho Thanh:

— Bác có để ý không, ở giữa hàng vậy của nó, có mọc chen những cái dất ngắn ngắn? Chính giống « chiến kẻ » là ở những cái dất này. Phần

những « cú » quyết định gà nòi bao giờ cũng dùng ống chân mà hạ địch thủ, chứ ít khi dùng cựa.

Cựa chỉ chém hay, chứ đá không nguy hiểm bằng ống.

Thanh gật gù:

— Bác nói chí lý, đàn em xin bái lĩnh!

Ông bạn được thế hỏi luôn:

— Thế bác bóp cho nó bằng gì?

— Thì cũng nghệ với nước mả tiền.

— Đã đành rồi, nhưng tôi khuyên bác nên thêm chút nước tiêu cho nó cứng thịt.

— Cho nước tiêu à bác, cho nhiều hay ít?

— Ít thôi, bác cứ nghe tôi, tôi không xui đại bác đâu mà sợ. Tôi đã nuôi gà giống « bách chiến, bách thắng » mà!

Hồi xưa tôi nuôi được một con hồng kê, chiến lắm, cho chọi với gà của xiếc Tạ Duy Hiền đấy! Tôi cứ nhớ mãi cái trận đấu ấy mà thương tiếc con gà của tôi.

Nó đánh đến hiệp thứ 10 thì bị đối phương mổ mù cả đôi mắt. Thế mà nó cố chiến đấu đến lúc quật chết địch thủ rồi mới chịu gục.

— Ghê nhỉ, Thanh tò về khám phục. Nhưng

nó bị mù cả hai mắt thì sao trông thấy đường mà đánh?

— Thế mà nó đánh được mới tài chứ?

Gặp được bạn tri kỷ như vậy, thường khi Thanh cùng luận đàm về gà quên cả thời gian. Trường hợp này càng làm cho chị Thanh phải bực mình, vì cơm chờ canh đợi.



Nhân dịp đầu xuân, ở tỉnh Tây Ninh có tổ chức chọi gà tranh giải rất lớn. Thanh quyết cho gà ra đấu trường giết lấy cái giải danh dự. Mấy lần trước gà của anh chỉ được giải khuyến khích, anh vẫn tằm tức trong bụng.

Sửa soạn cho gà từ mấy hôm nay, nào bóp thuốc, nào sửa cựa, tỉa lông, anh làm một cách chăm chú và trịnh trọng, coi như trên đời này không còn việc gì đáng làm nữa.

Vợ Thanh dạo này không thấy i eo, kêu ra kêu vào về sự ham mê gà của chồng nữa. Lắm lúc Thanh nghĩ thầm: có lẽ « bá » chịu mình rồi, chả chịu cũng không xong, càng nói mình càng ý ra thì làm gì? Có lần vợ Thanh vừa kêu nuôi gà chọi tốn kém, anh trả lời rằng:

— Người ta ở đời ai chả có thú chơi, nhất là cái cảnh tôi với mình đã ba chục tuổi rồi, không lẽ quanh ra quân vào cứ hú hí với nhau như trẻ con; tôi chơi gà chọi là khá đấy, chứ người ta còn hút sách; trai gái tốn gấp trăm, gấp ngàn thì sao?

Vợ Thanh im lặng trước lý luận « danh thép » của chồng. Thế là trời chẳng chịu đất, thì đất chịu trời! Thanh đem câu chuyện đó kể với bạn bè, lấy làm đắc sách.

Nhưng có kẻ lại khuyên anh rằng:

(Xem tiếp trang 38)



XUÂN DẠ, YẾN ĐÀO LÝ VIÊN

Phù thiên địa giả vạn vật chi nghịch lý, quang âm giả bách đại chi quá khách, nhi phù sinh nhược mộng, vi hoan kỷ hà? Cỗ nhân bình chúc dạ du, lương hữu dĩ dã. Huống dương-xuân triệu ngã dĩ yên cảnh, đại khối (1) giả ngã dĩ văn chương. Hội đào lý chi phương viên, tự thiên luân chi lạc sự. Quần quý tuần tú, giai vi Huệ-Liên (2), ngô nhân vịnh ca, độc tàm Khang-Lạc (3). U thường vị dĩ, cao đàm chuyên thanh. Khai quỳnh diên dĩ tọa hoa, phi vũ-trường nhi túy nguyệt. Bất hữu giai tác, hà thân nhĩ hoải! Như thi bất thành, phát y Kim-Cốc (4) tửu số.

LÝ - BACH

Dịch:

Đêm Xuân, yến tiệc trong vườn đào lý

Trong trời đất là trong quán trọ,
Bóng quang âm, ấy đó khách qua.
Khi vui phỏng được bao mà,
Phù sinh một kiếp cũng là giấc mơ!
Tuồng đến chuyện người xưa thấp được
Dong chơi đêm, nghĩ thực đã hay.
Huống hồ mây khói sẵn đây,
Bầu xuân « đại khối » chứa đầy văn chương.
Nên hội họp chật vườn đào lý
Cùng anh em túy lúy vầy vui.
Phong lưu tuần tú đủ mùi,
Có thua Khang-Lạc, cũng tài Huệ-Liên.
Trước cảnh thú, lại thêm hứng thú
Chuyện mận nồng càng nở như ngô.
Yến quỳnh vệ dọn trong hoa,
Chén mời chén rót la đà dưới trăng.
• Nếu chẳng có mấy chương tao nhã,
Biết lấy chi cho hả nỗi lòng!
Thăng nào, dăm vận chẳng xong,
Sẵn kìa, ba đấu rượu nồng, phật say.

NGUYỄN ĐỨC-HIỆN

CHÚ : (1) Đại-khối : 6 núi trời đất.
(2) Huệ-Liên : em họ Tạ Linh-Vận, giỏi đủ cầm kỳ thi họa.
(3) Khang-Lạc : Tước Tạ Linh-Vận, tước Khang-Lạc Hầu, văn tài xuất chúng.
(4) Kim-Cốc : Vườn của Thạch Sùng, đời Tấn. Thạch Sùng khách ở đó, ai không làm được thơ, phạt phạt 3 đấu rượu.

HƯƠNG BÌNH XUÂN BẮT LÃO

của MỘNG TUYẾT, thất tiểu muội

Mùa Xuân qua, ở Tân-nguyệt tây-sương và ở Vương-giả hương-dinh, đồng thời tiếp được một tờ hồng hoa tiêu. Mở ra đọc:

Giới thiệu Cự Thúc-Dạ với các bạn trong Nam

• Cự Thúc-Dạ, Ung-Bình, năm nay ngoài 80 tuổi, là một thi ông nổi tiếng ở Phú Xuân kinh, Cự là cháu nội Ngài Tuy-Lý-Vương.

Ngài Tùng ngài Tuy, là hai vị thi-ông đã được vua Dục-Tổng tặng tước đại-danh trong về câu đối « Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường », chúng ta đã biết rõ lắm rồi. Vị thi-nhân mà chúng tôi được hân hạnh giới thiệu với các bạn miền Nam đây, là cháu nội của Ngài Tuy đó.

Cự Thúc-Dạ, khoa đến cử-nhân, quan đến thượng-thư bộ lễ. Bình-sinh cụ lấy rượu thơ đàn hát làm vui, lấy trăng gió non sông làm thú. Cụ có tập thơ TÌNH THÚC-DẠ đã cho ấn hành và đã được làng thơ đặc biệt thưởng thức.

Hiện cụ là hội chủ Hương Bình thi xã ở Huế, thường có những thơ xướng họa với các thi-ông hải nội.

Cụ là nơi thanh-khí với gia-tiền-nghiêm, Phan Mậu-Danh tác giả cuốn thơ tập-cổ BÚT-HOA và cuốn tình thi XUÂN-MỘNG.

Hai cuốn này đều được cụ Ung-Bình có thơ phẩm đề. Sau lời giới thiệu là hai bài thơ nôm Đường-Luật:

Giới thiệu Thúc-Dạ Ung-Bình Lão - Thi - Bá

Rất mực phong-lưu chốn cựu-kinh,
Tám mươi Xuân lễ bậc tài-danh.
Cầm ca thi từ, quên đầu bạc,
Phong nguyệt giang san nhớ tuổi xanh.
Thúc-dạ, vương tôn, ngành Vĩ-dạ,
Ung-Bình chủ xướng nhóm Hương Bình.
Thừa-nhan, chạnh nhớ gia-nghiêm trước,
Thanh-khí còn ghi một mối tình.

PHAN THÊ-ROANH

Đáp họa Phan Thê-Roanh tiên sinh

Xây dựng đình-hu ở xứ Kinh,
Xa xa neo lại với đường danh.
Tuyệt sương không ngỡ khi đầu bạc,
Bạn tác càng nhiều về một xanh.
Giải trí thường soi gương lịch-sử,
Mùa vui chỉ mến điệu thanh-bình.
Bài thi giới thiệu như tranh vẽ,
Thêu tượng xem chơi thỏa tấm tình.

Bát thập nhất tuế lão phu
UNG-BÌNH THÚC-DẠ
đãi đình thảo.

★

Hai bài trên đó, một bài xướng và một bài họa. Bài xướng là bài giới thiệu vị thi-ông cháu nội Ngài Tuy, bài họa là bài của vị thi-ông Hương Bình thi-xã xướng-chú.

Sau mấy lời giới thiệu, Phan Thê-Roanh tiên sinh còn bảo thêm rằng:

• Không lẽ mà, ở chốn Nam trung, Văn chương đại địa này, lại không có một văn hướng ứng. Vậy các bạn thơ miền Nam, như Mộng-Tuyết, Đông-Hồ chẳng hạn, thử họa cho vui.

Nghĩ rằng:

Nhập thế cực, bất khả vô văn-tự
Chông hay ho cũng phải nghĩ một đôi bài
Huống chi chưa đủ tú tài
Ngày tết cũng một vài bài thơ họa.

Cho nên, Đông-Hồ họa rằng:

Đàn thơ mây hợp bạn thân-kính,
Lão mọi thi-ông đệ-nhất danh.
Tuổi thọ trời dành râu tóc bạc
Cảnh nhân đất sẵn nước non xanh.
Tùng Tuy nếp giữ còn phong-nhã,
Nghiêu Thuấn đời mong thấy thái bình.
Triều đại hưng vong bao đã trải,
Bao thiên thi-cảm bấy nhiêu tình.

ĐẠI AN AM

★

Và, Mộng-Tuyết họa rằng:

Rèm hoa mành tiếng gió Xuân-Kinh
Vĩ-Dạ vương tôn, Lý Đổ danh.
Núi thọ đã phơi lông hạc trắng,
Đàn tao còn rợp bóng thông xanh.
Chứa chan ao mực giếng Hương-thủy
Chợt vớt ngòi sương đình Ngự-bình
Mây nước Đông nai đầu diên cách
Mây bay nước chảy đắm vô tình.

HÀ-TIÊN CỎ

★

Hoa xong, nghĩ lại, Tết năm ngoái, ở Xuân Tự-Do, Mộng-Tuyết được hân hạnh họa thơ hai vị nữ sĩ của sông Hương núi Ngự. Tết năm nay, Hương Bình Xuân bắt lão, cũng lại tình cờ được hân hạnh họa thơ của bậc đại lão thi bá đất văn vật Tràng-an. Phan tiên sinh bảo họa thì cũng họa. Họa xong, chép thơ mà tay bút những e dè.

Huống chi:

Thi thành Hoàng-học thiên-nhiên vận

Phượng-hoàng dài, đầu nửa, dề dề-lâm, mà Đăng-vương-các, gió đông chưa phối nhẹ.

Xuân thảo phương tâm, ai ai đó, lọc bỏ lời thơ mà gọt lấy lòng thơ

MỘNG-TUYẾT thất tiểu muội

Mái Trảng Non, Xuân Kỷ-hợi

— 1959 —

MỞ TRANG SÁCH CŨ

CẢM Ỗ CẦU CHUYỆN NÀNG TƠ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

(Trích tập Hoa-Đặng sắp xuất-bản)

Khoảng đôi bờ chữ, máu xôn-xao;
Nét mực bay hoa mở Suối-Đào.
Ai-oán tình Tơ, thiên tuyết-kỷ:
Tang, từng! Nước-chảy khóc non-cao.

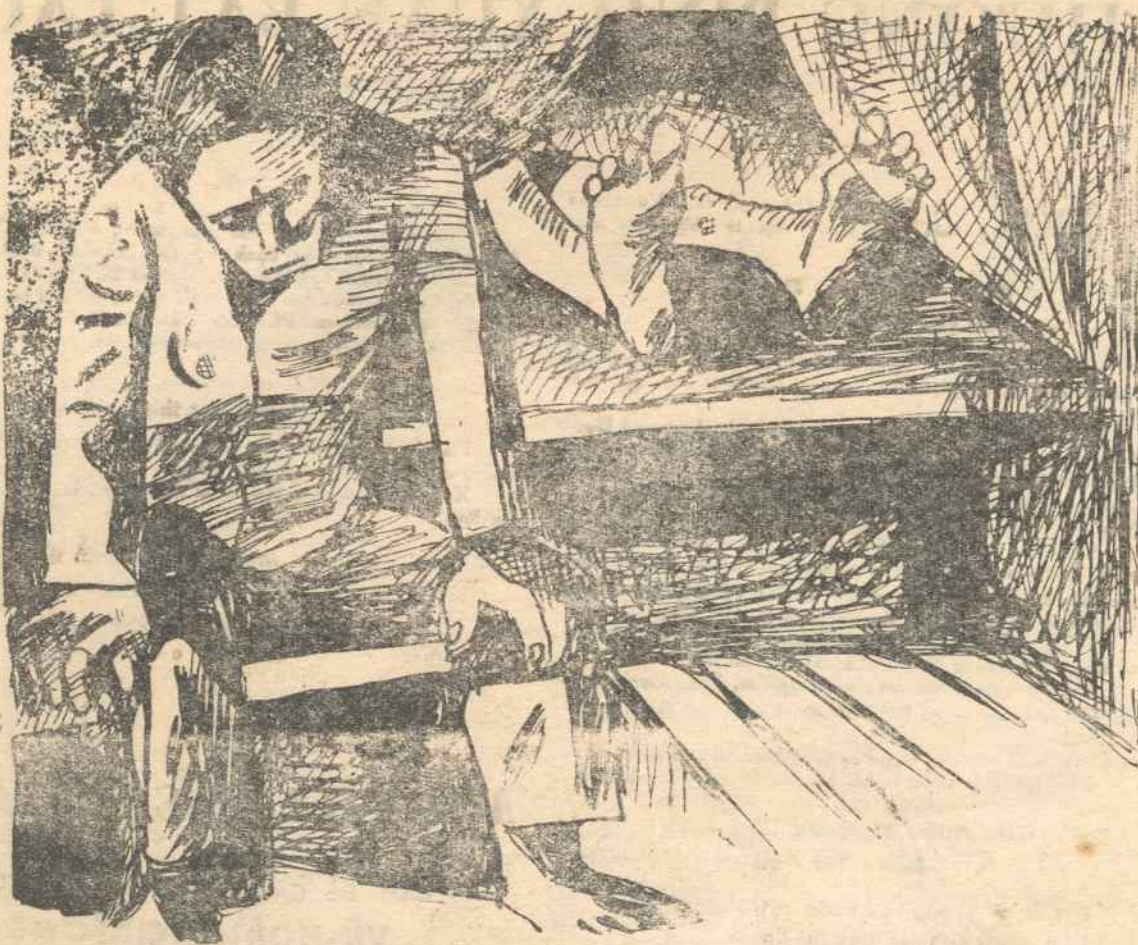
Từ hôm mười ngón đỏ bi-thương,
Nhịp-trúc lời-ca dứt vãn-vương.
Bút ấy ngỡ đâu thề ấy cõi,
Đêm nào... Cho bến lại Tầm-Dương.

Cho Tầm-Dương lại bến Cô-Tô...
Quạ thét trắng tà rụng lá ngô.
Đàn phôi chiêm-bao, chùa vọng xuống
Con-thuyền linh-cảm ghé vi-lô.

Sóng điều-hiu giỡn mái-chèo say,
Phách giật Mê-hồ quạnh tối nay.
Trở giấc, đèn-thu bông kết lửa;
Trang từng trang đã vương tơ đầy...

V. H. C





ANH EM

Nó phá lên cười, như thể là hai chữ *công khanh* đang chìa ra hai ngón tay cù vào nách nó vậy. Chú tôi chăm chú nhìn vào mặt nó, kinh ngạc, không hiểu như thế là nghĩa gì. Tuy vậy mà rồi chú tôi cũng cho nó được bày tỏ ý kiến. Cha con cùng nhau đàm luận chăm chỉ. Sự chọn lựa cứ thế kéo dài suốt tháng, cho đến khi quay trở về câu "Hữu chí cánh thành" mới xong. Những công việc viết chữ, cắt chữ, dán chữ, trang trí... cũng đặt ra nhiều chi tiết khiến chú tôi suy nghĩ nhọc nhằn. Đến khi câu khẩu hiệu hoàn thành, hai cha con nâng đỡ lên vách thì mùa hè đã sắp mãn rồi.

Việc dạy con chỉ là việc một mùa hè. Thời tiết đó qua rồi, từ ấy về sau không thể trở lại, nên chẳng bao giờ tôi được nghe chú tôi sắp đặt việc học hành của em Tân nữa.

Duy có trong lòng tôi, việc học hành của các em tôi còn để lại một kỷ niệm không sao nhòa được. Tôi nhằm đọc lại câu vừa viết ra, nghe nó lâm ly như câu sáo mép của một nhà văn lãng mạn. Bình thường tôi không có nhiều tình cảm đến bậc đó, nhưng tình cờ sự liên hệ giữa cuộc đời của tôi và của những người trong gia đình chú tôi gặp những cảnh trạng thực lâm ly.

Số là năm lên mười ba tuổi tôi đậu bằng tiểu học, cái bằng tiểu học đầu tiên trong xóm. Chiều theo những tục lệ cổ truyền đẹp đẽ, dân chúng trong làng gọi tất cả những người đậu tiểu học bằng thầy. Do đó tôi cũng thành ra một thầy.

Nhưng trong số các thầy, chắc chắn tôi là thầy kém may mắn nhất. Trong lúc tôi đang xun-xoe muốn chứng minh sự quan trọng của mình thì thím tôi có ý kiến muốn nhờ tôi chỉ thêm cho em Tân và dạy vỡ lòng cho Hạnh, em gái của Tân. Tôi long trọng bày ra đầy đủ bàn ghế cho một thầy và hai trò. Buổi khai giảng có thím tôi và má tôi rình ở dưới bếp lấp ló mỉm cười trông lên cho đủ phần trọng thể. Tôi đã chuẩn-bị kỹ càng để có cái vẻ nghiêm nghị đúng mức của một ông thầy. Chỉ có một điều tôi không liệu đến, ấy là chuẩn-bị một thái độ hiền biết, nhân nại để chống với những bực dọc trong khi hướng dẫn học sinh. Và lại trong hai kẻ môn đồ thì nói cho đúng học lực của Tân cũng gần suýt soát như tôi nên tôi thường lơ đãng, tất cả sự sốt sắng của tôi dồn cả vào người em gái. Từ giờ này qua giờ khác, người học trò độc nhất ấy cứ luôn luôn bị canh giữ, như phải công một ông thầy dính liền trên lưng. Tình trạng ấy chẳng mấy chốc làm cho em tôi bực mình quần trí, mà cũng làm cho tôi phát cáu. Những ngón thước đầu tiên quất xuống vai em tôi là thuộc về phần thủ tục, không sao tránh khỏi. Điều đáng trách là tiếp theo đó, không có buổi học nào không làm tuồng rất nhiều nước mắt của em tôi.

Lớp học kéo dài chưa đầy một tuần lễ thì tôi đã lĩnh cảm thấy nó không có số được trường thọ. Nhưng chẳng có ai kịp thời ra lệnh chấm dứt nó. Thím tôi thì thăm với chú tôi. Một buổi tối, sau nhiều lần do dự, chú gọi tôi đến giải thích về ý nghĩa của hai chữ *giáo huấn*. "Cổ nhân đã đặt ra một chữ có nghĩa là *dạy*, kèm theo một chữ có nghĩa là *đỡ*, vậy thì đủ rõ cái roi không thuộc về những phát kiến của cổ nhân. Ta không nên làm sai-lệnh một danh-từ đẹp đẽ như thế". Tôi im lặng ngồi nghe, hoàn-toàn đồng ý với chú.

Nhưng ngay sáng hôm sau tôi gặp một trường hợp khó khăn. Tôi hỏi cô em bé chữ *đê-a-da*, thì nó cứ lẫn lộn mãi với chữ *bê-a-ba*. Cái khuyết điểm của cô nhân là không chịu nói rõ những lúc ấy phải làm thế nào để khỏi tức đến lộn ruột lên. Tôi phải xử trí theo ý kiến riêng là dùng thước để quất.

Tôi vừa vụt đến thước thứ hai thì bất ngờ em tôi dường hoàng đứng dậy, tuyên bố thẳng là không thêm học với tôi nữa. Ban đầu tôi ngạc nhiên tưởng mình không nghe rõ. Nhưng cuối cùng tôi đành phải hiểu cái câu giản dị, rõ ràng ấy. Tôi chồm lên trả thù cho lòng tự ái. Tôi đánh đá bằng cả hai tay và hai chân. Em tôi vùng chạy. Tôi trượt theo. Em tôi ngã xuống ở đầu sân, miệng vẫn không ngớt la: "Tôi không thêm học với anh nữa!". Tôi đứng nhào đến, dấm đá túi bụi như chính mình đang ở trong một thế nguy ngập từ nhất sinh, phải tận lực chống trả với một sự tấn công ghê gớm, nếu ngừng tay lại là bị tiêu diệt tức khắc. Tôi không biết được từ khi em tôi ngã xuống cho đến khi má tôi kịp chạy đến đỡ tôi ra là bao lâu.

Lớp học giải tán. Cả nhà buồn bã. Anh em tôi cảm thấy trên trán, về sau khá lâu chưa dám gặp mặt để chơi với nhau. Rồi hết hè, vì đã là một thầy đậu tiểu học, tôi phải đi học trên tỉnh. Rồi ba tôi đi làm ăn xa, mang cả gia đình theo. Từ đó anh em tôi xa cách lâu dài.

Tôi ngồi bên giường bệnh của chú tôi đã lâu quá rồi. Trong gia đình chỉ có một chú một cháu, không lấy ai thay đổi sẵn sóc. Nhân một lúc thấy chú nằm yên không trăn trở, tôi bụng chiếc ghế đến ngồi bên cửa sổ, trông ra ngoài vườn. Trời về thu rồi, khí trời đã lạnh, màu trời đục. Tôi nhìn một con chim sẻ nhỏ xiu đậu trên một nóc nhà ở giữa xóm, mái ngói đã đen màu. Con chim rất bé và đậu im, nhưng nhờ hình dáng nó in rõ quá lên nền trời nên vẫn trông được từ xa. Mỗi lúc tôi mỗi ngạc nhiên nhận thấy mình có thể phân biệt được những chi tiết thật nhỏ nhặt: cái đuôi, cái đầu, cho đến cái mỏ con chim... Trên màu trời yên tĩnh của mùa thu, những chi tiết đó hiện ra rõ như được phóng đại...

Khi tôi quay đầu lại thì chú tôi đã tắt thở rồi. Một lá màn phất dịu dàng. Gương mặt chú tôi buồn thiu. Tôi không ngờ sau bao nhiêu lo lắng sợ hãi, cái chết lại đến giản dị như vậy. Đến như một người quen biết, vừa tự nhiên vừa thân mật. Trong lúc tôi ngồi nhìn lá màn trắng và gương mặt buồn thiu của chú tôi, thì bên tai nghe vang đến từ rất xa, có lẽ từ bên xóm Đẽ, tiếng búa thợ rèn đập trên đe. Cái tiếng rần rờ giống lên đều đều ấy khiến chú ý đến ánh vàng vờ im lặng của xóm làng.

Đây là lần đầu tiên tôi được trông thấy chú tôi tỏ một thái độ điềm nhiên dễ dãi. Chú nghĩ sống lúc nào tôi không hay. Chú đón tiếp từ thần không hề có một lời qua tiếng lại. Không có một nét nhăn cau có, đau đớn, khó chịu trên vẻ mặt. Bình sinh tôi chưa hề thấy chú tôi chịu chấp nhận một điều gì mà không cự nự, biện luận dài dòng. Hóa ra đối với cái chết chú lại rộng lượng hơn đối với mọi sự xảy đến trong suốt một đời sống.

Lúc sinh thời, chú tôi coi mọi chuyện đều là quan trọng, cho nên không thể không bàn cãi dần dần đến cùng trước khi quyết định. Cũng do đó mà trọn đời chú tôi chẳng kịp có thì giờ quyết định được bao nhiêu sự việc. Những sự việc khác không được xét đến, chúng cứ vô phép tự tiện xảy đến, hoàn toàn trái nghịch với ý muốn chú tôi. Rồi thì lại chính vì lẽ đó mà chú tôi càng tức giận, càng nghiêm khắc, cần tắc, dần dần đến kỳ lương. Kết quả là chú quyết định thêm ít việc, mà những điều xảy đến ngoài sự quyết định càng thêm nhiều.

Cũng có thể giải thích rằng một cá tính như thế không do ở chú tôi, mà do tại một hoàn cảnh. Thuở còn bé cho đến khi chú được trên ba mươi tuổi mọi việc gia đình đều do ông bà tôi định đoạt. Rồi từ ngày ông bà tôi mất đi thì thím tôi trù tính sắp đặt công chuyện đồng áng, chuyện làm ăn, và cả việc học hành của các em tôi, khiến chú tôi được hoàn-toàn rảnh rang cả về trí óc lẫn thân xác. Chú tôi nhiều lần tỏ rõ cái hảo ý muốn tham gia công việc. Chẳng hạn khi thím tôi đang ngồi vót dưa thì chú tôi đến bên cạnh tỏ mò theo dõi, nhủu mắt lại xem xét, phê bình rằng thím cầm rựa vụng về, ra hanh dũa không đều, chuốt dũa không láng v.v... Rồi chú phản nản, chê bai, lắc đầu thất vọng. Thím tôi bực mình, buông cái rựa xuống, nói:

— Đấy! Ông gọi thì vót đi.

Chú tôi hăm hở cầm lấy rựa, đeo kính lên mắt, dũa hanh dũa lên ngắm qua ngắm lại, ấn lên

đầu gối mà uốn cho thẳng. Tôi chắc những nhà chuyên môn giải phẫu tim óc mà trông thấy chú tôi lúc đó thì cũng thán ao ước được trời phú cho mình cái tính cần tắc như thế. Chú tôi ngắm nghĩa uốn nắn mãi, rồi mới ra tay chuốt một đường. Hai tay chú run lay lay, và miệng luôn luôn hít từng hơi dài, vì sự tập trung tư tưởng cao độ ở đây lại có hậu quả kỳ cục là khiến cho nước dãi chú tôi cứ chực nhều ra hai bên mép.

Thím tôi nhìn qua cái cảnh tượng khốn khổ ấy, rồi vùng vằng, giắt lấy rựa trong tay chú:

— Thôi đi! Vót mấy đôi dưa tre để cho trẻ con nó ăn cơm, chứ có phải chuốt dưa ngà dâng vua đâu mà cực khổ thế?

Chúng tôi phá lên cười. Thím tôi quày quắt, càng mạnh tay vót bừa, cầu thả hơn trước. Còn chú tôi càng thất vọng, chê bai, và ngồi giải thích rất lâu về cách thức chuốt dưa.

Tôi cũng nhớ có một lần chú tôi sốt sắng can thiệp vào việc học hành của các em tôi. Nguyên là cuối năm học ấy thằng Tân, em trai tôi, được lãnh một phần thưởng ở nhà trường. Chú tôi lấy làm khoái thích, và đột nhiên thấy có trách nhiệm phải khuyến khích cái mầm non anh tài đó. Nhưng mà khuyến khích, hướng dẫn nó bằng cách nào? Chú tôi thân mật vào thăm phòng học của nó, giảng giải năm ba câu, rồi liền nảy ra cái ý rằng điều thiếu sót căn bản tức gặp là đề ra cho nó những lời dạy bảo của cổ nhân để nó ngày đêm tâm niệm, như vậy là hơn hết mọi cách dạy dỗ. Chú tôi định chọn một hình thức giáo dục mới, là viết những câu châm ngôn ấy thực đẹp dán lên bốn vách thư phòng, theo kiểu những khẩu hiệu.

Thế là bắt đầu một công cuộc chọn lựa gay go. Nhiều phen chú tôi đã nghĩ rằng nếu treo được câu "Hữu chí cánh thành" trong phòng em tôi thì tất nhiên nó phải nên người. Thế rồi suy đi nghĩ lại, bỗng nhiên chú muốn bỏ câu đó mà viết câu "Chỉ lạc mạc như độc thư". Những phát kiến lạ thường đến bất ngờ. Chú tôi lấy làm ngạc nhiên kinh dị nhận thấy rằng lần này Hán thư dạy cả cha lẫn con trong một câu sách: "Chỉ lạc mạc như độc thư, chỉ yếu mạc như giáo tử". Chú nghĩ lại bấy lâu nay chú không hề bận tâm đến con cái, từ tờ giấy đến cái tay, ngời bút, chúng đều chỉ biết hỏi mẹ. Xao lãng đến thế là cùng! Công việc "chỉ yếu" có thể năm khi mười họa mới làm một cách tùy hứng thế này được sao? Chú tôi nắm cây bút lông toan viết câu sách khuyên con đọc sách, nhưng chú lại hình dung đầu đó trong khoảng vô hình nhà hiền triết thời xưa hiện về theo dõi ông già đang làm cái việc dạy con này bằng đôi mắt khoan từ riều cọt, và dịu dàng nhắc nhở: "Chỉ yếu mạc như giáo tử — Chỉ yếu mạc như...mạc như...". Cái nhìn khoan từ riều cọt khiến chú bối rối lưỡng lự đến nỗi hể cứ trông vào chữ *chỉ lạc* do chính tay mình viết ra là chú đọc lầm ngay thành *chỉ yếu*. Cuối cùng chú tôi đành vứt bút, lau mấy giọt mồ hôi mấp mé hai bên thái dương và hít hai giọt nước dãi rình bên mép. Kết quả một công cuộc khảo cứu cò thư chỉ có là hạn chế vài hình thức bài tiết như vậy được sao?

Phải chọn một câu khác chứ. Chú viết: "Học tắc thứ nhân chi tử vi công khanh". Rồi chú gọi em Tân vào để cắt nghĩa cho nó hiểu cái ngày mai tốt đẹp mà thánh hiền đã hứa với nó.

Ở xa, những năm sau, tôi đã nghe nhiều lần về cảnh lụn bại trong gia đình chú tôi từ khi thím tôi qua đời. Những chuyện đó hoặc do người quen biết ở quê hương ghé chơi nhà tôi rồi kể lại, hoặc do thư từ của chú tôi, dần dần tích lũy thành một kho chuyện khá ly kỳ huyền hoặc mà các đứa em nhỏ của tôi lấy làm thích thú. Chỗ ly kỳ không phải là ở sự nghèo túng của chú tôi. Quái lạ là khi một gia đình bắt đầu gặp vận đen, thì ma quỷ lại hòa đến xuất hiện mà quá nhiều.

Tôi được nghe nói rằng một hôm chú tôi để ba quả chanh trên bàn. Sáng hôm sau cầm lên thấy nhẹ khác thường. Bóp thử xem lại. Quả là chanh không còn chút ruột nào nữa, mà nhìn lại không có dấu rách ngoài vỏ.

Tôi chắc không có người bồi lão luyện nào dám nhận là đã trông thấy một cách thức ăn chanh như thế ở một thực khách trên thế gian.

Thỉnh thoảng gặp lúc trong nhà vắng vẻ, ít có tiếng người khua động, lại xuất hiện những hoạt động ma quỷ. Đôi khi nghe có tiếng cười rúc rích trong buồng giữa ban ngày. Nếu ai nãy yên lặng thì tiếng cười càng ngày càng to vang nhà. Tiếng cười rang rang, gần đến nỗi người nhà rợn rợn tưởng chừng sắp thấy hiện ra con quái vật sát ngay bên cạnh mình, gần đến nỗi mỗi người nhà đều tưởng chừng như hơi thở của con ma đang hắt lên mái tóc của mình. Khi người nhà lên tiếng la lớn thì tiếng ma im phắc lại. Một hiện tượng như thế thật là kinh khủng, vì nó quá minh bạch rõ ràng, khiến ta không còn có thể nghi ngờ gì ở sự lăm lăm của giác quan: con chim sẻ đậu trên một nhánh cam bên hè vẫn còn đậu đó, con chó đang nằm sát mồm trên nền nhà vừa ngẩng đầu lên vênh tai chú ý đến tiếng cười vẫn còn nằm đó, tất cả những hiện tượng ma và không phải ma đều đều thực như nhau.

Có người kể rằng một buổi sáng chú tôi ngồi nói chuyện ngoài hiên với một người khách già: ông học Phả bên thôn Tân-Kiều. Bỗng nghe trong lùm lúa có tiếng lệt xệt. Ban đầu tiếng khua rụt rề như con rắn mới bò ngang trên đồng rơm khô. Rồi tiếng khua rõ lên như xiết mạnh sợi giây xung quanh một bồ lúa đầy. Chú tôi chợt nghĩ ngờ: trong lùm có một cà-tăng lùa vừa mới đồ đầy, nhưng vòng dây dứa quấn xung quanh cà-tăng năm người đàn ông lực lưỡng không dễ xê xích nổi. Thế mà tiếng kéo dây mỗi lúc một mạnh. Rồi nghe như trong lùm có tiếng chân người tranh nhau dồn dập lộn xộn, xô đẩy nhau. Chú tôi cùng với người khách đứng dậy đi vào lùm. Hai người vừa đặt chân vào đến cửa lùm thì bên trong im bất như không. Chú tôi vào bên cà-tăng lùa, sờ thử lên vòng dây dứa thì thấy lỏng xẽ xuống.

Trong bao nhiêu năm, về chuyện gia đình chú tôi chỉ còn có ma quỷ là quan trọng. Cho đến nỗi tôi quên hẳn không biết số phận của các em tôi như thế nào.

Năm mười bảy tuổi mới có lần tôi về Khánh-Xuân thăm chú. Cảm tưởng của tôi bấy giờ có lẽ không giống cảm tưởng một người đi về quê hương của mình, mà giống như đi về quê hương của Bồ Tùng Linh. Tôi nghĩ đến quý nhiều hơn là nghĩ đến chú với em. Cho nên khi bước vào khỏi cổng nhà, trông thấy chú tôi với em Hạnh đang cào thóc trước sân thì tôi gần như là thất vọng. Như thế thật là bất ngờ: đáng lẽ tôi phải thấy một con quái có hai cái răng nanh dài nửa thước mới được chứ.

Tôi ngạc nhiên ngắm chú tôi: trông chú khỏe mạnh, nhanh nhẹn, gọn gàng hơn trước. Em Hạnh thuật lại rằng từ khi chú quên đi một ít lời dặn của cô nhân và chịu cào lùa theo lối thông thường của em tôi thì tay chân chú bớt lệp cập vụng về đi nhiều.

Hạnh cũng lớn lên nhiều rồi. Em tôi hồng hào, tròn trịa, sắp thành con gái hẳn hoi. Trong một cái nhìn rất nhanh và thông minh, em tôi điếm qua tất cả những gì thay đổi nơi tôi, từ cử chỉ đến y phục. Em tôi không còn bé bỏng, và tôi biến thành một người con trai hơi xa lạ vì ba bốn năm sinh sống ở thị thành. Trong một thoáng chúng tôi nhận định tình thế, và từ nên đề đặt.

Tôi chưa dám hỏi một câu gì về những sự chuyện hoang đường. Bởi vậy mà trí cứ lờn vờn nghĩ hoặc. Trong bữa cơm chiều, lúc cầm trái ớt bẻ đôi nghe kêu "bộp" một tiếng, nhìn thấy ruột trái ớt đỏ hồng, tôi sắp sửa kinh hoàng như sờ phải tay quỷ, trước khi kịp nghĩ rằng ruột ớt vốn không đặc như ruột trái chanh.

Ăn cơm xong Tân lại ra đồng. Tân vẫn còn học, nhưng nó lại thạo cả công việc đồng áng. Trông nó đen đui, da thịt rắn chắc, và già dặn hơn tôi về mọi mặt. Tôi muốn đi dạo ngoài đồng một lát với nó, nhưng nó cười bảo:

— Đi làm gì anh, Trời tối, bờ ruộng nhỏ, vấp lên vấp xuống, thú vị gì. Anh ở nhà nói chuyện với ba em, có lẽ đêm nay em về sớm.

Ở quê tôi không có sông, nên hiếm nước. Đến tháng ba nhà nông phải vác cuốc đi tháo nước giữ nước, nhiều khi suốt đêm.

Chú cháu tôi ngồi nói chuyện ngoài hiên. Đêm không trăng, sao sáng lao xao khắp trời. Khu vườn chú tôi rất rộng; trông ra bóng tối, bóng cây ùn lên từng đồng lớn, đen lù lù, lắt lự cựa quậy chậm chạp theo hơi gió. Tiếng dế kêu ran lên khắp mặt đất. Quang cảnh đó không lạ gì. Nhưng những khi chú cháu tôi dừng nói mà tiếng dế nổi ran lên quá nhiều tự nhiên tôi thấy lo âu.

Đệ tám giờ rưỡi tối, chúng tôi nghe có tiếng kêu la văng vẳng ở phía cuối xóm, gần như tiếng la

cha ở lại cũng được, anh Năm nên đi về, vì một mình con Hạnh nó không dám ở nhà đâu.

Trong cách giải quyết đó cái khăn lông quố cổ của chú tôi không được kể đến. Tuy vậy tôi chú tôi đều thấy có lẽ phải.

Trên con đường đi về nhà mỗi lúc tôi mới thấy tiếng ồn ào của đám đông. Rồi bên tai chỉ còn tiếng dế kêu rúc rúc. Khi tôi bước vào khỏi cổng nhà chú tôi thì tự nhiên tiếng dế nghe rộn rợn.

Cửa nhà bếp bỏ ngõ. Một ngọn đèn dầu lử trên chiếc phản chiếu sáng không khắp gian nhà. Tôi nhắm đi về phía bếp, chỗ có ánh đèn. Bỗng vào đến nửa sân tôi nghe có tiếng rền rền trong



cháy nhà ở xa. Bước ra đầu sân lắng tai nghe kỹ lại thì quả thực tiếng kêu vẫn tiếp tục mỗi lúc mỗi dồn dập, mà vẫn không rõ là kêu la về việc gì. Bỗng một người đàn bà chạy vội vào, thuật cho biết là Tân đã bắt gặp đám ngựa thồ thả ăn lén trong đám đậu phụng, nó bắt ngựa lại, bị bọn chủ ngựa vây đánh giải thoát, nên nó kêu tiếp cứu.

Chú tôi và tôi chạy ra đến ngoài cổng, thì có tiếng Hạnh kêu nói gì lẻo nhéo, nhưng chúng tôi vẫn không ngừng. Chạy đến nơi thì chuyện đánh nhau đã xong rồi. Trên đám đậu phụng của chú tôi, bà con trong xóm kéo đến đông nghịt. Chú tôi vung rựa rẽ đám đông xông vào. Nhưng giữa đám ruộng Tân đang đứng thân nhiên, một con ngựa gầy chân còn nằm bên cạnh. Nó đang phản trần rằng đã mười đêm rồi bọn chủ ngựa thồ cứ rình đến tới trời là thả ngựa vào ăn lá đậu của chú tôi. Tân đã cảnh cáo mấy lần, chúng vẫn không nghe. Lần này Tân bắt gặp; chúng giải thoát ngựa để phi tang, cuối cùng Tân đã chặt chân một con ngựa ngã xuống tại đám đỗ để làm bằng chứng.

Cơn giận lầy bầy của chú tôi, với những pháp phòng hồi hộp của tôi có vẻ ấu trĩ bên cạnh thái độ giản dị của Tân. Từ ngày thím tôi mất, nó đảm đương công việc gia đình. Nó đã quen xử việc quá rồi. Tôi còn đang đứng nhìn trân trối cái cảnh tượng thẳng em tôi bên xác con ngựa nằm dưới ánh đuốc chấp chờn loáng nhoáng, chú tôi cũng chưa định làm ra sao, thì nó đã nói:

— Bấy giờ thì mời làng. Cha và anh Năm ở đây với tang vật, con đi mời.

Chú tôi tiến tới giữa vòng ánh sáng, cần thận đến sát bên con ngựa. Nhưng khi chú sờ trên vai thấy thiếu mất cái khăn lông vẫn quấn luôn quanh cổ thì chú tôi hoảng hốt bối rối làm cho tôi càng luống cuống. Vị trí cái khăn lông chú tôi là phải ở quanh cổ. Một biến cố khiến khăn ấy lìa mất đi là một biến cố lớn. Có lẽ tôi sắp sửa hỏi đến Tân xem phải cứu chú tôi như thế nào thì nó đã quay lại bảo:

— Thôi, có bà con đông đủ đây rồi, mình

nhà như ai lẩn cái chày gỗ trên phản gỗ. Tôi vẫn tiến tới. Bước chân lên hè, nghe tiếng rền càng lớn, rền cả nền nhà. Không có một tiếng người. Tôi ngó quanh quất tìm Hạnh, chợt thấy nó đứng sững bên cạnh phản, mặt ngược nhìn lên phía diềm nhà. Quả thực tiếng kêu hình như phát ra do một vật gì cực kỳ to lớn nặng nề, lăn trên trần nhà, từ phía nóc xuống. Tiếng vang rung chuyển cả vách tường, rền rền đến mặt đất. Hạnh lặng người khiếp sợ. Tôi nhìn theo nó, tưởng chừng chỉ trong giây lát cái vật ghê gớm ấy sẽ rớt xuống nền nhà, ngay trước mặt chúng tôi.

Tôi kêu khẽ: "Hạnh!". Nó giật mình quay đầu lại, rồi lại ngó lên diềm nhà. Nó đi lùi dần về phía tôi. Bất giác tôi cũng lùi theo. Lưng tôi đã sát vào tấm cửa rồi, Hạnh vẫn cứ lùi. Khi nó đụng ép vào người tôi thì cả hai tay nó quơ mạnh về phía sau chụp lấy tay tôi nắm thật chặt. Nó nói gì nhỏ nhỏ trong miệng. Tôi nghiêng tai sát vào mặt nó, nghe: "La, la lên! Anh la lên..."

Tiếng rền mỗi lúc mỗi to hơn, bấy giờ trên trần nhà nghe như long lở hết, như đang có cả một cái xe lăn cán đá của công chánh trên ấy. Tôi quát lên một tiếng. Tự nhiên dứt tiếng vang của tôi thì vụt im phắc như chẳng hề có gì xảy ra. Sát vào lòng tôi vẫn còn cái thân thể của Hạnh. Chúng tôi đứng trơ như thế một lúc, cái im lặng đột nhiên ập đến bất ngờ làm chúng tôi vừa ngơ ngác vừa sợ hãi.

Lúc Hạnh thả hai bàn tay tôi ra, tôi mới kịp chú ý đến tình thế. Ngực tôi còn dấu nóng của hai vai nó, bên mũi tôi phất lên cái mùi tóc khô và cái hơi ẩm ẩm thơm nhẹ nhàng do da thịt nơi cổ nó má nó thờ ra. Bất giác tôi nhích né ra. Hạnh bước tới, đến ngồi lên phản.

Tôi hỏi:

— Bấy giờ làm sao?

Hạnh bảo:

— Thôi. Xong rồi, Không có gì nữa đâu.

—?

(Xem tiếp trang 35)

Đ GÀY
xưa
ngày
xưa,
cách
đây
mấy

ngàn năm, có một ông Vua vô cùng hiền-hậu và nhân từ. Vua nhân từ đến nỗi không hành phạt một ai, và mọi

người dân trong nước đều cảm cái đức độ của Ngài mà cũng sinh ra hiền-hòa, sống với nhau rất yên-vui, không chém-giết nhau, không tranh-giành, không cãi cò. Trong lúc đó, thì ông vua xứ láng-giềng lại bạo-tàn, hung-ác, thường hành-phạt nhân-dân, ai nấy oán-thán. Người đời gọi nôm ra là vua Hiền và vua Ác...

Vua Ác ngó sang bên láng-giềng, thấy mọi người sống yên-vui, nên nghĩ thầm :

— Quái-lạ ! Nước họ chẳng cần gì đến pháp luật và cực hình, mà sao lại được yên-vui và phồn thịnh như vậy.

Bên này ra ý-tưởng đi cướp đất :

— Hay là ta cướp lấy đất đai của họ, mà chiếm của cải. Ta kéo binh đi đánh, chắc là dễ dàng lắm, vì trong nước họ chẳng có lính tráng gì cả...

Thế rồi một đạo quân khổng lồ của ông vua Ác tiến vào đất của vua Hiền.

BÊN này, ông vua nhân-từ đã hay tin có quân ngoài tiến vào chiếm đất mình. Vua chỉ thờ dài suy nghĩ, chứ không quyết định gì cả. Triều đình tự động họp nhau lại, bàn tính, sau cùng xin vào ra mắt Vua và tâu rằng :

— « Thưa Bệ-Hạ, trong Triều còn nhiều tướng tài, dân trai tráng cũng đông, xin Bệ-Hạ cho lệnh mọi người ra giữ nước, để nhân dân bá tánh đều yên ».

Đức Vua ngồi ôm đầu suy nghĩ. Một lúc rồi Ngài phán một lời rất kỳ lạ. Ngài nói :

— « Bây giờ mà Trẫm cho binh ra chống cự, nếu mà thắng được thì nguy khốn cho binh địch biết bao nhiêu, và biết bao nhiêu người phải chết. Mà nếu bị thua, thì thân ôi, lại biết bao nhiêu người hiền lành phải chết, nhất là nhân dân sẽ khổ cực vô cùng. Chẳng lẽ Trẫm làm hại đến cả nhân dân, để cầu mong ngôi an hưởng ? Thôi chi bằng Trẫm bỏ đi, để cho họ quân địch muốn làm chi thì làm. Nhưng Trẫm phải bảo với họ là không được hại đến sinh linh mới được ».

Nhưng, ngoại trừ một vài người thông cảm với quyết định tuyệt diệu của nhà vua, còn ai nấy, nhất là các tướng, đều tự động đi đánh. Vua bèn quyết chí ra đi ngay, nên gọi thái tử mà bảo :

— « Con hãy cùng cha đi ngay, để cho trăm họ thoát cảnh chết chóc. Để mặc cho họ trị vì. Ta tránh sự giằng giết chém giết, thì mọi người mới yên lành được. Ta lên núi xa mà ở, quên hết việc đời đi ».

Hai cha con âm thầm lên đường.

Chiến tranh cũng không kéo dài. Bên này, quân mất Vua, tinh thần sút kém, nên địch chiếm ngay kinh đô. Chiếm được kinh đô rồi, kẻ thắng trận bèn hạ lệnh tước nã vị Vua hiền hậu, và truyền rao khắp nơi, rằng ai nạp Vua Hiền sẽ được thưởng một ngàn cân vàng, một ngàn thước lụa.

KỂ ĐỘC ác không cảm thông được với những tấm lòng hiền hậu, nhưng nhân dân đã thấu hiểu được lòng từ của vua Hiền.

Cho nên vua hiền đi đến đâu, cũng được nhân dân cảm mến. Nhưng nhà vua khước từ cả đến lòng mến của mọi người, và cứ mãi miết đi. Đi mãi, đi mãi, sau cùng dừng lại ở một triền núi xa. Nhà Vua dừng lại đó, và mãi mê suy-tưởng đến ý-nghĩa cuộc đời. Ngài ngồi nhắm mắt, mọi tiếng động tắt đi, mọi hình ảnh mờ đi chung quanh Ngài. Ngài thấy cõi lòng vô cùng thư thái, và cảm thấy một hạnh phúc vô biên, một hạnh phúc như chưa bao giờ. Ngài cảm thấy, Ngài thấy tâm hồn lâng lâng, và linh hồn Ngài bay nhẹ nhẹ. Ngài cảm thấy trút khỏi cái nặng nề, cái giả tạo và cái ngăn ngại ở thân xác, và cái nhẹ nhàng và vĩnh cửu của linh hồn.

Chuyện cổ tích

VÌ HIẾU QUÊN THÙ

TRẦN - VIỆT - SƠN

Ngài cảm thấy chân lý và sự sống muôn đời. Ngài nhớ lại cả cái quá khứ của cuộc sống của linh hồn Ngài, và mừng rỡ đến cuộc sống về sau. Nhưng liền đó, Ngài lại động lòng thương xót đến muôn ngàn người chìm đắm mãi trong đau khổ...

Ngài đã tìm thấy chân lý.

Rồi Ngài gọi con đến để chỉ dạy cho con đường,

CÁCH đó vài bữa, có một người tiểu phu từ trên núi cao đi xuống : Gặp đức Vua, người ấy hỏi :

— Tôi cũng khổ quá, không chịu nổi nữa. Nghe nói muốn khỏi nghèo đói, thì phải đến tìm đức vua. Nếu phải thế thì xin ông chỉ dùm cho tôi đường đi để tìm về kinh thành !.

Đức Vua thở dài mà rằng :

— Chính ta là Vua đây. Nhưng tiếc thay bây giờ ta không còn gì !.

— Ôi chào ! bất hạnh cho tôi biết là đường nào.

— À, mà ta còn có cái để tặng người khỏi cơn nghèo đói. Vua Ác kia có treo giải thưởng, hễ ai



bắt được ta là được ngàn cân vàng, ngàn thước lụa. Vậy người đem ta đi nộp để mà lãnh thưởng.

— Chết nỗi. Dù có phải chết, kẻ hèn này cũng chẳng làm như thế.

— Không sao đâu. Người cứ làm theo ta. Ta có chết, mà đầu phải là chết. Và chẳng, có chết đi mà giúp ích được người, vẫn là hơn cả.

— Không, không. tôi không dám.

Nhưng rồi nhà Vua thuyết được người nghèo kia. Hai người bèn xuống núi, về kinh thành cũ. Người nghèo nạp vua xong, được thưởng rất nhiều. Còn Vua thì vui vẻ vào trong ngục tối. Dân chúng được tin đã lên khóc, lòng thương xót vô cùng. Vua Ác đem Vua Hiền ra thiêu trên giàn lửa. Quân lính dàn ra rợp trời. Dân chúng phần uất mà không làm gì được, mặc đồ tang ra nơi hỏa thiêu mà khóc vang dậy.

Thái-tử Tâm tức là con vua Hiền, cố nén lòng đau khổ, xin nhập bọn buồn củi, đến được gần Vua cha mà thưa rằng :

— Cha tha tội cho con hèn mọn. Nhưng con nguyện chết để báo thù...

— Chớ, chớ, con ơi. Con hãy nhớ lời cha dặn,

và giữ đúng lòng từ bi, như vậy mới là có hiếu với cha. Đối với kẻ giết cha nữa, con cũng hãy từ bi, hãy khoan dung, ấy là con biết nhớ đến cha. Con hãy tin rằng lòng từ sẽ thắng được kẻ nghịch và cứu được muôn dân...

TỪ ngày ấy, Thái Tử thần thờ trở về rừng, lòng tràn ngập đau khổ. Hình ảnh vua cha điem nhiên chết trong lửa đỏ làm cho thái tử đau buồn, uất hận. Bởi thế mà lòng hiếu tràn ngập lên, và thái tử nguyện : « Lấy máu trả thù máu, nhất định phải lấy được mạng tên Vua Ác để trả thù ».

Người con bèn tìm đường xuống kinh đô, xin vào làm kẻ hầu trong nhà một ông đại thần. Vốn khôi ngô và thông minh, Thái tử Tâm khéo chiều lòng người nên được ông quan cũng thương. Nhân học được nghề nấu ăn, Thái tử đặc biệt chuyên sang công việc làm cỗ. Một bữa, vua Ác ngự tới nhà quan đại thần, được ăn món ngon lành, bèn hỏi :

— Nhà Khanh có người nấu ăn ngon quá nhỉ ?

Ông quan được thể khen người nhà. Vua thấy ham, nài cho người bếp về cung nấu ăn cho Vua.

Thế là Thái tử đã được gần ông Vua Ác. Mọi việc đều tốt đẹp, chỉ còn chờ dịp hạ độc thủ.

VUA Ác được nấu ăn mới, lấy làm đẹp lòng. Nhà bếp lại khéo chiều, khéo nịnh, nên vua

càng tin cậy, phong chức luôn cho hầu cận bên mình.

Một bữa, cả triều đi săn. Vua Ác xông xáo vào rừng, cho ngựa phi nước đại đuổi theo nai. Chỉ có một Tâm theo sát để hộ giá. Vua mãi đuổi quá, nên đi cách xa các quan một thời dài. Một lúc sau, vua tới mới tìm cách ra khỏi rừng. Tâm và Vua tìm tòi đường ra một hồi lâu lắm, mà không thấy đường ra. Trời đã tối, hai người đành phải tìm cách ở trong rừng. Vua Ác mệt mỏi quá, gối đầu lên đùi của Tâm mà ngủ rất say.

Thái Tử Tâm nhận thấy rằng không còn một cơ hội nào tốt hơn để hạ thủ tên vua hung bạo nữa. Bèn nhẹ tuốt gươm ra, một lưỡi gươm sắc như nước. Nhưng bỗng lúc ấy, lời của cha vang lại : Hãy giữ lòng từ bi, mới là có hiếu, Thái tử Tâm lại nhẹ dứt gươm vào vỏ.

Bỗng vua Ác kia thức giấc :

— Quái ! Y như có ai định đâm Trẫm. Khanh có thấy quanh đây có chi khác không ?

— Bệ-Hạ ngủ mê đấy ạ. Thần vẫn thức và canh chừng cẩn thận, không thấy chi hết.

Vua Ác lại ngủ lại, ngủ say như chết. Thái tử Tâm lại nghĩ rằng rút gươm ra. Nhưng rồi tay lại dứt gươm vào. Lời nói của người cha nhân từ vẫn còn sức mãnh liệt. Cứ như vậy, ba lần rút gươm ra nửa chừng, rồi 3 lần lại dứt gươm vào. Sau cùng,

trí não căng cứng, chịu không nổi nữa, thái tử Tâm hét lên : « Quân khốn nạn đã giết cha ta, vì lời trời thiêng liêng của cha ta, ta phải tha giết cho mày ».

Nghe tiếng la lớn vì lòng phần uất mà thốt ra, tiếng la của người con vì ngập tràn lòng hiếu mà phải quên thù, vua Ác liền tỉnh dậy, nhưng chưa nhận thức được gì hết :

— Trời ơi ! Trẫm nằm mê thấy con của vua Thiện đã rút gươm ra đâm Trẫm, nhưng rồi lại tha chết cho Trẫm. Thế là điem gì vậy, khanh ?

Thái tử Tâm lòng còn xúc động, trả lời :

« Chính tôi là Thái tử con vua Hiền nước này. Tôi nghiêng ngả theo bên nhà Vua là để trả thù. Nhưng cầm lấy gươm mà lại nhớ lấy lời của phụ vương tôi, đã trở lại rằng phải lấy lòng từ để trả oán, và riêng đối với Nhà Vua, cũng cứ phải khoan dung. Cho nên gươm rút ra khỏi vỏ rồi, mà tôi lại theo lời dạy của vua cha mà dừng tay lại. Ba lần lên gươm, ba lần đều phải ngừng tay.

Có lẽ trong nét mặt của Thái tử lúc đó, có một cái gì phi thường. Hay có lẽ trong tâm hồn vua Ác kia, lòng xúc động trào lên dâng ngập tất cả những lòng ác-độc... cho nên Vua Ác không nói được gì cả, trong một lúc lâu, Rồi hạ xuống một câu :

(Xem tiếp trang 29)

Vì hiếu quên thù

(Tiếp theo trang 28)

— Trời ơi, thì ra khanh đau-khổ trong bao lâu. Trăm lúc này cảm thấy cái sống vô-nghĩa, thôi thì khanh cho Trăm được siêu-thoát đi, gọi là để Trăm đền-dáp lòng đau khổ vô-bờ-bến của khanh.

Thái-tử Tâm nói :

— Bây giờ thì mọi sự đã tỏ rõ. Thần đã đạt được chí là tới lúc tới hậu để đâm chết Bệ Hạ nhưng cũng đã sung-sướng được tuân lời vua cha. Bây giờ thần chỉ còn chờ chịu tội.

Đêm đó, không còn ai nói một lời nào nữa. Những phút sống lúc ấy mới kỳ-lạ. Rồi buổi sáng trở lại. Lúc bấy giờ vua Ác mới nói lên :

— Trăm thật đã độc ác quá. Còn Tiên Vương thật là hiện thân của Từ Bi. Và khanh thật là người Hiền Đức.

Rồi đứng lên tìm kiếm đường ra, nhưng bối rối mà không biết hướng nào. Thái tử Tâm nói :
"Thần biết rõ rừng này, để Thần xin dẫn đường Bệ Hạ. Hôm qua là Thần cố ý làm Bệ Hạ lạc đấy thôi."

Khi hai người đã tới chỗ đám đông Triều-Thần, nhà Vua bèn nói :

— Các Khanh có biết Thái-tử con vua Hiền xứ này đâu không ? Cõi chừng mà hân mưu giết ta...

Mọi người tâu :

— Chắc hẳn lưu lạc phương xa hay chết mất rồi.

Vua mới nói : "Không, hẳn đây (chỉ Thái-tử Tâm). Đêm qua, Thái tử Tâm đã tha chết cho ta". Rồi nhà Vua kể lại câu chuyện, và kết luận: Lòng từ ái của Tiên Vương, và lòng hiếu ái của người con này, cảm động tới được Trời-Đất, huống chi là ta lại không bị cảm động sao ?

Trong một đêm trường, ta đã đọc được tư tưởng của Thái-tử Tâm, ta đã thấu hiểu được thế nào là lòng từ.

Ta đã nghe văng vẳng những lời này :

"Lòng từ là tất cả Đạo lý ! Không giết, không trộm cướp, không tà dâm, không nói gian, không ham muốn, ấy là những hình thức của lòng từ, và cũng là các mối hành đạo nữa."

"Hãy có lòng từ, để đối với người thân cũng như kẻ lạ; tâm trí mình không phạm bất công và không ác độc."

"Có được lòng từ, ắt có quả lành. Lòng Từ tạo ra mọi nền hạnh phúc. Lòng Từ làm cho tâm trí trong sạch, không sa ngã vào tội ác."

"Người Từ Bi toàn diện yên ổn, sẽ không làm đau khổ mọi người. Người Từ Bi giải trừ sầu hận, tạo ra mọi yên vui quanh mình."

"Hỡi người, hãy lấy lòng Từ mà đối xử trong mọi việc. Hãy thương lấy mọi người. Hãy có lòng Từ, để toàn dân cảm mến người, để thiên hạ sống trong an lạc..."

Những lời ấy có một sức huyền bí. Ai nấy cúi đầu.

★

N H A Vua trở về Triều triệu tập nhân dân, và long trọng trả lại nước cũ cho thái tử Tâm trị vì — và người người đều hưởng an lạc từ đây.

(Theo chuyện Phật đời xưa)



CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Nhà may

LÊ SANH

TAILLEUR

75, Nguyễn-văn-Thỉnh Đ.T. 22.106

SAIGON

THƠ MA

(Tiếp theo trang 23)

Qua đêm 22 tháng Tám, nhằm tối thứ bảy, cô Đoàn «lên» rồi nhường chỗ cho một nữ-sĩ tên Hồn-Liên-Bạch, tiếp lời, hạ một bài thơ gọi "Tiễn biệt tình-lang" như sau :

Chia gương căn vặn buổi trường-định,
Vàng đá trăm năm lặn đắm tình.
Bước rẽ ngời trông cơn ác xế
Lời trao buồn nhớ lối trăng thanh.
Ngày chờ mây áng ngàn đầu khuất,
Đêm bật đèn khuya một bóng chính.
Mơ-một non Vu ngọc-ngân lưỡng, (1)
Đăm dăm cách bức nghĩa đầu khinh)

1) Qua đêm 25 tháng Tám, cô Hồn-Liên-Bạch nhập lên, xin-dôi hai câu "thất - bát" lại như vậy :

Lăn lưa cô phòng xuân thôn môn,
Xa xuôi ai thấu nỗi đình-ninh

★

Cũng trong đêm 25 tháng Tám, bản lên, một hồn nhập vô, xưng hiệu "Thanh Sơn", bốn-mươi tám tuổi, người tỉnh Long - Hồ, nhơn hời có điều chi dạy-báo, ông cho bài thơ này :

Thanh-Sơn tự-thuật thể-sự :

Ấm-dương tuy cách cũng trời chung,
Thấy trái nên đây mới tỏ cùng :
Thất dạ thuyên xưa không đậu bến,
Đau lòng học cũ chẳng về tông.
Cúi đầu đành chịu thân trăm tuổi,
Ngước mặt ngơ trông bất chín trùng.
Mạnh yếu há ngồi cam phát vậy ?
Hay chi cá chậu vớt chim lồng ?

★

Rồi ông tiếp luôn một bài nữa :

Chim lồng bao thuở lại non xanh ?
Ngóng mắt trông vời chốn thoát mình.
Dưng nước không ai tài tướng lược ;
Liều mình thiếu kẻ đáng hùng anh.
Vầy thuyên chi sợ cơn đông-tổ,
Hiệp chúng còn hơn cuộc chiến tranh.
Thìn dạ chờ Châu về Hiệp-Phố,
Nổi mình sự nghiệp mới tan - tành (?)

(tháng Tám 1925) THANH-SƠN

Hai bài này, nên nhớ làm vào năm 1925, nhưng đã xoay qua quốc-sự. Tôi chép hời đó làm sao, nay sao-lục làm vậy. Cũng không dám thêm bớt, mặc tình chư quân-tử nghiêm xét.

★

Sau rốt là ba bài tứ-tuyệt, hai bài đầu tôi không nhớ rõ của người sống làm ra và họa vận nhau chơi, hay là thơ xây ghé mà được. Bài thứ ba thì quả của ông Cao Quỳnh C... làm đêm mồng-một tháng chín năm 1925.

Bài thứ nhất :

Rừng tông ngày tháng thú quen chừng,
Nhường mắt đêm coi thể chuyển luân,
Rượu các một bầu trăng gió hững,
Non sông đạo khắp lối đêm xuân.

(Thơ đề ngày 31 tháng Tám, xưng "Nhân Âm Đạo", có một giọng thoát tục, câu chốt rõ là của người khuất mặt, muốn nói tiên hay ma, cũng được)

Bài thứ nhì hòa nguyên vận bài trên :

Sống thác từ xưa đã có chừng,
Nơi trần mang tính trọn nhơn luân.
Đề đưa phút chịu vui ba tác,
Tay trắng phôi rồi một tuổi xuân,
(31-8-1925) CAO XUÂN LỘC.

Bài thứ ba hòa y nguyên vận :

Cõi thọ là đâu khổ độ chừng,
Ấn-tàng lợi-lạc bạc kinh-luân.
Buổi già ước dựng đem thân gởi,
Biên thánh rân dờ lúc tuổi xuân.
(1-9-1925) CAO-QUỲNH-C...

★

Câu chuyện "xây ghé được thơ" cách nay đã ba-mươi-bốn năm, coi vậy mà mau quá ! Nhiều người còn nhớ, thêm giấy mực làm chứng rành-rành. Trải qua cuộc loạn-ly "Nhứt chạy, Tây lui", tài-liệu văn-chương mất-mất rất nhiều. Tôi may giữ lại được mớ này, buổi xuân đêm-ấm, xin mượn đó làm chút lễ-thành, gọi quà Tân-Niên, kính dâng quý độc-giả báo Tự-Do, công thưởng.

VƯƠNG HỒNG SẼN

CHÂN-TÌNH

Mùi tục luy lướt lè tán khổ
Đường thế-dờ gót rỏ khỉ khừ.

— Cung oán —

TỰ ĐỀ. — Nhân gió thu nổi, sự nhớ cảnh thu nào, lời thôi lốc thốc, vợ vợ con con, cuống quýt đi cư... Nhớ ở cảnh thiếu nào mà càng thấu thêm tình đời. Trong cái cay của ố, đồ nước mắt, đồ mồ hôi, nghiêng ngả thấy cũng có một vị hay hay...

D. C.

Người đời thường sợ lụy
—Mấy ai bảo thật nhau,
Nguy biến, hời phượng-sách.
Cười duyên, nói đầu đầu...
Hung trung tàng bách kế,
Cẩn rặng, không một câu,
Nói ra e lỡ hồng,
Sau này oán thêm đau,
Bời thế, có là «bạn»
Mới thương người tâm đầu.

★

Nhớ lại : «cảnh chia nước»,
Hối hả, tìm, hời nhau :
— «Mách dùm cho một kẻ !
Bảo dùm cho đôi câu !
Nên đi hay nên ở ?
Bán khoán, bạc mái đầu !»
Túm tùm, bạn chưa nói,
Sốt tiết càng dục mau :
— «Ông ơi ! ruột tôi cháy
Ông còn đồ thêm dầu !
Nói đi, ông ! nói đi !
Ỉ ra, lấy một câu.»

Nhìn tôi thật chăm chú,
Mắt bạn hơi cau cau
Hắn đang nghĩ lung lăm...
Rồi mới quyết định sau,
Chờ mãi, bạn mới nói :
— «Anh không ở được đâu,
Bạn chúng thì làm gỏi,
Ở sao cho được lâu.
Cả chị và các cháu,
Phải cho đi-cư mau.
... lộ phí... chắc anh thiếu !
Đừng ngại, tôi lo sau.»

Nhờ thế mà tôi quyết.
Cát được bao gánh sầu.
Vào đây vui vẻ cổ,
Anh em lại gặp nhau.

Mỗi khi gió thu nổi,
Nhớ đến bạn tâm đầu.
Muốn mua quà tặng bạn
Lại e : tình xã-giao !
Vẽ vời ! tiền đã thiếu,
Ông bạn không ưa nào...

Đành thôi, chờ tiết nhát,
Bạn đến, pha chè tàu.
Nhìn nhau cùng thương thức
Hàn-huyên muôn ngàn câu...
Chuyện, nỡ như rang gạo,
Thì ra : có gì đâu !
Biết tính, bạn thù sỡ
Rượu quý mang cho nhau...

Chénh choáng nồng men rượu
Vui chuyện, luận anh-hào :
«... duy sử-quân và Tháo
Ngoài ra, còn ai đâu...»

★

Khi vui quên trời đất
Khi vui quên bạc đầu !
Kể chi chuyện cay đắng
Kể chi chuyện công hầu !
Hời đầu mà chuốc nỗi,
Hời đầu mà mua sầu !
Chân-tình mới đáng kể,
Chân-tình mới thiên đầu...

DUỠNG CHÂN



Mỗi năm mỗi tết, mỗi lần viết
Viết cái gì đây nữa chẳng biết ?
Năm ngoái xoay quanh các bạn-bè,
Năm nay điểm mặt quốc-dân Việt.
Quốc-dân rộng-rãi và bao-la,
Điểm mặt làm sao cho nó hết ?
Bờ vầy qua-loa gọi tượng-trung,
Chọn vài bốn kẻ thiết oanh-liệt

Năm chó cầm tinh mẹ Bút-Trà,
Bảo-chương phát-đạt nhất nhà ta.
Bao nhiêu của quý đem ra tặng,
Buôn bán như vầy giới làm đa !
Chữ-ngữ phú cho thằng ký-giả,
Thu tiền quản-lý mặt như hoa.
Nhờ trời cô cậu (1) thành gia-thất,
Năm lợn hên thay số cụ bà !
Chỉ hận mỗi ông Trần-tấn-Quốc (2)
Bao năm sự-nghiệp để tiêu-ma ?
« Công-Nhân » dù chết, ông người đó,
Còn làm trò hay, làm món quà !

Nếu đã không quên cụ Bút-Trà,
Dám dẫu bỏ sót chị Anna !
Chị tôi giải-trí dùm thiên-hạ,
Thương nỗi chân đơn gối chiếc mà !
Ngày tháng mài mòn đôi mắt biếc,
Bạc tiền chất đống chịn sao ta ?
Trời Âu một sớm vùng thương-nhớ,
Lầm-lở què hương mới bỏ bà !
Vận chó chỉ chỉ đều chó hết,
Chị bay về nước với anh nhà.
Nghĩ buồn « Tin Điện » giờ đêm ngủi,
Thiếu cái hồ-lồ bông hóa ma !

Cũng chỉ một năm xây làm trò,
Đưa ăn không hết kẻ năm cơ.
Báo « Sài-gòn Mới » vui hơn tết,
Đề bác Tam-Lang chịn cháy lò !
Léo-đeo thân già xuôi ngược mãi,
Bao giờ cho bác đứng làm to ?
Bao giờ tôi kéo xe (3) ra giáng,
Chắc hẳn anh em rút cổ cò.
Cách-Mạng Quốc-Gia còn lỗ vốn,
Thì đời sống mới (4) khó vầy-vo.
Đã không ăn giải gì thiên-hạ,
Giữ vững dùm nhau chút tự-do !

Tự-Do xúi-quẩy gặp năm cây,
Cầu-luận (5) cha trời, nghiệm làm đây !
Đang nói hay dừng mà tắt máy,
Bốn phương bạn đọc bị leo cây !
Tuổi già lẩm-cẩm thường đau-yếu,
Mắt trắng soi vào vẫn trắng tay.
Tay trắng ngâm ngùi cho tóc trắng,
Chuyện đời ngâm-ngẫm quá chua cay !
Ấy ai mặt trắng trong thiên hạ,
Nguyệt nọ, hoa kia đã dạn-dây !

Rục-rịch bác Mai về dưng-lão,
Bỗng nhiên « Dân-Chúng » giả thơ-ngây.
Chửi vung tàn-tán, nêu ngay tít :
— « Chính-trị đầu-cơ đúng lữ này »

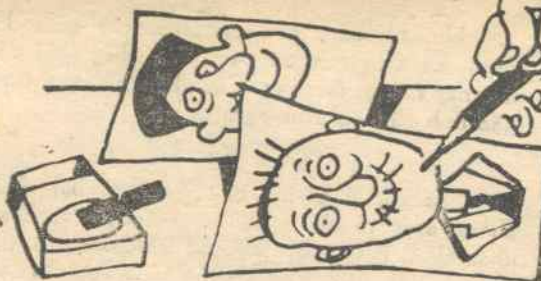
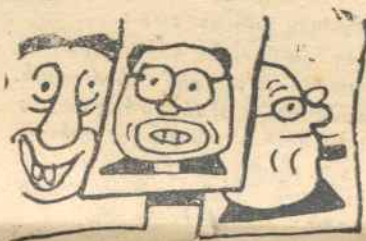
ĐIỂM MẶT QUỐC-DÂN

HÀ-THƯƠNG-NHÂN

Tòa soạn cười xòa, anh chủ-nhiệm :
— « Chẳng qua chỉ tại vĩa con cây ! »

Năm cây « Buổi Sáng » hóa hoàng hôn,
Làng báo nghe tin những hoàng-hôn.
Thôi mạnh anh nào anh nấy chạy,
« Biết ai là đại biết ai khôn ? » (6)
Tha-hở quang-cáo bầm lấm kiêu,
Có ẽ thu về để bán « xôn ».
Tống-kết : năm nay âm-khí vượng,
Tiếng-tam phụ nữ nổi như cồn.

Đến đây chuyện báo tạm thông-quá,
Ta thử nhìn vào quốc-hội ta.
Có cụ ngồi lâu mình-mẩy môi,
Có bà trát phấn cổ thêu hoa.
Có cô mặc áo « voan » thời đại,
Có cậu bàn quanh tréo cẳng... gà.
Có cánh quạt trần xoay tít-táp,
Có xe hơi đẹp thiếu ga-ra.
Có anh canh-sát ngày đêm trực,
Có cóc la-ve thể nước trà.
Có thuốc lá thơm dư-dã hút,
Có buồn, có giận, có a-ha !...



Nhưng điều-tra lại thiệt phân-minh.
Mới rõ công-lao đại-biến mình.
Đủ cả nông, công, thương, trí-thức,
Áo lam người Thương lẫn người Kinh.
Trăm hăm ba vị ngồi tranh-luận,
Nhiều đũa ngu-si vẫn bất-bình.
Thần nếu muốn yên, nhà phải vững,
Chỉ hơn dự-án luật gia-đình ?
Loài người nghĩ kỹ trong muôn thuở,
Đâu dễ leo qua một chữ tình ?
Ai học đạo nho thì mới biết,
Gia tề, quốc trị, thế-gian bình.
Mặc cho lũ ngốc xôn-xao hão,
Cứ lộn tùng phèo nhục với vinh.
Nếu để mỗi anh vài bốn vợ,
Làm gì còn có gái kiên-trinh ?
Bờ chưng tao-loan trai hơi thiếu,
Gái có thừa chẳng ? — Ráng giữ mình !
Thế-giới ngày nay đều tiến-bộ,
Việt-Nam đành chịn kém văn-minh ?

Phất cờ đã báo họ tiên phong,
Ai nhớ chàng ai Nguyễn-thị-Phùng ?
Cần nói đáng ghi vào lịch-sử,
« Đàn bà vốn dĩ mẹ đàn ông »
Làm cho bồ Cấn hai tai đỏ,
Thương hại chán-phương cụ nghị Thùng :
— « Bà giới, bà hay bà lịch-sự.
Nhưng bà kinh nghiệm, có hay không ?

Muốn cho ai nấy cùng công-nhận,
Trước hãy tìm ngay một tấm chồng ! »
Cô Đồ-thị-Huê nghe nóng mặt,
(Nhờ trời một mối áo ny-long,
Vừa bền, vừa mát, vừa êm-dịu,
Trông nó lơ-mơ dễ bốc đồng).
Vội bỏ ra về không ngoảnh lại,
Mặc người thảo-luận rất mệnh-mông.

Cụ Thùng xúi-quẩy cụ Thùng đi !
Vì việc nhân-dân phải tồn lời.
Liên-lạc nửa chừng mà bị nạn,
Vĩa này phải đốt chứ không chơi !
Ô-tô còn tốt, đường chưa xấu,
Tài-xế nào đâu đến nỗi tồi ?
Các-kẻ có sao sinh lăm chuyện ?
Chung-quy có phải tại ông trời !
Cụ nằm bệnh-viện (7), tôi thương cụ,
Vĩa gái, ngay tình : độc, cụ ơi !

Quốc-tế vốn quên giai-cấp thơ,
Việt-Nam lại nhớ — quả không ngờ !
Thi-nhân cũng có riêng giai-cấp,
Nên cứ ngay ông đại-diện hồ.
Giữa lúc nghị-viên bàn việc nước,
Diễn-đàn hiếng chí, bỏ ngấm thơ !
Thơ Tàu lại cả thơ Tây nữa,
Giọng bỏ ngấm dài thiệt lằng-lơ.

Học rộng tài cao như thế vầy,
Trách gì thơ chủ ngát mùi bơ ?
Trời cao muốn dậm còn biên-giới,
Biển rộng dù sao cũng có bờ.
Chữ Nguyễn tiên-sinh (8) thì khỏi nói,
Bỗng gan, lá phổi kết toàn tơ.
Đấu-tranh dùng « khế » phần văn-ngệ,
Toàn-quốc anh em có phận nhờ.

Đến Lý-trung-Dung (bác-sĩ Dung)
Người tuy bé-nhỏ chạy lung-tung.
Nếu ghi chức-vụ, đầy danh-thiếp,
Cái học lương-y vẫn đủ dùng ?
Nào lúc qua Tây làm đại-biến,
Nào khi hội-chợ gặp lao-lung.
Bây giờ phát ngọn cờ Văn-hóa,
Miếng đất bình-dân (9) dễ vầy-vùng.

Quốc-hội còn nhiều các vị to,
Nhớ tên tất cả cũng gây-gò.
Vĩa chàng chính-trị đàn em đốt,

(Xem tiếp trang 39)

- (1) Phúc đức quá !
- (2) Chủ báo Công-Nhân đây.
- (3) Tên một tác-phẩm của Tam-Lang.
- (4) Tên 1 mục báo trong C.M.Q.G. do Tam-Lang phụ trách.
- (5) Xem bài Mộc-tôn câu luận của Mai-Nguyệt, báo Tự Do số mùa xuân 1958.
- (6) Thơ cổ.
- (7) Năm nay cụ Thùng bị nạn xe hơi mà !
- (8) Chính ông nghị Nguyễn-duyên-Lý rồi !
- (9) Có phải Văn-hóa bình-dân không ?



LỄ KỶ có nói : * Ngọc bất trác bất thành khí ; nhơn bất học, bất tri lý *. Có người dịch như vậy : * Ngọc chẳng mài, chẳng ra chi, Người mà chẳng học, trí trí đâu trường... *.

Nhưng thế nào là * người có học * ?

Có kẻ học đậu năm ba cấp-bằng, có người đậu cử-nhân tiến-sĩ... thế mà cũng còn bị người ta mắng cho là đồ * vô học *. Như thế thì, * người có học *, là người như thế nào ? Chắc chắn, nó phải có một định-nghĩa rõ-ràng, nhưng thường được hiểu nhầm hơn là nói trắng ra.

Tôi có quen nhiều bạn đậu kỹ sư điện thế mà trong nhà có máy điện nào hư, phải đi tìm những anh thợ máy điện đến sửa... Nếu ta bảo họ giảng nghĩa về điện lực, thì phải biết, họ sẽ làm cho ta điếc óc... Tôi có biết nhiều ông giáo-sư ở trường Sư-Phạm ra, thế mà trong khi dạy học, họ không biết áp dụng một nguyên tắc sư phạm nào cả học trò vẫn than phiền là giờ dạy của họ buồn ngủ muốn chết, không hiểu được gì cả... Rồi họ còn bảo : * học trò mà học dở không phải lỗi tại thầy... Tôi cũng có thấy vài ông đậu bằng tiến-sĩ hay thạc-sĩ triết-học, thế mà cách ăn ở với đời vụng-dại như một người ngu, không hiểu chút gì về tâm lý của con người.

Ài ai, nếu để ý quan sát, cũng sẽ nhận thấy như tôi... sự tình ấy không phải lỗi gì nơi những người ấy, họ là nạn-nhân của chế-độ nhà trường ngày nay, mà tôi sẽ bàn đến ở một nơi khác. Tôi chỉ muốn nói, những người có những cấp bằng nói trên đây, họ có hơn gì kẻ vô-học không ? Nếu có hơn là họ hơn về lý-thuyết, nhưng về phần thực-tế... họ đâu có hơn gì một con * Vẹt *. Nói cho đúng hơn : họ chỉ có * học * mà không có * hành *. Học là dễ biết. Biết, mà không thực-hành được, cũng chưa gọi là * biết * được. Tri và Hành phải hiệp nhất mới được gọi là người * có học thức *.

THẾ NÀO LÀ NGƯỜI HỌC THỨC ?

Bài của THU-GIANG
NGUYỄN - DUY - CẦN

Người xưa có ví : * Con chiên ăn cỏ, đầu phải để nhả cỏ, mà là để biến thành những bộ lông mượt đẹp. Con tằm ăn dâu, đầu phải để nhả dâu, mà là để nhả tơ... * Học mà không tiêu hóa, có khác nào con chiên nhả cỏ, con tằm nhả dâu... Người ta rồi cũng chẳng khác nào cái máy khâu thành, chỉ lắp lại những gì kẻ khác đã nói... Học như thế, không lợi ích gì cho mình mà còn hạ phẩm cách của con người ngang hàng với máy móc. Georges Duhamel có nói : * Đừng sợ máy móc của bên ngoài... hãy sợ máy móc của cõi lòng... * Một xã hội mà con người chỉ còn là một bộ máy thì sự mạng của Văn-hóa đã đến ngày cùng tận rồi... mà tình thần loài người rồi cũng đến lúc diệt vong : có xác mà không hồn... Học mà đưa con người đến tình trạng ấy, tôi tưởng thà đừng học có hơn không. Cái hiểm trạng của xã hội ngày nay một phần lớn gây nên những bộ óc * học thức nửa mùa * ấy.

Thế thì, học và học thức không thể lẫn lộn với nhau được. Ta cần phải để ý phân biệt hai lẽ ấy.

Thật vậy, có những sự hiểu biết chỉ bám ngoài da ta mà không thể ăn sâu vào tâm khảm của ta. Nó chỉ là một nước sơn bóng nhoáng và chỉ là một lớp sơn thôi... Cái học của ta không có ảnh hưởng gì đến tâm-hồn ta cả. Trái lại, cũng có nhiều thứ hiểu biết liên-lạc với ký-ức ta, với tư-tưởng ta, với tình-cảm dự-vọng ta, nó hòa-hợp với cái người tinh-thần của ta không khác nào khí-huyết tinh-tủy đối với thân-thể của ta vậy. Giữa những sự hiểu biết ấy và ta, có một thứ tác động và phản-động, xung đột nhau, hòa hợp nhau để thay đổi nhau và thay đổi luôn cả cái người của ta nữa...

Tôi muốn nói : giữa ta và những điều ta học hỏi phải có một sự, *tiêu hóa*, hay muốn nói theo Kinh Dịch, phải có một việc *thần hóa* (thần nhi hóa chi) mới được.

Vậy, ta phải dành chữ * học thức * cho những bộ óc thông minh biết đồng hóa với những điều mình đã học. Như thế thì, *học nhiều* và *học thức* không phải giống nhau.

Phần đông chúng ta thường nhận lầm việc ấy. Chúng ta thường đánh giá con người theo cấp bằng

của họ, những cấp bằng ấy phần nhiều là những cấp bằng trí nhớ : kẻ nào nhớ giỏi là thi đậu. Sự nhận xét sai lầm này gây không biết bao tai họa cho loài người hiện thời.

Tóm lại, *học-thức* không phải cần biết thật nhiều, mà cần phải *thật-biết* những gì mình đã biết. * Tri chi vi tri chi, bất tri chi vi bất tri, thị tri dã *. Biết, thì biết là mình biết, không biết thì biết là mình không biết, ấy mới thật là biết. Học thức là một vấn đề thuộc * phẩm *, chứ không phải thuộc * lượng *.

Cái học mà đã được đồng hóa rồi thì không còn gọi là cái học bên ngoài nữa. Có mà bị chiền ăn rồi, không còn là cỏ nữa. Dâu mà bị tằm ăn, không còn gọi là dâu nữa.

Học, cũng như ăn. Sự thật như thế.

B. — Học để làm gì ?

Học để làm gì ? Và tại sao ta phải học ?

Ta hãy quan sát chung quanh ta, ta sẽ thấy có 2 hạng người : học vì tư lợi, và học không vì tư lợi gì cả nghĩa là học để mà học, học theo sở thích của mình...

Hạng người học vì tư lợi, chiếm một phần rất đông. Họ học một nghệ thuật nào, một khoa học nào, một nghề nghiệp nào để tìm kiếm sinh nhai cho một đời họ. Cái ý muốn thiết thực này cũng là cái ý muốn chính của các bậc làm cha mẹ khi tìm thầy cho con, hay khi gởi chúng đến trường. Mà chính các học sinh, đa số cũng chỉ có một mục đích ấy : nắm lấy cấp bằng để tìm lấy một con đường sinh kế sau này.

Thật ra, cũng có nhiều kẻ, đối với nghề nghiệp sau này của họ, họ cảm thấy thích-thú lắm. Cũng có thể họ rất sung-sướng khi nghĩ đến sau này họ sẽ được làm kỹ-sư, giáo-sư, nghệ-sĩ hay là võ-quan... Nhưng, cái ý-nghĩ nhờ đó để kiếm địa vị

thì anh thành nhà bác học, giúp đời...

Còn tôi, không có năng khiếu gì cả, cổ mà nhồi vào sọ những cái học hỏi của kẻ khác, cổ mà sản-xuất những văn-ngệ phẩm không hơn gì những bài làm của học sinh... thì phỏng có lợi gì ! Ta hãy cứ tìm lấy những hạnh phúc rẻ tiền không cần dụng công nhọc sức chỉ cần có hơn không ! Anh đọc Kiều, anh biết thích... Tôi, tôi đọc Lục vân Tiên, tôi cũng biết thích vậy. Anh, anh thích nhạc cải cách, anh thích nhạc Âu... Tôi, tôi nghe Vọng-cổ, tôi xem hát bội tôi cũng biết thích vậy. Anh đọc tiểu-thuyết của Âu-Mỹ anh biết hay ; tôi, tôi đọc kiếm-hiệp của Phú-Đức tôi cũng biết mê say... Vậy, thì cũng chưa chắc cái sướng của anh hơn cái sướng của tôi...

Ta phải trả lời với họ cách nào ?

Đã không thiếu gì những quyền luân lý tân cựu đã trả lời với họ rất hùng hồn... Nhưng, theo tôi, mặc dầu có rất nhiều bài văn mà tài hùng biện của tác giả không thể chối cãi được... tôi thấy cũng chưa đủ sức cảm hóa hạng người trên đây.

Ta hãy can đảm nhìn ngay sự thật ; có nhiều kẻ họ sống hết sức hạnh phúc trong sự ngu dốt và ở không nhưng của họ... Họ ghét đọc sách, họ ghét suy nghĩ, họ ghét làm việc bằng tinh thần cũng như họ ghét gồng cùm tù tội vậy : một vấn đề hoàn toàn thuộc về bản chất...

Goethe, (1) lúc mà danh-vọng của ông lên đến tột độ, ngày kia đi dạo trên bờ sông thành Naples gặp một tên ăn mày nằm ngủ phơi mình trong ánh nắng... Ông dừng chân, tự hỏi : Ta và anh ăn mày này, ai hạnh-phúc hơn ai ? Thật, cũng khó mà trả lời cho dứt khoát.

Tuy nhiên, tôi chắc chắn, các bạn cũng như tôi, chúng ta thích sống trong hạnh phúc của Goethe hơn. André Gide cũng nói : * Một cái hạnh-phúc mà vô-tâm, tôi không chịu sống trong hạnh-phúc ấy *.

Nếu bạn là người theo phái * ăn rồi nằm ngủ nằm nghiêng, có ai muốn tở, thời khiêng tở về... * nghĩa là theo phái thích * ăn không ngồi rồi *, * tôi thiếu nỗ lực * và cho đó là hạnh phúc nhất đời, thời xin mời bạn hãy để quyền sách này xuống... Nó không phải viết cho bạn.

Thú thật, tôi không đủ tài để thuyết phục bạn. Sách này viết ra, là cho những ai cùng đồng một ý-kiến với tôi, cho rằng hạnh phúc của Goethe hơn hạnh phúc của anh ăn mày, hay nói cho đúng hơn Goethe cao trọng hơn anh ăn mày.

Theo tôi, hạnh phúc là được làm chủ hành-động ta, tư-tưởng ta, tình-cảm ta... và mỗi ngày mỗi làm cho cái người của ta thêm sáng-suốt hơn, thêm tự do hơn, thêm to rộng hơn... nghĩa là thêm mới-mẽ hơn. * Nhất nhât tâm * cầu nhât tâm, hựu nhựu tâm... Mỗi ngày một mới, và ngày ngày càng mới mãi... Đây là lời khắc trên bốn tấm của vua Thành-Thang ngày xưa. Và cũng chính là lý-tưởng của Pasteur : * Cao lên, cao hơn lên, và cao lên mãi... *.

Như thế, ta thấy rõ cái mục-dịch của sự học là gì rồi. Học, là để mưu hạnh-phúc, nghĩa là để làm cho mình càng ngày càng mới, càng ngày càng cao, càng ngày càng rộng... Học, là tăng gia sự hiểu biết của mình, là mở rộng tâm hồn của mình bằng cách thu-nhận sự hiểu biết cùng những kinh-nghệm của kẻ khác làm của mình. Có khác nào một, đứa trẻ mới sinh, cần không đầy hai ba ký... Thế mà nhờ đâu càng ngày càng lớn đến năm sáu chục ký... trong khoảng vài mươi năm sau ? Phải chăng nhờ rút lấy những vật liệu chung quanh : không-khí, món ăn, món uống... mà tiến từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh, nghĩa là càng ngày càng mới, càng ngày càng cao, càng ngày càng lớn. Bởi vậy, trước đây tôi có nói : Học cũng như ăn.

Ăn mà không tiêu, thì có hại cho sức khỏe. Học mà không hóa, thì cũng có hại cho tinh thần. Cỏ của con chiên ăn mà được tiêu, không còn gọi là cỏ nữa mà là bộ lông mượt đẹp của nó. Dâu của con tằm ăn mà được tiêu, không còn là dâu nữa, mà là sợi tơ mịn-màn tươi-tốt của nó. Người có học thức là người đã thần-hóa những cái học của mình. Bởi vậy, người có học-thức là người dường như không biết gì cả, mà không có cái gì là không biết.

Học mà đến mục quên hết cả sách vở của mình đã học thì cái học ấy mới thật là học thức. Herriot nói : * Học thức là cái gì còn lại khi mình đã quên tất cả * (2). Cho nên học là học cái phương pháp, rồi đem cái phương pháp ấy tập luyện đến thành thói quen (3) Cái học bấy giờ mới gọi là tinh diệu. (Xem tiếp trang 42)

(1) Goethe, — một đại văn hào Đức (1749-1832).

(2) Như ta sẽ thấy sau này : Học khoa-học, không phải học từng khoa từng việc mà là học cái phương-pháp khoa-học để tự mình làm được cái làm của nhà khoa-học v.v...

(3) La culture, est ce qui reste lorsqu'on a tout oublié.



Ấy trời vừa lặn, là bóng tối đỏ mau. Ở miền Nam này, vào mùa nắng, hoàng hôn đâu có mấy chốc? Bọn Văn mãi miết chèo, đầy chiếc cà-dom nặng nề lướt trên dòng nước

xám đục. Khúc ca của bảy giặc muỗi trời dậy là trời đã tối hẳn. Cái tối ở nơi đồng ruộng bao la chỉ là cái tối của thứ ánh sáng mờ đục, bằng-bạc như hơi sương. Tối mồm đất cùng này của đất nước, là vì bọn Văn đã dẫn bước trong hăng hái cùng với cả thể-hệ đương phiêu-lưu định vận mạng cho dân tộc. Ngừng lại một đêm giữa chốn đồng không, hay ghé được vào một xóm nhà, thì cũng vậy thôi! Nền thấy có kinh nước chảy ngang, là bọn họ rẽ vào nghỉ ngơi. Ở đây là con kinh cạn, một trong muôn vạn kinh cạn của cánh đồng trũng trũng, điệp điệp, mới khai phá, chưa thành thuộc hẳn; đất còn phèn, mà nước còn mặn.

Nước triều đã lớn. Đất với nước chỉ còn ngăn cách bằng con bờ kinh nhỏ bé. Sau lùm cây, Văn thấy lờ mờ có bóng mái nhà. Nơi đây, tìm được một mái nhà không phải là chuyện dễ dàng. Nào có cần gì đâu, song ít ra thì cũng đỡ cô quạnh cho mấy con người nhỏ bé chìm đắm trong cảnh bao la khi đất trời không phân biệt. Thuyền neo chắc; các bạn đồng hành đã chui vào nấp, chỉ còn mình Văn thức giấc canh chừng.

Văn thao thức... Tiền-giang đã thất thủ. Tây Đô cũng không còn. Biết bao tâm-hồn trai trẻ bị ném vào lò lửa hy-sinh, nay trời giạt khắp các ngã đường... Văn băng khuông không biết mai đây còn đi mãi tới đâu? Bọn Văn mới qua quận-ly Cà-Mau mấy ngày trước đây, và đã chứng kiến thêm một cuộc tiêu thổ. Nghĩa là sẽ còn phải đi sâu vào vùng đồng lầy này nhiều, nhiều nữa.

Đêm tối và ư-tịch của đồng ruộng bao la khiến Văn chợt cảm thấy lòng mình mang mang đầy u-hoài. Cùng con thuyền neo bên dòng nước, tâm hồn Văn cũng chơ vơ ngừng lại giữa dòng thời gian. Có những tan rã bất thần và vô lý; có những bạn đã bỏ mình trên bao ngã đường vô danh... Giờ đây, Văn mới thấm thía, và cảm thấy lạc lõng làm sao!

Bỗng thân thuyền giao động, làm gợn mặt nước mặn thành những vệt sáng dài. Có tiếng chân nhảy lên bờ đất, và tiếng Tân trầm trầm:

— Văn canh chừng nhé! Tôi lên bờ coi có chi lạ? Kỳ quá, làm sao mà mình thấy bực rọc hoài không ngủ được.

Bóng Tân vừa nhô trên bờ, đã lần lần vào bóng ô-rô ven rạch. Trời nổi mấy tháng đù cho người trai trẻ nơi đó - thì thừa quen thuộc với những con đường hẻm mấp mô, và nhện bước trong ánh sáng mờ đục của đêm sao.

Một lát sau, có tiếng chân người dậm dịch. Nằm dưới thuyền nghe rõ mồn một. Văn nhồm dậy.

Bóng Tân và bóng một người to lớn đứng trên bờ.

— Anh em quen cả đây mà! Lên bờ ngủ đi, ở dưới đó muỗi cắn chết!

Tiếng Tân lại tiếp:

— Anh Hai à! Cứ cọt ghe bỏ đây có được không?

— Được chứ. Trong Sở đất mà! Ở đây thái bình, có chi đâu mà ngại. Mời tất cả lên nhà cho vui; xin mời!

Vào giữa mùa khô, con đường mòn như một vệt trắng dài giữa màu đất xám đen. Hết con đường là thấy căn nhà có ánh lửa sáng.

Dưới ánh đèn dầu lửa, bảy tám thanh niên xúm quanh chiếc bàn lớn, và đương cười nói tung bừng. Người đi với Tân hồi nãy, có tầm vóc cao lớn, dáng điệu cực mạnh mẽ, với gương mặt thật chất phác của con người đồng ruộng! Bảy tám người kia có phong thái lớp thanh niên mà Văn mừng tượng đã gặp nơi đâu rồi.

Tân cười phá lên khi bước vào:

— Đúng không! Toàn là người quen cả!

Thấy Văn còn lơ ngơ, Tân đập vào vai, chỉ mấy thanh niên đã ngừng đùa quay ra:

— Quên hồi gặp nhau ở kinh Mười Hai rồi ư?

THƯƠNG VỀ TẾT LOẠN

Gửi những người bạn của một mùa Tết loạn.

MAI - XUYỀN

Đều là bạn sinh viên cũ, đã từng gặp nhau trên biết mấy ngã đường. Tân khẽ đi tai Văn. Người to lớn là anh Hai, quản-ly sở đất này của một công-ty mề cốc Pháp. Dĩ nhiên bây giờ anh vẫn thân góp lúa, không phải để trả Pháp mà là để nạp cho kháng chiến. Bọn thanh niên sinh viên kia thì, sau khi thất thủ Tiền-giang cũng như bọn Văn, đã trôi giạt tới đây vì trong bọn họ có em trai anh Hai. Anh chàng này cực mạnh mẽ và vui vẻ như ông anh, tiếng oang-oang như lệnh võ:

— Văn gặp nhau, kìa là tài thật! Thế nào trại chủ? Chư anh hùng đã tụ tập, mai sớm phải thường xuân ra sao chứ?

Anh Hai ha hả cười:

— Con heo giết thịt bữa nay, các chú ăn đây để kết toán năm cũ, còn phần nửa để ngày mai vui xuân chứ sao! Có các chú thiệt là vui. Nếu không, Tết năm nay chỉ có hai vợ chồng tôi với thằng nhỏ

như quặng nơi cô hòng, khó nuốt trôi. Và Văn thấy xa quá... Xa quá, những cây nêu lay động trong gió bắc giá lạnh; và xa quá, bóng đào mảnh mai lẫn trong khói trầm thơm ngát.

Men rượu ngấm, Văn thêm thấm thía, và tưởng chừng như các bạn cũng giấu sau nụ cười biết bao u-hoài. Chiến tranh xô đẩy họ từ những phương trời cách biệt của xứ sở đến tập hợp nơi cô quạnh này. Giờ đây, trong cái không khí chan chứa ước vọng của phút giây giả tạo mà vụt cảm thấy thiêng liêng, có biết bao nhiêu quê hương đã chối đây! Một cặp bánh trưng, một ổ bánh ú, một khoanh bánh tét... bỗng lớn vồn trong óc của mấy chàng trai có lẽ xưa nay hằng coi rẻ cái Tết ở gia đình và chẳng hề có cần biết đến giao thừa hay trừ tịch.

Văn tỉnh dậy; Hè nấp nhìn ra ngoài, trời đã

sáng rõ. Nước lớn, chiếc cà-dom nổi cao hơn bờ kinh. Văn thấy rõ ngôi nhà lâu cất bằng cây, trơ lằn gỗ bạc phếch dưới ánh mặt trời ban mai. Văn gọi đồng bọn trở dậy. Đêm qua, ai nấy đều say? Hay vì thao thức quá? Nền không hên mà đều dậy trễ. Tỉnh dậy, họ cũng chẳng biết tại sao đã không ngủ lại trên nhà anh Hai, mà kéo nhau trở xuống thuyền.

Mặt trời chói lóa rọi lên cánh đồng lầy lội, lác đác những gốc rạ tàn lụi. Mùi tanh nồng của nước mặn pha lẫn mùi hăng hăng của cây cỏ ải mực vương vãn trong làn gió mát ban mai, làm Văn khoẻ khoắn và tỉnh táo.

Có tiếng anh Hai từ xa vang lên:

— Thế nào, chư anh hùng dậy chưa? Năm mới, hãy vui một buổi đã, rồi muốn sao thì sao!

Tân phá lên cười, như đôi bạn thiết từ thuở nào:

— Trại chủ đã truyền, xin tuân lệnh.

Anh Hai đã tới bờ kinh. Ánh nắng rọi nghiêng vào khuôn mặt đen xạm, hồn nhiên và trung hậu.

— Năm mới, tôi mừng anh em sớm thành công! Còn ngày hôm nay, xin mời nghỉ lại ăn Tết với tôi cho vui đã.

Văn cười trả lời:

— Ngoài Bắc, như thế là sớm nay anh đã xuất hành, mà thế là bọn tôi sẽ xông đất nhà anh đấy! Song chúc anh năm nay có phải sống lưu động như chúng tôi trên chiếc cà-dom này.

Mấy bạn trẻ đã kéo đến. Tiếng cười nói vang rân. Tuổi trẻ lúc nào là không yêu đời? Nhất là được người nhắc cho biết là Tết và cho

hương Tết ở nơi heo hút này, nên họ hớn hờ kéo nhau lên nhà.

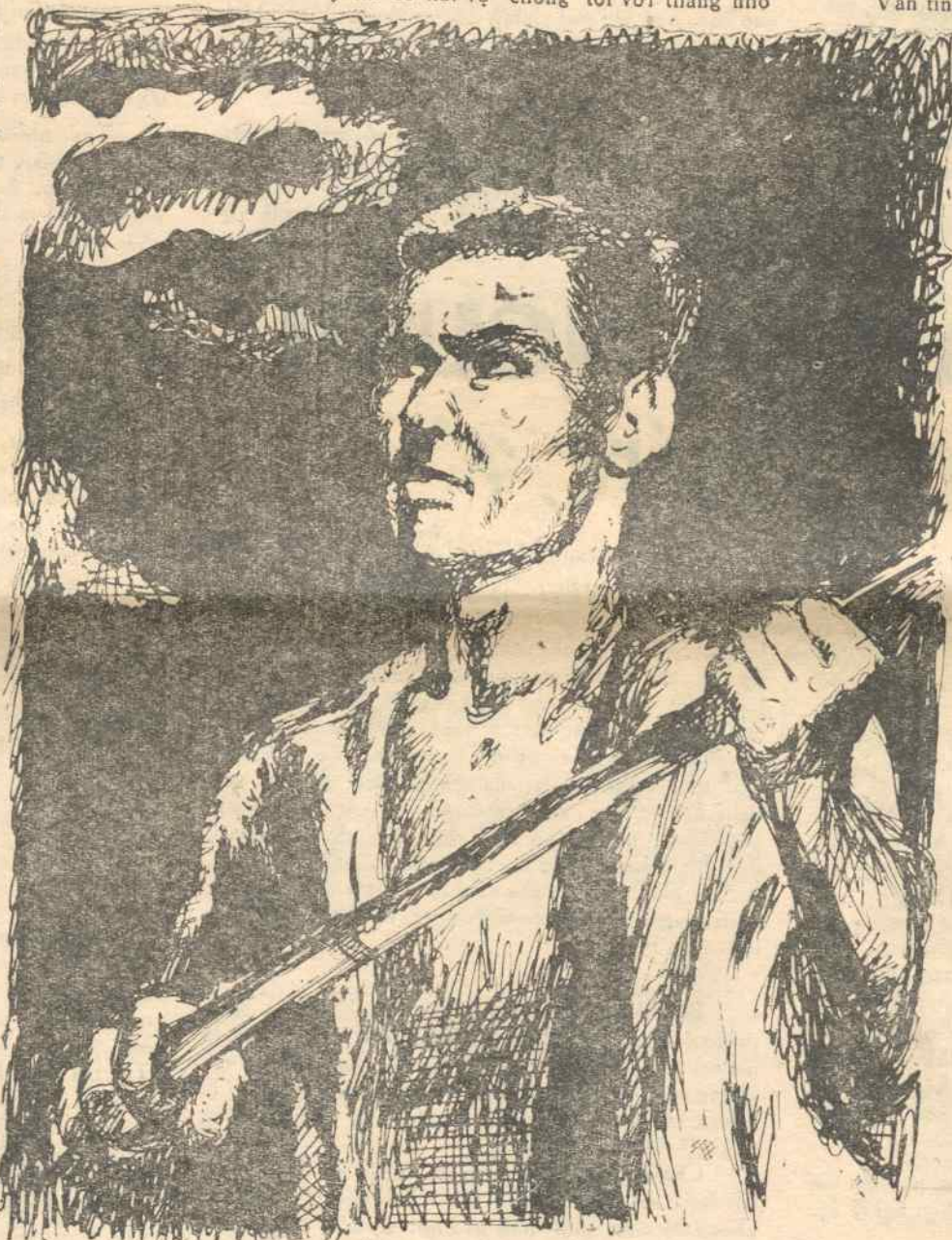
Chị Hai đang lúi húi trong bếp, cắt khoai và đánh bột. Thấy mọi người, chị vui vẻ bảo:

— Các chú giúp tôi cho lệ! Mần một bữa bánh khoai ăn Tết chơi cho khoái. Chú Ba, đánh bột giúp chị, đây nè!

Cả bọn áp tới... Lăn nước bột khoai mì nhuộm nghệ sẫm đặc và óng vàng quện lấy chiếc đĩa cả quấy tròn trong chậu. Những củ khoai lang cao sạch vô ngâm trong bồn nước, trắng nõn; Chị Hai thoăn thoắt thái thành sợi. Chảo mỡ sôi trên bếp, nổ lép lép, rộn rã như lòng người ngày xuân. Họ đã quên hết. Quên hết mọi lo âu, quên cả ngày mai. Chỉ còn những sợi khoai quăn lấy nước bột để kết thành từng bánh chín vàng trong chảo mỡ sôi...

Có lẽ vui nhất không phải là bọn trẻ tạm thời vô gia cư này, mà phải là gia đình anh Hai. Anh lui tới lảng xãng, nói cười oang oang. Nhỏ Hùng, đứa con duy nhất của anh, trạc sáu bảy tuổi cũng cứ mừng quớ lên thôi. Cái gia đình nhỏ bé, xưa nay heo hút giữa cánh đồng bát ngát âm ỉ, với

(Xem tiếp trang 33)



thì thiệt là ngán. Chiến-tranh này, đâu có vẻ mừng tuổi ông già, bà già vợ tôi được? Ở Cầu Kè kia lận.

Gió từ đồng nội không ngớt thổi vào, làm lay động ngọn đèn thêm bốc khói. Trên chiếc mâm để giữa bàn, một đồng thịt heo luộc thái nhỏ, mấy chén nước chấm, chai rượu để ngâm hồi... Những con người quen sống nơi đô-thị trong phong lưu phiêu toái, bỗng cảm được cái thú mới lạ của lối sống hồn nhiên xô-bò. Họ đã đùa mà bầu anh Hai là trại chủ. Nhưng bọn họ đâu được làm chứng anh hùng thảo khấu? Mà chốn đồng lầy Cà-Mau, lừng lờ như mông bề neo trên làn nước mặn, cũng chỉ là chốn thủy bạc hoang đại.

Từ mấy tháng nay, bọn Văn đâu để ý tới ngày giờ? Cứ sống trôi nổi và quay cuồng trong cơn lốc, như cỏ cây cố gắng vươn lên cho khỏi ngập dưới làn nước dâng cao. Tối nay không ngừng nơi đây, thì đâu có biết bữa nay là ngày cuối năm? Thật chẳng hên mà được hưởng phong vị một đêm trừ tịch.

Tiếng cười, tiếng nói không ngớt, mà chai rượu để hăng hăng với đồng thịt cũng chẳng vơi được bao nhiêu. Văn cảm thấy vị béo ngậy của miếng thịt



HÀNG biết các bà thời nay còn được đức lang quân nuông chiều như vậy, hoặc giả các ông có được bậc hiền phụ còn kính yêu tới độ ấy chăng? Nếu có thì quả thật là đáng quý! Chín e thời buổi này quá thịnh về đấu tranh sinh tồn và đòi hỏi cho mỗi con người phát triển đến tột độ, đề rồi hơi một chút là có thể bị vị hôn phối lôi ngay ra tòa đòi ly dị, thì cái đức tính "ngây o-o" để biến ngay thành họa lớn.

Thần hoặc may mắn mà chưa lâm vào cảnh "anh đi đường anh, tôi đi đường tôi" vì cái tật "kéo gỗ", thì chắc hẳn cũng khó thoát nhiều khi bị phiền hà; nhất là vào ngày những ngày đầu năm thì ta cũng đáng nên kiêng dè. Cảm thông nỗi khổ tâm đó, nhất là những ông bạn nào mắc cái bệnh Trương Phi "ngây như sấm", chúng tôi xin cống hiến một tài liệu bổ ích sau đây của S.P. Kernahan đăng trên tờ Lilliput (Luân đôn).

★

Nói về nghệ thuật gây tình thân hữu thì đã có biết bao cuốn sách đồ sộ mà e rằng vẫn chưa đủ.

THƯƠNG VỀ TẾT LOẠN

(Tiếp theo trang 32)

muối, với đĩa, với cá lóc, với giọt nước ngọt nhiều tháng quý hơn gạo thịt... được đông vui như vậy, làm sao khỏi mừng cho được?

Miếng bánh khoai cuối cùng đã hết thì không khí Tết cũng tàn. Bọn thanh niên bắt đầu sôi nổi thảo luận về ngày mai. Họ có dịp kiểm điểm lại quãng đường vừa vượt qua, thành vô tình vô lễ nhiều sự kiện tương lai phi lý mà trước đây họ không ngờ. Đã có những lứa đôi lợi dụng, và phân bội thể hệ họ, song họ chưa ngã lòng. Vẫn được biết rằng, trong ít ngày nữa, bọn sáu người kia quyết dùng ghe bầu vượt biển ngược lên miền đông. Họ cả quyết, vì trong bọn họ, em anh Hai tốt nghiệp trường hàng hải trước những ngày biến chính, đã thông thuộc nghề đi biển.

Sớm hôm sau, tiễn bọn Văn nhô neo đầy chiếc cà-dom trở lại dòng nước vẩn đục phù-sa, anh Hai không dấu nổi cảm động:

— Nếu vùng này mà không yên nữa, tôi sẽ về Cầu Kè, nơi quê vợ tôi. Có dịp nào qua đó, các chú nhớ ghé chơi.

★

Năm tháng sau, bọn Văn đổi chiếc cà-dom lấy chiếc-tam bản nhẹ nhàng để lật đặt ngược đường lên trở về.

Qua Cầu Kè, chợt nhớ lời người bạn một đêm, họ kín đáo dò hỏi. Hồi tháng hai năm đó, gia đình anh Hai có trở về Cầu Kè ở nhờ nơi ông bà già vợ. Tây đã nhiều lần bắt bớ anh để tra hỏi về số lúa thâu hoạch dưới đó. Rồi một đêm, có bọn người vận toàn đồ đen đen bắt anh Hai dẫn đi, kết tội anh là phản động, bỏ ruộng theo Tây, và nhất là Tết năm đó đã dụ dỗ thanh niên phản động dời bỏ hàng ngũ. Chị Hai khóc lóc, van xin thế nào cũng không được. Tội nghiệp cho nhỏ Hùng cứ lần ra nín lấy ba nó, nên bọn chúng tức giận xô thằng nhỏ té làm sao không rõ, mà thằng nhỏ bị gãy tay thành tật. Còn anh Hai không thấy trở lại, nghe nói anh đã bị thủ tiêu.

Bọn Văn không ghé thăm chị Hai nữa, mà vội vã ngược thuyền đi luôn. Không ai nói một lời, mà tưởng chừng như còn thấy rõ bóng anh Hai cao lớn với nét mặt chất phác hiền hậu của con người vô tâm nơi đồng ruộng, đương hớn hờ đang tay đón bọn thanh niên không quen biết đề cùng vui với gia đình một ngày Tết ấm cúng.

Tân làm lúi đầy mạnh mái chèo, như nói một mình:

— Giá Tết vừa rồi, bọn mình không ghé nhà anh Hai...

Văn thờ ra:

— Anh Hai mà phản bội ư? Vậy những ai mới không phản bội?

Dòng nước đục ngầu đỏ mau như giận hờn. Đột nhiên nước sông nơi đó phảng phất vương lên một mùi tanh nồng như mùi máu tươi mới đổ.

Cuối năm Tuất này,
Đề cảm nhớ những người
của Tết năm Tuất trước

MAI - XUYỀN

KHẢO VỀ BỆNH NGÁY

Lò mũi em xòm xòm những lông,
Chồng yêu, chồng hảo rầu rầu trời cho!
Đêm nằm em ngáy o-o,
Chồng yêu, chồng bảo ngáy cho vui nhà!

THƯƠNG-ĐẠI-NHÂN

Nhưng nếu các bạn muốn học cách nào cho dễ mất cảm tình, tôi có thể hiến ngay một mẹo thần diệu, thu gọn trong một câu là: Các bạn hãy tập ngáy cho mạnh, cho ròn rã, và cho vang dội lên! Xin nói rõ hơn đề các bạn hiểu rằng bệnh ngáy đáng kinh khủng tới mức nào.

Một người ngáy hạng trung bình có thể vang động cả một tòa nhà; chứ nói đến những tay vô địch hạng nặng thì họ có thể tạo được cả một khu vực nguy hiểm rộng tới hàng 150 thước đường bán kính!

Đành rằng ai mà thỉnh thoảng chẳng có ngáy đôi chút. Khi bạn ngủ say, các cơ thịt điều khiển thượng ngạc và lưỡi con nơi cổ họng sẽ bớt căng mà chùng lại. Vào lúc đó, nếu bạn vừa thở bằng mũi vừa thở bằng miệng, thì các niêm-mạc sẽ bắt đầu rung động và cọ xát mạnh vì hai luồng khí giới thổi hút. Đó là nguyên nhân của tiếng ngáy. Thật là giản dị. Tuy nhiên sự khác biệt thật lớn lao giữa tiếng ngáy nhẹ nhàng của một người bình thường tỉnh vào khoảng ba mươi "đề-xi-ben" (đề-xi-ben, đơn vị đo tiếng động; tiếng nói to của người ta đo vào cỡ 20 đề-xi-ben), nghĩa là bằng tiếng kêu của một chiếc máy may vô dây dù đầu mờ, với những tiếng động xé trời của các tay ngáy hạng bự đo tới tám mươi "đề-xi-ben", có thể so sánh với tiếng kêu vang dội của một chiếc cam nhông cỡ lớn.

Vào sổ quán quân của lịch sử các vĩ nhân ngáy phải kể ông binh nhì Ramon Rodriguez thuộc phi đội Hoa Kỳ. Nhà cầm quyền binh gia phải cấp riêng cho hắn ta một căn trại thượng đẳng cho 38 người làm phòng ngủ. Dĩ nhiên là tay binh nhì này xử dụng một mình! Ấy vậy, nếu ngẫu nhiên trại anh ta mà cách doanh trại dưới một trăm rưỡi thước là thế nào các bạn đồng đội của anh cũng sẽ mất ngủ!...

Trong số địch thủ lợi hại đáng tranh chức quán quân thế giới, phải kể anh chàng công dân tỉnh Southampton nước Anh. Anh này bị vợ đưa ra tòa, đòi cho được biệt cư (việc xảy ra vào năm 1931) chỉ vì đức ông chồng ngáy như thè một chiếc kèn đồng! Tòa hỏi chị ta tại sao không ngủ riêng phòng khác? Thì được chị trả lời lập tức: — « A! Thưa ông tòa, thế là dư biết rõ ông không ở cùng con đường với chúng tôi rồi! Nếu không ông đã nghe tiếng chồng tôi ngáy tự quý xá, khỏi cần hỏi vậy!

Cũng nên dành một phần thưởng cho vị hội viên đặc sắc nọ của "Hội Những Người Ngáy". Hội này được thành lập ít lâu nay ở Mỹ-Châu, do những ông chồng chỉ vì cái nết không may ấy mà hăm hiu phải chịu cho tình phu thê tan vỡ. Hội có một tòa nhà nghỉ mát ở đồng ruộng để hội viên có thể tới đó ngủ và thả sức ngáy thoải mái lo bị hàng xóm láng giềng phiền hà khiếu nại. Vị hội viên nói trên đây lại ngáy to quá, đến nỗi nội quy của Hội buộc anh ta chỉ được phép tới ngủ sau các bạn trọn một giờ. Có như vậy các hội viên khác mới mong may mắn được hưởng êm ái giấc ngủ, ít ra là lúc đầu giấc!

Cần lưu ý rằng: Dù cho "tật ngáy" đôi khi được công nhận là một lý do cho phép ly dị nhau, và cũng vì tật ngáy mà có thiếu gì tay đạo trích bị tùm đầu xô khảm, song thật sự ra "tật ngáy" tự nó vẫn chưa bị xem hèn là một tội trọng. Tuy nhiên, phải nói rằng đối với lỗ tai của những thính giả thiếu lòng từ thiện thì sự khác biệt « tội » hay « không tội » quả là mong manh! Đến những tay nghiện ngáy thực thụ thì họ cho rằng thật khó mà nói là họ cố ý dự mưu đề phạm tội. Vì nói chung ra, kẻ ngáy lại chính là cái người duy nhất không hay biết gì về việc "tai nạn" do họ gây ra cả. Hơn nữa, hiện thời cũng chưa ai dám quả quyết có phương thuốc linh nghiệm nào khả dĩ chữa nổi cái bệnh quý này.

Kể ra đã có tới hàng trăm cách trị bệnh ngáy; song có gì đảm bảo? Ta có thể xếp vào ba loại chính.

Loại thứ nhất, tạm gọi là những phương thuốc « hạp lý », căn cứ vào y lý, nên chủ trương phải chăm nom đến các hạch nơi cổ họng, phải kiêng cử hút thuốc, phải dùng khoa giải phẫu để sửa chữa một vài tật nhỏ nơi cổ họng và mũi, phải chăm tập thể dục, và khi ngủ phải mở rộng cửa sổ.

Nhiều phương thuốc khác thuộc loại « tiềm thức » đã bắt nguồn từ một giả thuyết sai lầm

cho rằng con người ta chỉ ngáy khi nào nằm ngửa mà ngủ. Vì vậy cách chữa bệnh thuộc loại này đã đem lại nhiều xảo thuật và sáng chế kỳ khu. Tỉ như cách đem may một trái banh quần vợt vào lưng áo ngủ, khoảng giữa hai bả vai, để bệnh nhân chợt khi ngủ quên cũng không sao nằm ngửa được. Căn cứ vào giả thuyết ấy, gần đây có người sáng chế và đem trình tòa mẫu chế tạo một bộ « yên nằm », dùng cho các người hay ngáy. Bộ yên này có một tựa sát đặc biệt. Khi bệnh nhân ngủ, nếu trở mình nằm ngửa thì tựa sát sẽ xuyên qua nệm và chạm vào một tấm kim khí làm réo chuông điện đã mắc sẵn nơi đầu giường để đánh thức bệnh nhân trở dậy nằm cho đúng kiểu. Nhiều nhà sáng chế khác còn tìm tòi những phương pháp máy móc đặc biệt để ngăn ngừa người ngủ không cho đồng thời cùng thở bằng mũi và miệng. Nhưng phần lớn các phương pháp đề nghị đều quá đau đớn tới thể xác, xét tường không nên khuyên các bạn đem ra dùng làm chi. Thí dụ như trường hợp của ông Galluzzi, một công dân đô thành La-Mã, đã có lần đem thử dùng cho bà vợ mắc bệnh ngáy một miếng tựa đồng để giữ yên thượng ngạc. May mà ông ta thức giấc kịp thời mới cứu thoát bà vợ suýt chết ngạt vì dụng cụ đó không may tuột ra, rơi tuột vào cổ họng!

Vì những sự kiện ấy nên chẳng lạ gì nếu người ta chuộng các phương thuốc về loại thứ ba sau đây. Đó là những phép chữa mẹo mà các bà thường văn hay dùng. Một nhật báo ở Luân Đôn đã có dịp thảo luận các cách chữa mẹo này. Vào khoảng năm 1935 tờ báo nói trên đem công bố lời kêu cứu tha thiết của một thiếu phụ trẻ đẹp chẳng may vì tật ngáy khoe mà khiến cho cả gia đình cứ đêm đến là phải rút lui vào hầm nhà cho yên giấc. Đăng lên mặt báo chỉ trong ít ngày mà được hàng trăm lời mách thuốc, thời thì đủ loại, từ phù chú cho đến cả thuật thôi miên.

Sau đó, thiếu phụ gửi lời cảm ơn những người bạn không quen biết đã giúp chị ta khỏi bệnh. Chỉ đáng tiếc một điều là chị ta quá nóng lòng chữa bệnh nên đã dùng thử tất cả các mẹo thuật, thành ra không thể biết được phương thuật nào là hiệu nghiệm. Các độc giả của tờ báo đồng bệnh với thiếu phụ cứ viết thư can vãn hỏi hoài, làm chị ta đành trả lời phỏng chừng rằng, theo ý chị ta, thì khỏi được tật ngáy là nhờ ở như mỗi tối trước khi đi ngủ đã uống một chút dầu ngọt (glycérine), và hai lần mỗi ngày, sau bữa ăn, lại hít hết hơi một ly trà nóng pha rượu « gôm » (rhum)!

★

Đó là phương thuốc của Âu Tây. Để bổ sung một tài liệu cho đầy đủ, chúng tôi xin cống hiến thêm một thuật chính truyền của người Việt Nam, vẫn nổi tiếng là hiệu nghiệm. Bệnh ngáy của bạn dù cho có là cố tật đi nữa, thì cách này cũng quyết chữa khỏi (ngoại trừ điều kiện: phúc chủ lộc thầy!).

Phương thuật như sau, rất giản dị, khỏi tốn kém. Mỗi tối, khi đi ngủ, bạn chỉ cần nhớ dặn người nhà là chờ lúc nào nhịp kèn đồng của bạn vang lên, là họ cứ lặng lẽ lấy ngay chiếc rế (thường dùng kê nôi, xanh) khế đem ốp lên mặt bạn. Như vậy, tùy theo bệnh nặng, nhẹ, chỉ vài lần là tuyệt nọc. Dĩ nhiên là rế càng dùng lâu năm càng hiệu nghiệm. Hiện nay ở đô thành Saigon đây, nơi bếp núc thường dùng soong, chảo bằng nhôm nấu bằng dầu lửa hay hơi điện thì kể cũng khó mà tìm ra được một chiếc rế. Ấu đó là quả báo của văn minh! Mời các bạn chịu khó về miệt đồng quê ở trọ ít ngày chữa cho khỏi bệnh, tường cũng đáng công đáng của.

Bây giờ thì xin chúc những bạn nào mắc chứng bệnh ngáy xưa nay vẫn xem là nan y, hãy dùng thử phương thuốc ngoại khoa cổ truyền cho được may mắn, và vui lòng trả lời nơi tòa báo cho chúng tôi được biết.

THƯƠNG ĐẠI NHÂN





INH như những ngày cuối cùng của một niên kỷ ít đem lại cho tôi những tươi đẹp, nhộn nhịp, kể từ ngày tôi được biết Loan bỏ Tuất vào 28 tết năm nào.

Từ đó tôi có ấn tượng rằng những ngày tết niên phải xảy ra một chuyện gì bí ẩn lắm trong muôn ngàn cái vui của mọi người. Tôi tin rằng chỉ vì Tết mà Loan đã bỏ Tuất và cũng chỉ vì Tết, Tuất bỏ tôi, mới dám đuổi Loan, vợ anh. Không biết có đúng hay không, nhưng câu chuyện xảy ra dưới đây làm cho tôi phải suy nghĩ mãi trong những ngày sắp tàn năm.

Chiều 28 Tết.

Lâm đến báo tin cho tôi biết vợ Tuất đã bỏ đi. Tôi không ngạc nhiên khi nghe tin người đàn bà ấy đã không còn ở với chồng, nhưng tôi ngạc nhiên vì sự việc đến quá sớm cho nàng.

Đành rằng sớm muộn, nàng cũng sẽ phải chọn con đường ấy để kết thúc sự lữ lăm đã gây ra từ bao lâu nay. Nhưng đến khi nghe Lâm thuật lại Tuất đã đuổi vợ, tôi bật giầy như một chiếc lò xo.

Tuất đã đuổi vợ, vô lý, Tuất không thể nóng nảy như vậy. Tuất lành và điềm đạm lắm. Từ thuở còn là đứa học trò ban Tiểu học, Tuất đã có đặc tính ấy. Lớn lên, Tuất cũng có những đặc điểm theo quan-niệm sống của anh cho đến ngày anh lấy Loan.

Tuất không thể có hành động ấy. Nếu Loan tự ý bỏ đi thì tôi có thể tin được, chứ nói rằng Tuất đuổi Loan đi thì chỉ là câu chuyện tưởng tượng.

Nhưng sự thật đã rõ ràng, Lâm không nói dối và nói dối một chuyện động trời để làm gì. Thoạt đầu tôi cũng ngỡ rằng Lâm đùa tôi, vì hằng ngày anh thấy tôi bất đồng ý kiến với Loan về nhiều điểm. Nhưng Lâm đã thuật truyện với tất cả biến đổi trên nét mặt.

Câu truyện xảy ra như sau :

Chiều 23, Loan mề nheo chồng về tiền tiêu trong mấy ngày Tết. Tuất đã phải van nài nàng ráng đợi tới ngày 25, chủ mới phát lương. Loan khóc lóc, cần nhân vì sự chậm trễ của Tuất. Nàng than sẽ không kịp may áo, nàng sẽ không có vài thứ trang sức, Nam sẽ không có áo Tết, nàng sẽ không chuộc được miếng vàng, nhẫn vàng và « lắc » vàng đã cầm cố vì thua bạc và v.v...

Tuất chiều lòng, vợ anh phải năn nỉ với chủ để được lĩnh tiền trước. Số lương ngót 8.000đ với mọi tiền vặt về ngày nghỉ lao động, tiền thưởng hàng năm cộng vào gần bằng 1 tháng lương nữa. Tuất đưa cả cho vợ, riêng anh không cần sắm sửa chi hết, anh năn nỉ dặn vợ hãy may mặc cho thằng Nam, để dành tiền tiêu trong tháng tết để khỏi mang tiếng đầu năm. Loan cầm tiền, ừ ào. Ngay chiều hôm đó nàng bỏ nhà đi, đến lúc Tuất trở về, anh ngỡ vợ đi sắm sửa và chuộc đồ.

Đền thành phố đã lên từ lâu, Loan chưa về. Tuất nghĩ ngờ, anh đi tìm vợ ở một nhà quen thuộc, quả nhiên gặp nàng đang đánh chặn.

Tuất giận quá, chỉ khe ra hiệu cho vợ rồi bỏ về ngay. Mãi đến 2 giờ sau Loan mới trở về, số tiền nàng mang theo đã mất non nửa.

Thế là một cuộc cãi vã nổi lên. Lần đầu tiên, Tuất tát vợ một cái, Loan khóc bù-lu bù-loa và đêm hôm ấy thằng Nam đã ngủ với bố nó.

Suốt đêm, nằm bên con, Tuất thấy thương nó nhiều hơn. Thương con, Tuất lại nghĩ đến vợ. Nhiều lần toan đứng giầy sang buồng vợ để làm lành, nhưng lại nhiều lần anh nằm xuống. Ở buồng bên, Loan nằm vắt tay suy nghĩ cho anh bạc ngày mai. Nàng phải gỡ lại số tiền đã thua và hy vọng sẽ được. Canh bạc hôm nay, nếu không bị phồng tay trên mấy lần thì nàng đã ù một ván bạc định, một ván thập hồng lèo. Đã thế lại cứ bị ù tay trên, đến 4 ván còn gì nữa. Nhất định ngày mai nàng không ngồi tay dưới thùng cha Thủy nữa, nhưng khôn nổi Thủy lại để dãi dãi với nàng nhiều lắm, anh ta nhường nước cho Loan luôn. Tại nàng sui nên vậy. Và nàng ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau, Loan cố ý ngủ trưa để khỏi gặp mặt chồng. Tuất thức giầy từ sớm, khe rút tay khỏi cổ thằng Nam. Nhìn sang buồng vợ vẫn thấy im lặng. Anh dặn qua người làm rồi lên xe đi.

Thấy chồng đi rồi, Loan mới choàng giầy rửa

Chuyện ngắn

CHỈ VÌ CÁI TẾT

của VĂN - HUYỀN

mặt đánh phẫn, dạn dờ người làm và đưa tiền chợ rồi bỏ đi luôn. Thằng Nam vẫn yên giấc.

Buổi sáng hôm ấy, không xảy ra chuyện gì. Khi Tuất về vẫn thấy vợ ngồi ủ rũ trong giường. Chiều đến, sau khi Tuất đi làm, Loan lại bỏ đi ngay. Tôi đến vẫn không xảy ra chuyện gì, vì Loan đã về trước khi Tuất tan sở.

Hôm đó đúng ngày 25. Sống mãi trong im lặng Tuất không thể chịu nổi, anh phải làm lành với vợ. Bao giờ Tuất cũng gây hòa khí trước :

— Thôi mình à, mình đã chót thua thì thôi. Tôi không nói làm gì. Thà rằng ngày dựng, ăn cơm, ăn cháo xong thôi. Nhưng năm hết Tết đến, mình cũng phải mua sắm sửa sang đi chứ, nhất là nghĩ đến con, mua quần áo cho nó mừng.

Loan lại ầm ừ.

Cho đến ngày 26, Tuất vẫn không thấy Loan đã động đến chuyện sắm sửa trang-hoàng. Anh giận lắm, nhưng vẫn làm thỉnh để chờ thêm một ngày nữa.

Sáng ngày 27, Loan vẫn chưa mang lại không khí Tết cho cái gian nhà nhỏ bé ấy. Thằng Nam vẫn sụ mặt khi chưa thấy mẹ nhắc đến quần áo mới.

Rồi chiều ngày 27, Tuất trở về thì Loan vắng nhà, Tuất tìm mãi lại. Anh nhảy đại lên...

ở đâu ?

— Ở Bô Na.

Tuất đẩy bàn xuống giường và chạy vụt ra cửa rồi xe chạy miết. Lâm biết chuyện gì sẽ xảy ra. Nhưng Lâm không ngờ đêm ấy Loan lại bỏ đi ngay.

Tuất không tìm thấy Loan—tất nhiên—giờ ấy Loan đi với Thủy. Họ làm gì trong căn nhà vắng lặng ấy không biết. Chỉ thấy ánh sáng bật lên rồi tắt ngúm, rồi bật lên rồi lại tắt. Loan và Thủy trở ra. Nàng vuốt lại mái tóc. Đến khi Tuất gặp Loan thì Thủy đã về rồi. Loan khẽ nheo những gò đờ vừa mới mua.

Cả hai không nói với nhau một lời. Loan ngao mạn, Tuất hăm hăm. Không khí nặng nề. Tuất bật lên tiếng trước :

— Mình đi đâu về ?

— Đi sắm Tết.

— Không phải ?

Loan không đáp, nàng trải những gói đồ lên mặt bàn.

Tuất nắm lấy vai nàng mà lắc :

— Mình phải nói thật; mình đi đâu ?

Loan hất tay chồng ra :

— Tại sao anh lại hỏi thế ?

— Tôi muốn biết sự thật.

Loan chỉ vào bàn để trả lời.

— Mình lấy tiền ở đâu, tôi biết.

— Để thường anh tưởng tôi không có tiền bù đắp vào hẳn.

Tuất gắt :

— Đồ khốn nạn, mày đi với thằng Thủy.

Tuất giận điên người lên, anh tát trái vào mặt vợ. Loan lao đảo ôm mặt :

— Đồ vũ phu, tao đi với thằng Thủy đây. Tại mày không lo đủ cho cuộc sống của tao, mày hèn lắm.

Tuất nắm tóc vợ dẫn ngựa ra :

— Loan, tao không ngờ mày tệ bạc. Tao đã tính nhầm. Tao biết lắm, nếu không vì thằng Nam. Bây giờ thì hết rồi. Sự nhân nhục của tao đã quá độ, mày có thể đi khỏi nhà này, tìm người hơn tao, như thằng Thủy chẳng hạn.

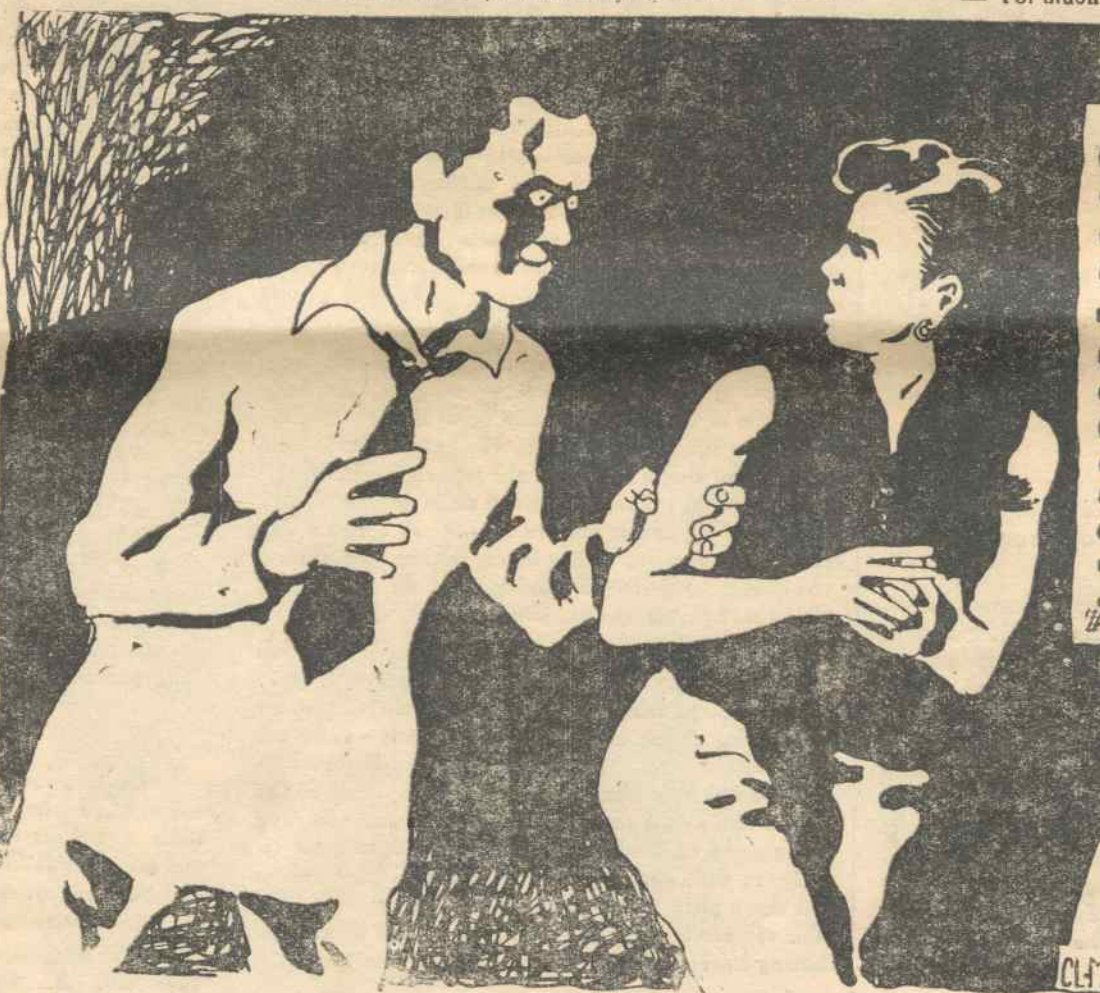
Loan đứng giầy, nước mắt dàn dụa. Tuất nhìn ra cửa sổ. Đêm hôm ấy vắng sao. Tuất không nhìn thấy gì hết. Thước ra Tuất không nhìn mà chỉ nghĩ.

Ôc Tuất là bàn quay đủ 100 số mà không ngừng. Vì nếu ngừng là quyết định. Tuất không quyết định gì lúc này cả nên cứ để nó quay. Mãi

đến lúc thằng Nam chạy ra nín Tuất để khoe cái áo mới, Tuất mới biết rằng mình đang ngừng ở con số không. Tuất xoa đầu con, mắt nhìn vào trong buồng. Cánh cửa tủ mở, quần áo của Loan mất sạch. Loan đã đi thật. Tuất không có ý nghĩ gì về Loan lúc này cả. Vui hay mừng. Không gian như gây khúc mà Tuất là người đứng ở giữa chỗ rạn nứt của không gian.

Ở trên bàn, vài, hoa giấy, thực phẩm bữa bãi. Tuất thấy nó vô nghĩa quá. Nó không có giá trị gì cả—đối với Tuất—nhưng nó đã đánh giá một cuộc sống, kết thúc cho một cuộc sống thì đúng hơn.

Trước đây mấy hôm, những vật đó đòi hỏi Tuất một sự cố gắng. Nhưng mới vài hôm sau nó đã là một chương ngại vật. Tuất không thể đánh giá được nó nữa. Đòi hỏi dễ mà chán ghét. Không có thì khổ, có rồi thì lại khổ hơn. Tuất nghĩ : giá dụ đừng phải ngày Tết—đúng—Những ngày thường, Tuất không đòi hỏi ở vợ sự lo lắng nào hết. Nàng cứ đánh bài, cứ thua, miễn là đừng có tư tưởng ấy. Tuất ráng lo đủ cho vợ. Nhưng mấy ngày tết, không hiểu tại sao Tuất lại nghĩ đến sự đòi hỏi đầy đủ. Chính cũng vì thế mà sự đòi hỏi ấy đã thúc dục Loan nghĩ khác đi và câu truyện kết thúc bằng sự tan vỡ. (Xem tiếp trang 39)



Đến nơi, người ta cho biết bạc vừa tàn canh, các con bạc đã rù nhau về rồi. Tuất nghĩ : tan bạc thì chắc giờ này Loan đã trở về nhà. Tuất lại quay trở lại. Thằng Nam vẫn đứng ở cửa chờ mẹ.

Tuất lại rồ ga cho xe chạy. Tiếng máy nổ rúc tai. Tuất không rõ anh đi đâu, tìm Loan ở đâu bây giờ. Đi ở những quảng đường vắng thì không có người, len vào chỗ đông thì kẹt xe, đi bộ chắc gì đã gặp.

Vào ngày 27, người đi sắm Tết đông nghịt đường. Sự náo nức của những người đi sắm Tết để làm Tuất thêm bức dọc.

Thà rằng không phải là ngày Tết.

Tuất tức đến nghẹt thở. Đi mãi, đi mãi, Tuất cũng mệt mỏi. Anh trở về nằm dài trên giường mà nhìn trần trụi lên trần nhà. Tiếng hát của một danh ca nào đó i eo bài « Đón xuân » hắt vào phòng, qua cửa sổ. Tuất choàng giầy đóng cửa lại, giọng hát dứt quãng. Bên ngoài có tiếng giầy, Tuất choàng giầy lần nữa. Nhưng anh lại nằm xuống. Lâm từ cửa bước vào.

— Chưa ăn cơm à, còn đợi ai ?

Tuất không nói, Lâm ngạc nhiên :

— Tôi tưởng chị về rồi, tôi vừa thấy đi với bạn Thủy, trở về cùng đường với tôi.

Tuất nắm chặt lấy vai Lâm hỏi ròn rập :

— Anh thấy đi với bạn thằng Thủy, ở đâu

(Tiếp theo trang 27)

— Lần nào cũng vậy. Có tiếng la lớn là 'nó' im.
— Thế sao bạn đầu em không la lên?
Hạnh đã mỉm cười được:
— Em sợ quá, kêu không nổi. Không khi nào em dám ở nhà một mình... Anh Tân có sao không anh?

— Không. Nhưng bây giờ còn chờ làng xử...
Một luồng gió thổi vào làm xao ngọn đèn. Chúng tôi cùng nhìn ra vườn. Qua cái cửa sổ trông hoác, bên ngoài tối mịt mùng. Tiếng dế lại ran ran khắp mặt đất.

Chúng tôi nói chuyện về việc ngựa thồ ăn đồ, về thím tôi, về sinh hoạt của gia đình tôi từ ngày ly hương. Có lần một câu nói khiến chúng tôi nghĩ đến kỷ niệm những ngày dạy học vỡ lòng hồi nhỏ, cả hai đều bồi hồi, ngưng ngưng. Chúng tôi vội nói rằng gần tất cả những điều tôi đã nghe kể lại đều có cả. Chú tôi không sợ hãi nhưng rất lo buồn. Tân đã tìm tôi lục soát khắp các xó xỉnh trong nhà, nhưng tuyệt nhiên không thấy gì; nó mua a-nguýt ở tiệm thuốc tàu về đốt lên xông khắp nhà thì tiếng kêu im đi được một tháng rồi đầu lại hoàn đó. Hạnh thì mỗi lần nghe tiếng kêu, nếu không có ai bên cạnh là nó liú lười lại. Tuy vậy Hạnh bảo rằng những hiện tượng này hoàn toàn vô hại. Ma quái ở đây chưa hề làm cho ai bị thương tật.

Chúng tôi nói chuyện luôn, không dám dứt lời. Mỗi lần lơ ngơ lại hơi lâu, Hạnh liền ngược nhìn tôi lo ngại, dục dã. Tôi lại vội vàng lên tiếng. Cứ thế cho đến khi gà gáy. Chúng tôi không dám ngồi xa nhau, cũng không dám sát vào nhau, vừa lo ngại về sự gì bất ngờ có thể xảy đến, vừa thỉnh thoảng lên lút nghĩ đến những cảm giác vừa qua: tiếng rên rên như còn rung đến da thịt, cái cổ tay trên vữa nằm trong tay... Bên ngoài, vườn vẫn tối đen, những con đom đóm vẽ từng vòng ánh sáng dịu dàng, như có ai quẹt từng vết lân tinh dài bằng một ngòi bút lông mềm mại.

Gà gáy, chú tôi và Tân cùng về, mọi người đi ngủ. Hôm sau tôi tỉnh dậy thì thấy còn sớm quá. Tôi tính có lẽ mình không ngủ được quá ba giờ đồng hồ. Tôi nhắm mắt nằm, nhưng một vui mừng rạo rực vô cớ làm xao động cả người, khiến tôi muốn vùng dậy. Ngoài vườn hãy còn mờ mờ, có tiếng con gà mái dẫn một đàn con lít chít bước dọc theo hè.

Tôi đứng dậy, đến bên cửa sổ trông ra vườn. Tôi giặt mình: một bàn tay chống vào cây đu đủ bên cạnh ang nước, một cổ tay tròn, tay áo cụt trắng cuốn lên sát vào da. Thân người khuất sau góc tường nhà bếp. Em tôi thường dậy sớm vậy sao? Tôi xô thêm một cánh cửa sổ. Bàn tay giặt rút về, biến mất, không có một tiếng động.

Biết rằng chuyện đời thỉnh thoảng có bày ra những trường hợp ngẫu nhiên xộn lộn. Chẳng vậy thì sao trong một đêm hôm đó lại vừa có chuyện ầu ầu của Tân, lại vừa có ma nhất Hạnh để cho tôi sống những giờ phút hoang mang tán loạn? Nhưng mà phút tán loạn qua rồi, mọi xao động lắng xuống rồi; thì tại sao trong trí tôi vẫn còn lớn vồn hình ảnh một cổ tay trắng tròn? Đó thực là điều đáng giận.

Sau này nhà chú tôi hết ma, em Tân đã sống ra người có chí lớn, em Hạnh đã có chồng, thế mà lâu lâu tôi vẫn còn nghe thấy cái gì khuấy phá tâm sự mình, giặt mình nhìn lại thì là một bàn tay thọc mách từ dĩ vãng đưa về! Sao mà dai dẳng lắm vậy? Tại vì cái kỷ niệm tán loạn kia xảy ra từ khi tôi còn nhỏ quá chăng? Tôi thì thích nghĩ rằng đó là một hình thức hoạt động của ma quái, hình thức phá quấy cuối cùng của con quỷ ở nhà chú tôi.

Thường lâu lắm tôi mới có dịp tìm gặp chú tôi. Trong những dịp ấy tôi lo ngại thăm dò nét mặt của chú tôi như một kẻ lén lút nhìn trộm vào lương tâm mình. Không khổ cho tôi, lần nào chú cũng có nét mặt khó khăn, không mãn nguyện. Tôi gờn gợn lo rằng chính là cái bàn tay ma quái kia đã xua đuổi nên những nét nhăn cau có của chú. Chỉ đến phút cuối cùng, chú có gương mặt bình thản như không có gì tiếc hận về cả một cuộc đời vừa kết thúc. Tôi nhìn xuống mặt chú, thở dài: chắc là lần cuối cùng chú đã có ý nghĩ khoan hồng như tôi.

★

Tôi vừa tán dương chú em tôi. Quả thực nó đã thành công vì có chí, đứng như lời cách ngôn mà chú tôi đã nêu làm khẩu hiệu dạy nó hồi còn bé. Từ khi quê quán chúng tôi trải qua những biến cố lớn khiến cả người giết nhau, đốt nhà nhau, bức bách nhau... thì em Tân tôi đã xử sự ra một người dân đầy trách nhiệm. Nó mạnh dạn rời bỏ gia đình tham gia vào cuộc chiến đấu dài suốt mười năm. Do đó nó đã biến thành một chiến sĩ thực thụ, cho nên khi chiến cuộc ngừng thì nó vẫn không ngừng tay được nữa. Nó hết lao những mũi nhọn vào ngoại địch thì liền quay lại lao vào những người đồng - bào gọi là khác thành phần. Nó cắt phurong tiện chiến đấu

ANH EM

thời loạn mà dùng một phurong tiện chiến đấu thời bình là cây bút. Nói cách khác: nó làm văn sĩ, một văn sĩ chiến sĩ. Nó viết những câu nào nuốt ai oán về những cuộc sống bần hàn trong sạch giữa một xã hội bần thiêu nhớp nhúa. Nó thành hẳn ra một kẻ hiệp sĩ hào hoa của cái thời đại đấu tranh giai cấp rồi. Nhiều hôm lan man suy tưởng, điếm lại từng hình ảnh của những kẻ đang tiếp nối dòng họ Vô gia, tôi tưởng nghe vang lên tiếng nó hét thúc đẩy đạo quân vô sản xông vào phá đổ âm ỉm cái xã hội tư bản như một viên tướng lăm liết xung phong vào xô ngã một bức thành cũ kỹ long lở.

Trong Vô gia chỉ nghe vang lên tiếng hét của nó mà thôi. Còn lại bao nhiêu bà con đều lặng lẽ sống lộn xộn trong đám đông không tên. Đó là không kể đến tôi đang kéo dài cuộc đời lưu đày của một kẻ vô lại. Cuộc sống hỗn loạn không nề nếp ở thị thành trong thời giặc giã đã làm hỏng tôi. Và lại tôi vốn cũng đang chực sẵn để hư hỏng: sự kiện một cái cổ tay đã kể qua đủ tố giác về tính nết của tôi rồi!

Tôi cũng lìa bỏ gia - đình ba má tôi, nhưng không phải để tham dự vào một sự nghiệp cách mạng nào. Trái lại, tôi gia nhập để tăng cường thêm số lượng những kẻ đang điếm chơi bởi hợp thành cái giới bần thiêu nhất trong cái xã hội bần thiêu mà em tôi thường chửi rủa. Nhiều lần tôi toan hối hận. Nhưng lại nghĩ loãn quanh rằng hàng ngày em Tân tôi vẫn hoạt động mạnh mẽ để thay đổi cuộc đời, tôi tin quyết rằng những điều nó dự định làm lợi cho xã hội tất hơn cái hại do tôi đang gây ra, do đó tôi kết lại anh em tôi có thể bù trừ cho nhau.

Một hôm tình cờ tôi ghé tạt về nhà chú tôi thì gặp lúc chú lâm bệnh nặng mà không có người săn sóc. Nhân đó tôi mới biết qua loa rằng Hạnh đã có chồng và cũng đang đau bên nhà chồng. Tôi chôn cất chú tôi vừa xong thì giặc vừa nhảy dù xuống làng. Mọi người chạy tán loạn tôi bời, thành ra tôi không kịp gặp em tôi.

Từ đó đến bây giờ là bao lâu? Tôi không hay tính toán ngày tháng căn thân. Nếu mà sớm tập được cái tính căn thân đó thì tôi đã chẳng hoang phí gần hết tuổi xanh của mình mà không hề xây dựng được cái gì cả. Tôi đã mất tang chú tận năm ngoái năm kia rồi. Giữa tôi và các em tôi vẫn chưa hề có một lá thư trao đổi để nhắc đến chú.

Từ đó đến giờ không biết là bao lâu, tôi lại có dịp mua một vé tàu về tỉnh nhà. Người con gái đưa tôi lên tàu trước ga Nha Trang ấy xách theo một giỏ trái cây và đồ ăn có dắt theo cả dao, cả dĩa, cô ta lên chỗ tôi ngồi đến khi tàu gần chạy. Tươi tắn và bịn rịn như vợ chồng. Cô ta hỏi:

— Máy hôm thì anh gửi thư về em?

— Chẳng nào em thực mong thì có thư anh về.

— Khi nào anh chịu nghĩ đến viết thư cho em thì mới có thư chứ!

— Thiệt vậy sao? Đâu có cần! Hề lòng em thành là đủ chứ. Em không thấy hồi xưa thiệt là nhớ nhau người ta cầm chiếc giày lên tường tượng một chút thì người cũng hiện ra được đó sao?

Trước khi bước xuống tàu, cô ta quay lại đặt một tay lên vai tôi như dỗ dành:

— Viết thư cho em, thiệt nghe. Em nhớ! Em nhớ!

Một lát sau tôi ngồi xuống ghế trông ra cửa kính của toa tàu. Tàu chạy. Bóng Yến đã khuất. Một giọt mưa lớn xán vào cửa kính, tóe thành một ngôi sao, mà tốc lực của chiếc tàu xé nhanh ra thành nhiều tia nước nhỏ chạy về phía sau.

Đã lâu tôi có thói quen đối đáp không cần nghĩ ngợi, nghe không cần phân biệt những lời chân thực với những lời giả dối. Nói với nhau chẳng qua là trao đổi những câu đã nhàm đã sáo cả, qua loa cho xong chuyện vậy thôi. Yên khuất rồi, tôi không nhớ là chúng tôi đã căn dặn nhau những gì. Nhưng tôi cũng thấy một cảm giác trống lạnh. Xung quanh tôi không còn những tiếng cười, giọng nói ấy, tay chân da thịt tôi thôi tiếp xúc với chỗ quen thuộc đã thành thân mật... Cho đến trí óc tôi cũng thích những lời lẽ tuy nhảm và sáo, nhưng cũng nhảm sáo theo một lối đã thành quen thuộc để chịu. Rồi bỏ Yến, tôi rời bỏ một không khí trong đó từ giác quan cho đến trí óc nhắc nhớn đã quen đi rồi.

Suốt trong hai ba ngày liền, tôi buồn bã vì cảm giác trống trải. Có lúc tôi dám mong rằng cái mà người ta gọi là tình thâm nghĩa nặng cũng là một

sự lưu luyến giống như thế chăng?

Nhưng đến ngay đêm hôm thứ ba thì tôi mới chắc là nó không giống. Đêm hôm đó tôi lại theo bạn bè ló cuốn tìm thú vui.

Người bạn rúc rích cười mãi với tôi trong đêm tối như mực, hẳn kéo tôi đi ra ngoài quận lỵ đã khá xa. Tôi quay nhìn lại, ánh đèn măng sông của phố xá khuất sau những tàn cây dọc hai bên đường, nhấp nháy thưa thớt. Tiếng ếch vang lên từ dưới đồng ruộng hai bên quốc lộ. Tôi cố gắng quan sát, nhưng đến cuối tầm mắt của mình không sao tìm thấy một ánh đèn, một bóng dáng nhà cửa nào. Tôi e ngại nhìn hẳn, hẳn lại cười thích chí. Tôi chưa bao giờ có ý đi tìm lạc thú ở những chỗ đồng không mông quạnh thế này. Hẳn thuyết rằng tính chất phác hồn nhiên của những tâm hồn ở thôn quê có nhiều chỗ kỳ thú. Tôi có đòi hỏi gì ở những tâm hồn? Tuy vậy tôi vẫn tò mò bước theo hẳn.

Chúng tôi rẽ qua một con đường tư-ích. Cách năm mươi thước chúng tôi gặp bốn cái nhà nhỏ bên đường, đứng liền hàng, cách nhau bằng những bức rào tre. Người bạn bảo tôi đứng lại ngoài rào. Hẳn xô công tiến vào căn nhà thứ hai. Một con chó nhảy lên hực một cái, chồm vào chân hẳn. Hẳn đứng phắc lại. Con chó lùi ra. Tự nhiên trong nhà có người mở một cánh cửa ván, lộ đầu ra. Trong nhà có một cây đèn dầu hòa nhỏ, sáng lơ mờ. Hẳn bước vào.

Một lát sau, hẳn ra. Người chủ nhà theo hẳn đến giữa sân rồi đứng lại, chống một tay ngang hông, bề mình uốn lưng rôm rốp.

Hẳn kéo tôi trở lại trước cổng căn nhà thứ nhất. Hẳn lại vào. Rồi hẳn trở ra, dặn dò chỉ vẽ cho tôi, rồi xô tôi vào nhà này, còn hẳn thì trở qua bên nhà thứ hai.

Bước vào nhà, tôi thấy trên một cái bàn kê sát vách có cái bình, vài chiếc ly, và một cái đèn nhỏ bóng đục. Không có một người nào cả. Theo lời dặn của hẳn, tôi ngáp ngừng ngó qua phía tay phải, vết một tấm màn bằng vải in bông hoa sặc sỡ; tôi tiến vào.

Tôi suýt vấp một chiếc chông tre thấp. Một dáng người mặc đồ đen nằm queo ở phía trong. Tôi dừng lại. Người ấy vẫn nằm im, không cử, như không biết có tôi đứng bên. Tôi ngồi xuống bên cạnh. Vẫn im. Tôi đưa một bàn tay đặt lên người ấy. Địch là một người con gái; tôi có thể yên trí tin ở những điều người bạn đã nói.

Người con gái ban đầu không nói một lời nào, nhưng ngoan ngoãn thuận theo hết những ý muốn của tôi. Tôi kéo vai, cô ta quay ra; tôi nâng, cô ta ngồi dậy, và một lúc sau, khi tôi nhích lại gần thì cô ta cũng biết ngả đầu vào ngực không có vẻ ngượng ngập lắm.

Có tiếng chân bước trước sân, vòng quanh ra hè sau. Tôi giặt mình nghe ngóng. Cô ta cũng lo ngại. Có tiếng một người cầm gáo khua trong một cái vò gần cạnh nước, có tiếng uống nước ừng ực, tiếng xối nước rửa chân rửa tay, rồi bước chân lại tiến về phía cổng. Người đi lần này huýt sáo tự do vui vẻ. Ra đến ngoài đường, người ấy bắt đầu một câu vọng cổ: "Em Lan ơi! Nẻo sa trường diệu vợi."

Người con gái lại nép vào tôi. Bằng tay, tôi quan sát cách phục sức kỳ dị của cô ta, vì chúng tôi ở trong bóng tối. Cô ta mặc áo đầm dài tay mặc dù trời không hề lạnh một chút nào. Có lẽ đó là cái áo đặc sắc nhất của cô ta chăng? Đâu có ta trộm một cái khăn mỏng. Tôi hỏi:

— Em đau vừa mới khỏi?

— Không.

Tôi lần tay vào trong lớp khăn mỏng thì gặp một cái đầu tóc cụt! Vàng tóc bị cắt cụt tụt ớt! Tôi không dám hỏi, mà cô ta cũng không giải thích chỗ lạ kỳ đó. Tôi ngạc nhiên bờ ngỡ. Nếu không có thái độ hoàn toàn thụ động ngoan ngoãn, thì tôi đã nghi ngờ: có thể nào cô ta định quyến rũ kẻ khác với một hình người như vậy sao?

Tôi nghiêng mình nằm xuống giường; Cúi chỗ tôi chống vào một cái gì gây vớ nghe rôm rốp. Tôi vội quờ tay sờ xem: đó là miếng bánh trắng nướng bằng bàn tay. Có lẽ một đứa trẻ con vừa nằm chơi trên giường này ban chiều. Cũng có lẽ trên chiếc chiếu này còn đôi ba vũng nước tiểu của nó còn ướt!

Trường hợp có vẻ mỉa mai. Tôi thăm nghĩ sau này gặp những bạn bè ăn chơi bữa bãi nhất tôi có thể kể lại câu chuyện hi hữu này và chào vãn được xem là một thành tích xuất sắc.

Thỉnh thoảng tôi hỏi:

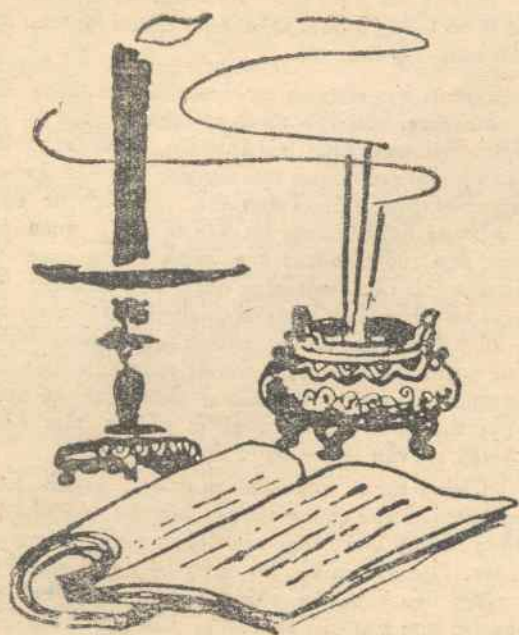
— Con của em đã lớn chưa?

— Dạ, hai tuổi rồi.

— Em mới có một con?

— Dạ, một đứa lớn bốn tuổi, mất rồi. Còn một đứa nhỏ.

(Xem tiếp trang 38)



HỒN QUÊ DẶM KHÁCH

Chia-ly nhúc nhở nào canh trường,
Ngân dậm tha-hương nhớ cố-hương;
Vườn cũ đi về khôn hẹn mộng;
Việc riêng toan tính đã sai đường;
Lung-tung đời loạn hao năm tháng,
Dầu dài quê người dạn nắng sương;
Ngã Bắc với trông dung mắt lệ...
Mưa mưa gió gió ngậm ngùi thương;

Ngùi thương liên tiếp gió mưa dòn,
Quê Mẹ (1) lòng ta ủ-ấp hôn;
Mà bức màn tang vầy phủ-hộ, (2)
Mà làn sóng đỏ ngập hoang-thôn;
Đường xa từng lớp dân công gục
Việc thật ai nhà già-sử ôn?
Khói lửa mười năm đầy thảm cảnh
Văn chương, ôi, cũng lúc vô-hồn!

Vô-hồn thơ tả khó nên lời,
Giấy mực hao, mà hận chưa vơi;
Phong hóa buổi suy, bao kẻ ngã,
Văn chương thời loạn, mấy ai vơi;
Tình Quê nỡ-một tin hồng bằng,
Nỗi Nước âm-thầm hạt lệ rơi;
Ôi! biết phù-sinh là mộng đấy
Trong chiêm-bao ấy vẫn đau đời!

Đau đời nên tác dạ ai hoài,
Non nước nguyên xưa khó lại phai;
Lối cũ bằng khuê mờ bóng liễu (3)
Đường xa ngơ ngác lạ cảnh mai (4)
Nặng niềm ưu ái đau quê tổ?
Lực bước phong trần cũng kiếp trai!
Một mối u-sầu vô-vấn mồi,
Trăng suông mờ tỏ dải ngân ngoài;

Hiện ngoài chênh-chếch ánh trăng tà,
Soi khách đau đời lẫn bóng Nga;
Buồn bã chưa khuấy thơ bạch thạch (5)
Tình say còn nhớ rượu hoàng hoa;
Lung-tung nước loạn theo đời loạn,
Vun-vút ngày qua đuổi tháng qua;
Trăm mối tơ sầu vương ngã Bắc,
Lòng về như thiết lại như tha!

VI

Thiết-tha tha-thiết chỉ mong về,
Mưa gió đường xa cảnh thảm-thê;
Nhà cửa bấy lâu chung một cõi,
Non sông vụt chốc rẽ đôi bề;
Cảm sào những đợi ngày trong nước,
Nâng chén thêm nồng dạ nhớ Quê!
Xích-hóa (6) đương sôi hờn cố quận
Lòng nào lòng nghĩ Sở hay Tề

VII

Tề Sở, chào ôi, thăm lạ lòng!
Ngắm ngòm cay đắng dễ hình dung;
Dư-đồ một bức phân tranh nữa,
Thanh-sử ngàn thu uất hận chung!
Sóng đỏ lan tràn lo thác-thổm,
Tơ sầu vấn-vít rối lung tung;
Cổ-viên ngoảnh lại thương hoa cỏ
Biết có tươi xanh cúc với tùng?

VIII

Tùng Cúc chia ly nức tuyết trần
Phương trời lộn dận tiếc ngày xuân
Ba thu đất khách ốm lo vắn,
Một tấm lòng băng giữ trắng ngần;
Sương tuyết ngậm buồn câu thệ thủy,
Giang hồ bao toại chí lãng vân?
Nguyên xưa vẫn nặng cùng non nước
Sầu uất Ly-tào mới gỡ lần

IX

Lần gỡ quên trăng xế nửa mảnh,
Ra vào đi đứng nghĩ thâu canh;
Tình kia cảnh nợ sầu dâng bề
Ước cũ nguyên xưa dạ tọc danh;
Gánh nặng đường dài, ngày hoảng tới,
Bụi hồng gió cuốn, mắt nào xanh?
Bốn phương mây nước duyên hồ-hững,
Kim cồ đau lòng ngậm bức tranh;

X

Bức tranh kim cồ xắm pha vàng,
Bầy xóa bao nhiêu cuộc hải tang!
Đời trước đã từng cay với đắng,
Lớp này đương những dở cùng dang;
Thêm tường đất nước ganh xâu xé,
Đề nỗi dân tình hận ngồn ngang;
Chim Bắc cảnh Nam nhiều khác-khoài
Hồn quê dậm khách sống mơ-màng!

TƯƠNG-PHỐ

Theo văn 10 bài "Mơ Về Vườn Cũ"
của Thi-gia Trần-Thanh-Đạm
Mùa Xuân năm 1946

(1) Quê chung tất cả Chín Bắc đau cảnh Nam trong
cảnh di-cư vô cùng đau đớn này.

(2) Những điền gia, địa-chủ, phú-thương, các nhà giàu
& Bắc Việt bị đầu tở chết không phải là ít.

(3) Nhớ liễu hồ Gươm chốn cũ-đó.

(4) Mai miến Nam khác hẳn giống mai hoa miến Bắc cả
từ hoa đến lá.

(5) Bạch thạch: Thơ than đời loạn và sinh không gặp
thời của Ninh Thích đời Xuân Thu.

(6) Toàn cõi Bắc-Việt đương bị Nga Hoa Việt-Cộng
nỗ lực nhuộm hồng.



(Tiếp theo trang 15)

hoạn, toàn khoa-mục xuất-thân; ấy thế mà, chính
ngay tôi, đi thi hương, hai, ba khoa, chỉ "mọt"
được có cái tú-tài quèn, rồi, xuất-chính mấy chục
năm, chỉ hết thừa-phái, lại trợ-tá, chẳng làm thế
nào "ngoi-ngóp" lên được tới cái chức "quan
hạt vừng" là tri-huyện... Ấy thế rồi, đến các cháu
Bác, cũng vậy, chẳng anh nào đỗ được lấy cái bằng
thành-trung, anh nào cũng để ngang, để tắt cả!...

CỤ PHÚC-LỢI.— Thế, thưa Bác, hiện ba
anh nhà làm gì?

CỤ ÔNG.— Thưa, nhà Cả nó làm giấy thép,
nhà Hai làm sở Trước-ba, và nhà Ba, làm kế-toán-
viên ở một sở tư. Tuy, tất cả chẳng làm nên danh-
phận gì gọi là hiền-dạt, nhưng, thưa Bác, các cháu
Bác đều ngoan-ngon, không chơi bời, lêu-lồng và
chịu thương, chịu khổ làm ăn... Bác xem cả ba anh
em nó, không một đứa nào chịu đi ở riêng. Từ
khi nhà cả nó được bỏ về đây, ấy thế là, nó dù
nhau ở xúm-xúm cả lại chung quanh hai vợ
chồng chúng tôi... Trên, chúng hết lòng hiếu-kính
cha mẹ; dưới, chúng một niềm hòa-mục với nhau;
vợ chồng chúng tôi cũng lấy thế làm mừng lòng!...

Cậu Cả trở vào, tay bưng một chiếc khay,
trên, có một đĩa cơm và một đĩa hồng. Cậu đặt
khay xuống trước mặt hai Cụ.

CẬU CẢ.— Thưa, hồng và cơm đầu mùa,
xin mời Bác với Thầy sơi, ạ.

CỤ ÔNG, với chiếc khay nhích lại.— Nào,
xin mời Bác...

CỤ PHÚC-LỢI.— Mời Bác...

CỤ ÔNG.— Thật đúng như lời Bác nói lúc
này, hữu phúc sinh trung-châu... Từ khi về trên
này, tôi nhận thấy cuộc sống thay đổi hẳn, của ngon,
vật lạ, chẳng thiếu một thứ gì, chẳng bù với những
năm, tôi ở Hoàng Bô, ôi thôi, sao mà nó buồn thảm
thế! Quay đi, một lũ mán, quay lại, dân quê lam-
lũ. Không trách, xưa các cụ, khi chẳng may bị dời
về trị nhậm ở nơi đèo heo, hút gió ấy, đã để lại
một bài thơ tứ tuyệt mà người ta còn truyền-tụng
lại mãi...

CỤ PHÚC-LỢI.— Tôi nhớ, hình như, đạo
ấy Bác có ngâm cho tôi nghe, nhưng lâu ngày, tôi
cũng quên mất hẳn, bài thơ thế nào, Bác nhỉ?

CỤ ÔNG, nhích miệng cười.— Thưa, tôi
còn nhớ lắm, để tôi đọc lại Bác nghe, tuy bài thơ
chẳng được hay gì cho lắm, nhưng, nó tả đúng
cái cảnh-tình của nơi hoang-dã đó:

"Vui thú, phong-lưu nhất Hoàng-bô,
Trên thì, hươu, vượn; dưới, gà-gô!
Lý-trưởng lễ mừng: đôi cặp cá,
Thầy thông đem lễ: một mâm sò!"

Hai Cụ và cậu Cả đều phá lên cười.
Bỗng ở ngoài có tiếng ồn-ào vọng vào.

TIẾNG VỌNG.— Thưa Bà, cháu đã đi học
về, ạ.

— Con đã về, mẹ ạ.

— Thưa Bác, cháu đã về, ạ.

Rồi một lũ trẻ, vừa trai, vừa gái, tay cắp cặp
sách, chạy ủa vào, đứa bé nhất độ lên bảy, đứa lớn
độ 12, 13 tuổi.

CỤ ÔNG.— Đây, các cháu đã về đấy, thưa
Bác. (Lũ trẻ chợt thấy có người lạ, thì đứng dừng
lại) à, các cháu lại cả đây, ông bảo... (Hai ba đứa
lớn tiến sát đến gần sập) ông Phúc-Lợi đây, (tay
chỉ) là bạn của ông. mới lên chơi với ông bà; các
cháu, chấp tay, lễ ông đi... Thằng Quang, lấy
chức đi, cho mấy em nó theo nào...

QUANG, chấp tay, cúi đầu.— Lễ ông
ạ! (mấy đứa kia bắt chước làm theo một cách
nhao-nhào).

CỤ PHÚC-LỢI.— Các cháu ngoan quá! à,
ông có mấy gói kẹo ở kia (cụ đứng lên, đi mở va-ly,
lấy ra) ông cho các cháu một gói, mấy anh em đồng,
ông phải cho cái gói lớn này (cụ đưa cho Quang).
Đây, cháu đem chia cho các em, nghe chưa?

CỤ ÔNG.— Tất cả cảm ơn ông đi (tất cả
đều nhao-nhao nói: "Cảm ơn ông ạ!"). Thôi, thế
bây giờ kéo nhau lên cả trên gác, để cho ông nói
chuyện, nhá...

CẬU CẢ.— Mà chờ có đùa nghịch, làm
huyền-náo thì phải dón đấy! (Bầy trẻ, vâng, dạ,
rời-rít, rồi chạy ủa cả ra cầu thang, để lên gác).

CỤ ÔNG, quay nói với Cậu Cả.— Con ra
thưa với Đệ, bảo chị nó đi chợ, để về làm cơm
Bác sơi...

CẬU CẢ, đứng lên.— Thưa vâng.

NHÀ CÓ PHÚC

CỤ PHÚC LỢI, vội ngăn cậu lại và nói với Cụ Ông. — Xin Bác thư cho đến mai... vâng, đến mai, thế nào, tôi cũng xin đến hầu hai Bác...

CỤ ÔNG. — Tôi chả nghe thế... chỗ tình cổ cưu, bao nhiêu năm nay khao khát, nào, ta đã kịp hàn huyên gì với nhau đâu... Xin Bác, Bác soi com chiều nay với chúng tôi, tối nay Bác nghỉ lại đây, rồi mai sớm, Bác hãy lại thăm anh Nghè, cũng chẳng muộn gì, kia mà...

CỤ PHÚC LỢI. — Không, thưa Bác, kể đến hàn huyên, thì mấy ngày nữa, ta cũng chưa hết chuyện nói với nhau, xin Bác cứ thư cho đến mai, thôi mà...

CỤ ÔNG. — Ai lại thế? Bác đã lên tới đây rồi, thì lúc nào Bác lại thăm anh Nghè, chẳng được?

CỤ PHÚC LỢI. — Xin Bác thể-tình cho tôi, tôi đã lên đây, xin phép hai Bác, cho tôi dùng bữa cơm đầu tiên với anh chị nó, kéo nó hăm-hụi...

CỤ ÔNG. — Vâng, tôi hiểu lòng Bác lắm, nhưng, tôi vẫn tiếc, không được chuyện-văn với Bác, đêm nay!

CỤ PHÚC LỢI. — Xin Bác xét cho, từ khi anh chị nó ở Pháp về, rồi mắc công, mắc việc, năm, sáu, năm nay, tôi có được giáp mặt vợ chồng anh nó đâu... Ngày về quê, con cháu gái mới đầy tuổi tôi, bây giờ nó lớn bằng bao, tôi cũng không rõ nữa!... Thôi, thế tôi xin phép Bác... (Cụ Phúc-Lợi lên, với lấy ô và va-ly).

CỤ ÔNG. — Vâng, xin để Bác lại thăm anh Nghè vậy, nhưng, sáng mai, thế nào, Bác cũng đến soi com với chúng tôi, nhá!... (cụ gọi với ra phía cửa hàng, trong khi đi tiễn cụ Phúc-Lợi ra. Cậu cả cũng đi theo sau hai cụ) — Bà nó ơi!... Bác Phúc-Lợi cứ nhất-dịnh đòi về thăm anh Nghè, đấy...

Bà người đi ra xong thì vừa hạ màn.

CẢNH SUẤT II

Tại nhà ông Nghè, con cụ Phúc-lợi.

Đây là cái phòng dành riêng cho bạn-hữu, ở trong cái biệt thự của ông Nghè.

Trong phòng, bày biện theo lối âu tây. Bên phải, có cửa sổ thông sang buồng rửa mặt. Bên trái, có cửa sổ ra bên ngoài hành-lang của biệt-thự. Phía trong cùng, có giường sắt, kiểu một người nằm. Giữa buồng có bàn nhỏ, thấp và hai ghế tựa thấp.

★

Kéo màn lên, ở trên bàn, thấy có đề chiếc va-ly con, của Cụ Phúc Lợi, và chiếc ô, dựng tựa vào một chiếc ghế.

Ông bà Nghè đương đứng nói chuyện với nhau, ở gần lối cửa ra vào.

BÀ. — Thế, cụ đâu, hả mình?

ÔNG. — Cụ đương rửa mặt, ở bên kia.

BÀ, cau mày. — Bây giờ làm thế nào, cụ đến vừa đúng ngay vào lúc mình đi chơi, mới rầy rà cho chứ!

ÔNG. — ... Hay, ta mời cụ cùng đi...

BÀ. — Không tiện đâu, mình ơi; với lại, nếu còn sớm giờ, ta còn phải tạt lại thăm anh luật sư Vinh, uống Cốc-tay, kia mà...

ÔNG. — ... Rầy quá nhỉ!

BÀ. — Hay, thế này tiện hơn hết, mình ạ... ta bảo Tư, nó xem, bảo bếp làm com ta, để cụ ăn trước, chứ, vợ chồng mình đi là-cà, chẳng biết mấy giờ mới về? (Bà nói xong, không đợi ông đáp, bà giơ tay bấm nút chuông).

ÔNG, hơi có vẻ nghi-ngờ. — Ừ, hay thế vậy... với lại, xưa nay, cụ có thích ăn com tây đâu. Anh Tư vào, anh Tư là quản-gia của ông bà Nghè.

TƯ. — Thưa ông bà gọi con ạ?

BÀ. — Anh Tư này, có Cụ ở dưới quê mới lên chơi, cụ không ăn được com tây, ở nhà, anh xem bảo bếp nó làm com ta ăn nhá...

TƯ. — Bẩm vâng ạ.

BÀ. — Chị Hai đã đi đón cô Bé chưa?

TƯ. — Bẩm, chị ấy vừa đi đấy ạ.

ÔNG. — Hề chị ấy về, anh bảo chị ấy đưa cô Bé vào đây, chào Cụ, nghe không?

TƯ. — Bẩm vâng.

BÀ. — À, hôm nay, là ngày học đàn của cô Bé, anh nhắc chị Hai, chớ để nhớ giờ, cô giáo phải đợi lâu, anh nghe chưa?

TƯ. — Bẩm vâng.

Cụ Phúc Lợi ở buồng rửa mặt bước sang. Cụ ngồi xuống ghế.

ÔNG. — Thưa, cái phòng này để riêng cụ dùng, cụ cần gì, cụ bấm chuông ở kia, (ông chỉ về phía cái bấm chuông) gọi anh Tư (ông quay lại phía anh Tư), anh Tư, ở nhà, anh hầu cụ, nghe không?

TƯ. — Bẩm vâng.

Nghe thấy ông Nghè nói hai tiếng: "ở nhà", nên cụ hỏi ngay:

CỤ. — Thế, anh chị đi đâu bây giờ?

ÔNG. — Thưa, thường nhật, giờ này, chúng con đi chơi mát... Cụ ở nhà, để cụ soi com trước, vì chúng con e có về muộn chẳng.

CỤ, có vẻ không được vui, nhưng cụ cũng gượng hỏi. — À, con cháu Bé đâu nhỉ?

BÀ. — Thưa, cháu đi học, giờ này, nó cũng sắp về... Con đã vừa mới dặn anh Tư, hễ cháu về, anh sẽ dẫn cháu vào đây...

CỤ. — Thế là được rồi, anh chị cứ đi chơi đi...

ÔNG. — Thưa vâng, Cụ ở nhà...

BÀ. — Cụ ở nhà...

Hai vợ chồng ông Nghè đi ra khỏi phòng.

TƯ, Giơ tay gãi gáy, rồi sẽ nói. — Bẩm Cụ, chúng con về làm hầu ông bà Nghè con, ngay từ khi ông bà con, mới ở Pháp về, kia đấy ạ... Bẩm, lần này, Cụ lên chơi, chúng con mới được hầu Cụ. Bẩm Cụ, Cụ soi gì, để chúng con bảo bếp nó làm ạ?

CỤ, ngần-ngờ một tý rồi cụ mới nói. — Tôi vừa uống nước, ở đằng nhà một ông bạn, tôi thấy còn no... Có lẽ, tôi chẳng cần ăn gì nữa đâu... anh đừng nên cho làm gì cả, tôi không thấy đói.

TƯ. — Dạ, bẩm cụ, ông bà con đã ra lệnh mà con không bảo bếp làm com, thì thế nào con cũng bị quở!

CỤ, nhích mấp, cười gằn. — Về việc đó, anh chớ lo, đã có tôi, tôi sẽ nói hộ cho anh.

TƯ, lại giơ tay gãi cái mụn vô hình ở gáy. — Bẩm cụ, con xin mạn phép cụ, bẩm, con trông thấy cụ, con lại nhớ tới bố con...

CỤ, hơi ngạc-nhiên. — À!

TƯ. — Bẩm, cụ có cho phép, chúng con mới dám nói ạ...

CỤ. — Được, anh cứ nói.

TƯ. — Dạ, bẩm cụ, khi chúng con còn ở nơi quê, nhà nghèo quá, cả nhà, luôn-luôn bữa no, bữa đói!... đến lúc con lớn khôn, đi làm, đi ăn kiếm được đồng tiền, để cho cả nhà no ấm, thì bố mẹ con, lại đã về cả!... bây giờ, con có muốn phụng-dưỡng, cũng không sao được nữa... nghĩ tới đây, con ân-hận quá!...

CỤ. — Lòng anh như thế là rất hiếu-thào, trung-hậu, đáng khen... cho đâu anh không đền được ơn, trả được nghĩa cho cha mẹ, nhưng cha mẹ anh cũng chứng quả cho lòng anh.

Ở phía cửa ra vào, có người đi qua. Anh Tư vội chạy ra.

TƯ, dừng lại ở ngưỡng cửa. — Chị Hai ơi! Lại đây tôi bảo cái này!... Có Cụ ở quê lên chơi, chị đưa cô Bé vào chào Cụ.

Có tiếng chị Hai nói vọng vào.

TIẾNG VỌNG. — Cô Bé! Cô Bé, rồi cô hãy về buồng, hãy vào đây chào Cụ đã.

Chị Hai ló đầu vào, tay dắt cô Bé, cô Bé ước độ, 6, 7 tuổi.

Hai người cùng bước vào trong phòng.

CHỊ HAI, chợt nhìn thấy Cụ. — Lạy Cụ ạ!

TƯ. — Kia, cô Bé, cô chào cụ đi!

CÔ BÉ, ngơ-ngác, rụt-rè.

— Lạy cụ... ạ...

TƯ. — Ấy chết, sao cô lại bắt chước chị Hai?... Có phải chào: "lạy ông ạ, chứ!"

Cô Bé có vẻ lưỡng-cuống, sợ-hãi.

CÔ BÉ. — Lạy... ông... ạ!

CỤ, cười. — Bé đấy ả? Vào đây với ông... ông xem nào... cháu tôi còn bé dại, cháu tôi đã biết thế nào?... (cụ giơ tay đón) vào đây với ông... lúc con về quê với Ba, Mẹ con, thăm ông, con mới được một năm, con đã biết gì mà nhớ ra ông... Giá, mẹ con có ở nhà, bảo cho con rõ, thì con mới khỏi bỡ-ngờ... (cụ cầm tay cô, kéo cô lại bên ghế cụ) cháu đi học về phải không?

CÔ BÉ. — Thưa... vâng...

CỤ. — Cháu học ở trường nào?

CÔ BÉ. — Cháu học ở trường Bà sơ.

CỤ, vuốt đầu cô một cách âu-yếm. — Cháu học có giỏi không.

CÔ BÉ, lặng yên, không đáp, cô cúi mặt xuống có vẻ ngượng-ngịu. —...

CỤ. — À, ông có mua cho cháu một gói kẹo đây... cháu có thích ăn kẹo không? (Cô Bé không đáp. Cụ với chiếc va-ly ở trên bàn, mở ra, móc, lấy ra một gói kẹo và đưa cho cô) Kẹo đây, con ăn đi!... (cô quay nhìn chị Hai).

CHỊ HAI. — Cụ cho, cô cầm lấy đi... hay, thôi, để tôi cầm đỡ cho cô... Bẩm cụ, cụ giao cho con ạ... Bẩm cụ, bà con ra lệnh, kẹo, bánh, sau bữa cơm, cô con mới được ăn... con xin cụ ạ, để con cầm, rồi chốc nữa cô con sẽ ăn, ạ.

CỤ, có vẻ khó chịu, nhưng sau, cụ cũng giao gói kẹo cho chị Hai. — À, thế à?

CHỊ HAI. — Bây giờ, con xin phép cụ cho cô con đi rửa mặt, rửa chân tay, để cô con đi học đàn, vì sắp đến giờ cô giáo dạy đàn đến rồi ạ.

CỤ, ngạc-nhiên. — Học gì? Học đàn à? Cháu tôi đã học đàn rồi, kia à?

CHỊ HAI. — Bẩm vâng, cô con đã bắt đầu học đàn từ mấy tháng nay, rồi đấy ạ... Bẩm có một cô giáo dạy đến đây dạy cô con, đấy ạ... (quay nói với cô Bé) Thôi, cô xin phép cụ, đi về buồng, đi!... (nói với cụ) Bẩm, bà con đã có lệnh, không được để trễ giờ học đàn của cô con... con xin phép cụ ạ.

CỤ, lắc đầu, thờ dãi. — Ừ, thôi, con đi học đàn, học xong, rồi sang đây chơi với ông... vậy! (Chị Hai và cô Bé đi ra khỏi phòng. Cụ quay lại phía anh Tư) anh Tư này, tôi thấy khát nước.

TƯ, tỏ vẻ hốt-hoảng. — Bẩm Cụ, để con đi pha nước ạ...

CỤ, ngẫm-ngẫm một hai giây, rồi mới. — Tính tôi uống nước hơi khó một tí, nghĩa là phải pha thật cẩn-thận. Điều trước nhất, anh chớ có cho ngay chè vào ấm. Anh rửa ấm chén cho thật sạch... rồi để đấy... anh đi đun nước... nhà có nước mưa không?

TƯ. — Bẩm không, nhưng có nước lọc ạ.

CỤ. — Nước lọc cũng được... anh đun nước, lửa phải to, và anh phải đứng luôn-luôn ở đó, hễ nước sôi, hơi bắt đầu si ra đầu vôi, thì anh để đó, đi lấy chè cho vào ấm, rồi rót nước sôi vào, anh để nghe rõ và nhớ kỹ chưa, nào?

TƯ. — Bẩm đã... (anh tìm-tìm cười có vẻ như tự-nhủ, sao mà cụ tỉ-mỉ như thế, nhưng, cụ làm như vậy, chỉ cốt cho anh đi lâu, để cụ rảnh-rang).

Từ ra xong, Cụ ngồi nhìn quanh phòng, vẻ mặt buồn-rười-rượi, trong đó, có đủ: chán ngán, thất vọng, đau thương! Cụ đứng lên giơ tay cầm lấy cái quai của chiếc va-ly, nhưng, Cụ ngẫm-ngẫm thế nào, cụ lại buông tay ra, đoạn Cụ quay ra phía cửa ra vào, và Cụ từ từ bước ra khỏi phòng.

Sân khấu không có người.

Một lát sau, anh Tư lễ-mễ bưng khay chè và sách siêu nước sôi lên. Anh tỏ vẻ ngạc-nhiên khi không nhìn thấy Cụ ngồi ở ghế.

TƯ, vừa đặt khay và siêu xuống, vừa nói với sang phía buồng rửa mặt. — Bẩm rước cụ sang soi nước ạ (anh chạy sang buồng rửa mặt. Một tí. Anh trở ra, mặt ngơ ngác. Anh chạy vội ra phía cửa ra vào và nói thiệt to) Xin mời cụ vào soi nước ạ! (anh chạy ra khỏi phòng. Một giây sau, anh lại trở vào, để ý nhìn vào cái ô và cái va-ly. Anh làm bầm) Quái! Không biết cụ đi đâu, kia! Va-ly và ô của cụ hãy còn ở kia... hay cụ đi ra đường chẳng? (anh lại hốt-hoảng chạy ra khỏi phòng).

Anh Tư ra xong, màn cũng bắt đầu hạ, nhưng, hạ được một phần ba, thì ngập ngừng một tí, rồi mới hạ xuống thiệt mau.

(Xem tiếp trang 40)



ĐÁ GÀ, GÀ ĐÁ

(Tiếp theo trang 24)

— Dù mê chơi thứ gì cũng không bao giờ nên làm mất lòng vợ. Đàn bà họ ghê lắm, họ không bao giờ chịu mình đâu. Họ im lặng tức là họ sẽ tìm cách trả đũa mình.

Ký Thanh gân cổ lên cãi lại :

— Chà có cách nào cả, tôi đã nói là nhà tôi chịu đựng.

Người bạn không chịu thua :

— Đây rồi bác xem, họ thiếu gì lỗi trả đũa mình !

— Vô lý, không bao giờ nhà tôi...

Từ lúc Thanh bị người bạn gây cho một ấn tượng về sự trả đũa của đàn bà, anh bắt đầu để ý vợ xem có những hành động gì gọi là khả nghi không. Thì thấy không những chị Thanh vẫn nét na hiên thực, mà lại còn tỏ ra dõm dắng, chiều chuộng anh hơn xưa nữa. Mãi tới trước kia để rồi bởi ít khi chịu cãi, thì nay thấy vẫn tràn một cách gọn ghẽ, đường ngoi lệch kẻ thẳng một cách nên duyên. Và để ý kỹ hơn một chút anh còn thấy bộ ngực của vợ được nịt cao và gọn, phấp phồng dưới làn áo phin mỏng rất gợi tình.

Đúng rồi, chị học cách trang điểm của người Nam để quyến rũ và giữ anh cho khỏi chán cảnh... cơm nhà !...

Hôm nay đưa gà đi Tây Ninh dự giải, muốn giữ sức cho gà khỏi phải đi xa, mà lúc đến địa điểm phải đấu ngay, Thanh phải tới trước một ngày. Vợ Thanh cũng không phản nản gì về việc chồng đi cách đêm như vậy và còn khuyến khích và chúc anh đoạt được giải, về nhà chị sẽ làm tiệc ăn mừng.

Ngồi trên xe đò, lần lúc Thanh nghĩ bụng, phen này mà đoạt giải thế nào cũng phải rủ vợ xuống Chợ lớn ăn một bữa cao lầu, để gọi là đền đáp tấm lòng chiều chuộng của người hiền phụ.

Đến cho Thanh, 9 giờ sáng hôm sau thì tranh giải, mà tới hôm ấy đến nhà trọ, con gà của anh không chịu ăn, cứ đứng dờ mắt và sều rả ra từng giọt. Điều này là nó bị say nắng và có khi trúng gió rồi ! Thanh cũng biết vậy, đã bóp thuốc và đồ sấm cho nó, mà con gà quá ác cứ dờ ra, đứng rú đầu xuống một cách thâm hại.

Hì hục chăm bóp cho gà đến gần nửa đêm mà thấy vô hiệu, Thanh nghĩ : thì rằng đem về đêm nay còn hay hơn, chứ để đến mai đi một ngày nắng nữa, thì gà chết mất. Cơ may này thì chiến với đấu gì mà cho ra đấu trường cho thêm nhục.

Và ngay đêm ấy Thanh ra xe đò về Saigon.

Mộng đi ăn cao lầu tan vỡ, lại ngại về khuya bị vợ cản nản, làm cho Thanh chán ngán đi không buồn bước. Về đến nhà, đứng ngẩn ngai mãi, không dám gõ cửa, giằng lâu anh khẽ lay lay, hy vọng trong nhà có ai nghe thấy thì ra mở. Nhưng may thay, vừa đẩy cánh cửa đã bật ra. À có lẽ nhà đi ngủ quên cài then cửa. Thế này thì chết thật, cửa ngỏ hờ hênh trộm nó vào cái rế rách cũng không còn ! Vợ với con không tin cậy gì được, mới đi vắng có một ngày... Thanh nghĩ bụng, nếu vợ mà lộ về kêu ca gì sự về khuya của mình, thì anh sẽ mắng ngay cái tội đi ngủ quên cài then cửa để át giọng đi, không cho nói vào đâu được.

Cần thận đêm gà nhốt vào chuồng ; rồi Thanh lên nhà bật đèn sáng trưng.

Anh đèn vừa bừng lên thì Thanh giật mình sững sờ thấy một bóng đàn ông nhảy vọt từ trong phòng của anh... ôm quần mà chạy biến ra cửa.

Anh trở mắt nhìn theo thì nhận rõ ràng là thằng Ngân... anh kếp phụ vẫn ca cái lương rất mùi bên hàng xóm.

Nhận rõ sự việc, biết rằng đuôi tên Ngân cũng không kịp, anh nhảy vào phòng vợ, với con ghen xung thiên, anh dấm, anh tát vợ một hồi không còn tiếc tay.

Chị Thanh dẩu tóc rú rượi ở trong mùng, mặc cho chồng hành hạ. Ngừng tay, anh Thanh đứng thờ hồng hộc, chị bèn vén lại mái tóc rồi bật lên một câu như ròi gáo nước đá vào lưng chồng :

— Ai bảo mẹ đá gà ! ?

Từ hôm đi Tây Ninh về, Thanh không chơi gà chơi nữa. Bạn bè có hỏi anh bảo chán rồi, nuôi gà chơi vô tích sự, chỉ thêm bức mình và tốn kém.

Có kẻ biết chuyện đã tiết lộ rằng :

— Thằng cha thích chơi "đá gà", nhưng bị gà hàng xóm "đá" lại, nên nó cay mà không dám chơi nữa.

Nhưng nếu ai lập lại câu ấy với Thanh, thì anh bêu mồm một cách khinh bỉ, mà đáp :

— Chúng nó thôi mồm, nói vậy, tôi chán chơi gà thì tôi thôi chứ gà nào đá nổi tôi !

TRỰC - NGÔN

ANH EM

(Tiếp theo trang 35)

— Em ở cách đây bao xa ?

— Dạ, bảy cây số... độ chừng đó.

— Bảy cây số ? Vậy ai gọi em đến đây, lúc nào ?

Người con gái ngập ngừng, có ý không muốn nói đến những chi tiết vô ích ấy, sợ nó sẽ mở đường cho những câu tò mò khác. Nhưng thấy tôi cứ im lặng, chờ đợi, bắt đầu đi cô ta phải nói :

— Thỉnh thoảng, đi chợ phiên, em ghé lại đây.

— Em vẫn ở nhà chồng ?

Người con gái cười :

— Em có hỏi gì đến gia đình anh đâu !... Chắc anh ở xa lắm, phải không ?

— Ở xa lắm, tuy anh vẫn nói một giọng với người tình này. Gia đình anh thì có gì đáng hỏi ? Nhưng chồng em thì phải e ngại chứ !

— Anh không lo. Chồng em không biết đâu. Mà chủ nhà đây họ có phòng bị.

— Ở ! Chủ nhà này là những ai đâu mà không thấy một người nào cả ?

Người con gái không nói gì cả. Có lẽ cô ta có cười trong bụng thôi. Tôi bắt đầu nhận thấy người con gái thôn quê này lần lần có những cử chỉ dạn dĩ lạ thường. Cô ta sát vào tôi và bỏ thái độ thụ động.

Tôi nói :

— Anh vẫn thắc mắc về người chồng của em.

— Anh nói sao ?

— Anh nói là chồng em... là giữa chồng em với em thế nào...

Người con gái nói cánh tay đang siết tôi. Lần đầu tiên cô ta có vẻ chăm chú vào lời nói :

— Em không cần đâu : đối với em chẳng có tình nghĩa vợ chồng gì cả. Em không thương chồng. Cả gia đình nhà chồng đều biết vậy, cho nên luôn luôn hợp sức với chồng em mà canh phòng, vây giữ em, họ biết rõ ra là em ngoại tình. Nhưng em vẫn cứ ngoại tình. Mối lần bắt được họ đánh đập thẳng tay. Anh coi đây.

Người con gái cầm bàn tay tôi đưa lên đầu, cho tôi sờ thấy mái tóc cắt cụt. Tôi hiểu đó là lời trừng trị đàn bà ngoại tình ở quê tôi.

Người con gái tiếp tục nói luôn :

— Không phải lỗi ở em. Em chỉ có cách phản đối đó mà thôi. Từ đầu chỉ cuối em vẫn không thương được chồng em. Nhưng em bị bức bách phải lấy người chồng đó. Bây giờ thấy mẹ em mất hết rồi, bà con phía bên em không còn ai nữa, em không có ai bên vực. Em liều rồi. Chỉ có cách phản đối như vậy mà thôi.

Cô ta phân trần bằng một giọng hăng hái rõ rệt, khiến tôi không thể ngờ là một câu chuyện bịa đặt mà các cô gái giang hồ thường đọc thuộc lòng mỗi khi có khách tò mò hỏi đến thân thế của mình.

Cô ta ngồi giang ra, cời cái áo ấm vút vào phía đầu giường. Bên trong cô ta mặc cái áo cụt trắng, cở sơ mi.

Tôi nói :

— Anh hết sức tán thành cách phản đối của em.

Cô ta nũng nịu ngã vào người tôi, một tay cô ta vút cời tôi xuống. Tôi bật cười :

— Nhưng gia đình mà ép được em trong việc gả bán thật là lạ.

— Dạ, anh nói sao ?

— Anh thấy em vừa liều vừa bướng. Cha mẹ để gì ép gà em...

— Liều ! Bướng !

Người con gái bấu môi, xỉ một tiếng. Rồi lại tiếp :

— Mà ai nói với anh là cha mẹ ép ?

— Chứ còn ai ép nữa ?

Người con gái trở lại hăng hái :

— Còn ai ép nữa ? Hồi đó họ có quyền, họ muốn gì không được. Thấy em làm sao dám chống với họ ? Anh tính hồi em đi học lớp nhì, cấp sách qua trước nhà nó, thì nó ngồi chờ để cho cha nó làm thợ rèn, nó nghehen mặt ngó em, hai con mắt ngó nghehen, khờ đặc. Lớn lên nó không biết một chữ. Vậy mà về sau, tới khi bình nghị thành phần, thầy em không canh tác nổi, bị xếp vào hạng sống bằng tô tức, bằng bóc lột, và bị bao vây, cô lập, điều đứng ; lúc đó nó là bần cố, là đảng viên, nó muốn gì không được ? Thấy em lúc đó khiếp đi rồi, nghe ai dọa một tiếng là quỳnh lên, nói gì chẳng nghe ? Với lại có riêng gì mình em, cái cảnh địa chủ gả con gái cho đảng viên bần cố để nương thân ở đây thiếu gì. Nhiều cô đẹp đẻ, có học thức đảng hoàng

mà cũng cần rắng chịu vậy. Anh không thấy sao, bây giờ đình chiến, thời thế khác rồi, họ không chịu vậy nữa, họ phá gia đình, bỏ trốn ra thành phố thiếu gì. Anh không biết chỗ con gái nhà quê bây giờ bỏ nhà ra thành phố nhiều lắm. Phần lớn là vậy hết. Nếu em không thương đứa con nhỏ thì em cũng đi lâu rồi. Nội một nửa làng của em ở hai xóm Gò Chùa với xóm Đẽ đã có tới bốn chị vậy rồi.

Tôi giật mình hỏi :

— Xóm Gò Chùa hả ? Em nói làng nào ?

— Dạ, em ở làng Khánh xuân. Không đó là phía thầy mẹ em, chứ không phải làng phía chồng. Phía chồng em ở Hương phú, cách đó chừng ba cây số, Anh cũng biết vùng đó sao ? Hai làng cách có ba cây số mà hồi thầy em đau nặng em đang bị thương hàn, vừa bớt lại trúng phong bại một chân không đi được, cho tới khi thầy em mất em cũng không về nhà được. May có người anh con ông bác...

Bất giác tôi rút hai tay lại làm người con gái ngừng câu nói. Đầu cô ta vẫn còn ép trên ngực tôi. Một phía mông và đùi cô ta vẫn còn đè nặng trên đùi tôi. Tôi lúng túng khó xử như con chim cườm vừa bị cái lưới bẫy sắp để xuống.

Sau lưng tôi nghe có tiếng khua nhẹ. Tôi quay lại, nhìn qua một lỗ thủng trên vách : không biết từ lúc nào một người đàn ông đến đứng trước cái bàn ở phòng ngoài. Y mặc quần cụt, áo sơ mi cụt tay, đầu húi ngắn ; y không xách bình nước bằng bình, lòng bàn tay để sát xuống nấp, và như thể nâng chiếc bình lên rót nước. Y bưng chén nước uống vài hớp, rồi quay mặt vào phía buồng chúng tôi, ngừng lại nhìn một lát, y lại thần nhiên quay vào vách. Uống xong tách nước y quay ra bước đi.

Người con gái cũng vừa nhòm đầu dậy, nghiêng tai nghe tiếng chân y bước.

Thừa dịp ấy tôi ngồi hẳn dậy, nhích lui ra. Tôi bỏ chân xuống đất sắp sửa đứng lên, thì vừa nghĩ đến sự kinh ngạc của người con gái. Tôi càng bối rối. Cô ta tránh hẳn ra, ngồi yên lặng, ngoảnh mặt vào trong vách, nhưng vẫn theo dõi cử chỉ tôi, và chờ đợi. Sự yên lặng thực nặng nề. Trí óc tôi lộn xộn nhiều ý nghĩ đứt nối hỗn loạn, tôi vừa muốn vụt đi ngay tức khắc, vừa muốn có cách gì nhìn rõ mặt người con gái.

Như thế có lẽ khá lâu. Chợt người con gái phác một cử chỉ như sắp quay lại. Tôi hoảng hốt đứng phắt dậy, móc túi lấy ra một tờ bạc trăm đút vào tay cô ta, nói vội vàng :

— Anh đi. Thôi, anh đi... anh có việc gấp...

— Vâng !

Tôi vệt tấm màn lách mau ra ngoài. Trong cái tiếng "vâng" nói bằng một giọng kỳ cục của người con gái miền Trung đó tôi nghe rõ ràng một sự lạnh lùng kiêu hãnh chưa đầy giận hờn vì tự ái bị xúc phạm, và vì những thềm muốn xác thịt bị khiêu khích mà không thỏa mãn.

Vừa ra đến cổng tôi suy tư và phải một người đàn ông đi ngang qua. Y hút một điếu thuốc lá, mùi khói hăng thật gắt xông vào mũi tôi. Y đi về phía đường quốc lộ. Tôi bước theo sau y, cách vài thước thỉnh thoảng hít phải mùi khói thuốc lá khó chịu.

Tôi đứng chờ người bạn. Một chiếc xe hơi rọi những hạt mưa bay rơi tui bụi trong khoảng ánh sáng của đèn pha. Tiếng chiếc xe hơi đi qua vừa tắt, thì nổi lên tiếng huýt sáo mấy câu đầu của bài *Tô châu dạ khúc*. Người bạn chơi bởi của tôi trước đây đã cầm một cây kèn đi theo giàn nhạc của một gánh cải lương lang thang ba năm ; ngày nay dạ khúc đó còn dính trên môi.

Chúng tôi đi về phía quận lỵ. Người bạn vẫn huýt sáo. Tôi suy nghĩ sâu xa về ý nghĩa một lần về quê. Tôi lại suy nghĩ sâu xa về cuộc đời đáng thương như một đứa trẻ lêu lổng không được dạy dỗ mà em Tân tôi thì chữ biết đủ điều, mà tôi và em Hạnh lại a-tòng theo. Ai làm việc xây dựng lại nó ? Nếu còn chú tôi, người đã cần thận mở cái túi khôn bao la của cô nhân bối tìm một câu khẩu hiệu viết treo lên, và như thế nó đã được chỉnh đốn rồi.

Anh đèn măng-sông nhấp nháy qua các tàn cây dần dần sáng rõ. Khi chúng tôi bước đến gần ánh sáng của phố xá, tôi lại tìm được cái bình thân vô tư thường nhật. Mọi băn khoăn hắc ám tiêu tan hết. Tôi hết thắc mắc tự hỏi : "Vừa rồi là Hạnh hay không phải là Hạnh ?"

Người bạn lên tiếng nói :

— Ở đây có cái quán này khá nhất. Vô đây kiếm tô phở đi.

Tôi sực nhìn lên mặt hắn, đưa tay gỡ một sợi tơ nhện còn dính trên mái tóc của hắn, đưa cho hắn xem, rồi kéo nhau vào quán. Hắn trông thấy sợi tơ nhện, cười xòa, thích chí.

VÔ PHIÊN

Thờ kính tổ tiên

(Tiếp theo trang 20)

Khởi lại vấn đề này hôm nay, trước ngày xuân này, chúng tôi không có ý công kích công việc của những người truyền giáo đi trước. Một hành động như vậy, muốn được phê phán, cần phải đặt vào thời đại của nó, phải được xét dưới nhiều khía cạnh, cần chú ý vào nhiều sự kiện tâm lý, tôn giáo, xã hội, lịch sử... Ta không nên căn cứ vào tâm lý của người sống ở thời nguyên tử để mà đánh giá người của thời sùng thần công. Chúng tôi chỉ muốn lấy con mắt và tấm lòng của người sống năm 1958 để mà đặt lại vấn đề thờ ông bà ông vải ở Việt Nam. Vấn đề chúng tôi muốn đặt lại hôm nay là nhận : tục thờ ông bà ông vải không phải là một tôn giáo và cũng không phải là một dị đoan (1).

Một động tác được coi là động tác tôn giáo, không phải tự bản chất đơn thuần của động tác ấy. Có những nghi lễ như thế này thế nọ chưa phải là một tiêu chuẩn quyết đoán có động tác tôn giáo. Một động tác được coi là động tác tôn giáo khi động tác đó biểu lộ những tình cảm tôn giáo, nghĩa là khi làm những việc đó người ta muốn biểu lộ lòng tin tưởng vào một quyền lực thần thánh nào ở trên con người.

Người Việt Nam trong khi vái lạy trước bàn thờ tổ không ai tưởng cha mẹ mình là thần linh mà thực ra họ vẫn thâm cảm người mà họ đang vái kính cũng là người như họ, đang cần được yêu mến, nhất là được giúp đỡ cho họ.

Tóm lại, người Việt Nam tin rằng người chết vẫn còn tiếp tục sống dưới một hình thức khác, tuy có hoàn toàn hơn, nhưng không khi nào họ tin rằng cha ông họ đã biến thành những bậc hiền linh, có quyền năng, có thể ban ơn hay gieo họa cho loài người. Người Việt Nam ít khi thần thánh hóa tổ tiên : họ thâm cảm ông bà ông vải họ vẫn là người như họ, vẫn còn ưa thích những cái họ ưa thích, vẫn còn cần những cái họ cần, vẫn muốn có một chỗ ở trong gia đình, vẫn muốn được lòng âu yếm kính trọng của họ.

Những nghi lễ về tục thờ ông bà ông vải thực ra chỉ là những nghi lễ của đạo hiếu. Mà đạo hiếu đòi người con phải hiếu thảo khi cha mẹ còn sống cũng như khi cha mẹ đã chết đi rồi.

Như vậy tục thờ ông bà ông vải, xét cho cùng ra, cũng không có gì dị đoan là vì những nghi thức của nó không bao giờ biểu lộ những tâm tình tôn giáo. Người mình thắp nến, đốt hương trước bài vị của người chết, thì người tây phương đốt nến thắp điện ở mộ người chết. Ngày nay người ta thắp điện, kết hoa chung quanh bức ảnh truyền thần của cha mẹ hay người yêu thì có sao đâu.

Còn như việc vái lạy, đó chẳng qua chỉ là những biểu lộ lòng cung kính như vái lạy người sống. Đến như tục cúng cơm thực ra chỉ là để biểu hiện sự thông cảm giữa hai thế giới.

Như vậy, ta nhận thấy việc thờ ông bà ông vải không phải là một điều nguy hại cần phải tiêu trừ. Trước kia hai phe truyền giáo Trung Hoa, một là dòng Tân chủ trương duy trì tục thờ ông bà ông vải, bên kia là Dòng Thừa Sai lên án nó. Cuộc tranh luận kéo dài mấy thế kỷ. Sau cùng, Tòa Thánh đã tỏ thái độ, ban phép cho người Công giáo Trung Hoa được tiếp tục giữ việc thờ ông bà ông vải mà chỉ khuyên nên gạt bỏ một vài việc như việc cúng cơm chẳng hạn.

Ngày nay trong lúc mà gia đình đang bị hóa thành sa mạc, trong lúc mà ai nấy muốn sống ở ngoài gia đình, thì thành lập lại ở giữa gia đình một bàn thờ tổ không những là điều nên làm mà nhiều khi còn cần thiết. Thiết lập lại trong mọi gia đình bàn thờ tổ không phải để lại đóng khung con người trong những khuôn khổ thoái trào, nhưng là để gây lên ở đó một chút ấm cúng, để lấy đó làm một điểm gặp gỡ cho các tâm hồn và các thế hệ.

Vấn đề cần đặt ra lúc này là cố giữ lấy BÀN THỜ TỔ, và thổi vào đấy một SINH KHÍ MỚI BÀN THỜ TỔ sẽ phải là MỘT BIỂU TƯỢNG thể hiện sự DUY NHẤT, SỰ CẢM THÔNG, SỰ YÊU ĐƯƠNG, SỰ TIN TƯỞNG của những người cùng chung sống dưới một mái hiên. Bàn thờ tổ cần kéo gần lại các tâm hồn đang chạy bỏ nhau, cần nối kết lại các thế hệ đang ly dị, đào thải ruộng rẫy nhau. Hôm nay đây, lúc xuân về, dịp mát, thanh bình, đem yêu đương vào tâm hồn ta, làm dịu xuống mọi tình sôi nóng, nóng giận, chúng ta hãy bình tĩnh cời mở toang lòng ra, đập đổ mọi bức tường, san bằng mọi biên cương để lòng ta cảm thông được với nhân quần và vũ trụ qua mọi thời gian và không gian.

THANH-LÃNG

(1) Về điểm này muốn nghiên cứu dài rộng xin đọc tập La Piété Filiale chez les Vietnamiens, luận án tiến sĩ thần học của L.M. Vũ Quang Tuyền (tr 172-213).

Điểm Mặt Quốc Dân

(Tiếp theo trang 30)

Có sát thì dùm mếch báo cho.

Đại-biểu của dân, dân tân-tung,

Chỉ thấy cái đĩa nổi quanh-co.

Điểm xong nhà báo và dân-biểu,

Đại-diện miền Nam đất Tự-do.

Ghé mắt nhìn qua bờ vi-tuyến,

Tân-tướng cộng-sân khứa hay-ho.

Thử xem địa-ngục hay tiên-cảnh,

Bạc bịp tàn canh phải lắm trở !

Trước tiên hãy kể cụ Phan-Khoi,

Cụ Tú nhà ta thiết cũng tôi.

Ái lại ăn lương vào hàng bự,

Đai cao ngất-ngưỡng ghéch châu người.

Bác Hồ chiều-đai hơn chiều vợ,

Chỉ cốt cho ngài được thánh-thời.

Tuổi trẻ hung-hăng đánh một lễ,

Chớ như cụ Tú đã già rồi.

Bưng tai, bịt mắt dùng cây viết,

Nguyệt lão vài hàng tán-tung chơi.

Có phải nổi danh nhân-sĩ gộc,

Bọn con nhà Mác phục như trời.

Đàng này trong-ngành đòi dân-chủ,

Gào tự-do hoài mới đỡ hơi !

Làm tui thanh-niên vùng tỉnh mộng,

Xông lên múa bút đã tới-bời.

Trương Tiên, Hoàng Cầm, Nguyễn hữu Loan

Văn-Cao, Lê-Đạt cũng đang đàn :

Tự-do là giết không cần xin,

Dân-chủ là châu cửa ỷ-ban.

Cán-hộ toàn phường ăn cướp cạn,

Hồ, Đồng bắt quá lũ cờ gian.

Dầu cho hóa ngục còn phương-hướng,

Miền Bắc tương-lai thiếu địa-bản.

Vật đất làm mưa, trời vẫn han,

Đem thân làm ngựa bưng chưa an.

Hòa-bình đủ-đồn vài con đi,

Uơn-éo vào hầu các quý quan.

Còn chút vốn riêng ấm ừng-lộ,

Mày ra thời cũng đỡ cơ-hàn.

Đất cần trụi cỏ, người ăn cỏ,

Miếng cỏ xoi vào mắt ruột gan !

Nghìn trước đã chưa từng có vậy,

Muôn sao hân nhớ cảnh điêu-tàn.

Vợ chồng rào-đón, ngờ sân-bầy,

Ruột thịt nhìn nhau chẳng hỏi-han.

Đạo, gậy Quỳnh-lưu mãi phải bền,

Hỡi Hùng-gia-lợi, hỡi Ba-lau !

Mới kể sơ-sơ chuyện sửa sai,

Gọi là mấy nét rất sơ-sai.

Ái không tin thực, còn mê « Cự »

Còn tưởng « anh » Khu, « chú » Giáp tài.

Thì thử ra chơi ngoài Bắc Việt,

Mà xem bằng mắt, lằng lằng tai.

Rồi về thả sức tuyên-truyền Cộng,

Có thể Hà đây mới phục ngài.

Chức cđ ngồi xa mơ-ước hão,

Cho ra đất Bắc lại cơ vôi.

Lên xe, xuống ngựa, gào vô-tấn,

Chính-trị xa-lông, chữ học-đời !

Mai-một nếm cơm Hồ chủ-tịch,

Bấy giờ có lối cũng công toi.

Vô-tình mở cửa mời lang-sỏi,

Giấu-tiếp cầm dao hại giống-nòi.

Miền Bắc ngày nay nền địa-đàng,

Sao hàng triệu kẻ phải lang-thang ?

Quỳnh-lưu đồ mưu đòi dân-chủ,

Cán-hộ công đầu Nguyễn-hữu-Đang,

Muôn sông liêu minh quên cả chết,

« Nhân-Vân », « Giai-Phẩm » tòa hào-quang.

Việt-minh lại gặp vào năm chó,

Thì bác Hồ tôi chết bỏ lang !

Trở lên tạm xét vài ba việc,

Toàn nét « điển-hình », chuyện « đặc-biệt »,

Đại-diện cho dân có báo-chương,

Có trăm dân-biểu quên ăn tiệc.

Có tờ Giai-phẩm, cụ Phan-Khoi !

Có sức đấu-tranh bằng quyết-liệt.

Chó chết giờ đây Lợn trở về,

Cuộc đời còn giống như trò xiếc ?

Chúc cho tất cả các anh em,

Gặp tết tề nay hết nhọ-nhem.

Năm Lợn giữ cho lòng khỏi lợn,

Thấy đàn-bà đẹp chẳng tòm-tem.

Thấy tiền phi-nghĩa xưa tay lác,

Thấy chuyện phi-luân mắt đỏ bèm.

Thấy áo ny-lông phơi của lạ,

Vội lau rức mắt, quyết không thêm.

Đón xuân mình gầy cùng đàn ngược,

Không lẽ bà con vẫn cũ mềm ?

HÀ-THƯỢNG-NHÂN

Chi vì cái Tết

(Tiếp theo trang 34)

Riêng tôi, tôi vẫn nghĩ rằng một ngày kia, việc gì đến sẽ đến trong cái gia đình ấy. Nhưng không ngờ nó xảy ra trong những ngày cuối năm, và đến bây giờ tôi mới biết rằng chỉ có sự thiếu thốn của ngày tết mới quan hệ, mới là động cơ thúc đẩy đến sự tan vỡ của cái gia đình rạn nứt ấy.

Tôi đoán như vậy, vì tôi với Tuất vốn là đôi bạn thân thiết từ thuở thiếu thời. Tuất không đâu tôi điều gì, dù rằng Tuất vừa mới biết một người con gái hoặc yêu mơ mộng một nữ tài tử màn bạc. Có thể nói rằng chúng tôi có hai nhưng là một.

Cái ngày Tuất lấy Loan, tôi cũng được Tuất hỏi ý kiến. Ngày cưới, tôi đi phủ rể. Nhưng sau ngày cưới được 1 năm, tôi thường thấy Tuất rầu rĩ. Có lẽ lần đầu tiên Tuất đã đau tôi. Không lâu Tuất lại nói thật với tôi về tánh nết Loan. Nàng không đứng đắn. Tôi sợ rằng Tuất chủ quan nên có những nhận xét ấy. Nhưng Tuất đã đặt anh ra khỏi vòng kiểm tỏa của tư tưởng — Tuất nhận xét đúng — từ đó Tuất lo lắng nhiều. Tuất muốn giữ lại hạnh phúc vì Loan đã có mang được vài tháng. Tuất lo, Tuất nghĩ, miệng ít khi cười.

Tôi không thể giúp Tuất được ý kiến hay. Không biết phải làm thế nào để giữ chân con ngựa bất kham. Tôi thú thật, rất lúng túng. Rồi một hôm Tuất vỗ vai tôi, mừng hiện ra mặt.

— Tôi đã nghĩ rồi anh ạ. Chỉ có một cách.

— Cách gì ?

— Ràng buộc nàng vào một thói xấu khác, nhưng vô hại cho gia đình hơn.

— Tôi chưa hiểu !

Tuất xoa tay đắc chí :

— Cho nàng đánh bạc.

Tôi giật nảy mình. Tuất đã nghĩ quanh. Trước mắt tôi, bao nhiêu gia đình tan nát vì cờ bạc. Nếu Loan đam mê cờ bạc, kết quả sẽ thảm hại hơn là để Loan hiện tại. Tôi không nói ra cái ý nghĩ ấy. Tôi hỏi Tuất :

— Anh đã nghĩ kỹ chưa ?

— Kỹ lắm và còn so sánh nữa. Nàng sẽ vùi đầu vào cờ bạc mà quên hết. Nàng sẽ giữ được tình yêu gia đình. Tôi chỉ cần cố gắng hơn một chút và trong hai cái đam mê nàng sẽ chọn một.

Tôi gật đầu chiều ý bạn chưa phải đồng ý với lý luận của bạn.

Rồi tháng Nam ra đời.

Hạnh phúc của gia đình ấy vẫn tồn tại.

Nhiều lúc tôi cho rằng Tuất có lý — nhưng chưa bao giờ tôi nghĩ rằng đến lúc Tuất hết tiền cho nàng đánh bạc, lúc ấy sẽ ra sao — quân bài đã giúp Tuất đắc thắng. Tôi không chối cãi sự thực hiện tại ấy. Nhưng tôi vẫn nghĩ đến một ngày xa xôi nào đó để nhắc Tuất phải kiểm điểm lại, dù chỉ một ít thôi. Tuất thần nhiên. Tôi không thể thần nhiên được vì tôi tin chắc sự đam mê nào chẳng này nớ ra một xấu xa khác.

Nhưng có lẽ tôi lầm. Tại sao tôi cứ níu lấy một duyên cớ nào đó để phiên hà Tuất. Tôi thôi nhắc Tuất những ý nghĩ không hay của tôi về Loan. Chính tôi đã thấy vợ chồng Tuất ăn nhiều bữa cơm rất thanh đạm không ngờ, trong khi Loan vẫn đủ tiền để đánh bạc. Chính tôi lại thấy Tuất thường ngày hai buổi đi đón vợ ở nhà chứa bạc về, cười thỏa mãn, Gia đình ấy không bao giờ có số sát, dù rất nhỏ.

Rồi 3 năm qua, sự nghi ngờ của tôi đã hết. Đến lúc mà tôi tin một cách thành khẩn ở sự thành công của Tuất thì lại chính là lúc Tuất thất bại. Thế cuộc đã lật ngược trở lại theo sự xét đoán của tôi : Lấy đam mê để chinh phục đam mê là thất sách.

Loan đã bỏ đi giữa đêm 28 Tết.

Cũng như Tuất, tôi tin chắc nếu không phải là những ngày tận cùng của một năm, nhằm lúc Loan thua bạc thì đã không xảy ra chuyện gì trong gia đình ấy.

Nếu đúng thì tội lỗi ấy do mấy ngày Tết đã gây ra chứ không phải là kết quả dĩ nhiên của một sự đam mê hoặc do sự bộc phát của một sức quá chịu đựng.

Đến bây giờ tôi vẫn không hiểu kết quả của sự tan vỡ là do khía cạnh nào, nhưng chắc chắn rằng ngày Tết đã nhen nhúm mối lửa cho sự tan vỡ ấy không phải nhỏ.

VÂN - HUYỀN

PHẬT GIÁO

TỨC LÀ GIÁO PHÁP VỀ TRÍ GIÁC

(Tiếp theo trang 21)

Tỉnh-tấn, Thiên-định, Trí-huệ. Tức nhiên ta bước lên địa-vị chẳng thối chuyển đối với quả Phật, rồi sau này ta sẽ đắc Trí-giác hoàn toàn, tức là thành Phật vậy.

Về Phật-pháp, Phật-giáo (Bouddhisme) mặc dầu có thiên kinh vạn quyển giải bày, nhưng chẳng qua là Giáo pháp về Trí-Giác, Đạo-lý dạy người để đắc cái Trí-huệ siêu tuyệt, để đắc cái Giác-ngộ hoàn-toàn, để thành đấng Phật-đà. Người tu học Phật-giáo là người nương theo giáo pháp chỉ dạy để trở nên đấng Trí-huệ hoàn toàn, đấng Giác-ngộ mà không một chúng-sanh nào, không một thần thánh nào bì kịp. Cho nên người ấy chẳng theo những hạng thầy tà mê, chẳng vái lạy và cầu nguyện các quý thần trong Tam Giáo Lục Đạo.

Người tu học Phật-pháp lúc nào cũng nên an-nhiên mà trông ra thế-cuộc, bền chí tu niệm, làm lành, giúp người và vui lòng nhận chịu những sự xây dựng cho mình; vui thuận với số phận mình, tuy nhiên lúc nào cũng tỉnh-tấn, quyết tâm lướt lên đường Trí-Giác. Người tu Phật có thể thọ BỆNH, vì Sanh, Lão, Bệnh, Tử là bốn mối khổ chung của người đời, không ai tránh khỏi. Người tu Phật có thể thọ NẠN, đó là Định-mạng, là Dự-nghiệp thọ xưa mà mình trả đời này, cũng như món nợ mình trả xong thì chẳng còn ai đòi hỏi nữa.

Người Phật-tử thường nên coi kinh-diễn và suy gẫm: đó là cách tu hành có công-hiệu nhất. Khi Phật còn trụ thế, thì Phật là Thầy. Khi Phật nhập diệt, Kinh-diễn do Phật thuyết dạy trong bốn mươi chín năm giáo-hóa. Kinh-diễn ấy là Thầy của tất cả Phật-tử, xuất-gia cũng như tại-gia. Kinh-diễn Phật-giáo hiện nay có in ra bằng đủ thứ tiếng: Tàu, Tây-Tạng, Pháp, Anh, Việt-Nam, Thái-Lan, Cao-Miên v.v... Người nước nào muốn tu học Phật-pháp cũng được cả.

Sau khi trải qua một thời-gian xem Kinh-diễn, sau khi đọc biết bốn-hạnh của chư Phật, của chư Tổ, của các Thánh-hiền, sau khi khảo qua lịch-sử truyền-bá Phật-giáo, người Phật-tử bên tự mình chọn lấy môn tu và pháp-môn hành riêng biệt cho mình, rồi cứ theo sở-tưởng ấy mà tiến tới một cách vững chắc là đủ. Chớ nên vội nghe theo lời của những kẻ đồn đãi: ông thầy này giỏi, bà sư kia linh, ông nọ biết việc quá-khứ vị-lai. Đó chẳng qua là lối tuyên truyền của bọn bịp bợm, bọn chim mồi mà thôi. Mà những vị giỏi, linh, biết việc quá-khứ vị-lai, phần đông chỉ là những kẻ nói bắt vắn bầy bạ mà thôi, họ còn khiến mình quay theo tà-giáo là khác.

Người Phật-tử, một khi đã vững tâm, một khi đã chắc quyết rằng mình có Phật-tánh, cũng nên kết Thiện-tri-thức, có thầy hay bạn tốt, để thỉnh thoảng viếng thăm nhau mà đàm luận, trao đổi ý kiến, cùng nhau nắm tay đi lên đường Trí-huệ.

Kính thưa các bạn đọc!

Trong số Xuân Kỳ-Hội của báo Tự Do, tôi xin phụ vào vài ý-kiến về Phật-giáo có tánh cách xây dựng, mong rằng những ý-kiến ấy có chút ít ảnh hưởng đối với tiền đồ Phật-giáo ở Nước-nhà!

Nam-mô Bồ-như Thích-Ca Mâu-Ni Phật.

ĐOÀN-TRUNG-CỒN

NHÀ CÓ PHÚC

(Tiếp theo trang 37)

CẢNH SUẤT III

Ngày hôm sau.

Vẫn ở cái phòng dành cho bạn-hữu, tại biệt-thự của ông bà Nghè.

Kéo màn lên, ông Nghè ở phía ngoài, bước vội vào phòng. Ông đi thẳng tới chỗ cái bầm-chuông, giờ tay run-run, bấm. Đoạn, ông rút tờ điện-tín màu xanh lạt ở túi ra; ông vừa đọc lại, vừa đi tới cái ghế và ngồi xuống. Ông đọc xong, đặt tờ điện-tín xuống bàn, để mắt, nhìn cái xa-ly, rồi lại nhìn cái ô.

Anh Tư vào.

TU. — Bầm ông gọi con ạ?

ÔNG. — Ừ... Thế nào, anh hãy kể lại cho tôi nghe, lúc tôi và bà Nghè đi rồi, thì cụ bảo anh những gì?

TU. — Bầm, con đã thưa rõ đầu đuôi ông bà nghe rồi... Bầm cụ không nói gì cả...

ÔNG. — Ừ, nhưng, anh cho tôi biết, cụ có kêu-ca hay trách-trách gì không?

TU. — Bầm không...

ÔNG. — Anh cứ nói thật, anh xem ý, cụ có giận dỗi gì không?

TU. — Bầm, thật không.

ÔNG. — Tại sao, anh không bảo bếp nó làm cơm để cụ soi?

TU. — Bầm, con thưa với cụ xem, cụ ưng soi gì, thì cụ gạt đi, cụ không ưng cho làm gì cả... Bầm, cụ kêu, cụ còn no... Con có nói với cụ, nếu con không bảo bếp làm cơm, thế nào con cũng bị quở, cụ bảo, không hề gì, đã có cụ, cụ sẽ nói cho... Bất-đắc-dĩ, con phải vâng theo lời cụ...

ÔNG. — Thế rồi sao nữa?

TU. — Bầm, sau, Cụ bảo con đi pha nước chè để Cụ soi... rồi, trong khi con đi đun nước, và lấy khay chè lên, thì Cụ đã đi rồi... Con vội vàng chạy ra đường tìm Cụ, nhưng, không thấy đâu cả... Bầm ông, thế bây giờ Cụ ở đâu, kia ạ?

ÔNG, ngập-ngừng, buồn-thảm. — Cụ đi về rồi cụ bị cầm ở trên xe lửa... đến Hải-Phòng, thì cụ mất!

TU. — Ôi giờ ôi! Thế có khổ không! Con có ngờ đâu. Giờ dất ơi!

Ông nghè ngồi, hai tay ôm lấy đầu, tý khủy tay xuống bàn, rầu-rĩ. Tư cũng nước mắt chảy quanh.

Bà Nghè vào. Chợt nhìn thấy ông, thì bà cau đôi lông mày.

BÀ. — Ô kia, mình! (Bà ngập-ngừng muốn nói, nhưng vương có anh Tư) à, anh Tư, anh xuống bảo tài-xế đánh xe ra, để đi Hải-phòng ngay... bảo lấy cái xe lớn, để đi đường xa, cho đỡ xóc, anh nghe chưa?

TU. — Bầm vâng.

Tư ra xong. Bà đi lại, đặt bàn tay lên vai ông.

BÀ. — Mình! mình! can-đảm lên, chứ ài lại thế? Cha già, mẹ héo, là việc không ai, là người không phải qua cái cầu đó!

ÔNG, ngừng đầu lên, rung-rung nước mắt. — Tôi thấy vô cùng hối-hận! Chắc là cụ có điều bất-mãn nên mới bỏ đi về một cách đột-ngột như thế!

BÀ, cau mày, khó chịu. — Mình đến lạ! sao lại cứ có cái mặc-cảm, tự kết-án mình? Nào mình làm gì?... Các cụ già, đến cõi, các cụ về, là lẽ rất thường... Cứ ngồi đây mà đau-khổ cũng không ích gì... Cái việc cần là, ta phải xuống Hải Phòng ngay, để xem việc an-táng cho cụ...

ÔNG, rầu-rầu đứng lên. — À, còn con em Bé đâu?

BÀ. — Cũng phải cho nó đi à?

ÔNG. — Phải cho nó đi chứ...

BÀ. — Đi bầm chuông. — Thế thì phải cho cả chị Hai đi...

Anh Tư vào.

TU. — Con đã báo bác tài đánh xe ra rồi ạ.

BÀ. — Cái xe lớn đấy chứ?

TU. — Bầm vâng... (anh lại gãi đầu, gãi tai rồi mới dám nói) Bầm ông bà... con muốn xin ông bà, cho phép con... đi hầu... ông bà... để con được... đầu trời sinh ra... nghĩa tử, là nghĩa nặng... để con xuống lễ Cụ, lần cuối cùng ạ...

BÀ. — Anh đi, chị Hai cũng phải đi, ai trông nhà cho tôi?

ÔNG. — Thôi được, cho Tư nó đi. ở nhà đã có Bếp và thằng bé con, với con Xen.

Chị Hai vào.

CHỊ HAI. — Bầm bà gọi con?

BÀ. — Ừ... Chị xem sắp sửa quần áo cho cô Bé, để cô đi với tôi...

CHỊ HAI. — Bầm con có phải đi không kia?

BÀ. — Có... Chị phải đi, để trông cô Bé chứ!

CHỊ HAI. — Bầm vâng.

Chị đi ra. Anh Tư ra theo. Ông, bà Nghè cũng đứng lên, và đi ra, màn từ từ hạ.

HẾT

Viết tại Hoàng-mai-hiền, Ngày 16
Tháng Chạp, năm 1958
VI-HUYỀN-ĐẮC



HỢP TÁC XÃ CHẤN HƯNG NGHỀ DỆT VIỆT-NAM

TRỤ SỞ: 246 bis, đường Pasteur — SAIGON

Nơi tụ hội những nhà sản xuất. Đủ loại hàng the lụa, lĩnh, xuyên, vắn, quế, cầm nhung.

ĐÚNG MẪU MỤC, ĐẸP VÀ BỀN.

* * *

NHÂN DIP TÂN XUÂN, KÍNH CHÚC QUÝ VỊ THÂN CHỦ ĐÌNH HƯNG TÀI VƯỢNG.

CUNG CHÚC QUÝ VỊ XÃ VIÊN MẠNH TIẾN TRÊN ĐƯỜNG THỰC NGHIỆP.

Văn phòng

151, đường Bùi-Viện — Saigon

Chủ tịch

NGUYỄN QUÝ ICH

KHÁM VUI... KHÁM BUỒN

(Tiếp theo trang 19)

Thân ngồi đọc sách mà thật ra là nằm ngắm ảnh vợ, kẹp trong trang sách đây này.

Nhưng không ai cười lớn để hưởng - ứng. Đây là cái lúc mà những anh ngồ ngáo nhất cũng phải thăm buồn để hôn bay trở về gia đình thân thiết.

Người chức sự cầm giấy lên, đứng ngoài song cửa. Mỗi người trong phòng lắng tai : «... 724, 737... đi nuôi...» «Đi nuôi» tức là đi tiếp tế. Quang, Thanh, Lục, Quới... theo lời gọi, đứng dậy và nhận giấy. 724, 737, v.v... là những tên của họ. Bước chân vào đất Chí Hòa, là sang một thế giới khác, và con người mất tên, mất họ, chỉ còn là những con số.

Giờ đây, ca-men, đã sắp sẵn. Mỗi anh nhận lấy giấy nuôi, lục bọc đồ lấy cái bảo vật tùy thân rồi ra khỏi phòng để xuống lầu. Bảo vật tùy thân đây là con số của mình, khắc bằng máy trên một tấm gỗ. Trong nhà giam, phải qua nhiều cửa ải, và phải đưa tấm gỗ ra mỗi khi qua một cửa.

Đời sống chỉ còn thu vào ngày nuôi - và mang lưới là con đường duy nhất để có thể cảm thông với thế giới bên ngoài. Nói là « thế giới » bên ngoài, không ngoa chút nào. Đối với những người ở đây, quả là có hai thế giới : thế giới trong Chí Hòa, và thế giới ngoài Chí Hòa. Người ở thế giới bên ngoài không bao giờ nhìn thấy bên trong làm gì ; còn người ở trong cũng không còn biết người ta sống ở ngoài như thế nào nữa. Cả tháng năm lăm ở đây, mắt không còn nhìn ra ngoài đời, tai không còn nghe thấy những tiếng động, và lâu dần tưởng như các xe hơi đã hết chạy, các rạp chiếu bóng đã không còn, các tiệm buôn cũng hết và nhân loại cũng hết mất cả, chỉ còn những người ở trong đất Chí Hòa này - với ở ngoài kia, còn có gia đình mình mà thôi.

Màng lưới đây là chỗ nói chuyện, và là một màng lưới cặp đôi. Nghĩa là 2 màng lưới đặt cách nhau khoảng 60 phân, để cho người ta ở hai bên thế giới không thể truyền tay cho nhau một cái gì hết. Nhất là để cho các ông ghiên không thể nhận được thuốc phiện của người nhà dấm dúi gửi cho. Vì màng lưới có 2 cái đặt xa nhau, cho nên không thể thăm thì nói chuyện, mà phải nói lớn lên mới nghe thấy. Mỗi loạt nói chuyện được dấm mười phút, có cả hai ba chục đám nói chuyện đồng thời, ai cũng phải la lớn hơn người kế bên để cho rõ câu chuyện, do vậy gây nên một cuộc hò hét đình tại suốt óc.

Hôm nay, Thân, Kim, Lục, Quang, Quới, Thịnh v.v đều chờ « nhà » mang đến cho những của quý báu.

Nguyên do họ đã tính với nhau để tổ chức cuộc sống ở đây cho xứng đáng. Ngoài những giờ chơi và những giờ ngủ, còn mỗi ngày đến 7, 8 giờ trống, vậy cần dùng những giờ đó để làm việc có ích. Họ tính chuyện đó từ lâu rồi, và vẫn thi hành đều đặn, nhưng trong những điều kiện khó khăn. Trong đám đông người, tất nhiên mỗi người có những kinh nghiệm đặc biệt về cuộc sống. Có bạn ở nhà quê, giỏi nghề nuôi gà, trồng cây. Có bạn đã sống mãi ở rừng Trung Việt, hiểu rõ tâm tình đồng bào thiếu số Mối. Có bạn đã lăn lộn trong những chức vụ hành chánh khá cao cấp. Có bạn lại chuyên nghề y-sỹ. Có bạn thạo Anh văn, có bạn biết Hán văn và tiếng Trung Hoa, lại có cả bạn nói được tiếng Đức.

Và trong khi có những bạn kém chữ, thì lại có những bạn đã được học hỏi nhiều. Thế thì còn trường hợp nào tốt đẹp hơn, thuận tiện hơn để truyền thụ cho nhau những kinh nghiệm sống, và tạo cho nhau những khả năng ? Từ trước, họ vẫn truyền thụ cho nhau những kinh nghiệm ấy bằng lời, trong những cuộc nói chuyện. Giờ họ muốn chỉ bảo nhau cho tường tận, bằng sách, bằng giấy tờ. Vậy nên họ đã bảo « nhà » rằng kiếm những cuốn sách. Đây là của quý báu đối với họ, quý gấp trăm lần những món ăn. Cho nên họ trông đợi ngày tiếp tế này lắm. Họ sẽ có sách, hàng chục cuốn sách, để học về tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Hán, về Luật, về Hành chánh, về Thuốc, về Sử, về Địa, về Văn chương, về cuộc sống và cả về linh hồn con người nữa... Vài anh nghĩ đến những giờ giải trí, đã xin nhà bộ cơ trưởng với cây dờn, Thế là đủ rồi - ngoài ra trong cái thế giới này, sẽ không còn thích thú nào khác nữa, ngoài tình bạn.

Ngó thấy những người thân ở ngoài, mừng làm sao ? Vợ-vàng « la hét » lên để... nói chuyện.

TỰ DO XUÂN KỶ HỘI 1959

Giá có muốn buồn muốn khóc cũng khó, vì buồn và khóc thế nào được trong cơn la hét này. Các bà ở ngoài có vẻ cũng cố làm vui. Câu chuyện thì cũng không ngoài chuyện gia đình với những câu thăm sức khỏe. Nhưng mà mấy phút gặp gỡ mới huyền diệu làm sao : nó đem lại biết bao an-ủi, để người ở bên này thế giới và bên kia thế giới cùng biết cho nhau rằng người thân vẫn sống và vẫn mạnh... Mấy anh có con nhỏ, cũng được bông con vài phút. Đứa con được dứt qua một cái lỗ cửa nhỏ, sau khi bị mấy người lính sờ nắn kỹ càng, và trao cho cha nó ở trong lưới sắt. Rồi đứa nhỏ lại được dứt trở ra.

Mấy bà ra về không quên dặn với : « Ráng giữ sức khỏe, nghe, anh ! ». Tội nghiệp không. Đúng ra, chỉ có người ở trong lo cho người ở ngoài mới phải. Vì người ở ngoài bơ vơ giữa trường đời sống lạc lõng, phải vật lộn để kiếm miếng ăn, mới đau khổ chứ. Còn bọn ở trong này, chỉ bực có cái căng bị cuồng lên, muốn chạy mà không được. Ngoài ra, họ nhá cơm lúc ăn với cá khô và thịt cao-su, ngon như thiên-hạ sức cao-lương mỹ-vị vậy.

Hôm nay, mỗi anh lại xách giỏ về phòng. Những sách để ngoài kia kiểm duyệt, trong vài hôm sẽ có. Còn đồ ăn thì sẵn đây. Vợ con nhìn ở nhà để cho anh những thức ngon lành trong đó. Anh cũng biết vậy, nên lần nào cũng dặn « nhà » hãy ngưng « viện trợ ». Đẳng nào thì cũng đến lúc một đồng bạc cũng không còn. Vậy thì hà tất tiếp tế làm gì ! Nhưng các bà vợ có những lúc vì thương chồng mà bướng bỉnh đến quên hết cả nỗi thật tế sơ đẳng trong cuộc sống.

Có bao nhiêu món ăn, các anh về phòng bày ra ăn chung cho hết. Món ăn san sẻ và trao đổi cho nhau, ăn một bữa thật dễ bề. Thân vừa gặp bún chấm mắm chanh, vừa cười nói :

— Chúng mình thực hiện đúng phép cộng sản của chàng cha/Các Mác.

Ở góc phòng đằng kia, mấy anh bị-can Cộng-sản cũng vừa đem đồ tiếp tế về. Một anh cẩn thận xếp các món ăn cất kỹ lên cao, để mỗi bữa lấy ra ăn dần. Một anh khác xách đĩa thịt kho ra để bên cạnh, ngồi ăn chẳng mời ai. Ba anh

Cộng khác, cũng được tiếp tế, đem đồ ăn bày chung, rồi cười cười nói nói ăn một bữa đại tiệc ngon lành. Ở mâm chiếu bên cạnh, 4 anh Cộng khác vẫn ngồi nhấm cơm lúc. cá khô. Mỗi bữa ăn cơm, họ phớt nhau, chỉ vì có 3 anh có thịt cá, còn 4 anh vô gia đình, chỉ có cơm lúc... Linh nháy Minh : « Giải cấp mới kia kia ». Thân không đành lòng, bưng lên một đĩa thịt, đem đến mời 4 anh Cộng nghèo cùng chén...

Ngày 23 Tháng Sáu

TỔ 1 nay Linh ngồi kể chuyện thật hay.

Ở bên khám cũ, Linh đã đánh bại ảnh hưởng Cộng sản nhờ mấy câu chuyện ma. Bỏ-tùng-Linh đã giúp anh rất nhiều trong cuộc tranh chấp Quốc Cộng nhỏ bé ấy.

Nguyên do mỗi đêm đều có tổ chức những cuộc nói chuyện cho vui. Mấy anh cán bộ bị can Cộng sản cố nhiên đem những chuyện giai cấp tranh đấu ra kể, Linh chẳng lời thời gì hết, đem ngay chuyện ma ra kể. Cả trăm thứ ma, ma ranh, ma lọ, ma ném, ma chơi, ma dẫu, ma da... lũ lượt được anh đem ra giới thiệu mỗi đêm, làm cho cả trăm phạm nhân đổ xô lại nghe. Cộng sản chuyên lấy nhà tù làm nơi đào tạo và sản xuất cán bộ với đảng viên mới — đã ngày đêm gò những phạm nhân tình nghi kia vào con đường Cộng. Nhưng đám Linh, Thân, Kim, Minh, Quới, Lục này, nhất định lái đám người kia vào con đường quốc gia dân tộc.

Những chuyện ma của Linh lần lần kèm thêm những tư tưởng lạ. Ma chính là người, là linh hồn con người, Linh bảo vậy và ai ai cũng tin hơn là Linh tin nữa. Linh vừa kể, vừa chêm tư tưởng, vừa đặt ra những câu hỏi...

Những câu hỏi rất tự nhiên mà rất ác. Mọi người ào ào trả lời. Và Cán bộ cộng sản ở góc đằng kia ngồi xam mặt.

Đó chỉ là bước đầu. Những bước sau gay go hơn. Những bước sau gồm những câu chuyện để mọi phạm nhân vừa mua vui, vừa tự nhận định xem con người có thể chỉ vật chất được không, và để thấy rằng tình đoàn kết của mọi giới tốt hơn là chia rẽ giai cấp. Thật không ai ngờ rằng những Kiều Tiên, Minh Đường, Tám Lọ với những nhân vật của cụ Hồ biểu Chánh lại có những tác dụng lạ thường trong những dịp lạ thường này.

Tới lúc « chín mùi » hơn, Liên đã đưa ra những câu chuyện kháng chiến Anh từng biết rõ Nguyễn Bình nên kể được những câu chuyện rất đúng và dí dỏm. Anh lại kể lại những ngày anh bị Việt Minh bắt cầm tù, và bị kết vào tội Quốc gia phản động. Anh say sưa kể, và mọi người cũng say sưa nghe... vô khối người tỉnh ra, thấy rằng dân tộc phải kết đoàn, và con người phải tranh đấu vì dân tộc.

Bây giờ, sang khám bên này, không còn những buổi kể chuyện như trước nữa.

Nhưng kho chuyện của Linh chưa hết. « Cái máy nói » có thể kể ra bất cứ chuyện gì. Chuyện cười, chuyện vui, chuyện buồn, chuyện để làm cho tức giận, chuyện để làm cho oán hờn... Anh em lại tổ chức những cuộc kể chuyện mua vui cho nhau. Có những buổi ngồi chuyện vui như vậy, mấy anh em thấy cuộc đời cũng đỡ tẻ...

TRẦN-VIỆT-SƠN

— TRƯỞNG —

ANH NGỮ TRẦN-GIA-ĐỘ

83-85-87 PHẠM ĐĂNG HUNG — ĐAKAO

Ban Giám đốc và toàn thể giáo viên chúc
quý học viên một năm mới đầy hạnh phúc và
mạnh tiến trên đường văn hóa.

Kính chúc Thân Chủ Toàn quốc và Hải ngoại
sang năm Kỷ-Hợi (1959) được thêm Hạnh phúc và Lộc Tài



Giáo sư **NGUYỄN-VĂN-SANH**

tự

SANTASINGH

41 VÕ-TÁNH SAIGON

Chuyên về Tướng Số Á-Đông

COI CHỈ TAY — BÓI BÀI và CHỮ KÝ

Đã từng khảo cứu tại Lào và Siam về ân quyết Nhà Phật

Ái lận đận về Công Danh ? Sự Nghiệp ?

Ái trắc trở về Tình Duyên ? Đau khổ về Gia Đạo ?

Ái muốn tránh về Tai Nạn, Dối Do. Muốn biết rõ về Vận Mạng,

Tài mạng ? Xin mời lại 41 Võ Tánh hay là viết thư lại sẽ được phúc
đáp rành mạch và mau chóng.

TRANG 41

THẾ TỬ NGŨ TRỐN VỀ NƯỚC

(Tiếp theo trang 18)

yếu đuối, tuy « hiểu » thắng nhưng đã thắng bằng một sự tan nát cõi lòng của người thiếu phụ.

Thế tử Ngũ trồn là một trường hợp đoạn trường của nàng Doanh.

Đến khi phải ép lạp Trùng Nhĩ lại một trường hợp đoạn-trường nữa.

Nhưng đã định tâm chỉ nhìn mình là một công cụ thì còn có quan-chi...

Tuy nhiên quyết định một « con đường lý-tưởng » để noi theo « thì dễ, thực hiện nổi lý-tưởng đó là cả một sự khó khăn, cả một sự cố gắng, cả một sự hy-sinh.

Trong khoảng thời gian dài giảng-dạy chung sống với nhau, cảm tình nhau, yêu phục nhau, biết bao nhiêu tình tiết đã xảy ra, biết bao nhiêu toan tính có thể cảm động và lay chuyển tâm lòng vốn đã cứng của người thiếu-phụ. Thế mà thoát được, thế mà thực-hiện được nguyện vọng, thế mà trên vạt được tình yêu, nàng Doanh biết đâu đã không mất biết bao nhiêu là nước mắt !..

Vì Ngũ không có bụng ở mà nàng Doanh phải. Không có bụng theo.

Mà vì Doanh đã không theo thì cái thế của Ngũ lại càng không thể ở lại được nữa.

Vì thế mà tình trạng của nàng Doanh càng đáng nên thương.

Việc lấy hai chồng đối với dương thời càng bị coi rẻ bao nhiêu thì sự hy sinh : cả hạnh phúc, cả danh dự, cả thân thể của nàng để vâng lệnh cha để tròn nghĩa nước, càng thấy nặng nề và càng thấy khó khăn bấy nhiêu !

Người quân-tử xét người lễ đầu lại chỉ căn cứ ở trên một vài thành-kiến mà không đem cái tâm ra cảm-thông với hoàn cảnh, với huyết thống, với tư tưởng và với cả tâm sự của người nữa hay sao !

Còn như nếu có buộc cho Hoài Doanh tội để Ngũ trồn về mà không báo, nghĩa là làm hỏng kế hoạch của Tân Bá và sự « vâng lệnh nữa với » ấy chẳng ăn thua gì, thì sao không đặt lại giả thuyết

rằng : « Ngũ đã quyết tâm về thì liệu Doanh có thể giữ nổi chàng lại bằng lời khuyên nhủ hay bằng cách đe dọa hay không ? Hay là chỉ chuốc lấy một cái chết bất đắc kỳ tử do ngay chính tay chồng gây ra, kèm với một tiếng là kẻ ngu phụ nữa. Thắng hoặc báo được tin kịp cho Tân Bá, giữ bằng mềm dẻo không được, tất nhiên phải dùng đến biện pháp cứng rắn, vạn nhất Ngũ có làm sao thì thử hỏi lúc đó kế-hoạch của Tân-Bá sẽ đi đến đâu. Chắc hẳn là đưa đến một sự đoạn tuyệt vĩnh viễn với nước Tấn, nếu không phải là kẻ thù bất cớ đối thiên !

Cho nên, nếu trách nàng Doanh khi Ngũ ngó ý trồn sao không đe dọa để làm cho Ngũ sợ, chẳng trách ngay nàng khi buổi đầu mới gặp Ngũ, tình ân ỷ ở, biết là không có bụng ở lại, sao không báo cáo ngay cho Tân-Bá biết để phòng ?

Trách nàng Doanh như thế, chẳng trách ngay Tân Bá tính việc chưa chu toàn có lẽ còn đúng hơn. Sai một người đàn bà đi làm một việc mà vấn đề tình cảm là trọng tâm, thế rồi lại bảo phải coi rẻ tình cảm; làm một việc như thế là làm một việc cầu may !

Dương-Lễ sai vợ ba là Châu Long đi thay chồng nuôi bạn cũng còn phải để phòng sự bất trắc ; nếu ở đây Tân Bá không để phòng sự dò vớ kế hoạch vì lòng giàu tình cảm của người đàn bà thì quả Tân-Bá là người vọng tính.

Sai một đứa trẻ bẻ một cái đá, nó không bẻ nổi, hoặc nó cố bẻ để bị đè vào chân nó, hoặc bị rơi đổ vỡ thêm nhà, lỗi đầu có ở đứa trẻ mà chính lỗi ở người sai.

Hướng hồ, thiên hạ sự, Bà Trưng muốn giữ nước mà không giữ được nước, Nguyễn thái Học muốn cứu nước mà không cứu được nước. Người đời đâu có vì lẽ các vị ấy không làm được việc mà không tôn sùng kính mến các vị ấy.

Tôn sùng kính mến ở đây là ở tấm lòng cố gắng thực hiện lý tưởng cao cả mà thôi.

Tấm lòng kiên quyết cố gắng đó càng lớn, sự chí thành chí khấn đó càng nhiều, thì sự tôn sùng kính mến của ta càng tha thiết chân thành...

Trong đời nhân nhàn những việc thành công

rất bền lâu và cũng có biết bao nhiêu những việc thất bại rất oai hùng khải kính.

Vì thế tôi không chê Hoài Doanh, lại còn thấy nàng trọn được cả hiếu cả tình. Nàng đã giải quyết một vấn đề liên quan đến điều Nghĩa vô cùng khó khăn kia bằng một biện pháp tình cảm vô cùng thâm thiết...

Kính thưa vị áo đen Lã Đông Lai, tôi xin thân oan cho nàng.

TRẦN ĐÌNH KHẢI

THẾ NÀO LÀ NGƯỜI HỌC THỨC ?

(Tiếp theo trang 31)

Một nhà tâm-lý-học có nói : « Quên là điều kiện cần thiết của cái Nhớ ». Thật là chí-lý. Một điều gì học mà mình còn cố nhớ, là nó chưa được hóa nhập vào tâm. Chỉ khi nào mình không cần nhớ mà nó vẫn tự-nhiên hiện-hiện trong tâm-trí mình thì môn học ấy mới được gọi là đã được tiêu-hóa. Người học đánh máy chữ mà còn để ý tìm từng nút chữ, cố nhớ vị-trí của mỗi nút chữ... là người đánh máy chưa tinh. Người học đi xe máy mà còn nhớ mình ngồi trên xe máy, còn để ý đến bàn đạp, cách đạp... là người đi xe máy chưa tinh. Tôi còn nhớ, lúc còn học thi, gần đến ngày thi, tôi băn-khoăn nói với cha tôi : « Sao con học nhiều quá mà nay dường như con không nhớ gì cả. Lòng con như quên hết, không biết có nhớ được gì không ? Con sợ quá ! » Cha tôi cười bảo :

« Đây là con đã học «mùi» rồi. Quên tức là nhớ nhiều rồi đó. Con hãy yên tâm... » Thật đúng như lời. Ngày thi, giám khảo hỏi đầu, tôi trả lời liền đó, một cách dễ dàng hết sức.

Trang-Từ nói : « Người bán cung mà còn để ý đến việc bán cung của mình là người bán chưa tinh. Kẻ lợi mà còn để ý đến cái lợi của mình là người lợi chưa giỏi. Phải biết quên thì phi đi, thì cái tâm mình mới thông suốt được cái lẽ thị phi... (Tri vong thị phi, tâm chi kích đã) ». Hiểu được câu này của Trang Từ là hiểu được cái diệu-pháp của sự Học rồi vậy.

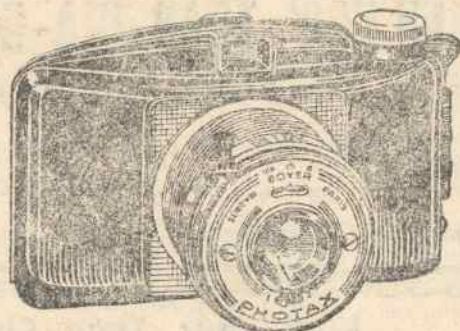
Hãng LONG - BIÊN 118-120 đường TỰ DO Saigon Đ.T. 20.514.

NHÂM MỤC ĐÍCH GIẢI TRÍ LÀNH MẠNH : Hân hạnh giới thiệu cùng quý Ngài :

★ Máy chụp hình **PHOTAX** Giá phổ 392\$ { 1 cuộn phim KODAK 15\$
thông 15\$
Trắng và in ảnh

của mọi lớp bình dân, nhất là hợp với sở thích của giới **HỌC SINH** và **QUÂN-NHÂN** trong mọi binh chủng.

Với chiếc máy PHOTAX các bạn có thể chụp được dễ dàng những ảnh vừa đẹp vừa rõ. Thật là một phương tiện giải trí lành mạnh của các bạn Học Sinh trong những ngày TẾT, NGÀY LỄ, NGHỈ HÈ, CẨM TRẠI, DU NGOAN, TỰU TRƯỜNG. Anh em QUÂN NHÂN trong những lúc HÀNH QUÂN, TRÚ QUÂN, VỀ PHÉP THĂM GIA ĐÌNH. Máy ảnh PHOTAX sẽ là người bạn tri kỷ của quý bạn vì nó sẽ ghi giúp bạn những kỷ niệm êm đẹp, thích thú tươi đẹp trong mọi hoàn cảnh. Tự rửa ảnh lấy bằng ánh nắng mặt trời không cần buồng tối với một thứ thuốc ảnh bôi vào bất cứ giấy trắng nào để làm giấy ảnh.

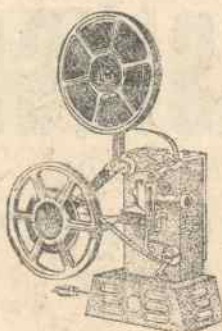


BÁN BẢO ĐẢM

- ★ RẤT DỄ CHỤP
- ★ ANH RÕ và ĐẸP
- ★ BẤT CỬ AI LỚN NHỎ ĐỀU CHỤP ĐƯỢC
- ★ ANH VỚI MÁY NÀY.
- ★ MÁY MÓC RẤT BỀN BỈ.

KHI MUA HÃY ĐÒI :

Chúng chỉ đề mua phim và in ảnh rẻ tiền và một cảm nang để chụp ảnh đẹp (khỏi trả tiền)



★ Máy chiếu bóng **LAPIERRE 8 ly** hay 9 ly 5 giá từ 1.729\$

chạy điện đèn 110v hay batterie 6-tô 6v. Có rất nhiều phim :

HUẬT - HỌA, KHÔI - HÀI, CAO - BOY, ĐÁNH KIỂM, THÚ VẬT, DU LỊCH v.v...

Giá từ 176\$.

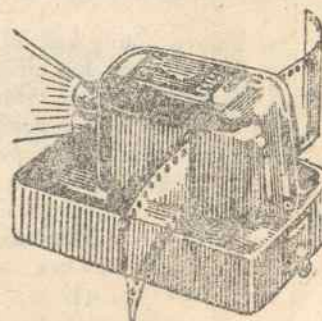
ĐÃ CÓ PHIM 9 ly 5 CHO THUÊ TẠI BÀN HÀNG

★ **CINÉ SÉLIC**

của trẻ em chạy bằng pile 4v5, rất thích thú. Chiếu phim đen trắng hay màu hoạt-họa cử-động.

MÁY 430\$— PILE 15\$

PHIM ĐEN 12\$—PHIM MÀU 29\$



của Quý Ngài để ghi lấy những kỷ niệm đầy màu sắc. Mua và tráng trong 24 tiếng đồng hồ tại bàn hàng. Xin bảo đảm màu sắc tráng đúng như màu thực vì phim được tráng bằng máy móc tối tân, chỉ huy bởi những người chuyên nghiệp lành nghề.



★ **FILM EKTACHROME**

6 x 6 v.v... 220\$

24 x 36 v.v... 260\$

kể cả tráng và lắp trên khung giấy cứng

ANH HÙNG DẠM VỢ

(Tiếp theo trang 13)

— Sao nó lại tâm sự với thằng Cự? Anh bảo thằng Cự thù nó cơ mà.

— Ừ, thằng Cự cũng được bầu Chiến sĩ Thi đua nhưng nó ý mình là bộ đội phục viên nên có tác phong công thần. Nó ghen với thằng Mạnh nên mới tỏ vẻ gọi chuyện tâm sự của cu cậu. Thằng Mạnh ngu như chó ấy nên mới thờ ra.

— Căn cứ vào đâu mà anh cho là thằng Cự biết?

— Thì sáng nay nó nói toáng lên rằng thằng Mạnh ốm tương tư.

Người chồng thờ dài như nói với chính mình:

— Thế mới rầy. Chính mình đề nghị, chính mình tranh đấu cho nó làm anh hùng lao động mà nó hỏi em gái mình, lại không trả lời cho nó. Chuyện vợ ra thì lập trường tư tưởng của mình còn có ai tin.

Ngắm nghĩ giây lát, người vợ bàn:

— Hay là cứ bảo rằng con Thái nó không bằng lòng thằng Mạnh.

— Không được em ạ. Anh nghĩ kỹ rồi. Nói như vậy chả hóa ra em gái mình chưa giác ngộ xã hội chủ nghĩa sao? Nếu đưa việc ấy cho đoàn thể xét, lỡ ra anh em ủng hộ thuận lời yêu cầu của thằng Mạnh thì mình còn nói sao được. Mà em thử nghĩ, nếu đoàn thể giao cho mình công tác thuyết phục con Thái để nó bằng lòng lấy thằng Mạnh thì nó sẽ đối phó với mình ra làm sao? Mấy thằng sinh viên bêu thành đoàn đang chấp chới nó mà quật lại thì mình cũng dừ đòn. Bởi thế, cả anh cả em xin đổi quách xuống Hải Phòng là thượng sách. Mà triển vọng lại lớn hơn, chỉ nội ba tháng là anh lên giám đốc xí nghiệp. Xin cho em xuống cũng dễ, anh nói với anh Trần Kiên được.

Người vợ suy tính hồi lâu và đáp:

— Thế cũng được. Nhưng liệu con Thái nó có chịu xuống không? Xem ra thằng Hồng sinh viên bên trường Đại học Bách Khoa say nó lắm mà nó cũng kết vì thằng bé vừa đẹp trai, triển vọng lớn, gia đình khá, bố nó lại là nhân sĩ có võ khí tiền tiết kiệm gửi Ngân hàng.

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

— Nó không xuống thì mặc xác nó. Đứa nào có thân đứa ấy lo!

Lao động Quốc tế này. Và nàng nhíp nhàng quay quanh phòng cho đến lúc thật giảo chân, quay cho đống gác tân h a sau mới mức nước rửa mặt.

Thái sửa soạn vừa xong, định lấy cơm nguội với tôm rang còn lại từ bữa tối qua đem ra ăn lót dạ thì chợt nghe tiếng gõ dưới tấm cửa ván dẩy cầu thang. Nàng vui vẻ cất tiếng hỏi:

— Ai hỏi gì Thái đây?

Một giọng oang oang như tiếng đáp khi điếm danh:

— Thưa chị có tôi, Mạnh!

Thái ngạc nhiên không hiểu anh chàng công nhân cộc cằn này có việc gì mà đến sớm thế. Tuy vậy, nàng cũng rút then cài, nâng tấm cửa ván lên:

— Có việc gì đấy anh Mạnh? Mời anh lên chơi.

Người anh hùng lao động bước lên, sần gổ rung chuyển rên rĩ cốt kết dưới chân. Mạnh mặc một bộ quần áo đại cán mới tinh, may bằng vải xanh Trung Quốc, hai tay cầm chiếc mũ công nhân đặt trước ngực. Đứng sững giữa phòng, mắt anh nhìn lơ lửng vào một góc. Thái chợt thấy khó chịu nhưng vẫn ngọt ngào hỏi:

— Anh Mạnh đến có việc gì đấy? Có thư của anh tôi gửi lên đây à?

Mạnh vẫn đứng yên, mắt nhìn xuống sàn:

— ... Tôi đến là có việc muốn thưa với chị.

Thái thấy chợt dạ nhưng cố giữ bình tĩnh:

— Việc gì đấy anh Mạnh? Anh ngồi tạm xuống ghế này.

Mạnh hít hít mấy hơi như để lấy đà rồi nói liền một hơi như đọc điều lệ:

— Tôi đã đào sâu suy nghĩ nên tôi muốn xin phép chị từ hôm nay sau khi tôi được tuyên dương anh hùng lao động chị cho tôi được đến để tìm hiểu chị xin chị cảm thông.

Bất giác Thái thấy mình như bị lên cơn sốt rét. Nàng lùi lại hai bước. Vừa hay tới mép phản, nàng ngồi xuống, hai tay bấu chặt vào thành gỗ.

Một sự sợ hãi ghê gớm cồn lên trong lòng, nàng nhìn xuống phía cầu thang, thầm mong có một thêm một người nào bước lên. Mắt nàng chợt nhìn vào màu trần thấp tẹt của Mạnh. Mắt người công nhân vẫn dán chặt xuống sàn, cái mũ vải xanh vẫn rung rung treo trên hai nắm tay chấp trước ngực. Về

chờ đợi khúm núm của Mạnh làm cho cơ thể Thái nóng dần lên. Nàng bắt đầu quan sát đối phương kỹ hơn. Cái đầu quả gáo hơi cúi càng thêm mấp míp lại trên cần cổ gân guốc làm cho đôi vai u lồi cao. Hai cánh mũi hếch phập phồng theo nhịp hơi thở kéo cong cặp môi dày thâm đen. Thái để một bàn tay lên ngực, nuốt nước bọt và dằng dằng rồi gượng nói:

— Anh bảo gì, tôi không hiểu.

Mạnh nhắc lại y nguyên câu từ tình kiều mẫu hồi này, mắt vẫn không nhìn lên. Lần này Thái cảm thấy như bị chửi vào giữa mặt. Sự sợ hãi đã nhường chỗ cho lòng tự ái, nàng muốn có một vật gì trong tay để đập vào cái mồm láo xược kia, nhưng nàng vẫn không thể đứng dậy. Nàng vừa thờ vừa nói:

— Anh đi về đi. Hôm khác tôi sẽ nói chuyện với anh. Bây giờ tôi phải sửa soạn đi biểu tình.

Người công nhân trả lời như một cái máy:

— Đề nghị chị trả lời bây giờ. Tôi cũng phải ra hội trường để nhận tuyên dương. Chị đồng ý cho, tôi xin đi về ngay.

Thái không thể chịu đựng hơn nữa. Trong người nàng như có một cái lò so bật lên:

— Nay tôi bảo cho mà biết, anh đừng có hỗn láo.

Người công nhân ngẩng mặt lên với cặp mắt lơ lửng:

— Ờ, tôi là đoàn viên Thanh niên Lao động, tôi tưởng chị cũng là đoàn viên.

Thái như không nghe thấy, vẫn nói tiếp một hơi:

— Anh là cái thứ gì mà anh dám đề nghị tìm hiểu với tôi? Anh là thằng phu đồ thùng. Biết không! Anh thử vác cái mặt đi hỏi tất cả nữ công nhân toàn thành này xem có đứa nào nó thêm ngó đến cái mặt anh không? Rõ thật không biết thôi.

Anh hùng lao động gì! Anh hùng hốt cứt. Nghe rõ chưa! Ngu như con chó ấy, bị người ta lợi dụng mà chẳng biết, cứ vác mái mặt vào thùng phân mà không biết thôi. Thôi, anh đi mà nhận tuyên dương của anh. Mà từ nay tôi cấm cửa, còn lần nào đến đây thì cứ gọi là tôi vác cái mặt anh ra...

Nói rồi, Thái bước vội ra đầu phản với tấm áo dài treo trên tường, chạy thẳng xuống cầu thang không ngoảnh cổ lại.

Ở hội trường ra, Hoàng văn Mạnh trôi theo làn sóng công nhân, mỗi người bạn xốc một bên nách. Bông hoa hồng to bằng cái bát tét bằng lụa

(Xem tiếp trang 45)

THUỐC BỔ và TRỊ BỆNH

TRƯỜNG SINH-TỔ

TRỊ: LAO-TỔN - MẤT SỨC
THIỆU MÁU - ẲN CHẬM
TIỂU.

PHỤ-NỮ: - KINH-NGUYỆT
KHÔNG ĐỀU

TRẺ EM: GẦY CỐM - CAM-
TÍCH.



THIÊN KIM HÀ THUỐC

BỔ GAN THẬN - BỔ TIM PHỔI

BỔ MÁU - LỘC MÁU - ĐEN TÓC

MỊN DA - TRẺ ĐẸP

TRỊ: HO LAO-TỔN - DI-

TINH - BẠCH ĐÁI - ĐẠI TIỆN

TÁO-BÓN - ĐAU LƯNG - NHỨC

MỎI - TÊ-BẠI.



Tổng Phát Hành:

NHÀ THUỐC TRƯỜNG SƠN

Y SĨ HÀNH SƠN BẢO CHẾ

380/18 ĐƯỜNG CÔNG LÝ - SAIGON

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

HÀNG NAM - TƯỜNG

PHẠM - NGỌC - HỒ

57/4 đại lộ Chí - Lăng GIẢI PHÓNG

Xưởng hồ sơ vẽ được nhiều tin nhiệm
nhất trong ngành dệt

Xưởng dệt

93 Nguyễn Hoàng - Chợ Lớn

NHỮNG LỐI CHÚC TỤNG

(Tiếp theo trang 22)

Sự sống lâu cũng tượng-trưng bằng hình con bướm, bướm tiếng Hán là *hồ-diệp* 蝴蝶 mà chữ "diệp" giọng Tàu phát âm gần giống với tiếng "diệt" 蝶 là "ông già tám mươi tuổi".

Nhơn tiên, xin nói sơ lối phát âm của tiếng "quốc-ngữ Tàu" để hiểu sự "đồng-âm" chơi chữ của họ. Nhưng tiếng *nhập-thính* của Hán-Việt là những tiếng cuối vẫn có c, ch, p, t thì họ phát âm bằng một nguyên-âm gần mạnh. Như hai chữ "diệp" và "diệt" nói trên, họ đều phát âm là tie. Vì vậy mà ta thấy cây kích "kích" 戟 dùng tượng-trưng cho sự "kiết" 吉 và "bạc, nắc, cấp" 級 bởi ba chữ kích, kiết, cấp họ đều phát âm là "kie".

Con dơi, chỉ sự "phước" vì con dơi tên là "phúc" hoặc "bức" 蝠, đồng-âm với tiếng "phúc" 福. Hai tiếng này giọng quốc-ngữ Tàu đều phát âm là "Fu", vì vậy con dơi cũng tượng-trưng cho sự "giàu có", bởi *Fu* đồng âm với tiếng "phú" 富 là giàu có. Và cũng vì vậy mà trái "phật thủ" 佛手 cũng tượng-trưng sự "giàu có", bởi tiếng "Phật" 佛, giọng quốc-ngữ Tàu phát âm *Fu*, gần giống với tiếng "phú" 富 là "giàu".

Sự giàu có cũng tượng-trưng bằng con cá, tiếng Hán là *ngư* 魚, giọng Trung-Hoa phát âm là *yu*, đồng âm với tiếng *dư* 餘 là "dư-dã"; *hữu-dư* 有餘 là "có dư", là "giàu có dư ăn dư để".

Con Nai, tiếng Hán là "lộc" 鹿 đồng âm với tiếng "lộc" 祿 là "phước, bổng-lộc", nên dùng biểu-hiệu cho sự "phước" và sự "làm quan hưởng bổng-lộc của triều-dinh".

Cái vòng ngọc-thạch, tiếng Hán là "khánh" 璽 đồng âm với tiếng "khánh" 慶 là "chúc thọ, mừng, phúc lành...".

Hai đồng tiền chỉ ý được "song tuyền" (toàn) 雙金, chữ tiền 錢, phát âm gần giống với chữ tuyền là "toàn vẹn".

Theo lối tượng-trưng giả-tả này, ai muốn dùng vật chỉ tượng - trưng cũng được, nhưng thông-thường là dùng mấy vật kể trên.

✱

Các vật tượng-trưng ấy, họa-sĩ hữu duyên khéo ráp mấy vật để thành được một câu chúc, rồi vẽ nên những bức tranh đẹp-đẽ, đầy ý-nghĩa.

a) *Chúc phước* là cầu chúc được hạnh-phước, bình-an, tốt lành, vui mừng như ý và đông con. Vì vậy, vẽ hình con Rồng với con Phụng để chỉ điềm lành, bởi câu: "Long Phụng trình tường" 龍鳳呈祥.

Hình con voi, (tượng 象, tường 祥) trên lưng mang giỏ cầm cây kích (kích 戟: kiết 吉) và cái như-ý, là ngụ-ý câu "kiết tường như-ý" 吉祥如意.

Hình một vòng ngọc-thạch (khánh 璽) trên có chạm một cây kích (= kiết) và cây nấm chi 芝 tương-đối nhau (nấm "chi" thường chạm trên cái như-ý) nên hình ấy ngụ ý câu "kiết khánh như-ý" 吉慶如意.

Hình vẽ cái "bình" và cái yên ngựa (an) và cái như-ý là chúc được "bình-an như-ý" 平安如意.

Một tranh vẽ hai đứa trẻ mặt mày tươi vui, đứa cầm bông sen (hà 荷 đồng âm với hòa 和), đứa ôm cái hộp-ấn (hạp 盒 đồng âm với hợp 合, hòa-hiệp) ngụ ý là "hòa-hợp lưỡng thần tiên" 兩神仙.

Con dơi (phúc) ngậm chữ thọ có tại cột hai đồng tiền (song tuyền) là chúc "phúc thọ song toàn" 福壽雙全.

Hình cây "bát lông" xuyên qua giữa cái bánh xe lăn là tượng-trưng sự "thành-công như-ý". Vì cây bát 筆, tiếng Tàu phát âm là "bất" đồng âm với tiếng tất 必, mà họ cũng phát âm là "bất". Chính giữa bánh xe là "trung", cũng đọc là "trúng". Hai vật ấy hiệp lại thành câu "tất trúng" 必中 là lời chúc "chắc-chắn phải trúng".

phải được, phải thành-công". Ý "nhất-dịnh phải thành-công" còn được trình bày một lối nữa: "đỉnh vàng" (nhất đỉnh = nhất định - 定) vẽ kẻ bên cái "như-ý", ráp lại thành câu "nhất-dịnh như-ý" 一定如願 là "quả-quyết phải được như ý muốn".

Phúc 福, theo người Trung-Hoa có năm: sống lâu, giàu có, bình-yên, chuông đức hạnh, và chết sau khi đã làm tròn phận-sự. Vì vậy, chúc được "ngũ phúc" 五福, người ta vẽ năm con dơi bay. Theo ông Edouard Chavannes, có một đĩa sứ vẽ hai đứa nhỏ đứng kề bên cái-lu, một đứa cầm một con dơi, một đứa khác khum xuống bắt một con dơi khác, trên đầu chúng nó, có ba con dơi tua bay, kế bên, hình ông Chung-Quỳ 鍾馗 râu quai chảo đứng xem oai-nghi, ông là vị thần có tiếng trừ quỷ ma. Tranh ấy ngụ ý "ngũ phúc" đã nắm được hai, và "ngũ phúc" có thần linh bảo-vệ.

Có phước được sự vui mừng, nên ngoài phong bì vẽ cái hộp mở ra có mạng nhện với một con nhện thông chỉ xuống, bởi câu "khai phong kiến hi" 開封見喜 (mở thư thấy sự vui) ý muốn nói khi "mở thư đọc sẽ được tin mừng".

Được giàu sang yên lành là có phước; càng hạnh-phước khi được có con trai nối dõi, con trai quý được nhiều và được hiền-dật.

Tranh vẽ đứa nhỏ vui-vẻ cỡi con lân là chúc được "quý tử", do bài thơ "Lân chỉ trong Kinh-Thi. Ngón chun kỳ lân" có nghĩa là con cháu vua tức là con quý, hiền-hậu nhân-tử như con kỳ-lân, chun không giảm cổ tươì, không giảm trên con vật sống.

Một đứa trẻ cỡi lân, một tay cầm bông sen một tay cầm cái "sanh" là biểu-diễn "liên sanh quý tử" 連生貴子 (sanh được nhiều con quý).

Chúc được trai quý, có nhiều con thầy được hiền-dật, lấy tích nhà họ Đậu ở Yên-Sơn đời Tống có năm người con trai, biết cách dạy-dỗ nên sau cả thầy đều thi đậu, vinh-vang. Sách Tam-tự-kinh có câu: "Đậu Yên-Sơn, hữu nghĩa phượng, giáo ngũ tử, danh cụ dương". Vì vậy mà có bức tranh vẽ năm đứa nhỏ tranh nhau một cái mào có gắn "kim khôi" để ngụ-ý: "ngũ tử đoạt khôi nguyên" 五子奪魁元 (năm con đều đỗ trạng-nguyên).

Chúc được nhiều con là theo tích "tam đa" 三多 xưa. Vua Nghiêu đi tuần thú trên đất Hoa, quan phong-nhân ở đất Hoa chúc rằng: "Xin chúc thánh-nhân được đa phú, đa thọ, đa nam (giàu to, sống lâu, nhiều con trai). Nhưng vua Nghiêu từ rằng: "đa nam đa tru, đa thọ đa nhục, đa phú đa oán" (nhiều con nhiều lo, sống lâu nhiều nhục giàu to nhiều oán). Tranh "tam đa đồ" vẽ ông già trắn sỏi tay chống gậy (thọ), với nhiều trẻ, đứa cầm như-ý, đứa ôm hàm ếch, bốn đứa xúm đọc sách. Có kiểu tranh vẽ trái phật thủ (phú), trái đào (thọ), với trái lựu (nhiều con) để chúc "tam đa": đa phú, đa thọ, đa nam.

Một lọ sứ phía trước vẽ một người đàn bà đẹp ngồi bên con mèo tam thể (Thọ) có hai con bướm chập-chờn bay (thọ); phía sau, một người đàn-bà hai tay bưng trái lựu (đa tử); toàn thể ngụ ý chúc được đông con và được sống lâu đến tám chục tuổi (con mèo, miêu 貓 (máo) 貓).

b) *Chúc "Lộc"*: là ước được có lộc, làm quan hưởng "bổng-Lộc".

Tranh vẽ ông quan mặt đỏ, râu ba chòm đen tốt, mặc áo xanh, tay cầm cái "hốt" là tượng trưng chữ "Lộc" 祿, bởi màu xanh, chữ Hán là "lục" 綠, giọng tương-tợ với tiếng lộc, và cầm cái hốt ngụ ý là "làm quan".

Muốn hưởng lộc triều-dinh, phải làm quan, được làm quan phải thi đậu. Chúc thi đậu thì có bức tranh vẽ con cá chép vượt khỏi mặt nước, trước cái cửa thành đề "long môn", ấy là ngụ ý câu "lự ngư khiêu long môn" 鯉魚跳龍門, cá chép vượt vũ môn tam cấp là ngụ ý qua lọt được ba kỳ thi: thi hương, thi hội, thi đình.

Tranh "nhiều người định bẻ cành cây quế" cũng ngụ ý chúc thi đậu.

Làm quan, ai cũng muốn được mau "thăng quan, tấn tước", vì vậy mà vẽ hình một "bông sen" với cái "sanh" để ngụ ý là được "liên thăng" 連升 là "lên chức liên liền", bởi bông sen tiếng chữ là "liên" 蓮, đồng âm với "liên" 連, là "liên, luôn luôn"; cái "sanh" 笙 thì đồng âm với tiếng "thăng" 升 là "lên" mà giọng Tàu phát âm là "seng".

Một tranh khác thì vẽ "một con cò giữa đám sen". Đám nhiều bông sen ngụ ý sen sanh nhiều là "liên sanh" 連生. Con cò cò, tiếng Hán là "lộ" 路, đồng âm với tiếng "lộ" 路 là "đường đi", "đường làm quan" (hoan lộ 宦路). Hiệp các ý lại thành câu chúc: "nhất lộ liên thăng" 一路連升.

Được lên chức hoải, hoặc được "lên ba bậc", ấy là sự ước muốn của các quan-lai. Nên bức tranh vẽ hình cái bình có cắm ba cây kích biểu-diễn câu: "bình thăng tam cấp" 平升三級 (kích với cấp người Tàu đều phát âm kịe).

Làm quan, thuở xưa thì ước lên chức thật cao như thái-sư 太師, thiếu-sư 少師: thái-sư dạy vua, thiếu-sư dạy thái-tử. Tranh vẽ một con "sư-tử mẹ" (thái-sư) với một con "sư-tử con" (thiếu-sư) để tượng-trưng ý ấy; tiếng "sư" 師 là "thầy" đồng âm với tiếng "sư" 師 con "sư-tử".

c) *Chúc thọ*: Những mong được nhiều phước, được giàu, được sang, đông con nhiều cháu hiền đạt với đời, nếu thêm được "thật thọ" nữa thì mới là hoàn toàn như nguyện. Sống lâu, được tám chín mươi tuổi chưa vừa, còn muốn "trường thọ", thọ cho đến chết rồi, tán trong cái hòm mà cũng gọi là cái "thọ", thọ như quy hạc "thọ đẳng quy hạc" 壽等龜鶴 hoặc quy hạc tề thọ 龜鶴齊壽 thọ như hạc từng "từng hạc trường xuân" 松鶴長春.

Ngoài những bức tranh vẽ trái đào, con bướm, con mèo, năm chi, bông thủy-tiên, cây tùng, ông già sỏi trán, còn có bức vẽ ông già tay chống gậy, tay cầm trái đào, đứng giữa con hạc đậu trên cây tùng để tượng trưng sự chúc "thọ".

Bức tranh vẽ ba ông tiên, một ông thật già, trắn sỏi, đứng giữa tượng-trưng chữ "thọ", hai ông trẻ hơn đứng hai bên: một ông mặc áo xanh tay cầm cái hốt (làm quan), tượng-trưng chữ "lộc" và một ông mặc áo đỏ tay cầm cái như-ý tượng-trưng chữ "phước" vì màu đỏ là màu tốt. Tranh ấy ngụ ý câu "Phúc, Lộc, Thọ, tam-tiên".

"Phúc, lộc, thọ, toàn, 福祿壽全" còn tượng-trưng bằng hình vẽ ông già sỏi trán tay cầm như-ý, đứng bên con nai với cây tùng, hoặc ông già sỏi trán tay cầm trái đào, tay cầm cái như-ý có con dơi, cỡi con "mai lộc".

"Bát tiên thượng thọ" 八仙上壽 thì vẽ tám ông tiên cỡi hươu, tay cầm trái đào, đã "bất tử" như tiên mà còn thêm "thượng thọ" (trăm tuổi) thì thật là "trường thọ".

Những lời cầu chúc đã được như ý, nếu sống trong cảnh thái-bình thanh-tịnh thì thật hoàn-toàn hạnh-phước. Nên bức tranh vẽ một đứa trẻ, đi rong chơi, tay cầm lồng đèn, trên ấy vẽ cái "bình" cầm ba cây "kích", cột chung với cái "xanh" và "vòng thạch" bằng một sợi dây có kết tui biểu-diễn câu chúc "khánh lạc trường bình" 慶昇平 (nước được thái-bình, dân an cư lạc nghiệp). Cái vòng thạch, khánh 磬 đồng âm với chữ "khánh" 慶 là "chúc"; sợi dây cột, tiếng Hán là lạc 樂, đồng âm với tiếng lạc 樂 là "vui mừng", cái sanh 笙 và cái bình 瓶 thì đồng âm với tiếng thăng 昇 và tiếng bình 平; thăng bình 昇平 là "thái bình".

Những lời chúc tụng còn nhiều trong cuộc quan hôn tang tế, câu chúc đều viết đầy đủ trên hoành chẩn liên đối, không như những lối chơi chữ vẽ tranh lược thuật ở trên, thường vẽ vào dịp xuân.

✱

Tóm lại, mấy lời chúc tụng với lối biểu-diễn bằng tranh-ảnh hình vật mỹ-thuật đầy ý-nghĩa chứng tỏ dân-tộc á-đông có một quan niệm thật-tế về nhơn sinh: giàu sang, oai quyền, đông con, sống lâu, được sung-sướng tận hưởng trọn đời mình và còn "lưu danh hậu thế" 留名後世.

Tuy biết là viên-vòng hào-huynh, nhưng ở đời ai cũng mong được sự tốt lành, hạnh phúc, sống vui tươi tràn-trề hy-vọng. Vậy nhơn dịp Tết đến chúng tôi mượn câu "vĩnh khánh thăng bình" 永慶昇平 để mừng nước nhà được cảnh thái-bình thanh-trị.

Ngọc-Toàn LÊ NGỌC TRỤ.

ANH HÙNG DẠM VỢ

(Tiếp theo trang 43)

đỏ, biểu hiệu của Anh Hùng Lao Động, vẫn rực rỡ ở giữa ngực, ánh lên mặt Mạnh càng thêm đỏ. Các đồng chí cho rằng vinh quang đó làm anh quá xúc động, nên đáng lẽ phải tuyên bố trước máy phóng thanh mà anh vẫn đứng ngẩn như tượng đá. Người ta cho anh uống hàng chai nước lạnh rồi người ta đưa anh vào nghỉ trong một trụ sở bên đường. Mạnh ngồi đấy, cặp mắt nhìn ra phía xa xôi. Ngoài đường, một chiếc xe ô tô vận tải lừ lừ chạy qua, phía sau có thùng lớn, hai bên vắt vào hai ống cao su dài như cột nhà. Nhìn thấy chiếc xe ấy, mắt Mạnh vụt sáng lên như nhìn thấy lẽ sống. Anh chồm dậy đuổi theo xe, vừa chạy vừa cởi bộ quần áo công nhân có đính bông hồng đỏ vụt lại, chỉ còn mặc một quần đùi đen và nhảy bổ lên xe. Hai bên đường, tiếng vỗ tay vang rền :

— Hoan hô tinh thần phục vụ của Anh hùng Lao động Hoàng văn Mạnh.

Về đến trạm trừ phân, các công nhân đồ thùng trông thấy Mạnh lăm lăm đứng ở thành xe bên nhất rồi xô đến chúc mừng. Người ta vòng tay kiệu mạnh lên và rước đi quanh trạm. Rồi người nào lại trở về việc này cho khỏi lãng phí thời giờ. Tới hồ phân lớn mọi ngày, đồng chí Cự chạy ra đón Mạnh :

— Người tớ đang bận nên không chạy ra kiệu cậu lên được. Thế nào, anh hùng lao động tấn công ái-tình đại thắng lợi chứ ?

Thấy Mạnh vẫn đi thẳng, Cự nắm lấy hỏi thêm :

— Kia, tớ hỏi, đại thắng lợi chứ ? Cậu có nói đúng như lời tớ dặn không ? Cô Thái nhất định phải cam anh hùng lao động chứ !

Tên người con gái được nhắc đến khiến Mạnh đứng đứng lại. Anh dương cặp mắt mờ mờ nhìn chăm chú vào mặt bạn. Cự lại hỏi :

— Cô Thái trả lời sao ?

Mạnh găm lên như con quai vật, giờ hai bàn tay họ pháp nắm lấy cổ Cự, miệng hăm hè :

— Con ranh con này ! Tao nắm được mày đây rồi. Chúng mày lợi dụng tao, chúng mày lợi dụng tao. Tao bóp mày chết, tao ném xác mày xuống đây cho mày biết tay tao !

Cự vừa rầy rụa vừa ú ớ :

— Kia, Mạnh.. làm sao đấy.. Tớ đây, Cự đây mà.

Hai tay Mạnh càng xiết chặt lấy cổ họng của Cự và đè xuống. Nước mắt Mạnh trào ra, miệng anh rít lên :

— Mày lại còn chối à ! Chính mày chứ tao. Tao thành thật yêu cầu tìm hiểu mày mà mày chối tao. Tao phải giết mày.

Cự cố sức vùng vẫy nhưng vẫn không sao thoát khỏi hai bàn tay cứng như kẹp sắt của Mạnh. Anh gắng vít lấy gáy Mạnh và thúc đầu gối vào bụng địch thủ. Mạnh bị đau, ngã ngồi xuống nhưng hai tay vẫn không rời cổ Cự. Hai người công nhân cùng lăn lông lốc trên mặt đất, người nào cũng gắng sức để địch thủ xuống dưới. Đến sát hồ phân, Mạnh quỳ lên được nhưng Cự thừa lúc tay địch thủ xiết hơi lỏng nên hít được một hơi dài. Anh thu hết tàn lực đập hai chân xuống đất dùng cả người xô Mạnh xuống hồ phân. Mạnh mất thăng bằng ngã ngửa vào trong hồ nhưng kéo theo cả Cự xuống. Cả hai cùng chìm xuống nhưng rồi lại đứng dậy được nhờ hồ phân chỉ mới sâu đến ngang ngực. Mạnh từ đầu Cự vào thành bể, thúc đầu gối lên như gậy gao vào bụng con người mà trong lúc hôn mê anh tưởng là cô gái đã bắt hủi anh. Người Cự mềm dần trong khi hai bàn tay Mạnh vẫn xiết cổ anh chặt thêm. Một dòng máu đỏ tươi trào ra ở mũi ở miệng anh, hòa vào với nước phân vàng nâu.

Người chiến sĩ thì đưa chìm dần, chìm dần rồi chìm hẳn. Anh hùng Lao động ngửa mặt lên cười đắc thắng Mặt trời đầu mùa hạ sáng trên đỉnh cao.

CÔ THẦN

KÍNH CHÚC

MỘT NĂM ĐẦY HẠNH PHÚC

TRAN - NGUYEN - CAT

91, Lê-thánh-Tôn — Saigon

Dầu đồng, dầu cao su, băng đồng, băng đá, phù hiệu, coupes

Bán và sửa máy chữ, máy toán, viết máy v.v...

Thương-gia, Công-kỹ-nghệ-gia!

Trên thương trường qui Ngài gặp nhiều khó khăn, qui Ngài dùng đến những con số âm ảnh và chỉ phối tâm trí.

Dù đã có sẵn kế-toán-viên, cả đến Kế-toán trưởng nữa, nhưng qui Ngài vẫn cứ lo ngại, vì qui Ngài phải trực tiếp chịu trách nhiệm về tất cả mọi sự lầm lẫn của Nhân viên của qui Ngài trong việc giữ sổ sách kế toán.

Nhưng nếu qui Ngài giao sổ sách cho

VĂN-PHÒNG BÚT-TOÁN NGUYỄN-HỮU-HÒE

— Số 231, đường Phạm-ngũ-Lão, SAIGON —

thì ngoài những công việc phiên toái như khai các sắc thuế thương mại, công-kỹ-nghệ, — đơn từ và thẻ-thức, luật-lệ hiện hành về thương-mại, kỹ-nghệ v.v... qui Ngài khỏi phải bận tâm nhọc sức, mà ngay đến trách-nhiệm về kế-toán, Văn-phòng Bút-toán Nguyễn-hữu-Hòe cũng làm hợp đồng đảm nhận cả.

VĂN-PHÒNG BÚT-TOÁN NGUYỄN-HỮU-HÒE

— Số 231, đường Phạm-ngũ-Lão, SAIGON —

hiện còn giữ làm sổ sách kế toán cho trên 200 nhà buôn Việt, Hoa, Pháp, về mọi ngành thương mại bằng Việt ngữ và Pháp ngữ từ ba năm nay, và hàng năm lãnh làm trên 100 Bilans để khai thuế lợi tức và huê lợi không sai lầm.

VĂN PHÒNG BÚT TOÁN NGUYỄN-HỮU-HOÈ

cũng dạy lớp kế-toán thực-hành 5 loại kế-toán :

Thương-mại — Kỹ-nghệ — Canh-nông — Ngân-hàng — Hành-chánh
bằng tiếng Việt và Pháp, theo phương pháp mới, rất dễ hiểu và đúng theo chương trình của Bộ Quốc Gia Giáo Dục.

Mỗi khóa : cam đoan BA (3) tháng rành nghề do chính ông NGUYỄN-HỮU-HOÈ là Giáo sư dạy lớp kế-toán tại Trường BÁCH-KHOA BÌNH-DÂN Saigon-Chợ lớn hướng dẫn.

Cung chúc Tân Niên

XUẤT NHẬP CẢNG CÁC THỨ HÀNG HÓA

THE GOSHO Co LTD EXPORTERS & IMPORTERS

ESTABLISHED 1917

Head office

N° 11, Yokobori, 1 Chome, Higasi - Ku

OSAKA - JAPAN

Hàng vải tơ lụa — Chỉ sợi — tơ bóng Rayon yarn

Thượng đẳng tơ nhân tạo hiệu Tam - Kim - Mã

Máy móc. Thực phẩm v.v...

VĂN PHÒNG LIÊN LẠC TẠI VIỆT-NAM

Room N° 204 Rietmann Poulet Zeltner Bldg.

13-17, ĐẠI LỘ NGUYỄN - HUỆ

N° 1 RUE AUX FLEURS — SAIGON

CÁC BẠN Ở XA THÀNH

— Muốn tiếp tục sự học dở dang để có địa vị cao quý hơn cũng có thể học tại nhà, bài vở gởi đến bạn do Bưu Điện chuyển giao, học lực bạn từ lớp ba đến đệ II học được.

— Bạn là binh, Cảnh sát, Tự vệ, muốn lên hàng Sĩ, Úy, Trưởng.

— Bạn Công dân vụ, Hội đồng xã, nông, công, thương, gia tiến đến Cán Bộ.

— Bạn Giáo viên lên Hiệu trưởng, Thanh tra hay Trường ty.

— Bạn Công, Tư chức khác, lên cấp Chỉ huy hay thăng trật, đẳng, cùng tránh nhiều sự bức vì học lực còn kém.

— Bạn học sinh hiếu học, muốn có căn bản vững, khỏi mất giờ đến trường, xin viết thư hỏi thăm về nơi :

HÀM - THƯ HẠNH - NGHĨA

42 Nguyễn-văn-Thành (Gia-Định)

Trung tâm khảo cứu sự dậy bằng gởi bài tận nơi bạn ở. Kết quả như học trực tiếp, Giáo sư Tú tài, Cử nhân, Cao đẳng Sư phạm, già kinh nghiệm.

Ta hãy tranh nhau học tập

XÁC PHÁO MÙA XUÂN

của HOÀNG-NGỌC-LIÊN

Xuân tìm đến từ từ phương tận,
Lạc chước thành hột lệ thủy can.
Đường Thi.



IAO thừa từ lâu rồi... tôi vẫn chưa ngủ được. Có cái gì khác biệt của đêm giao mùa nó làm tôi thao thức. Không hẳn là tôi nhớ lại lũy tre làng xa xôi và con đê dài heo hút

hoặc những hội hè, đình đám mà mỗi độ Xuân về trong khung cảnh của Quê hương êm dịu tôi từng được sống những giây phút an ủi bên cạnh bao người thân yêu. Là vì qua mấy năm lưu lạc tôi đã có nhiều dịp để nhớ lại tất cả như thế. Cái khung khác này là một âm thanh vừa nổi dậy đầu đầu... À mà phải... tiếng pháo! Vâng, tôi nhớ ra rồi... tiếng pháo của ngày xưa... Dần dần tôi hình dung lại được khuôn mặt có nước da ngăm đen, có cặp mắt hiền từ và có chòm râu thưa thớt.

Mùa Xuân năm ấy tình cờ tôi gặp lão. Chỉ trong một ngày quen biết mà lão đã để lại trong tôi rất nhiều nhớ nhung, luyến tiếc.

Tôi đứng bên này nghĩa địa, nhìn về phía ngôi chùa hoang vắng. Đã từ lâu rồi, chùa đó chẳng còn hương khói. Có nhiều bữa chúng tôi vào chùa trú mưa. Đó là một gian nhà cỏ, mái uốn cong Bốn góc mái có 4 con rồng há hốc mõm và guôn mình theo đường giáp mái lên nóc. Căn nhà trống trải. Cũng may cửa chính về hướng nam nên tránh được cơn gió mùa lạnh buốt. Trên bệ chắc xưa kia có tượng Phật, có hương hoa, bây giờ chỉ còn hai bát nhang sắt mẻ, ngả nghiêng.

Thế mà giữa ngày mùng 3 Tết, cửa chùa bỗng lên tiếng pháo. Tôi ngạc nhiên vòng qua nghĩa địa, đến gần.

Nhìn vào khung cửa sổ, tôi thấy lão đang chấp tay hướng lên bàn thờ đã có hương hoa, lăm lăm khăn vải.

Lão mặc chiếc quần nâu tùm * lá tọa *, gấu quần đã sờn mép chỉ và bám đầy bụi đất. Chiếc áo lụa rộng cổ tròn gối vớ chẳng chít. Đầu lão chít mấy vòng khăn nhiễu bạc màu. Lão có vẻ nghĩ ngợi. Chòm râu thưa thớt luôn luôn nhấp nháy, mắt lão đắm đắm nhìn vào bát hương.

Thốt nhiên, lão quay lại nhìn tôi. Như một kẻ bị bắt quả tang đang làm điều gì vùng vằng, tôi định bỏ chạy. Hình như đoán biết ý định của tôi, lão nhìn tôi, mỉm cười. Về mặt lão có nhiều nét dịu hiền, nụ cười tươi tỉnh của lão làm tôi đứng lại. Lão đến bên tôi. Như những kẻ đã quen biết nhau tự một kiếp nào, lão âu yếm nắm lấy tay tôi:

— Cậu vào trong này! Đứng ngoài đó lạnh chết!

Tôi nhìn lão, gật đầu.

Đợi cho tôi ngồi xuống bên cạnh, lão mới hỏi:

— Cậu thấy tôi ở đây chắc lấy làm lạ lắm phải không?

Tôi nhìn lão mà không trả lời.

Lão gật gù tiếp lời:

— Lễ ra những ngày đầu năm Xuân thủ này, tôi phải được cùng gia đình xum họp. Thế mà...

Lão ngừng lại. Tôi thấy cần phải hỏi lão. Nhưng tôi lại hỏi một câu rất thường. Có lẽ cái tuổi thiếu niên của tôi chưa biết đặt một câu hỏi khác:

— Nhà ông ở đâu?

Lão nắm chặt lấy tay tôi, sẽ nhếch môi cười chua chát. Tôi tưởng là lão không có nhà cửa! Tôi thấy mũi lòng cho lão. Tôi đoán chừng lão đi lang thang khắp nơi và khi qua đây, lão ghé vào thấp nhang cầu nguyện.

Nhưng lão đã biết tôi đang nghĩ gì:

— Nhà tôi bên kia sông Đáy... nhưng cũng chẳng khác gì ngôi chùa này.

Tôi nhìn lão, không hiểu.

Lão buông tay tôi ra, rồi xích lại bàn thờ để dựa lưng vào lớp vải lụa lột.

Bằng một giọng nói trầm trầm, rõ rệt, lão đã kể cho tôi nghe, câu chuyện của đời lão.

Từ ngày người vợ bất hạnh chết đi, lão đóng vai gà sống nuôi con. Người thiếu nữ lớn lên trong tình thương của lão. Lão thường cảm ơn Trời, Phật đã ban cho lão một nguồn an ủi. Lão nhìn cô gái, lòng tràn đầy hy vọng. Định nghĩ rằng một ngày mai lão sẽ có con rồi — chẳng cần giàu sang nhưng có đủ đức tính làm người — và vợ chồng * chúng nó * sẽ ở đời với lão. Lão sẽ chăm nom lũ cháu như lão đã chăm nom con gái lão. Cái khung cảnh ấy mỗi lần hiện ra trước mặt là lão thấy lòng mình hẳn hoan. Lão cười một mình.

Người con gái không hiểu:

— Thầy cười cái gì thế?

Lão lắc đầu:

— Không!

Như đoán được một phần nào, người con gái ứng hồng đôi má, quay đi.

Năm mười tám tuổi thì người con gái mang bệnh nặng. Danh y trong vùng đều cho rằng không còn cách nào cứu được. Lão thấy trời đất mờ đi. Không, con lão không thể chết được. Lão tin tưởng ở trời. Không có lý nào vợ lão đã mất, Trời Phật còn bắt con lão chết theo. Lão còn gì mà sống!

Hàng tháng trời bên giường bệnh của con, lão gầy hẳn đi, mắt sâu trũng vào và da mặt giãn gầy thêm. Thương con vô cùng lão không đành tâm chợp mắt mỗi khi đêm về khuya. Nghe các đông y nói là

vô phương cứu chữa, lão không tin. Lão cứ tin niệm rằng:

— « Nhân sinh tử hồ số, số hồ thiên mệnh ».

Phải, sống chết là do mệnh trời. Lòng tin tưởng của lão đã thành sự thực. Hai tháng sau, con lão dần dần bình phục nhờ một thầy thuốc có tài. Người ta cho rằng lòng thương con của lão đã thấu đến trời chứ căn bệnh ấy ít người thoát khỏi.

Từ đây mỗi buổi chiều tà, lão đi dạo lại được nghe tiếng lão ngâm thơ. Lão thuộc rất nhiều thơ Đường. Vừa ngâm, vừa giải nghĩa cho con nghe. Người con gái không hiểu gì nhưng cũng khẽ đáp:

— Thưa thầy con hiểu rồi.

Lão lại gật gù ngâm tiếp.

Thế rồi một buổi chiều cuối hạ, người con gái bỏ nhà ra đi. Lão lặng người đi khi biết sự thực. Uống một lúc hết 2 cút rượu trắng, lão gục mặt xuống bàn khóc như một đứa trẻ con.

Người ta đồn rằng con gái lão theo một chàng trai trẻ nào đó lên đầu núi trên kê Chợ. Biết lão đang sửa soạn khăn gói đi tìm con, có kẻ xấu miệng cho rằng con gái lão thương... trai chứ thương gì lão. Có gặp, « nó » cũng chẳng về!

Mặc lòng nước chè cười, vì thương con lão phải đi tìm nó. Lão chỉ còn có nó.

Mấy tháng trời lê gót trên vỉa hè đô thị, lão chẳng được tin-tức gì về người con gái. Cho đến đêm ba mươi Tết vừa qua. Lão mỗi chân ngồi dựa lưng vào chiếc cổng sắt của một căn nhà phố Khái. Thốt nhiên cánh cửa sịch mở. Lão quay lại, mừng rỡ lên:

— Đào! Thầy tìm con mãi!

Nhưng người con gái lạnh lùng hỏi lão:

— Ông lên đây làm gì?

Lão thấy ghen ở cổ. Đô thị đã làm cho con gái lão thành một người khác rồi. Mớ tóc đen nhánh dài óng và mịn như nhung bây giờ đã quăn tít lên, bông bênh trên khuôn mặt phấn son. Lão định nói một câu cho hả thì « nó » đã mở miệng:

— Ông về đi! Chồng tôi nó « kiêng » lắm, không để cho ai ở nhà đêm giao thừa đâu. Ra ngoài này, tôi sẽ gửi tiền về cho!

Lão không nghe thấy gì nữa. Hai giọt nước mắt từ từ chảy trên hai gò má, lão chậm chạp bước đi... trong lúc chiếc cổng sắt khép lại. Lão mỉm cười môi, ruột nóng như chảo. Lão muốn chết đi. Lão không ngờ đứa con duy nhất mà lão đặt tất cả hy vọng bây giờ nở đối xử với lão như vậy. À ra nó tưởng lão đến xin tiền... Nó có biết đâu rằng để tìm nó chỉ vì lão thương nó. Lão không muốn nó sa vào cạm bẫy của đời. Lão muốn cứu nó sống làm người. Nhưng lão đã lầm. Đứa con gái bây giờ không phải « cái Đào » ngày xưa của lão nữa. Lão không oán giận nó. Nó còn trẻ dại. Lão chỉ sợ rồi đời nó khổ. Nhưng lão biết làm gì hơn được bây giờ!

Suốt đêm Trừ tịch, lão chẳng nhớ là mình đã đi những đâu, làm gì. Hình như lão nằm gục trên một mớ đất ở ngoại ô, người nóng ran lên.

Lão tỉnh dậy trong một khung cảnh lạ mắt. Thì ra một cụ già trong lúc giao thừa đi dâng hương về đã trông thấy lão. Cụ hỏi hà gọi người nhà mang lão về thuốc thang. Trước khi lão ra về, cụ còn biếu mấy trăm bạc làm lộ phí. Trước một tình cao đẹp ấy lão chẳng biết nói gì. Lão càng tin tưởng vào Thượng Đế, tin tưởng vào những mối tình người.

Đi tới làng tôi, thốt nhiên lão dừng chân lại. Lão vừa nhớ ra một điều gì hệ trọng. Bữa nay mùng 3 Tết. Phải, còn ngày Tết là lão còn có thể làm nhiệm vụ đối với Cha Ông. Lễ ra lão đã phải cúng tổ tiên từ lúc giao thừa hay sáng sớm ngày mùng một nhưng vì đứa con, lão đã quên mất. Lão chắc rằng ông cha cũng thể tình cho lão. Đem số tiền còn lại, lão ra chợ mua hương hoa và một bánh pháo. Lão chọn ngôi chùa này làm nơi cúng tổ tiên vì lão chẳng kịp về đến nhà trước khi hết ngày mùng ba tết. Và lại nhà lão còn có ai đâu. Lão thấp hương, xin ông bà thâu lòng thành cho lão. Lão cũng không quên xin Trời Phật cứu con lão về một ngày kia nó lại trở về. Lão còn xin phù hộ cho cụ già già lòng từ thiện.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

— HÃNG —

NGUYỄN - THÀNH

Khai quan thuế và vận tải

VĂN PHÒNG

SAIGON: Số 62, đường Trung-Tướng Trịnh-minh-Thế - KHÁNH-HỘI

Giấy nói: 23.173

Nơi tin cậy, Cẩn thận

Giao hàng nhanh chóng.

KHO HÀNG : Số 78, Lê-văn-Duyệt Saigon
HƯ KHỐ

CUNG CHÚC TÂN NIÊN

Năm mới chúc mừng đồng bào
vui vẻ khỏe mạnh vạn sự như ý

NHÀ THUỐC

CHÍNH-ĐẠI

(HIỆU MẶT TRỜI)

28 Tổng đốc Phương

Chợ Lớn

đã cứu giúp lão trong lúc bệnh hoạn, đói lòng. Lão cầu nguyện cho tất cả mọi người có lòng tốt, biết thương yêu.

Nói đến đây, lão kéo tay tôi ra cửa chùa :

— Cậu xem, bánh pháo làm công phu như vậy rồi sau một tràng nổ mừng xuân, đã tan tành thành từng mảnh. Nhưng dù đã tan tành thành từng mảnh, xác pháo vẫn còn trang hoàng mặt đất thành những đường hoa, tô điểm cho một mùa xuân tươi đẹp.

Rồi lão nhìn về phía trời xa, chậm rãi :

— Được gặp cậu, biết cậu có một tấm lòng, tôi đã kể cậu nghe câu chuyện của đời tôi. Rồi đây còn một mình ở trên đời, tôi sống thế nào đây.

Ngừng lại một lát, lão nói tiếp :

— Tôi sẽ về bán ruộng bán nhà để có một số tiền dành dụm gửi bà con lối xóm. Rồi mai ngày « nó » có bị đời bắt hủi mà trở về cũng còn chút vốn để làm ăn. May ra « nó » sẽ sống xứng đáng làm người.

Tôi vẫn cầm tay lão :

— Thế còn ông đi đâu ?

Lão mỉm cười :

— Tôi năm nay hơn năm mươi tuổi. Kể cũng gần đất xa trời rồi. Tôi sẽ tìm nơi nương mình vào cửa Phật. Tôi sẽ luôn luôn nhớ cầu nguyện cho cậu và cho tất cả những người có lòng tốt như cậu.

Tôi cúi đầu nhìn theo lão khăn gói vác vai đi về phía cuối thôn. Tôi chẳng biết nói gì hơn. Trước mặt tôi xác pháo lăm lăm chạy dài trên đường về nhà. Tôi nhớ lời lão, tuy nhiên lúc đó tôi chưa hiểu được như bây giờ.

Lớn lên, lưu lạc nhiều, những kỷ niệm của một thời niên thiếu hầu như tôi chẳng còn nhớ gì rõ rệt nhưng tôi vẫn không quên lão.

Từ mùa Xuân năm ấy, tôi chẳng bao giờ còn được gặp lão nữa. Sau mười năm khói lửa, chắc gì lão còn sống.

Khuôn mặt lão về sau này có lẽ tôi sẽ quên hẳn, nhưng tình lão vẫn ở mãi trong tôi. Tôi cảm thông sâu xa cõi lòng của lão. Suốt đời tận tụy cho con rồi khi bị con bắt hủi, trước khi chán nản cuộc thế, lão còn để lại của mỗ hơi nước mắt để nếu con lão có trở về cũng còn có phương tiện sinh sống làm Người !

Thế rồi cứ mỗi độ Xuân về, nghe tiếng pháo mừng Xuân, nhìn xác pháo rải rác trên mọi nẻo đường, tôi lại mang mang nhớ lão. Tôi nhớ mãi tiếng nói trầm trầm của lão :

— Nhưng dù đã tan tành thành từng mảnh, xác pháo vẫn còn trang hoàng mặt đất thành những đường hoa tô điểm cho một mùa Xuân tươi đẹp.

Tôi nhớ mãi ngôi chùa hoang vắng của quê hương mà trong đó lão đã kể tôi nghe cuộc đời của lão với một tình thương trọn vẹn.

HOÀNG NGỌC LIÊN

XUÂN KỶ-HỢI MÁCH NGHỀ «HEO»



À M Kỷ-Hội thuộc về năm Heo hay là Lợn. Ai sanh vào năm Hợi thì « cầm tinh » con Heo ; theo Khoa - học, Heo là một giống vật thuộc sáu loài vật nuôi trong nhà

được loài người nuôi từ thượng-cổ cùng với ngựa, bò, dê, chó và gà. Người ta đã đặt cho Heo nhiều tên khác nhau : Porcus là tên la-tinh, Trui là tên heo Trung-Hoa, Mỹ, Anh gọi là Pig, Ý gọi là Porco, Pháp kêu là Porc hay Cochon. Có hai loại Heo : Heo nhà và heo rừng ; heo rừng thường gọi là lợn cỏ hay lợn lòi.

Dù danh-từ khác nhau, nhưng chung quy cũng là một giống heo. Mà heo thì rất ích-lợi cho người ta, vì có thể nói rằng hết «thầy bộ phận» của thân thể con heo đều được người ta xư-dụng cả. Thế cho nên, nhân dịp Tết Kỷ-Hợi, xin nhắc lại công-dụng của heo, nghĩa là những nghề mọn mà độc-gia có thể làm được bằng thịt heo, từ khoa gia-chánh « ẩm thực » tới đại kỹ-nghệ thực-phẩm...

Heo dùng làm thực phẩm

Có thể nói rằng ích lợi rõ rệt của heo là heo cho ta thịt để ăn. Đối với người Tàu và người Việt, thịt heo ngon hơn cả thịt các loài vật khác, chẳng có thể mà trong một năm, Saigon-Cholon tiêu thụ ngót hai triệu con heo ! Thịt heo đã được liệt vào « thực đơn » của bữa cơm Việt Nam, mà nếu thịt heo mà dùng với gia vị « hành » thì mới đúng. Như câu ca dao đã nói :

Con gà cục tác lá chanh,

Cán lợn (heo) ủn ỉn mua hành cho tôi.

Hoặc câu hát đố này, khi chỉ cái bánh trưng (bánh tét) dùng trong dịp Tết Nguyên-Đán :

Nhà xanh lạt đóng đồ xanh

Chung quanh trông hành giữa thả lợn con.

Các món ăn làm bằng thịt heo theo lối Tàu, Tây và Việt Nam v.v.. kể ra có đến cả ngàn món, phạm vi bài này kể sao hết được, cho nên nhân dịp đầu Xuân, kẻ giữ mực này chỉ mách vài món ăn khô và tươi thông dụng của mùa Xuân mà thôi :

Làm lạp xưởng heo

Có hai thứ lạp xưởng : 1) Lạp xưởng thịt heo 2) Lạp xưởng gan heo.

1.- Lạp xưởng thịt

A) Thành phần :

Thịt heo (lợn) tươi 1 ký
Đường trắng 50 gờ-ram
Diêm tiêu (diêm trắng, salpêtré) 5 gờ-ram tán nhỏ
Sáng sấu 50 gờ-ram (một chén nhỏ)
Rượu rhum, cognac hay rượu trắng (để) hoặc muốn ngon thì cho
Mai-quế-lộ 50 gờ-ram
Húng liu (tán nhỏ) 1 gờ-ram

B) Cách làm : Lấy thịt heo vừa nạc, vừa mỡ rửa sạch, thái nhỏ bằng đốt ngón tay. Đoạn trộn với các vị ở trên cho đều.

Mua lòng lợn non có bán sẵn để làm bao ngoài. (Nếu không có thì mua lòng (ruột) non heo, đem về rửa sạch, ken kỹ phía trong, cạo hết bột, xát nước muối loãng, rồi buộc một đầu, lấy ống đu đủ thổi phồng phoi khô, treo gác bếp để dành làm bao lạp xưởng).

Rửa kỹ lòng non, buộc một đầu lại rồi lấy cái phễu cắm vào một đầu. Đem thịt heo đã trộn đủ các gia vị rồi mà nhồi vào lòng — không nên nhồi chặt quá. Nhồi xong vuốt khê cho đều và thành hình lạp xưởng. Đoạn buộc nút đầu lòng lại mà cuộn tròn, để trên nong. Lấy miếng gỗ mỏng, xiên độ 10 cái danh ghim để làm thứ bàn chống, bàn chải riêng mà châm vào lạp xưởng cho nước thoát ra. Đừng châm nhiều quá kéo rách bao ngoài. Châm xong, lấy giây gai thắt nút từng khúc, dài ngắn tùy ý, thường thường là 15 phân, rồi cho vào cốt dùng hỏa lò than xây cho khô.

Lấy hỏa lò đốt than tầu tốt, đốt vừa vừa đừng nóng quá, đặt ở chỗ không gió ; lấy cái cốt mà quay tròn hỏa lò, phía trên đặt cây ngang bằng sắt để treo lạp xưởng. Trên cùng lấy cái mẹt úp kín. Treo lạp xưởng lên các cây ngang. Xây trong 3 giờ, bỏ ra treo nơi có gió cho nguội hoặc quạt cho mát. Khi lạp xưởng nguội rồi thì cho vào xây nữa — kỳ này xây nhỏ lửa, để luôn 10 giờ (một đêm) — Xây xong đem phơi gió cho nguội, rồi lại xây. Làm cho tới khi lạp xưởng khô (thường thường là hai ngày) là được. Bỏ ra lau sạch rồi cắt theo chỗ giây buộc ra thành từng đôi lạp-xưởng một. Muốn cho lạp xưởng có màu đỏ đẹp, có thể mua phẩm đồ dùng để nhuộm kẹo và si-rô, không độc, mà nhuộm lạp-xưởng.

2.- Lạp-xưởng gan

Mua gan heo tươi và thịt mỡ heo — Đem thái gan ra thành từng miếng nhỏ bằng đốt ngón tay. Ngâm vào nước lá rửa cho hết nước dõ, rửa rửa vừa bóp nhẹ cho hết nước dõ thì thôi.

Trộn 1 ký gan với 500 gờ-ram thịt mỡ thái nhỏ như gan. Trước khi trộn hai thứ vào nhau lấy 10 gờ-ram gừng (1 củ) giã (đầm) nhỏ, hòa lấy nước, thêm một chén rượu trắng, trộn nước ấy với gan, bóp kỹ — Ngâm 15 phút, xong lấy thịt mỡ trộn vào, trộn kỹ.

Đoạn đem nhồi vào lòng non heo, rồi xây y như cách thức làm lạp xưởng thịt đã nói ở trên.

Làm bóng bì heo

Ngày Tết, giò hay trong các tiệc tùng của ta món ăn nấu bằng bóng bì heo có lẽ cũng là món cần thiết như vậy, mực v.v... nên số bóng bì tiêu thụ hàng năm cũng nhiều. Cách thức làm bóng bì heo như sau :

Lấy da heo, đem về lạng hết mỡ ra rồi rửa sạch, để lên thớt hay khúc gỗ, lấy dao cạo hết mỡ. Mặt phải thì nhặt sạch và cạo cho hết lông, rửa nước cho sạch, đoạn lấy tre, vót nhọn hai hai đầu, sâu vào cạnh miếng da, ngang một hai chiếc que tre, dọc một hai chiếc nữa, căng da cho thật thẳng, rồi đem phơi nắng cho thật khô, đoạn cho muối khô vào chảo lớn, đun cho muối nóng rồi bỏ da heo khô vào mà rang cho phồng lên. Lúc nào da phồng đều, rũ hết muối đi là được bóng bì heo. Có thể dùng cát sạch mà rang cho da heo phồng lên làm bóng, nhưng làm lối này thường có sạn.

Nấu thịt đông đủ trời nóng

Tại miền Nam, về Tết, khi trời nóng nực, nếu muốn thưởng thức thịt đông với dưa hành thì nấu theo lối sau đây, bất cứ lúc nào và trời nóng bức đến đâu cũng được :

Lấy thịt heo, chân giò heo, hay thịt vai, thịt móng, v.v... nhặt lông cho kỹ, đoạn thái nhỏ rồi đem luộc sôi. Khi nước sôi chất nước đầu loại đi, để cho bớt mỡ vẩn đi. Lại cho nước lá vào mà nấu. Lấy 25 gờ-ram thạch trắng (trong Nam thường gọi là rau câu Tàu) thường vẫn dùng nấu để ăn giải khát hoặc in chữ, cắt ngắn rồi cho vào nồi thịt heo (25 gờ-ram thạch đủ nấu cho 1 ký thịt heo.) Nấu cho nhừ và cạn nước, khi thịt được rồi thì bỏ ra, đổ vào bát hoặc đĩa thả trong chậu nước lạnh, thịt sẽ nguội rồi đông lại như ta để trong tủ lạnh.

Trên đây là hai nghề thủ-công và một món ăn bằng thịt heo mà ta có thể làm được nhân dịp Tết và lúc đầu năm. Ngoài ra, da heo còn có thể dùng để thuộc, phân heo để bón cây, mỡ heo nấu xà bông v.v... Trong mục mách nghề sẽ lần lượt chỉ dẫn bạn đọc thân mến, vào những số sắp tới của Tự Do trong năm Heo này...

DUY-VIỆT

Trường Trung Học ANH-NGŨ quốc tế KHÁI - MINH

— 72 NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU — 21-29 TRẦN QUANG KHÁI ĐAKAO —

TRÊN 60 lớp (mai chiếu tới)

Lớp thực hành cấp tốc và văn chương

Lớp 1 (6e) sáu có 12 lớp
— 2 (5e) — 6 lớp
— 3 (4e) — 4 lớp
— 4 (3e) — 3 lớp
— 5 (2e) — 2 lớp
— 6 (1ere) Lower 6 lớp
Võ Lòng (2-1-59) 5 lớp
Proficiency — 2 lớp

40 lớp

Lớp chuyên khoa, phổ thông

Mẫu Giáo (mai chiếu) 8 lớp

Lớp 1 (11e) — 5 —
— 2 (10e) — 4 —
— 3 (9e) — 3 —
— 4 (8e) — 2 —
— 5 (7e) — 1 —
— 6 (6e) — 1 —
— 7 (5e) — 1 —
— 8 (4e) — 1 —

26 lớp

Gần 50 giáo sư Mỹ Anh Việt và Ban giám đốc

Mrs Hausraih (U.S.A.)
Mrs Ng-v-Kinh (Đỗ Cẩm Nhung)
Mr Corrigan (England)
Mr Vũ Khắc Thu
Mr Hausraih (U.S.A.)
Mr Nguyễn Văn Siab
Mrs Sims
Mr Bach Son
Mr Marshener
Mr Bính
Mr Knight
Mr Trọng Nguyễn
Mrs Brill
Mr Nguyễn-xuân-Dinh
Mr Stirling
Miss Carole
Mrs Phương
Mrs Gracy
Miss Châu
Mrs Elizabeth
Mr Circeil
Miss Vân
Mrs De Angelis
Miss Tuilletie

Mr Nguyễn Văn Kính
Mr Don
Mr Hà Văn Anh
Mrs Macdonald
Mr Nguyễn Văn Giai
Mr Mullen
Mr Hoàng Thi Thơ
Mr Pennington
Mrs Marsbanks
Mr Ng ngọc Báo
Mr Toews
Mr Bùi trọng Hợp
Miss Pink
Mr Trung Lý
Mrs Keam
Mr Hùng
Mrs Gardner
Mrs Sừ
Mrs Palmer
Miss Than
Miss Hiếu
Miss Zosephine
Mrs Cabrera
Miss Tiedt

(Tiếp theo trang 7)

— Đã ở, xa ngoài ngàn dặm thì dù cho có Thiên lôi cũng khó mà tìm ra được. Mà dù có biết thì thiếp đây cũng là con nhà thế gia : ngày xưa Trác Vương-tôn cũng chẳng làm gì được Tu-Mã Trường-Khanh nữa là !

Em trai Sinh tên Đại Khí, tuổi mới mười bảy. Nàng trông mặt đoán rằng :

— Trông nó có cốt cách thông minh, sau này chắc hơn anh nhiều.

Đại Khí sắp cưới vợ thì bỗng nhiên vợ chết yểu. Nàng nói :

— Em thiếp là Ngọc Bản, anh đã từng thấy mặt : nhan sắc cũng không đến nỗi xấu xí mà tuổi cũng bằng chàng em. Cho hai đứa lấy nhau kẻ cũng xứng là giai ngẫu.

Sinh nghe thấy mỉm cười, nói đùa bảo nàng hãy cứ làm bà mối đi. Nàng nói :

— Nếu thế tất phải đến mới được. Việc cũng không khó.

Lại hỏi dùng cách nào. Đáp :

— Em nó với thiếp từ bé vốn rất thân nên nay chỉ cần một chiếc xe nhỏ với hai con ngựa khỏe, tống công phái bà già đi về một lượt là xong chuyện.

Sinh vốn đã sợ mối tình duyên của mình bị lộ nên không dám nghe mẹo đó. Nàng khàn khoản nói không ngại. Liên truyền sắp xe sai bà Tang đi. Vài ngày tới Tào châu. Gần đến cổng làng, bà xuống xe bảo người đánh xe đợi ở bên đường. Đang đêm lên vào làng.

Chốc lát đất cô gái tới, lại lên xe rồi đi. Hết rồi tới ngủ ngay trên xe đến canh năm lại đi. Ở nhà, Cát Căn tỉnh ngày, bảo Đại Khí ăn vận chỉnh tề đi đón. Đi chừng năm chục dặm thì gặp, chàng bước lên tay đánh xe rước dâu về. Đuốc hoa, nhũ nhạc làm lễ thành thân tặc khắc. Từ đó hai anh em họ Thường đều có vợ đẹp mà nhà cũng ngày một giàu thêm. Ngày kia có bọn cướp cướp ngựa kéo vào nhà, chùng vài chục tên. Sinh biết có biến, bảo cả nhà lên lầu. Cướp bao vây lầu. Sinh cúi xuống hỏi.

— Có thù gì với bọn ta không.

Chúng đáp :

— Chẳng có thù gì. Chỉ cầu hai điều : một là nghe nói hai vị phu-nhân nhà này xinh đẹp thế gian không có, xin có thấy mặt ; hai là bọn ta có năm mươi tám người, xin cho mỗi người năm trăm lạng vàng.

Liều trai Chí di

CÁT - CÂN

Nói xong, chúng chất củi dưới lầu, dọa đốt nhà. Sinh trả lời chỉ thuận việc cho tiền, bọn cướp không bằng lòng. Sắp đốt lầu, gia nhân sợ quá. Nàng vội cùng Ngọc Bản đi xuống. Sinh ngăn lại không được. Hai chị em ăn mặc rực rỡ bước xuống. Còn ba bức thang thì đến đất, nàng bảo bọn cướp :

— Chị em chúng ta là người tiên, tạm thời đặt chân xuống coi trần, lễ nào lại sợ bọn ăn cướp. Ta muốn ban cho các người một vạn lạng vàng, chỉ sợ các người không dám lấy thôi.

Cả bọn nhất tề cúi lạy, hô vang chẳng dám nhận. Hai chị em định trở gót, bỗng một tên cướp lớn tiếng hô rằng.

— Nó nói láo đấy !

Nàng nghe thấy, đứng sững lại, quay hỏi :

— Vậy các người muốn làm gì ? Muốn gì thì làm đi chưa muộn !

Bọn cướp lăm lét nhìn nhau không đưa nào dám thờ ra một câu. Hai chị em thung dung lên lầu. Bọn cướp nhìn theo cho đến khi mất hút, lúc đó mới ồn ào giải tán.

Hai năm sau, hai chị em mỗi người sinh một trai. Lúc đó mới nói cho Sinh hay nàng họ Ngụy, mẹ được phong làm Tào quốc phu nhân. Sinh lấy làm lạ vì ở đất Tào làm gì có họ Ngụy. Mà dù có thì sao bỗng chốc mất hai cô con gái mà không hề tìm hỏi. Nghi vậy nhưng không dám vặn hỏi. Bèn thắc cơ có việc lại sang Tào châu. Tới nơi hỏi dò thì ra trong đám thế tộc không hề có họ Ngụy. Lại đến nhà trọ cũ hỏi thăm chủ nhân bỗng thấy trên vách có bài thơ đề tặng Tào Quốc phu nhân. Lấy làm lạ. Hỏi chủ nhân, chủ nhân cười nùi Sinh đến thăm Tào Quốc phu nhân. Đến nơi thì là một góc mẫu đơn cao đến tận mái nhà. Hỏi tại sao lại có tên như thế mới biết đó là cây mẫu đơn danh tiếng đệ nhất của đất Tào cho nên người trong miền đùa mà phong cho như vậy. Lại hỏi thuộc giống gì. Đáp :

— Mẫu đơn này thuộc giống mẫu đơn tía tên gọi Cát Căn.

Thấy thế trong bụng càng sợ, nghi nàng là

loài hoa thành tinh. Vì nhà, vãn không dám hỏi, chỉ thuật lại việc được xem bài thơ tặng phu nhân. Nàng khốn quẫn ra mặt, biến sắc mà đi. Gọi Ngọc Bản cùng âm con đến bảo Sinh rằng :

— Ba năm trước tôi cảm vì tấm tình của anh nên mới mang thân đến báo. Nay đã thấy này ra điều nghi kỵ thì làm sao mà chung sống được.

Rồi cùng Ngọc Bản đem đứa con ném xuống đất. Cả hai đứa trẻ đều biết mất. Sinh còn đang bàng hoàng ngờ ngác, trông ra đã thấy hai nàng biến dạng mất. Hồi hận không thôi. Vài ngày sau, chỗ hai đứa trẻ bị ném xuống thấy nảy lên hai cây mẫu đơn. Chỉ trong một đêm, cao được hơn một thước. Trong năm nở hoa, một cây hoa tía, một cây hoa trắng, óng to như cái mâm đồng. So với giống Cát Căn, Ngọc Bản khác cánh nó nhỏ mà nhiều hơn. Qua vài năm mọc thành khóm lớn rậm rạp. Đem đánh đi trồng chỗ khác lại biến giống cho nên không biết gọi tên nó là gì. Từ đó, giống mẫu đơn này nổi tiếng nhất ở đất Lạc, không có loại mẫu đơn nào sánh kịp.

Di sử thị bàn rằng :

Lòng nhớ mong chuyện nhất thì quý thân cũng cảm thông. Nhưng xét lại cũng không thể bảo là việc làm sau này của họ Thường là vô-tình được. Ngày xưa, quan thiếu-phủ Bạch Cư Dị buồn vì nỗi không vợ còn lấy hoa làm phu-nhân(1), huống hồ ở đây lại là hoa biết nói. Như thế hà tất phải hỏi tặc bạch nguồn gốc làm gì. Khá tiếc cho Thường-Sinh là người chưa đạt vậy. — N.H. (dịch)

(1) Thơ Bạch cư Dị :

Thiếu phủ vô thế xuân tịch tịch

Tương liêu... đương phu-nhân

Nghĩa là : quan thiếu-phủ phòng không, mùa xuân vắng thành tịch-mịch. Nên phải lấy hoa làm phu-nhân.

HÀNG DỆT

NAM-HÒA

Sản xuất các hàng Tơ lụa

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Nhà máy

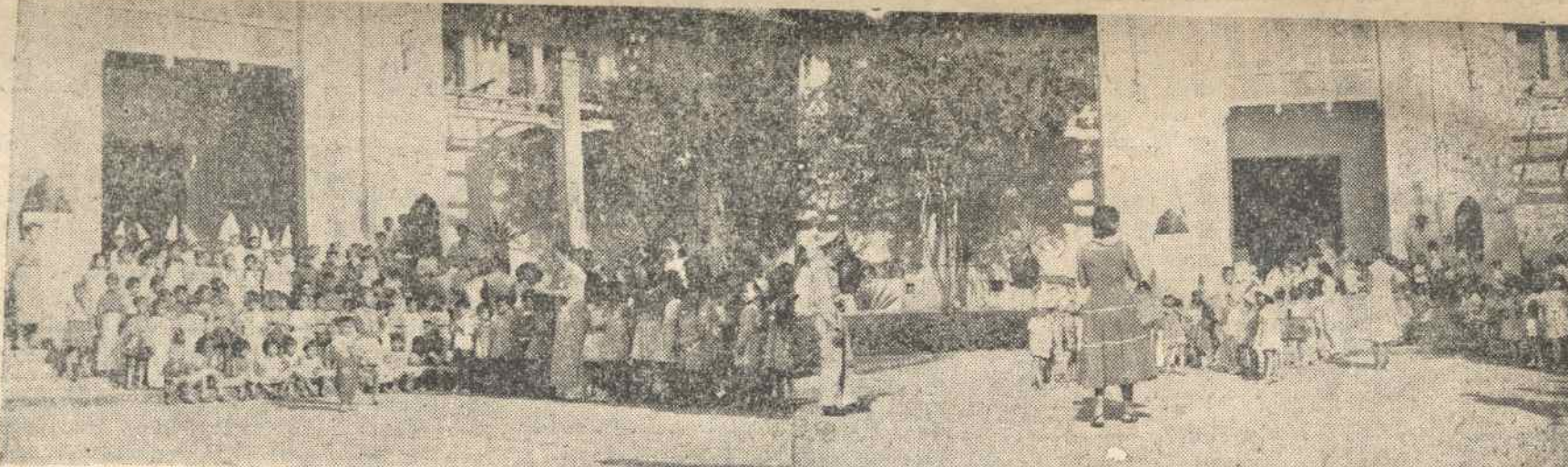
15/4D, Công-Trung,

Thị Nghè

Văn phòng

18, Thủ-khoa Huân, Saigon

Điện thoại : 23.025



**GRANDE ECOLE MATERNELLE
ET PRIMAIRE DE SAIGON
MICHELET**

60 đường Hiền Vương (Mayer cũ) Saigon

Các bà Giáo sư Pháp nổi tiếng, chuyên môn dạy trẻ con trong các Lycées đảm nhận dạy rút các em cho được vào các trường Marie Curie — Lamartine — St. Exupéry.



Do theo phương pháp hoạt động mới, để phát triển các khả năng của trẻ em một cách mau lẹ, khoẻ trí với những dụng cụ đầy đủ, với những buổi học ngoài trời, nơi vườn bách thảo.

KHAI GIẢNG : 13 FÉVRIER 1959

Tổ chức nội trú hoàn bị cho nam nữ học sinh—Có xe đưa rước. Chương trình Việt Ngữ. Có vườn trẻ. Lớp Mẫu Giáo và toàn ban Tiểu học đến Đệ lục. Dạy trọn ngày. Giá học phí rất nhẹ. Học sinh miền Bắc được riêng biệt các Giáo sư Bắc trông nom.

NGHỀ VIẾT THƯ TÌNH

(Tiếp theo trang 9)

Thế rồi một ngày kia, Xuân Trang bị bố bắt đang dở lại tập thư tình để đọc. Tra hỏi anh, biết rõ chuyện ông nổi giận, đánh cho mắng một trận rồi gửi lên tỉnh học. Ông lại cho gọi ông chánh Sầm lên mắng cho một trận và đe dọa sẽ bỏ tù nếu không biết dạy dỗ con. Ông Chánh Sầm vâng vâng dạ dạ rồi cũng về đánh cho Quế một trận thừa sống thiếu chết và không cho đi học nữa.

Từ sau khi việc vỡ lẽ, nhà trường vắng bóng Quế và Xuân Trang, tôi càng thấy mặc cảm tội lỗi lúc nào cũng đè nặng trong tâm trí. Nhớ lại về mặt môn môn vô tư của Xuân Trang trong những ngày chưa ăn phải cái bã thơ văn và nhất là giảng điếu chất phác ngây độn của Quế trong mấy năm cùng học, tôi tự thấy đã làm một việc vô-sĩ, trái lương tâm...

Tiếng Giốc kể chuyện chậm dần. Từng tiếng một, lời sấm hối của bạn tôi rơi vào trong đêm vắng, hòa tan vào sương trắng quanh quẩn của miền cao nguyên.

Bản thân giây lát, Giốc như tỉnh lại hỏi :

— Thế rồi chú có biết kết quả nó ra sao không? Tai hại lắm ! Quế bị cha đánh, một hôm bỏ nhà ra đi. Cho đến năm ông Chánh chết cũng không thấy anh ta về. Có người nói anh vào Nam này, lại có người nói anh đang lính không nghề sang Pháp hồi chiến tranh 1940 và chết bên đó. Còn Xuân Trang lên tỉnh học được ít lâu, trong một lúc nhớ lại mối tình đầu, tình thân và thể xác bị kích thích năng tư thông với anh tài xế trẻ của bố rồi chửa hoang và hóa điên. Trong thời kỳ năng hóa điên chính tôi cũng đang học tại trường trung học ở trên tỉnh. Được bạn hữu cho biết là trong cơn điên năng thường nhắc đến tên Quế và đọc lâu lâu những lời thơ tình tứ lãng mạn, tôi cúi đầu tự biết rằng đó là những câu thơ của tôi đã gọt ra rửa dề... lấy tiền và dề dùa. Tôi hối hận vô cùng. Sau này ông huyện phải mang dấu con gửi lên

nhà thương điên ở Bắc Giang rồi sau không rõ Xuân Trang ra sao.

★

Trăng về khuya đã ngự trên đỉnh trời trong vạt loáng thoáng có điểm vài đám mây bạc nhẹ như những làn bông mỏng. Tôi triển miên hồi tưởng lại hình ảnh của hai nhân vật trong câu chuyện mà Giốc vừa kể. Để phá tan bầu không khí lắng đọng sau câu chuyện, tôi hất hàm hỏi Giốc :

— Nhưng câu chuyện anh vừa kể đó không đủ chứng minh rằng văn chương nhất thiết là có hại. Lấy một trường hợp cá nhân và đặc biệt ra để phán đoán một cách tổng quát như thế, tôi e là *α α α dùa cổ lắm*. Nếu thật chính anh là người yêu của Xuân Trang thì đó là một chuyện tình đẹp để lắm chứ !

Giốc thở dài :

— Nếu thế thì còn nói làm quái gì ! Nhưng từ cô chỉ kim thử hỏi đã có bao lâu cái thứ văn chương thực sự phục vụ cho Tình Yêu, Tình Thương ? Xuy rộng ra, tôi thấy việc viết văn làm thơ để ca ngợi, tụng dương bất cứ một cái gì mà mình không có trực cảm ngay trong bản thân, trong tâm hồn, rút cục lại cũng chỉ như cái việc viết thư tình để thủ lợi của tôi mà thôi. Hồi kháng chiến, tôi được xem những văn thơ ca tụng lãnh tụ, ca tụng chế độ

mà tôi phát ngán. Những tập thơ vào loại "Hồ chí Minh, tình hoa dân tộc" hoặc những giòng chữ thiết tha độc đáo để ca ngợi lãnh tụ, ca ngợi chiến sĩ của Xuân Diệu, Tố Hữu chẳng qua cũng chỉ như những bức thư tình mà tôi viết hộ cho Quế, có khác chăng chỉ là ở cái mục độ và cách thức thủ lợi mà thôi. Tôi trước kia nặn óc uồn lười để cầu lấy địa vị và quyền lợi trong chế độ.

Tôi nhìn Giốc hỏi :

— Thế còn lý tưởng chân-thực ?

Anh cười lớn đáp :

— Ô ! lý tưởng chân-thực ! Cái đó nó có bao giờ đến với những thằng viết văn làm thơ một cách say sưa và chân chính. Nhà văn theo đuổi lý tưởng có khác nào tôi ca ngợi Xuân Trang, người mà chính mình thấy tâm thường nhưng khi đặt bút viết thì tưởng tượng ra là một Nàng Thơ lý tưởng. Viết ra văn chương mà chỉ nhằm mục đích làm thỏa mãn lý tưởng của mình trong chốc lát để đến nỗi đi hại cho người đời, để đến nỗi người được ca ngợi tưởng rằng họ đáng được ca ngợi thật, như thế đã là có tội. Huống hồ lại còn cái ý định mưu lợi dính vào đấy thì thật nhục nhã hơn việc tịm cặp.

★

Sáng sau, tôi từ biệt Giốc ra về. Và từ đó bỏ hẳn cả cái ý định rủ anh làm văn dề mưu sinh.

Dalat, ngày 26-10-58

NGUYỄN - HOẠT

CÔNG-TY VIỆT-NAM

KỸ-NGHỆ TƠ-SỢI

— V A —

HÀNG « NAM - Á »

KINH CHỨC TÂN XUÂN

169 - 171 Lê-Thánh-Tôn
SAIGON

189 Phan-văn-Trí
GIÁ-ĐÌNH

Cung chúc Tân Xuân

Phong thấp tê bại



PHONG THẤP
CỘT-THÔNG-LỘ
HIỆU ÔNG-GIA

VIÊN-ĐÔNG
ĐƯỢC PHÒNG

115 đường Phùng Hưng — Cholon
TỰ DO XUÂN KỶ HỘI 1959

Cung Chúc Tân Xuân

IMPORTERS



EXPORTERS

HÃNG XUẤT NHẬP CẢNG

DAINAN KOOSI

Số 7 - 9, đường Võ - di - Nguy, 7 - 9 SAIGON

Điện tín DAINANKOSI

Điện thoại số Saigon : 386 Tự động : 21.387

TOKYO, OSAKA NAGOYA

PHNOMPENH VIENTIANE

BANGKOK SURABAJA DJAKARTA

KINH CHỨC TÂN NIÊN

Quý Ngai được Thanh - Vượng và Hạnh - Phúc

— HÃNG —

TRƯƠNG

— Số 11, đường Pasteur —

Điện thoại : 20.432 — SAIGON



NHÀ UỐN TÓC MỸ - LẠC - CUNG

— 261 B HAI BÀ TRUNG — SAIGON —

Xin trân trọng cảm tạ tất cả Quý Bà Quý Cô đã tới uốn tóc và làm đầu tại hiệu chúng tôi.
Nhân dịp Đầu Xuân chúng tôi toàn thể chủ và thợ gửi lời kính chúc Quý Bà và Quý Cô một năm
đầy Hạnh Phúc và vui tươi.

Nhân dịp này tôi xin Quý Bà và Quý Cô cũng lưu ý cho chúng tôi mấy lời dưới đây : Tôi tên là YEN-
OU-TSOI Chủ phòng uốn tóc lấy hiệu "Mỹ Lạc Cung" luôn luôn vẫn ở chỗ cũ, và chỉ có một phòng uốn tóc
Mỹ Lạc Cung tại địa chỉ trên đây mà thôi, chớ không có mở chi nhánh nơi nào khác cả.

Và chúng tôi đang nhờ Trạng Sư Truy Tổ trước pháp đình kẻ đã ngoan cố lạm dụng bòn hiệu
Mỹ Lạc Cung.



Kính chúc — MỸ LẠC CUNG — Nhà uốn tóc danh tiếng SAIGON

CUNG CHÚC TÂN XUÂN



Một gói thuốc thơm thượng hảo hạng

MÙA THI SẮP TỚI

Muốn chắc chắn đạt được kết quả các bạn HỌC-SINH ĐỆ-TÚ
và ĐỆ-NHỊ nên tìm mua loại sách LUYỆN THI do :

GIÓ-VIỆT XUẤT BẢN

* LUYỆN THI T. H. Đ. N. C.

TOÁN HÌNH-HỌC PHẪNG đệ Tứ, in lần thứ III, bốn tập cuốn	25.000
TOÁN HÌNH-HỌC KHÔNG-GIAN I,	5.000
TOÁN ĐẠI-SỐ đệ Tứ Tập I in lần thứ III, bốn tập số	25.000
TOÁN ĐẠI-SỐ II	5.000
TÍNH VẬT-LÝ II,	8.000
TÍNH HÓA-HỌC II,	8.000
GIÚP TRÍ NHỚ HÌNH-HỌC T.H.Đ.N.C in lần thứ II, bốn tập số	15.000
ĐẠI-SỐ T.H.Đ.N.C. II,	15.000
LÝ-HÓA II,	15.000
VẬT-VẬT I,	10.000
VIỆT, THẾ-GIỚI SỬ I,	5.000
ĐỊA-LÝ I,	5.000
GIẢI ĐỀ THI HÌNH-HỌC T.H.Đ.N.C. in lần thứ III, bốn tập số	20.000
ĐẠI-SỐ III,	20.000
LÝ-HÓA II,	10.000
ANH-VĂN II,	12.000

* LUYỆN THI TỬ TÀI :

GIẢI ĐỀ THI HÌNH - HỌC TỬ TÀI in lần thứ I, bốn tập số	5.000
ĐẠI-SỐ I,	5.000
LÝ-HÓA I,	5.000
ANH-VĂN I,	5.000
GIÚP TRÍ NHỚ HÓA-HỌC đệ Nhị in lần thứ I, bốn tập số	10.000
ĐIỆN - HỌC đệ Nhị I,	10.000
QUANG-HỌC đệ Nhị I,	10.000
VIỆT - SỬ I,	5.000
THẾ-GIỚI SỬ I,	5.000
ĐỊA-LÝ I,	5.000
Tổng-cộng số sách đã bán (trong 2 niên-khoá)	283.000

ĐANG IN :

GIÚP TRÍ NHỚ HÌNH-HỌC, ĐẠI-SỐ, LƯỢNG-GIÁC đệ Nhị

283.000 cuốn đã được bán trong hai niên-khoá 56-57 và 57-58 đủ
chứng-minh sự tín-nhiệm của các bạn học-sinh và chứng tỏ sự lợi-ích thiết
thực các sách luyện thi đó.

Nhà Xuất Bản GIÓ-VIỆT

Chúc mừng năm mới

THE NISSHO C.LTD

NISSHO BUILDING

Capital Yen 2,288,000.000.90 (Paid UP) 30 Imabashi 3-Chome Higashi-Ku, Osaka

TOKYO BRANCH

8-Nichome Kyobashi Chuo-Ku, TOKYO

Văn phòng đại diện tại Việt-Nam Số 25-27, đường Nguyễn-Công-Trứ — Saigon Giây nói : 21.708

Chuyên môn Xuất nhập cảng : Máy móc, dụng cụ, Kim khí, Hàng vải tơ lụa, Tơ nhân-tạo, Hóa
phẩm, Thực-phẩm, Vật liệu Kiến-trúc.

Kính mời quý khách quá bộ đến Văn phòng bôn hàng coi kiểu hàng. Chúng tôi rất hoan nghinh.

THE NISSHO COMPANY, LTD

Đại diện tại Việt-Nam H. SAITO

Đầu năm không gì bằng mua đọc hay tặng nhau sách hữu ích của

XUẤT BẢN THĂNG LONG

59 — Phan thanh Giản — Đakao — Saigon

do VŨ MINH THIỀU chủ trương

với sự cộng tác của trên 30 giáo sư các trường Trung học : Quốc Học (Huế), Võ Tánh (Nha Trang), Marie Curie, Pétrus Ký, Chu văn An, Nguyễn Trãi, Quốc Gia sư phạm, Trưng Vương, Gia Long, Hồ ngọc Cẩn, Vương gia Cẩn, Nguyễn bá Tông, Đông Tây, (Saigon), Phan thanh Giản (Cần Thơ)...

Một nhà xuất bản có đầy đủ sách giáo khoa :

Về loại **LUẬN ĐỀ** :

- Luận đề về Nguyễn Du (tập I và II) của Nguyễn sỹ Tế — tái bản lần thứ 5
- Luận đề về Nguyễn công Trứ của Nguyễn duy Diễm — tái bản lần thứ 5
- Luận đề về Cao bá Quát của Nguyễn duy Diễm — tái bản lần thứ 5
- Luận đề về Nguyễn Khuyến của Nguyễn văn Mùi — tái bản lần thứ 2
- Luận đề về Hồ xuân Hương của Nguyễn duy Diễm — tái bản lần 4
- Luận đề về Tôn thọ Tường và Phan văn Trị của Nguyễn văn Mùi — tái bản lần thứ 3
- Luận đề về Chu mạnh Trinh của Nguyễn sỹ Tế — tái bản lần thứ 4
- Luận đề về Bà Huyện Thanh Quan của Nguyễn sỹ Tế — tái bản lần thứ 4
- Luận đề về Cao bá Nhạ và Tự tình khúc của Khai Minh và Nguyễn duy Diễm — tái bản lần thứ 3
- Luận đề về Cung oán ngâm khúc của Khai Minh—Duy Diễm—Tái bản lần thứ 3
- Luận đề về Chính phụ ngâm của Tạ văn Ru—Nguyễn sỹ Tế — tái bản lần thứ 3
- Luận đề về Thế kỷ thứ XIX, tập I của Nguyễn sỹ Tế — Tạ văn Ru — tái bản lần thứ 2
- Luận đề về Thế kỷ thứ XIX, tập II của Nguyễn văn Mùi — Nguyễn sỹ Tế — Tạ văn Ru — in lần thứ nhất
- Luận đề về các thi sĩ miền Nam của Chu đăng Sơn — Nguyễn đức Hiền — tái bản lần thứ 2
- Luận đề về Phan bội Châu — Phan chu Trinh của Chu đăng Sơn — tái bản lần thứ 2
- Luận đề về Nguyễn văn Vĩnh và nhóm Nam phong tập chí của Trần việt Sơn — tái bản lần thứ 2
- Luận đề về Phạm Quỳnh và nhóm Nam Phong tập chí của Chu đăng Sơn — Nguyễn đăng Long — tái bản lần thứ 2
- Luận đề về Trần tế Xương của Tạ văn Ru, Nguyễn sỹ Tế, tái bản lần thứ 2
- Luận đề về Tự lực văn đoàn tập I của Nguyễn duy Diễm, tái bản lần thứ 2
- Luận đề về Tự lực văn đoàn tập II của Tạ văn Ru—Nguyễn duy Diễm, tái bản lần thứ 2
- Luận đề về Tân Đà Nguyễn khắc Hiếu của Nguyễn văn Mùi—Nguyễn sỹ Tế, tái bản lần thứ 2
- Luận đề Luân lý và Công dân giáo dục tập I và tập II của Nguyễn văn Mùi, Đỗ thức Vĩnh—Chu đăng Sơn

Về loại **GIẢNG VĂN** và **LUẬN VĂN** :

- Luận quốc văn đề thất đệ lục của Nguyễn Duy—tái bản lần thứ 2
- Luận quốc văn lớp đệ tứ của Nguyễn văn Mùi—Chu đăng Sơn—Nguyễn sỹ Tế—tái bản lần thứ 2
- Luận văn đề nghị tập I và tập II của Nguyễn sỹ Tế, Nguyễn duy Diễm, Nguyễn văn Mùi, Tạ văn Ru, Đỗ thức Vĩnh.
- Việt văn giảng minh lớp đệ tứ của Nguyễn đức Hiền
- Giảng văn lớp đệ ngũ của Nguyễn Duy
- Pháp văn lớp đệ tứ của Vũ quý Mão, tái bản lần 2
- Pháp văn lớp đệ thất của Vũ quý Mão, Dương Kỳ, Vũ tam Thám
- Truyện cổ nước Nam tập I và tập II của Nguyễn văn Ngọc

Về loại **SỬ ĐỊA** :

- Việt sử lớp đệ nhị của Nguyễn văn Mùi, tái bản lần thứ 2
- Việt sử lớp đệ tứ của Nguyễn văn Mùi, tái bản lần thứ 5
- Thế giới sử lớp đệ tứ của Nguyễn văn Mùi, tái bản lần thứ 2
- Địa lý lớp đệ tứ của Nguyễn văn Mùi, tái bản lần thứ 5

Về loại **LÝ, HÓA, VẬT VẬT HỌC, TOÁN** :

- Quang học lớp đệ nhị của Bùi trọng Bạch, tái bản lần thứ 2
- Hóa học lớp đệ nhị của Bùi trọng Bạch, tái bản lần thứ 2
- Điện học lớp đệ nhị của Bùi trọng Bạch, tái bản lần thứ 2
- Vật lý Hóa học lớp đệ tứ của Bùi trọng Bạch, tái bản lần thứ 5
- Vật lý Hóa học lớp đệ tứ của Bùi trọng Bạch, tái bản lần thứ 4
- Vật lý Hóa học lớp đệ thất của Bùi trọng Bạch, tái bản lần thứ 2
- Hình học không gian lớp đệ nhị — Câu hỏi giáo khoa — của Bùi trọng Bạch
- Phụ lục tập Sách Xanh—Luyện thi Tú tài phần I — Phần Lý Hóa của Bùi trọng Bạch

Về loại **SÁCH LUYỆN THI** :

- Sách Hồng Bý A, B, C, D. Luyện thi Trung học đệ nhất cấp
- Sách Xanh Bý A, B, C, D. Luyện thi Tú tài phần I

SẼ RA TIẾP :

- TẬP SÁCH MÀU : Luận Pháp văn các lớp đệ tứ, đệ nhị — Bài dịch Pháp-Việt, Việt-Pháp các lớp đệ tứ, đệ nhị — Bài dịch Anh-Việt, Việt-Anh các lớp đệ tứ đệ nhị — Toán Hình học, Lượng giác, Đại số — Toán Lý Hóa.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Đón mừng Xuân

Bằng những bộ đồ

TERGAL-MOHAIR

thật là tuyệt phẩm

DO NHÀ MAY

PHAM HIEU

— 175C Lê văn Duyệt Saigon —

Đủ các loại DAGRON thông dụng.

Đủ các loại POPELINE Âu Mỹ

may CHEMISE.

Quý khách chiều cô.



Chủ

CƠ SỞ BÁO CHÍ VÀ XUẤT BẢN TỰ DO

Đã in :

- **BIỂU NHẤT LÂM VĂN HỌC CẬN ĐẠI** Biên khảo của THANH-LÃNG
- **MƯA ĐÊM CUỐI NĂM** Truyện ngắn của VÕ-PHIẾN

Sẽ lần lượt in :

- **Dì Mơ** truyện dài của ĐỖ-Thức-Vĩnh
- **Dòng sông định mệnh** truyện dài của ĐOÃN-Quốc-Sỹ
- **Một triệu đồng** truyện dài của Như-Phong
- **Quan điểm về mấy vấn đề văn hóa** tiểu luận của Phạm-Việt-Tuyền
- **Người xưa** (giải thưởng văn-chương 1957) của Trần-Đình-Khai
- **Hoàng Lê nhất thống chí** nguyên-tác của Ngô-Thời-Chí bản dịch của Ngô-Tát-Tố
- **Phương đình dư địa chí** nguyên tác của Nguyễn-Siêu bản dịch của cụ Ngô-Mạnh-Nghinh
- **Một người đàn ông một người đàn bà** truyện dài của Nguyễn-Hoạt
- **Tôi tự học** biên khảo của Nguyễn-Duy-Cần
- **Saigon xưa và nay** biên khảo của Vương-Hồng-Sển
- **L'apport Français dans la littérature Vietnamiennne** (luận-án tiến-sĩ văn-chương đệ trình tại trường Đại-học Fribourg) của Thanh-Lãng
- **Kim tiền** kịch của Vi-Huyền-Đắc

Các tác phẩm của nhà văn quá cố HOÀNG-ĐẠO
và nhiều nhà văn nghệ, khảo cứu hữu danh khác

SÁCH HAY, IN ĐẸP, GIÁ RẺ

phẩm, Thực-
Kính mư

—TRANG 50—

CỦA TỰ DO 25 — 27 — 29 VÕ TÁNH SAIGON
• ký Tòa soạn: NHƯ-PHONG Quản lý: KIỀU-VĂN-LÂN
653 — Điện thoại: 25.521

GIÁ 36\$

PHỤ BẢN KÈM THEO